



Jules Verne

CUỘC PHIÊU LƯU
KỶ LẠ
CỦA ĐOÀN
BARSAC

L'Étonnante Aventure de la Mission Barsac



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



❧ Jules Verne ❧

CUỘC PHIÊU LƯU
KỶ LẠ
CỦA ĐOÀN
BARSAC

L'Étonnante Aventure de la Mission Barsac



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

❧ Jules Verne ❧

CUỘC PHIÊU LƯU
KỲ LẠ
CỦA ĐOÀN
BARSAC

L'Étonnante Aventure de la Mission Barsac



Nguyễn Thượng Khôi dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

PHẦN THỨ NHẤT

I

Vụ Án Ngân Hàng Trung Ương

Không có mấy trọng tội khêu gợi được lòng tò mò của dân chúng như cuộc tấn công ăn cướp táo bạo, nổi tiếng dưới cái tên “Vụ cướp Ngân hàng Trung ương”.

Vụ án đã xảy ra ở chi nhánh DK thuộc Ngân hàng Trung ương, cạnh thị trường chứng khoán Luân Đôn, mà bấy giờ ông Lewis Robert Buxton đang phụ trách.

Chi nhánh đặt trong một sảnh lớn, được ngăn ra thành những phần không bằng nhau bởi chiếc bàn gỗ sồi dài. Bên trái cửa vào, sau chấn song sắt là nơi nhận phát tiền, ăn thông với gian làm việc của nhân viên bằng một cửa lớn ngay ngoài chấn song. Bên phải, cuối chiếc bàn gỗ sồi là cánh cửa tự khép, cho phép đi từ khu khách đợi vào gian làm việc của các nhân viên. Sâu bên trong nữa là văn phòng của giám đốc chi nhánh. Một hành lang chạy suốt từ gian của các nhân viên ra tiền sảnh của ngôi nhà...

Một bên, tiền sảnh đi ngang qua trước mặt người gác cửa. Bên kia, ở chỗ cầu thang chính, nó tiếp giáp với cửa ra vào có hai cánh bằng kính, chấn lối xuống tầng hầm và lên cầu thang phụ.

Khung cảnh nơi xảy ra tấn thảm kịch bí ẩn đó là thế.

Vào lúc 5 giờ kém 20 phút, khi tấn thảm kịch bắt đầu, năm nhân viên đang làm những việc thường ngày. Viên thủ quỹ ngồi đếm tiền sau song sắt. Tổng số tiền mặt thu được trong ngày hôm ấy rất lớn: 72.079 bảng, 2 silinh và 4 penxơ. Hai mươi phút nữa chi nhánh sẽ đóng cửa và các nhân viên có thể ra về sau một ngày lao động.

Lúc ấy cửa mở và một người bước vào. Hắn đưa mắt liếc nhanh văn phòng, xoay nửa người lại và giơ tay phải lên, chắc là để ra hiệu cho đồng bọn đang đứng trên vỉa hè. Ngón tay cái, ngón tay trỏ và ngón tay giữa của hắn diễn tả rõ ràng con số 3.

Sau khi ra hiệu, hắn đóng cửa lại rồi bước vào giữa văn phòng và xếp hàng sau một người khách, tỏ ý chờ người nọ làm xong việc và ra về.

Một trong hai nhân viên rồi việc đứng lên hỏi:

— Ngài cần gì, thưa ngài?

— Cám ơn ông – gã mới vào trả lời, – tôi đợi cũng được.

Anh nhân viên ngồi xuống, tiếp tục công việc của mình. Gã đàn ông chờ đợi và không ai chú ý đến hắn cả.

Tuy nhiên, bề ngoài của hắn rất lạ. Đó là một người cao to, khỏe mạnh. Căn cứ vào chiều rộng của đôi vai thì biết hắn có sức mạnh phi thường. Bộ râu màu vàng tuyệt mỹ viền quanh khuôn mặt ngăm ngăm đen, không thể đoán ra địa vị xã hội của hắn vì chiếc áo khoác dài đã che lấp hết quần áo.

Khi một khách hàng xong việc, gã mặc áo khoác dài đứng vào chỗ của ông ta và bắt đầu nói chuyện với nhân viên. Lúc ấy ông khách kia đã mở cửa bước ra khỏi chi nhánh. Cánh cửa khép lại từ từ, để cho nhân vật thứ hai, lạ kỳ như tên thứ nhất, bước vào. Hắn giống hệt tên thứ nhất: cũng cao to như thế, cũng có đôi vai rộng bấy nhiêu, cũng bộ râu vàng bao quanh khuôn mặt rậm rắng, cũng chiếc áo dài phủ kín quần áo. Nhân vật thứ hai hành động y như kẻ giống gã. Hắn kiên nhẫn đứng đợi sau hai người khách hàng còn đứng bên bàn viết. Rồi sau khi đến lượt, hắn bắt chuyện với nhân viên rồi việc, lúc đó người khách hàng kia đã bước ra phố.

Như lần trước cánh cửa lại mở ra ngay. Người thứ ba bước vào, đứng xếp hàng sau ba người khách đầu, hắn cao trung bình, vai rộng và vạm vỡ, mặt đỏ và bộ râu đen. Hắn vừa khác lại vừa giống hai tên vào trước.

Cuối cùng, khi người khách sau cùng trong số ba vị khách còn lưu lại trong chi nhánh xong việc và rời chỗ thì cửa mở ra cho hai người cùng vào. Họ vận áo măng tô dài. Bộ râu rậm điểm tô cho khuôn mặt đỏ của họ.

Họ tiến vào cũng không bình thường: người cao hơn đi trước và vừa mới bước qua khỏi cửa, hắn đã dừng lại để che cho đồng bọn của hắn. Tên kia giả vờ bị vướng vào quả nắm ở cửa rồi làm gì đó rất bí ẩn, việc xảy ra chỉ trong khoảnh khắc và cửa đóng lại ngay, nhưng nắm cửa phía bên ngoài đã biến mất. Như vậy, không một ai ngoài phố có thể vào văn phòng được nữa. Ngoài ra, trên cửa còn xuất hiện một bản thông báo: Chi nhánh đã đóng cửa.

Các nhân viên không hề hay biết rằng họ đã bị tách khỏi thế giới bên ngoài.

Hai nhân viên rồi việc bước vội về phía những người mới đến. Người sau bắt chuyện. Trong khi đó, người khách cao hơn muốn được trao đổi với ông giám đốc chi nhánh vài việc.

— Để tôi xem ông ấy có ở đây không đã, – một nhân viên nói.

Anh ta biến đi trong giây lát rồi trở lại ngay.

— Xin mời ngài vào đi! – anh nhân viên đề nghị và mở cánh cửa tự khép ở chỗ cuối chiếc bàn.

Người mặc áo măng tô bước vào phòng làm việc của ông giám đốc. Lúc đó anh nhân viên đóng cửa lại và trở về chỗ làm việc của mình.

Chuyện gì đã xảy ra giữa ông giám đốc và người khách hàng của ông ta? Về sau các nhân viên của chi nhánh quả quyết rằng họ không hay biết gì về màn kịch diễn ra bên trong cánh cửa đã đóng kín đó.

Chỉ có một điều chắc chắn là chưa đầy hai phút sau, cánh cửa lại mở ra và người mặc áo măng tô hiện ra nơi ngưỡng cửa. Hắn nói bằng giọng hoàn toàn bình tĩnh:

— Mời... Ngài giám đốc muốn nói chuyện với thủ quỹ.

— Vâng, thưa ông – một nhân viên rồi việc đáp. Anh ta quay lại gọi to: – Store, giám đốc gọi anh.

— Tôi đi ngay đây – viên thủ quỹ trả lời.

Với tính cẩn thận vốn có của những người làm nghề thủ quỹ, ông ta bỏ chiếc cặp và ba cái bị đựng toàn bộ số tiền giấy và xu vào tủ sắt chống cháy, đóng tủ và sập cửa sổ xuống. Ông ta bước ra ngoài cửa chán song, cẩn thận đóng nó lại rồi bước về phòng thủ trưởng. Người khách đang đứng đợi ông tránh ra một bên và vào theo.

Khi đã vào bên trong phòng làm việc của giám đốc, Store bối rối vì căn phòng trống không. Nhưng ông không có đủ thời gian để lý giải: hai bàn tay rắn như thép đã thộp lấy cổ họng của ông. Ông định vùng vẫy, la hét song vô ích vì đôi bàn tay sắt nhân cứ siết chặt mãi cho tới khi ông ngã vật xuống tấm thảm, bất tỉnh nhân sự.

Không một tiếng động nào phát ra từ hành động tấn công dữ tợn này. Ở gian lớn, các nhân viên vẫn thân nhiên tiếp tục công việc: Bốn nhân viên đang tiếp mấy người khách đứng bên kia bàn, còn nhân viên thứ năm lo tính toán.

Tên mặc áo măng tô lau mồ hôi trán rồi cúi xuống người nạn nhân. Hắn nhanh nhẹn trói và bịt miệng ông ta lại.

Xong việc, hắn hé cửa và liếc mắt vào gian lớn. Hải lòng với điều mới kiểm tra, hắn bật ho như thể báo cho bốn gã khách đến sau phải chú ý rồi đẩy cửa ra.

Đó chắc chắn là tín hiệu đã được quy ước trước cho một màn kịch hết sức quái gở. Tên mặc áo măng tô nhảy một bước dài vào gian lớn, hùng hổ bỏ nhào xuống anh nhân viên tính toán đơn độc và bóp cổ anh ta không thương xót. Gã khách đứng ở cuối bàn vọt qua cánh cửa nhỏ và quật ngã anh nhân viên đứng trước mặt hắn. Hai trong số ba khách hàng khác thì vươn tay qua bàn nắm cổ những người tiếp chuyện với mình và động đầu họ xuống mặt bàn gỗ sồi rất dễ man. Tên thấp người còn lại thì nhảy lên bàn chộp cổ đối thủ.

Không một tiếng kêu. Sự việc xảy ra không quá ba mươi giây.

Việc hành hung chấm dứt. Các nạn nhân ngất xỉu. Kế hoạch tấn công được vạch ra rất tỉ mỉ. Bọn cướp rút ngay đồ nghề trong túi ra. Chúng nhét bông vào miệng các nhân viên ngân hàng và bịt lại, dù rằng việc này rất nguy hiểm cho tính mạng của họ. Chúng trói tay họ ra sau lưng, cột chặt chân và quấn dây thép quanh thân thể họ.

Mọi việc làm xong trong nháy mắt. Năm tên cùng đứng lên.

— Rèm che! – Gã đã yêu cầu gặp ông giám đốc ra lệnh. Có lẽ, hắn là tên chỉ huy.

Ba tên cướp lao ngay đến chỗ tay quay cửa kính.

Tám bịt cửa bắt đầu buông xuống và từ từ làm dịu đi tiếng ồn ào từ ngoài phố vọng vào.

Bọn cướp bắt đầu lục soát kết sắt. Các giấy tờ quan trọng, cổ phiếu và công trái bị vứt bừa bãi khắp sàn nhà. Giấy bạc và vàng được chia thành năm phần – theo số lượng bọn cướp.

— Gượm đã! – tên cầm đầu lên tiếng – Bọn ta thỏa thuận với nhau mấy việc. Khi tao ra, chúng mày phải ở lại đây. Sau đó, – hắn nói tiếp và chỉ vào cái hành lang thông sâu vào gian phòng. – chúng mày ra bằng đường này. Thằng nào ra cuối cùng sẽ vặn khóa cửa hai vòng rồi quăng chìa khóa xuống cống. – Hắn chỉ vào phòng làm việc của viên giám đốc: – Chúng mày không được quên thằng cù lân đó. Chúng mày nhớ lệnh của tao chưa?

— Nhớ, nhớ ạ! – bọn kia trả lời hắn. – Đại ca cứ yên tâm!

— Chúng mày cứ quăng áo khoác vào xô nhà. Thầy kệ cho bọn chó tìm thấy mấy cái áo này. Điều quan trọng là chúng nó sẽ không còn nhìn thấy áo khoác trên người bọn ta nữa. Bọn ta sẽ gặp nhau ở chỗ mà chúng mày đã biết... Thôi tẩu đi!

5 giờ 30, ông Lasone, kiểm soát viên của ngân hàng, gọi điện đến chi nhánh DK nhưng không có ai trả lời ông, vì bọn cướp đã giết đứt ống nói mất rồi. Chúng sợ chuông điện thoại réo dài làm cho những người ở gần đấy chú ý. Ông kiểm soát viên hài lòng vì có dịp quở trách cô điện thoại viên.

Nhưng thời gian cứ trôi nên ông lại thử gọi một lần nữa. Vẫn vô tích sự như lần trước. Trạm điện thoại quả quyết rằng chi nhánh không trả lời. Ông kiểm soát viên phái cậu loong toong của ngân hàng đến xem tại sao chi nhánh không trả lời. 6 giờ 30, cậu loong toong trở về báo rằng chi nhánh đã đóng cửa và không có ai ở bên trong.

Ông kiểm soát viên ngạc nhiên vì hôm đó là một trong những ngày cuối tháng, mà đôi khi nhân viên phải làm việc đến tận 9 giờ tối.

Tức thì, ông gọi điện đi khắp nơi. Gần 8 giờ, với sự giúp đỡ của một anh thợ nguội được mời đến, đội cảnh sát đặc biệt mới mở được cửa của chi nhánh DK.

Bạn đọc đã biết người ta tìm thấy những gì trong đó.

Công tác điều tra được tiến hành ngay. Rất may, không một nhân viên nào của chi nhánh thiệt mạng. Họ nằm bất tỉnh khi mọi người đến cứu.

Sau hồi lâu chăm sóc, người ta đã làm cho họ tỉnh lại. Song họ chỉ có thể cung cấp được những tin tức hết sức nghèo nàn: Năm người có râu, mặc áo khoác dài và măng tô đã tấn công và quật ngã họ. Họ không biết gì hơn.

Chẳng thể nghi ngờ về lòng thành khẩn của họ. Trong góc phòng còn có năm chiếc áo khoác như thể bọn tội phạm muốn để lại vết tích của chúng. Hơn nữa, mấy chiếc áo được các thám tử giỏi nhất sở cảnh sát thủ đô xem xét kỹ lưỡng nhưng không cung cấp cho cuộc điều tra một manh mối nào. Áo may bằng loại vải thông thường. Không có nhãn hiệu của thợ may hay cửa hàng.

Viên dự thẩm không biết gì hơn. Ông ta hoài công tra hỏi mấy nhân chứng. Không thể moi được gì từ họ.

Nhân chứng quan trọng cuối cùng là người gác cửa. Cửa ra vào chi nhánh bị khóa lại ở bên trong, vì vậy bọn tội phạm đã thoát ra qua tiền sảnh và người gác cửa nhất định phải trông thấy bọn chúng. Nhưng hôm ấy, ông ta không nhận thấy điều gì khả nghi cả.

Sau một hồi vắt óc, ông ta mới nêu ra được tên của bốn người thuê nhà đã đi qua tiền sảnh mấy phút trước hoặc sau khi xảy ra vụ án. Họ bị hỏi cung ngay. Thì ra họ là những người rất mực trung thực và ra ngoài để ăn chiều.

Ông gác cửa còn nói về một người bán than. Anh ta mang một cái bao tải to, đến vào khoảng 7 giờ 30, trước khi cảnh sát xuất hiện một lúc. Ông gác cửa chú ý đến anh ta chỉ vì thường thường người ta không mang than đến vào giờ đó. Anh ta khấn khoản xin gặp người thuê nhà ở tầng năm đến mức ông gác cửa phải để cho anh vào và chỉ cầu thang phụ cho đi.

Người bán than đi lên, nhưng 15 phút sau đã trở xuống, mang theo cái bao tải của mình. Khi ông gác cửa hỏi thì anh ta nói là bị nhầm địa chỉ. Anh ta nói bằng cái giọng ngắt quãng của người mang vác nặng lên tầng năm. Ra đến ngoài đường, anh ta đặt cái bao tải lên xe ba gác và thong thả kéo đi.

— Thế ông có biết – viên dự thẩm hỏi – người bán than ấy của cửa hàng nào không?

Ông gác cửa không biết.

Viên dự thẩm đã hỏi cung người thuê nhà ở tầng năm. Anh chàng bán than quả có gọi cửa phụ lúc gần 7 giờ 30. Cô hầu nói anh ta bị nhầm và anh ta bỏ đi luôn mà không hề nài nỉ đòi mở cửa. Song chứng cứ về điểm này không khớp với nhau vì cô hầu ở tầng năm tuyên bố rằng anh ta không mang theo cái bao nào cả.

— Anh ta đã để cái bao dưới nhà khi leo lên tầng năm – viên dự thẩm lý giải.

Rồi sau té ra rằng lời giải thích ấy không đúng vì người ta đã tìm thấy than dưới tầng hầm. Rõ ràng người bán than bí ẩn đã dốc sạch cái bao mang than ra đó. Nhưng anh ta đã mang đi cái gì, vì theo lời khai của ông gác cửa thì lúc bỏ đi, cái bao vẫn to, nặng như lúc anh ta đến?

— Chúng ta tạm thời gác việc này lại, – viên dự thẩm kết luận, ông không muốn giải quyết vấn đề vượt quá sức mình. – Nội vụ sẽ được làm sáng tỏ vào ngày mai, – ông đang lần theo dấu vết mà ông cho là quan trọng nhất và không muốn mình bị chệch hướng.

Quả thật, tất cả nhân viên của chi nhánh đều có mặt đông đủ. Nhưng nhân vật quan trọng nhất, ông giám đốc Lewis Robert Buxton lại biến đâu mất. Các nhân viên không thể giải thích được việc này. Kết luận tự nó đã hình thành: nếu như đã tin rằng chi nhánh bị năm tên cướp thay hình đổi dạng tấn công thì cũng phải tin rằng bọn chúng có tay trong và kẻ đồng lõa ấy chính là viên giám đốc.

Đó là lý do tại sao chưa điều tra xong mọi chi tiết mà đã có lệnh bắt giữ Lewis Robert Buxton, giám đốc chi nhánh DK thuộc Ngân hàng Trung ương. Đặc điểm nhân dạng của ông ta đã được thông báo đi khắp nơi.

Kẻ bị truy nã chưa thể rời khỏi nước Anh. Chắc chắn hắn sẽ bị bắt ngay trong nước hoặc ở bến cảng. Tự an ủi lòng mình bằng viễn cảnh êm ái đó, viên dự thẩm và các thám tử về nghỉ.

Đêm ấy, có năm người râm nắng, số còn đề râu, số đã cạo, từ tàu tốc hành Luân Đôn bước xuống ga Southampton. Sau khi đã bốc dỡ mấy bao hàng và một thùng to, nặng, họ thuê một cỗ xe ngựa chở tất cả ra cảng. Ở đó có một chiếc tàu thủy đang nhả khói dày đặc chờ họ bên bờ.

4 giờ sáng, triều lên. Khi cả thành phố Southampton còn đang yên giấc và chưa hề hay biết tí gì về vụ cướp ở chi nhánh DK thì con tàu đã rời cảng, chạy ngang qua đập chắn sóng ra khơi. Nó chở đầy các loại hàng hóa vô hại đến cảng Cotonou ở Dahomey.

Vào giờ sớm sửa đó, sau khi đã tạm hoãn cuộc điều tra, cảnh sát đang tận hưởng những giây phút nghỉ ngơi chính đáng.

Buổi sáng, cuộc điều tra được tiếp tục, song như mọi người đã biết, nó không mang lại kết quả nào. Ngày lại ngày cứ trôi qua mà năm tên cướp vẫn biệt vô âm tín. Không tìm ra cả Lewis Robert Buxton. Không một tia sáng nào có thể rọi vào bóng đen huyền bí. Kiệt sức, người ta chấm dứt vụ án.

Câu chuyện tiếp theo sẽ phơi bày toàn bộ điều bí ẩn đó. Bạn đọc có quyền hỏi rằng nó có thể vẽ nên những điều bất ngờ và kỳ lạ hơn chăng?

II

Đoàn Thị Sát

Conakry, thủ đô của xứ Guinée thuộc Pháp, là một thành phố rất đáng yêu. Đó là khu dân cư lớn nhất trên bờ biển. Ở đây có nhiều người da trắng, nhất là người Pháp và người Anh.

Nhưng vào lúc xảy ra các sự kiện làm nên cốt chuyện này, nơi ấy chưa đạt tới mức hưng thịnh và chỉ là một khu cư ngụ lớn mà thôi.

27 tháng Mười một là ngày hội ở Conakry. Theo lời mời của viên toàn quyền Henrry Valdonne, dân chúng đã tụ tập trên bờ biển, chuẩn bị chào đón nồng nhiệt các vị khách tiếng tăm sẽ vào bờ từ chiếc tàu *Touat*.

Các nhân vật có thể lực làm xôn xao cả thành phố Conakry là thành viên của đoàn thị sát được chính quyền trung ương cử đi nghiên cứu vùng Soudan, còn gọi là “Thòng lọng Niger”.

Mấy tháng trước, khi thảo luận về các vấn đề thuộc địa, Viện dân biểu đã chia thành hai phe bằng nhau về mặt số lượng, do hai đối thủ không khoan nhượng cầm đầu.

Một người tên là Barsac, một người tên là Baudrières. Barsac đầy đà, bụng hơi phệ, có bộ râu dài đen mịn. Ông là người miền Nam, xứ Provence, vui tính, khả ái và có giọng nói oang oang. Ông được trời phú cho nếu như không phải là tài hùng biện thì ít ra cũng là thói dài dòng văn tự. Baudrières là đại biểu của một tỉnh ở miền Bắc, gầy gò, vụng về, có khuôn mặt khô khan và bộ râu mép thưa thớt điểm tô cho đôi môi mỏng. Ông kín đáo và trông có vẻ buồn.

Từ lâu cả hai vị dân biểu này đã hiến thân cho các vấn đề thuộc địa và cả hai đều rất có uy tín. Nhưng các lập luận kiên tâm của họ rất ít khi đưa đến những kết luận giống nhau. Nếu Barsac trình bày quan điểm của mình về một vấn đề nào đó thì Baudrières sẽ nói ngược lại là cái chắc.

Lần này Barsac và Baudrières không nhân nhượng nhau một ly và cuộc tranh luận của họ kéo dài không thôi. Cuộc tranh cãi bắt đầu khi Barsac đưa ra dự luật về việc cần tổ chức năm khu dân biểu cho Sénégal, Thượng Guinée và phần Soudan thuộc Pháp nằm ở phía Tây sông Niger và về việc trao cho người da đen quyền bầu cử và ứng cử. Như mọi lần, Baudrières lập tức hăng hái chống lại đề nghị của Barsac và hai vị dân biểu đối lập đã dẫn ra cả lô những bằng chứng để chống lại nhau.

Dựa vào chứng cứ của các nhà thám hiểm quân sự và dân sự, Barsac tuyên bố rằng người da đen đã đạt tới một trình độ văn minh khá cao. Ông còn nói thêm rằng xóa bỏ chế độ nô lệ hẳn còn quá ít mà còn phải trao cho các dân tộc bị nô lệ các quyền như của những người đi chinh phục và giữa tiếng vỗ tay âm ỉ của một nhóm dân biểu, ông đã nói những từ cao đẹp: “Tự do, bình đẳng và bác ái”.

Ngược lại, Baudrières bảo rằng dân da đen vẫn còn rất man rợ nên không thể trao quyền bầu cử cho họ được. Ông nói thêm: vô luận thế nào đi nữa cũng không thể tiến hành cuộc thí nghiệm nguy hiểm đó và nên tăng cường số quân chiếm đóng vì có dấu hiệu bất an, phải đề phòng phiến loạn ở các vùng ấy. Cũng như đối thủ, ông đã viện dẫn ý kiến của các nhà thám hiểm. Trong phần kết luận, ông yêu cầu phải có đội quân viễn chinh mới và với nhiệt tình yêu nước, ông tuyên bố rằng những phần đất chiếm được bằng xương máu của người Pháp là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Nhóm dân biểu khác lại vỗ tay phản đối ông.

Bộ trưởng thuộc địa không biết phải đứng về phía diễn giả nhiệt thành nào. Tin tức về làn sóng công phần và các vụ cướp bóc ở vùng Thòng lọng Niger và Sénégal làm ông lo ngại. Không hiểu sao dân cư bỏ đi cả làng, đã xuất hiện những lời đồn đại khó hiểu về một quốc gia độc lập nào đó đang bắt đầu hình thành tại một vùng xa lạ ở châu Phi.

Cuộc tranh cãi đang tiếp tục thì có một dân biểu vì quá mệt mỏi đã kêu to lên giữa cánh ồn ào:

— Nếu họ không thể thống nhất ý kiến với nhau được thì mặc cho họ tự đi xem xét lấy!

Lời đề nghị có kết quả. Người ta chấp thuận ngay và đề nghị Bộ thuộc địa tổ chức một đoàn đi nghiên

cứu vùng Thông lọng Niger. Căn cứ vào báo cáo của đoàn này, Viện dân biểu sẽ ra quyết định dứt khoát.

Việc bầu trưởng đoàn thị sát lại càng khó khăn hơn và cả hai lần bầu, Barsac và Baudrières đều có số phiếu ngang nhau. Phải chấm dứt cuộc bầu báng này thôi.

— Thây kệ, chúng ta cử cả hai! – Một dân biểu hay giễu cợt hét to.

Cả Viện dân biểu nhiệt liệt ủng hộ ý kiến này. Chắc Viện đã coi đây như là dịp để Viện khỏi phải nghe tranh luận về thuộc địa trong vài tháng. Barsac và Baudrières cùng được đắc cử và phải nhờ đến tuổi tác mới quyết định được ai trong số hai người đó sẽ cầm đầu đoàn thị sát. Ưu thế thuộc về Barsac. Ông lớn tuổi hơn Baudrières ba ngày. Baudrières rất bức mình nhưng phải cam chịu với vai trò trợ lý.

Chính phủ đưa thêm vào danh sách đoàn một số người nữa, tuy không nổi bằng nhưng có lẽ hữu ích hơn. Khi đến Conakry, đoàn đã có bảy thành viên, kể cả Barsac và Baudrières.

Bác sĩ Châtonnay, nhà y học trứ danh, nổi bật lên trong số người nọ. Ông cao hơn 1,7m. Mái tóc xoắn bạc tô điểm cho diện mạo vui tươi, dù ông mới năm mươi tuổi nhưng bộ ria mép rậm của ông đã trắng như tuyết. Bác sĩ Châtonnay là người tuyệt diệu, nhạy cảm, vui vẻ và cười nói ồn ào với bất kỳ nguyên cớ nào.

Còn có Isidore Tassin, phóng viên Hội địa lý, một con người nhỏ thó, khô khan, quyết đoán và say mê nghiên cứu địa lý.

Ba người còn lại của đoàn là Poncin, Quirieu và Heyrieux, quan chức của các bộ. Họ là những người hết sức bình thường.

Ngoài số thành viên chính thức đó ra, tham gia đoàn còn có người thứ tám, tóc vàng, trông có vẻ nhiệt tình và cương quyết, tên là Amédée Florence, phóng viên của báo *Expansion française*.

Đó là những người đã bước lên bờ từ chiếc tàu *Touat* vào ngày 27 tháng Mười một.

Tại bến cảng, ông toàn quyền Valdonne cùng với thị trưởng thành phố Conakry đã long trọng chào mừng các vị khách. Ông toàn quyền phát biểu ngắn gọn nhưng rất đạt. Barsac đáp từ. Sau đó họ cùng về phủ toàn quyền. Ở đây, trong ba ngày, các thành viên của đoàn sẽ phải thảo cho xong lộ trình chi tiết.

Khu vực nằm trong dự luật của Barsac rộng hơn một triệu rưỡi km vuông, gần gấp ba lần diện tích nước Pháp. Trên đường đi, đoàn sẽ chia nhỏ để mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Sau khi ra khỏi Conakry, trước tiên đoàn sẽ đến Kankan, băng qua Ouossou, Timbo – trung tâm quan trọng của Fouta-Djalou Nam và Kouroussa – một trạm phát điện ở Niger, gần nguồn của con sông ấy.

Từ Kankan, họ sẽ băng qua Forabokourou, Tiola, Ouassoulou và KénéDougou để đến Sikasso – thành phố chính của xứ có cùng tên.

Ở Sikasso, cách biển một nghìn một trăm km, đoàn sẽ chia làm hai. Một nhóm do Baudrières dẫn đầu sẽ đi về hướng Nam, đến Congo và tới thủ đô Congo sau khi đã vượt qua Sitardougou, Niambouambo và các khu dân cư lớn nhỏ khác. Từ Congo họ sẽ tới Baoulé để cuối cùng, đến được bờ biển Ngà tại Gran – Batxan.

Nhóm kia sẽ cùng với Barsac tiếp tục đi về hướng đông, qua Ouagadougou đến Niger, tại Saye, sau đó họ đi dọc sông, cắt ngang Mossi và cuối cùng xuyên qua Gourma và Borgou kết thúc chuyến đi ở Cotonou trên bờ Dahomey.

Tính thêm những chặng đường vòng và số thời gian bắt buộc phải đi chậm thì thấy trước chuyến đi của nhóm một sẽ kéo dài không dưới tám tháng và chuyến đi của nhóm hai phải mất từ mười đến mười hai tháng. Cùng khởi hành từ Conakry vào ngày 1 tháng Mười hai, Baudrières sẽ không thể đến Gran – Batxan trước ngày 1 tháng Mười năm sau được.

Như vậy, chuyến đi sẽ dài ngày.

Ngày 30 tháng Mười một, trước khi lên đường, Barsac bị mệt vì đã dạo chơi dưới trời nắng gắt ở Conakry. Ông trở về phòng của mình. Khi ông đang ngồi quạt khoan khoái thì cậu cần vụ vào báo rằng có hai người xin gặp.

— Ai thế? – Barsac hỏi.

Cậu cần vụ làm cử chỉ tỏ ý không biết.

— Cho họ vào – Barsac nói.

Đồng hồ chỉ sáu giờ. Nếu để ý đến sự khác nhau về kinh độ, thì đó chính là thời điểm bắt đầu cuộc tấn công ăn cướp ở chi nhánh DK thuộc Ngân hàng Trung ương mà đã được miêu tả trong chương thứ nhất.

Khách là một người đàn ông trạc tuổi bốn mươi, đi cùng với một cô gái chừng hai mươi – hai mươi lăm tuổi. Họ được đưa vào căn phòng, nơi Barsac đang tỉnh dưỡng.

Người đàn ông rất cao. Đôi chân dài thường của ông đỡ lấy tám thân ngắn, kết thúc ở chỗ có cái cổ cao giờ xương làm trụ cho cái đầu vươn thẳng. Ông ta có cặp mắt lạnh lợi, cái mũi to và đôi môi dày, không hiểu thứ dao gì đã diệt sạch râu ria trên đôi môi ấy. Hai mái tóc và vành tóc quăn màu hung đỏ viền quanh phần dưới của chiếc sọ hói bóng. Bức chân dung này miễn cho chúng ta phải nói rằng ông ta không đẹp, nhưng cái mã xấu xí của ông ta thật dễ thương: những chiếc răng to lộ rõ tám chân tình và trong đôi mắt thì ánh lên lòng nhân từ nhí nhảnh.

Theo sau ông ta là một cô gái có dáng người thanh cao, thắt đáy lưng ong, khuôn miệng xinh tươi, cái mũi dọc dừa, đôi mắt to và mái tóc đen mượt. Nàng là mỹ nhân tuyệt thế.

Barsac mời khách ngồi. Người đàn ông cất tiếng nói:

— Xin ngài dân biểu hãy thứ lỗi cho chúng tôi vì đã làm phiền ngài và cho phép chúng tôi được tự giới thiệu. Tôi tên là Agénor de Saint-Bérain, chủ nhà, độc thân và là công dân của thành phố Renno. – Sau khi kể xong địa vị xã hội của mình, Agénor de Saint-Bérain thoáng ngừng rồi tiếp tục giới thiệu: – Đây là cô Jane Mornas, dì của tôi.

— Dì của ông? – Barsac hỏi lại.

— Vâng, cô Mornas đúng thực là dì của tôi. – Agénor de Saint-Bérain xác nhận. Lúc ấy nụ cười vui vẻ hé nở trên đôi môi của cô gái...

Khuôn mặt tuyệt đẹp, chỉ có một nhược điểm duy nhất là hơi quá nghiêm nghị của nàng rạng rỡ lên ngay.

— Ông de Saint-Bérain. – nàng giải thích bằng giọng tiếng Anh thanh thoát, – tính theo dòng họ thì là cháu của tôi và không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để giải thích thứ bậc trong dòng họ của chúng tôi.

— Điều đó làm cho tôi trẻ lại – ông cháu trai ngắt lời.

— Nhưng, – Jane Mornas nói tiếp – một khi đã gây được ấn tượng mạnh mẽ và quyền hợp pháp của mình đã được xác lập thì ông ta đồng ý đổi vai trở thành chú Agénor như trong gia đình chúng tôi vẫn gọi từ lúc tôi mới lọt lòng.

— Vì như vậy hợp với tuổi tác của tôi hơn, – ông vừa chú, vừa cháu giải thích. – Nhưng thưa ngài dân biểu, cho phép tôi được trình bày mục đích đến đây của chúng tôi. Cô Mornas và tôi là những nhà nghiên cứu. Bà dì cũng là cô cháu của tôi đây là nhà thám hiểm gan dạ, còn tôi là cậu cháu – ông chú tốt bụng đã bị cô ấy rù rê đến cái xứ sở xa xôi này. Chúng tôi có ý định đi sâu vào nội địa để liều mình tìm kiếm những cảm xúc và cảnh tượng mới lạ. Công việc chuẩn bị của chúng tôi đã xong. Chúng tôi sắp sửa lên đường thì được biết là đoàn thị sát của ngài sẽ khởi hành theo đường chúng tôi đi. Tôi đã nói với cô Mornas rằng cho dù xứ sở này có yên ổn như thế nào đi chăng nữa thì tôi vẫn nghĩ là chúng tôi nên sát nhập với đoàn, nếu đoàn chấp thuận.

Chúng tôi đến đây xin ngài cho phép được đi cùng với các ngài.

— Về nguyên tắc, tôi không thấy có gì bất tiện cả – Barsac trả lời – nhưng ông và cô hiểu cho, tôi phải trao đổi với các đồng sự của tôi.

— Dĩ nhiên rồi. – Saint-Bérain tán thành.

— Có thể – Barsac nêu giả thiết – họ ngại sự có mặt của phụ nữ trong đoàn sẽ làm chậm bước tiến của chúng tôi và bất tiện cho việc thực hiện chương trình... Trong trường hợp này...

— Hãy bảo họ đừng ngại! – Agénor phản đối. – Cô Mornas là một thanh niên thực thụ. Chính cô ấy sẽ đề nghị các ngài hãy coi cô ấy như một đồng sự.

— Tất nhiên rồi – Jane Mornas xác nhận. – Tôi xin nói thêm, về mặt vật chất, chúng tôi sẽ không phải là gánh nặng cho các ngài đâu. Chúng tôi có ngựa, có phu khuân vác và thậm chí chúng tôi đã thuê được cả người dẫn đường và phiên dịch – hai người Bambara cựu xạ thủ Sénégal. Ngài thấy đấy, ngài có thể thu nhận chúng tôi mà không phải lo lắng gì.

— Nếu vậy, quả thật... – Barsac bực bạch. – Tôi sẽ trao đổi với các đồng sự ngay tối nay và nếu họ đồng ý thì coi như xong. Tôi có thể trả lời dứt khoát cho ông và cô ở đâu?

— Ngày mai lúc khởi hành, vì bất luận thế nào chúng tôi cũng rời khỏi Conakry vào ngày mai.

Khách chia tay.

Barsac đã nói lại với các đồng sự của mình về lời đề nghị của họ. Nó được chấp nhận một cách suôn sẻ và đoàn thị sát Barsac có thêm hai thành viên mới. Giờ thì đoàn có mười người, không kể số phu khuôn vác và đội hộ tống.

III

Huân Tước Buxton Glenor

Trước khi xảy ra chuyện này, nhiều năm đã kịp trôi qua mà huân tước Buxton vẫn không đi đâu hết. Cánh cửa của lâu đài Glenor, nơi ông đang sống, ở trung tâm nước Anh, gần thành phố nhỏ Uttoxeter, không hề mở cửa để đón khách, còn mấy cái cửa sổ ở phòng riêng của ông thì đóng im ỉm. Buxton tự giam hãm mình vì một chuyện bí thảm làm hoen ố danh dự gia đình ông và phá nát cuộc đời ông.

Sáu mươi năm trước, trước lúc xảy ra những sự kiện vừa được kể trên, huân tước Buxton từ ghế nhà trường quân sự bước ngay vào đời, sau khi đã được thừa hưởng của cải, tước vị và vinh quang của cha anh.

Hai mươi hai tuổi, Edward Alan Buxton cưới một cô gái xuất thân từ một gia đình danh giá nhất nước Anh làm vợ. Một năm sau ngày cưới, một cô con gái đã chào đời. Việc này làm cho Edward Buxton thất vọng và ông bắt đầu sốt ruột mong đợi đứa con thứ hai.

Mãi hai mươi năm sau, bà Buxton mới tặng được cho ông một đứa con trai như ước muốn, đặt tên là George. Hầu như đúng vào thời gian ấy, cô con gái đầu lòng của ông, sau khi lấy nhà quý tộc người Pháp de Saint-Bérain, đã sinh ra cậu Agénor.

Năm năm nữa trôi qua và huân tước Glenor có thêm cậu con trai thứ hai – Lewis Robert, mà ba mươi lăm năm sau số phận đã dành cho cậu cái vai đau đớn đến thế trong tấn thảm kịch ở Ngân hàng Trung ương. Việc sinh ra cậu đã phải trả giá bằng chính cuộc sống của người mẹ và huân tước Buxton vĩnh viễn mất đi người phụ nữ đã làm bạn với ông trong suốt một phần tư thế kỷ.

Huân tước Buxton đau khổ, tuyệt vọng, từ bỏ mọi ý đồ danh vọng và mặc dù còn khá trẻ, ông rời bỏ hạm đội, nơi ông đã phục vụ từ ngày tốt nghiệp trường quân sự.

Nhiều năm ông sống biệt lập, rồi thời gian làm vơi đi nỗi đau buồn. Sau những năm tháng sống cô đơn, huân tước Buxton quyết định khôi phục lại tổ ấm gia đình đã bị phá vỡ: ông lấy bà góa Marguerite Ferney, trước có chồng là bạn của ông trong quân ngũ. Thay của hồi môn, bà đem về cho ông cậu con trai mười sáu tuổi William.

Nhưng số phận đã quyết để cho huân tước Glenor một mình đi nốt quãng đời còn lại: Mấy năm sau, đứa con gái thứ tư, tên là Jane ra đời và ông lại góa vợ.

Bấy giờ huân tước Glenor đã sáu mươi tuổi. Vào tuổi ấy, ông không còn nghĩ đến việc xây dựng gia đình nữa mà chỉ lo làm tròn bổn phận của người cha. Nếu không tính cô con gái đầu, bà de Saint-Bérain, – vì từ lâu ông đã không phải lo, thì ông còn bốn đứa con. Đứa lớn nhất vừa tròn hai mươi tuổi. Đó là William Ferney. Ông không phân biệt nó với ba đứa con ruột của mình.

Song kiếp đời đầy rẫy những chuyện nhẩn tâm và ông đã linh cảm biết được nỗi đau mà so với nó, nỗi khổ trước đây dường như quá nhẹ nhàng.

William Ferney, con trai riêng của người vợ kế quá cố được ông yêu quý như con đẻ, đã gây ra cho ông những điều phiền muộn đầu tiên. Kín mồm, kín miệng, hay ngang ngạnh, giả dối, con người trẻ tuổi này không hề đáp lại sự trù mến của mọi người dành cho hắn và hắn cứ thui thủi một mình trong cái gia đình đã rộng lòng, rộng cửa đón hắn như thế. Hắn thờ ơ với tất cả những cử chỉ âu yếm của mọi người đối với hắn, mọi người càng gần gũi với hắn bao nhiêu, hắn lại càng thù ghét bấy nhiêu.

Ngay từ ngày đầu cùng mẹ bước vào lâu đài Glenor, hắn đã nuôi dưỡng trong lòng mối ghen ghét độc địa đối với George và Lewis – những người thừa kế của huân tước Buxton, những người có lúc sẽ trở nên giàu có.

Mối hận thù đó càng tăng lên khi Jane, cô em gái trong bụng mẹ hắn ra đời bởi vì cô ấy cũng sẽ được chia phần cái gia tài mà hắn bị gạt ra một bên hoặc do lòng hảo tâm của gia đình hắn chỉ được một phần ít ỏi. Khi mẹ hắn, người duy nhất có thể tìm đường đến với cõi lòng chật hẹp đó, qua đời, thì không gì có thể chế ngự được mối hận thù. Hắn càng xa lánh gia đình và sống biệt lập. Chỉ có những vụ tai tiếng thường

xuyên mới cho phép đoán biết bí mật của cuộc sống đó. Hóa ra William đã giao du với đám thanh niên hư hỏng nhất mà chỉ mình hắn mới có thể kiểm ra.

Chẳng bao lâu xuất hiện các món nợ. Đầu tiên huân tước còn trả cho, nhưng sau thì thôi.

Tuy buộc phải sống bằng số tiền ít ỏi, William Ferney vẫn không thay đổi lối sống. Một thời gian dài, không ai biết hắn kiếm đâu ra tiền, nhưng có một lần lâu đài Glenor nhận được một kỳ phiếu với số tiền lớn, ký giả chữ ký của huân tước Buxton. Huân tước trả nợ mà không nói lời nào, song ông đã đuổi kẻ tội phạm ra khỏi lâu đài, sau khi vẫn cấp cho hắn một khoản tiền kha khá.

William Ferney rời lâu đài Glenor và trốn biệt. Những gì đã xảy ra với hắn, huân tước Buxton không rõ.

May thay, trong khi con trai của người khác gây cho ông khổ tâm bao nhiêu thì mấy đứa con đẻ làm cho ông vui lòng bấy nhiêu. George, con trai lớn, tiếp tục truyền thống của gia đình, đã đỗ thủ khoa trường Ascott và không sợ hiểm nguy, gia nhập quân đội thuộc địa để được đi chu du. Huân tước Buxton rất lấy làm tiếc là người con trai thứ hai, Lewis, tỏ ra ít có khiếu quân sự, song trong các lĩnh vực còn lại khác nó xứng đáng với lòng yêu thương của ông. Đó là một cậu bé ngoan, có khuôn phép và đứng đắn.

Cuộc sống của bọn trẻ cứ trôi qua đều đều. Thiên bẩm về nghề giao dịch hình thành rõ rệt ở Lewis. Anh vào làm việc ở Ngân hàng Trung ương. Ở đây người ta đánh giá anh rất cao và đoán rằng sẽ có lúc anh trở thành người đứng đầu cái nhiệm sở to lớn ấy. Trong khi đó George đã đi từ thuộc địa này sang thuộc địa khác gần giống như một vị anh hùng và thăng quan tiến chức bằng đường gươm, mũi kiếm.

Đúng vào lúc huân tước nghĩ rằng ông đã đoạn tuyệt với số kiếp cay nghiệt thì một nỗi bất hạnh còn khủng khiếp hơn những gì ông đã phải chịu đựng trước đó, đổ sập xuống đầu ông. Lần này, danh dự trong sạch của dòng họ Glenor mãi mãi bị bôi nhọ.

George Buxton, con trai lớn của huân tước Glenor, tạm thời được tách ra khỏi biên chế của đơn vị, đi phục vụ cho một đoàn nghiên cứu lớn. Trong hai năm cầm đầu đội quân bán chính qui do đoàn tuyển dụng, anh đã dọc ngang xứ sở của người Achantis. Rồi bỗng nhiên có tin con trai của huân tước là kẻ cầm đầu một băng cướp. Tin truyền như sấm. Báo chí đã kể tỉ mỉ về tội trạng của đại úy Buxton và bọn người phiêu lưu của y, về những vụ cướp bóc, tống tiền, về những hành động tàn bạo của bọn chúng và về sự trừng phạt sau đó. Đội quân được phái đi tiêu trừ băng cướp đã truy lùng bọn chúng ráo riết. Đại úy Buxton bị bắt ra khỏi toán cướp, đặt đến vùng thuộc Pháp và cuối cùng bị đuổi kịp ở gần làng Koubo, dưới chân núi Hombori, hắn bị bắn chết ngay từ loạt đạn đầu.

Người ta còn nhớ nỗi lo ngại làm chấn động nước Anh khi nó được biết về cuộc phiêu lưu đáng kinh ngạc đó. Rồi sau, mối lo âu lắng dịu và chiếc khăn liệm lãng quên đã phủ lên thân xác của những người đã chết.

Nhưng có một ngôi nhà mà ở đó ký ức về một tên trong bọn chúng còn lưu mãi. Đó là ngôi nhà của huân tước Buxton.

Người thủy thủ già khi ấy đã gần bảy mươi lăm tuổi, vừa bị tổn thương trong tình cảm đối với con vừa bị tổn thương danh dự – là thứ đối với ông còn quý giá hơn nữa, ông vẫn không hề quy xuống trước ngón đòn, chỉ có nét mặt nhợt nhạt là nói lên được nỗi khổ của ông. Không hỏi lấy một câu về sự kiện quá sức chịu đựng ấy, ông giam mình trong cô đơn và im lặng kiên nhẫn.

Từ đó ông không đi dạo chơi hằng ngày như trước nữa. Đóng cửa ở nhà, không tiếp bất cứ ai, kể cả bạn bè thân thiết nhất, ông sống biệt lập, hầu như bất động, câm lặng, cô đơn.

Cô đơn ư? Không hẳn như vậy. Bên ông còn có ba người nữa. Nhờ tấm lòng tôn kính ông mà họ đã có được sức chịu đựng cuộc sinh tồn khủng khiếp với pho tượng sống, với dấu hiệu còn giữ được nghị lực của một mạng sống nhưng đã tự giam mình trong cảnh im lặng vĩnh hằng.

Trước tiên, đó là người con trai thứ hai, Lewis Robert Buxton, hằng tuần vào ngày không phải làm việc ở Ngân hàng Trung ương, anh về nghỉ tại lâu đài.

Kế đó là cháu ông, Agénor de Saint-Bérain, anh định làm cho ngôi nhà âm đạm như tu viện vui lên bằng tiếng cười hiền hậu của mình. Agénor de Saint-Bérain là con người tuyệt diệu, hay giúp đỡ, làm ơn, có trái tim nhạy cảm và lòng thủy chung sắt đá. Anh có ba điểm khác người: đăng trí kỷ lạ, say mê câu cá và cuối cùng là không ưa phụ nữ.

Là chủ một cơ ngơi to lớn do cha mẹ chết đi để lại, anh đã từ già nước Pháp ngay sau khi có tin đầu tiên

về tấn thâm kịch làm ông ngoại của anh đau buồn và anh về sống trong dinh thự cạnh lâu đài, có con sông nhỏ chảy qua. Agénor thường buông câu xuống đó, say mê đến mức không thể hiểu nổi.

Quả thật, tiêu tốn ngân ấy đam mê cho cách tiêu khiển đó để làm gì cơ chứ một khi anh luôn nghĩ về những điều khác và dù tất cả cá trên thế gian này có thể kéo tới cắn mồi thì anh vẫn chẳng buồn để ý đến cái phao? Hơn nữa nếu có chú cá chép hay cá bống nào ngang ngạnh hơn chàng câu cá đăng trí mà tự móc mình vào lưỡi câu thì Agénor đã cảm không chán chừ tháo ra và quăng ngay chú cá nọ xuống nước.

Một người tốt, như chúng tôi đã nói; nhưng thái độ thiếu thiện cảm của anh đối với phụ nữ hẳn là định kiến rồi. Anh gán cho họ mọi thói hư tật xấu. “Lừa lọc, phản bội, dối trá và xa xỉ” – anh thường tuyên bố về họ như vậy. Mỗi ác cảm đối với phụ nữ của anh chỉ có một ngoại lệ duy nhất. Người được hưởng đặc ân đó là Jane Buxton, con gái út của huân tước Glenor, nên cũng là dì của Agénor nhưng là dì út, kém anh gần hai mươi tuổi và anh biết đi từ lúc “bà” còn nhỏ xíu. Anh đã tập cho dì biết đi và trở thành người đỡ đầu của dì khi vị huân tước bất hạnh xa lánh mọi người. Anh yêu thương bà dì như một người cha và bà dì cũng đáp lại như thế. Nói chung, đó là một ông thầy, nhưng là người thầy đã làm mọi điều mà cô học trò mong muốn. Họ gắn bó với nhau. Cùng dạo bộ trong rừng hay cưỡi ngựa, bơi thuyền, săn bắn và chơi bất cứ môn thể thao nào. Điều đó khiến cho cậu cháu lớn tuổi đã nói về bà dì nhỏ tuổi được giáo dục theo kiểu con trai như thế này: “Rồi cô ấy sẽ thành đàn ông cho mà coi!”.

Jane Buxton là người thứ ba săn sóc vị huân tước già và chờ che cho tuổi già buồn khổ của ông bằng tấm lòng hiền mẫu. Nàng sẵn sàng chết đi để được nhìn thấy nụ cười của ông. Phải đem lại, dù chút ít hạnh phúc cho tâm hồn khô héo của cha – ý nghĩ ấy cứ bám riết lấy nàng. Đó là mục đích duy nhất chi phối mọi ý nghĩ, hành động của nàng.

Lúc anh trai bị giết, nàng thấy cha khóc nhiều cho thanh danh của mình hơn là cho kết cục bi thảm của đứa con bị trừng trị đích đáng. Trái lại, nàng không khóc.

Nàng không thờ ơ trước cái chết của người anh thương yêu triu mến và trước vết nhơ mà hành động tội lỗi của anh trai đã bôi lên danh dự của gia đình. Nhưng khi ấy, cùng với khổ đau, lòng nàng đã phần nộ. Sao Lewis và cha dễ dàng tin vào điều ô nhục của George như thế? Sao họ lại có thể coi tất cả những lời buộc tội từ nước ngoài gửi về là đã được minh chứng? Những lời đồn đại và những bản báo cáo chưa được kiểm tra thì có nghĩa gì đâu? Khác với họ, nàng tin mãnh liệt vào sự vô tội của anh trai. Vào lúc không còn tin tức gì về người anh đã chết thì nàng vẫn tưởng nhớ đến anh và niềm tin vào anh của nàng không bao giờ tắt.

Thời gian chỉ khắc họa thêm những cảm nghĩ ban đầu của Jane Buxton. Theo ngày tháng, niềm tin vào sự vô tội của anh trai càng trở nên mãnh liệt ở nàng dù nàng không thể lấy gì để chứng minh. Cuối cùng thì cái phút giây ấy – mấy năm sau khi xảy ra tấn thâm kịch – đã đến. Lần đầu tiên, nàng dám phá tan bầu không khí im lặng như tờ mà tất cả những người cư ngụ trong lâu đài đã âm thầm dùng nó chôn chặt chuyện đau thương xảy ra ở Koubo.

— Chú đấy à? – hôm ấy nàng đã hỏi Agénor de SaintBérain.

Agénor thường gọi Jane bằng cháu khi nàng phong cho anh chức chú. Việc này vẫn hay xảy ra.

Nhưng không... Nếu như ông chú nọ tìm cách quả trách cô cháu gái dễ thương của mình, hoặc định chống lại ý muốn của cô thì cô sẽ lấy lại thứ bậc mà dòng họ đã cho cô và tuyên bố với cháu mình rằng: anh cần phải kính trọng người bề trên. Mỗi lần thấy chuyện không xuôi, ông cháu im ngay rồi vội vàng đổ dành bà dì tôn kính của mình.

— Chú đấy ư? – Jane đã hỏi hôm đó.

— Đúng thế, cháu yêu, – Angieno trả lời. Anh đang cầm cùi đọc cuốn sách dày viết về nghệ thuật câu cá bằng cần câu.

— Cháu muốn nói chuyện với chú về George.

Agénor ngạc nhiên, đặt cuốn sách xuống.

— Về George? – anh nhắc lại, hơi bối rối. – Về George nào?

— Về anh George của cháu. – Jane điềm tĩnh giải thích thêm.

Agénor tái mặt.

— Nhưng cháu đã biết. – anh không tán thành, giọng run run, – là không được phép nói đến vấn đề đó

và cái tên ấy không được nói ra ở đây.

Jane gật đầu đồng ý.

— Không sao, – nàng thân nhiên nói. – chú hãy nói chuyện với cháu về George đi nào.

— Cháu bảo phải nói về cái gì cơ chứ?

— Về mọi điều. Về toàn bộ chuyện ấy.

— Không đời nào!

Jane nhú cặp lông mày.

— Này, cháu! – Nàng cất giọng đe dọa.

Như vậy cũng đủ rồi.

— Thế! Thế! – Agénor lâu bầu, bắt đầu kể câu chuyện thương tâm.

Jane im lặng lắng nghe và khi anh kể xong, nàng không hỏi câu nào. Agénor tưởng mọi việc đã kết thúc nên thở phào nhẹ nhõm.

Anh đã nhầm. Mấy hôm sau, Jane tiếp tục thực hiện ý định.

— Chú đây à? – Nàng lại hỏi như trước.

— Đúng thế, cháu yêu, – Agénor trả lời như cách đây vài bữa.

— Nhưng nếu George vô tội thì sao?

Agénor tỏ vẻ không hiểu.

— Vô tội – anh nhắc lại. – Than ôi, làm gì có chút nghi ngờ nào trong chuyện này hả cô bé đáng thương của chú. Hành động phản bội và cái chết của cậu George là những sự kiện lịch sử có quá nhiều chứng cứ.

— Chứng cứ nào? – Jane hỏi.

Agénor kể lại câu chuyện. Anh dẫn ra những bài báo, những bản báo cáo chính thức mà không một ai bác bỏ. Cuối cùng, anh viện dẫn vào sự vắng mặt của George – bằng chứng hùng hồn nhất về cái chết của anh ta.

— Chết, thì cứ cho là như thế đi. – Jane đáp lại. – Nhưng còn phản bội?

— Cái kia là hậu quả của cái này, – Agénor nói, anh lúng túng vì nàng ngang bướng đến thế.

Nàng còn bướng bỉnh hơn anh tưởng. Bắt đầu từ ngày đó, nàng thường trở lại với cái đề tài nặng nề, giằng vò anh bằng những câu hỏi mà từ đó dễ dàng rút ra kết luận: Nàng vẫn giữ trọn niềm tin sắt đá vào sự vô tội của anh mình.

Sau nhiều lần tranh cãi, dĩ cháu thừa nhận với nhau là George vô tội và Agénor de Saint-Bérain không dám bài bác bà di của anh nữa. Thêm vào đó, ý kiến của Jane đã tác động mạnh đến tư tưởng của anh. Nếu như anh chưa hoàn toàn tin vào sự vô tội của viên đại úy phản loạn thì ít nhất cũng đã bị dao động khi nghĩ rằng George có lỗi...

Mấy năm sau, niềm tin mãnh liệt của Jane càng được củng cố, nhưng chỉ trên cảm tính hơn là trên lý trí. Tranh thủ được sự ủng hộ của người cháu, nàng có đạt được vài điều song như vậy hẳn còn ít. Tuyên bố George vô tội để làm gì nếu không chứng minh được điều đó?

Sau một thời gian dài suy xét kỹ càng, nàng cảm thấy là mình đã tìm ra phương sách.

— Tất nhiên, – nàng đã nói với Agénor vào một ngày rất đẹp trời, – việc chú cháu ta tin George vô tội là chưa đủ. Cần phải có chứng cứ, chú hiểu không, chú thân yêu. Không có bằng chứng thì không ai tin chúng ta cả, cho dù chúng ta có thể kêu rêu đến bao nhiêu đi nữa rằng George vô tội.

— Điều ấy thì rõ quá rồi, cô bé đáng thương của tôi ạ.

— Trong lúc chính cha cháu tin vào những lời đồn đại mà không rõ căn nguyên, trong lúc cụ chết dần chết mòn vì đau khổ và xấu hổ trước mắt chúng ta mà không kiểm tra lại những chuyện đơm đặt ghê tởm đó, trong lúc cụ nghe thấy những lời buộc tội con trai mình mà không hét to lên: “Các người nói láo! George không có khả năng gây ra tội ác như thế!”, thì chúng ta làm sao có thể thuyết phục được những người khác, một khi không cho họ thấy những bằng chứng không thể chối cãi về sự vô tội của anh cháu.

— Điều ấy rõ như ban ngày, – Agénor vuốt vuốt cái cằm, tán thành.

— Nhưng những chứng cứ ấy... tìm ở đâu?

— Có nhiên là không phải ở đây.

Jane ngừng lại rồi nói khẽ:

— Ở chỗ khác, có thể...
— Ở chỗ khác? Chỗ nào vậy, cháu yêu?
— Ở chỗ đã xảy ra chuyện thương tâm đó. Ở Koubo.
— Ở Koubo?
— Vâng, ở Koubo. Mộ của George nằm ở đó vì anh ấy chết ở đó cơ mà; và nếu thế thì sẽ biết được anh ấy đã bị chết như thế nào. Phải tìm cho ra những người trong cuộc. George đã chỉ huy một đội quân đông người. Không thể có chuyện là tất cả bọn họ đã biến mất hết. Phải thẩm vấn các nhân chứng và qua họ lần ra sự thật.

Jane càng nói thì mặt nàng càng ngời sáng, giọng nàng run run.

— Cháu nói phải! – Agénor thốt lên, vô tình sa vào bẫy.

Jane trở nên hoạt bát:

— Một khi cháu đã đứng, – nàng nói, – thì chúng ta hãy đi thôi!

— Đi đâu? – Agénor ngó người hỏi.

— Đi Koubo, chú ạ!

— Đi Koubo? Cháu định đi Koubo với ma quỷ nào thế?

Jane vòng hai tay ôm lấy cổ Agénor.

— Với chú, ông chú hiền lành của cháu ạ, – nàng âu yếm thỏ thẻ.

— Với tôi?!

Agénor gỡ tay nàng ra. Lần này anh giận thực sự.

— Cô điên mất rồi! – Anh tuyên bố rồi định bỏ đi.

— Không hẳn thế đâu, – Jane nói lại và cản đường không cho anh đi. – Chú sẽ không đi Koubo thật sao? Chẳng lẽ chú không thích những chuyến đi du lịch?

— Tôi ghét cay, ghét đắng các chuyến đi ấy. Phải có mặt trên tàu vào giờ qui định – điều đó quá sức chịu đựng của tôi.

— Thế câu cá, chú cũng ghét phải không nào?

— Câu cá à? Tôi không thấy...

— Chú biết gì về món cá rán câu được ở sông Niger? Món này đặc sắc lắm nhé. Cá bóng ở sông Niger to như cá mập, cá chép thì y như cá ngừ. Điều đó không quyến rũ chú sao?

— Tôi không bảo không... tuy nhiên...

— Khi câu cá, chú sẽ tiến hành điều tra, dò hỏi thổ dân...

— Bằng thứ ngôn ngữ nào? – Agénor giễu cợt cắt ngang. – Tôi không nghĩ là họ nói được tiếng Anh.

— Ấy đấy, – Jane thân nhiên nói, – tốt hơn hết là hãy nói với họ bằng tiếng Bambara.

— Bằng tiếng Bambara? Chẳng lẽ tôi biết tiếng Bambara?

— Vâng chú phải học.

— Vào độ tuổi của tôi?

— Cháu đã học xong tiếng Bambara, mà cháu là dì của chú đấy nhé!

— Cô! Cô nói được tiếng Bambara?

— Đúng thế. Chú nghe đây: “Dji lokho a bé na”.

— Cô nói bậy bạ gì thế?

— Câu ấy có nghĩa: “Tôi bị khát”. Đây nữa: “I dou, nono I mita”.

— Thú thật... no no... mita...

Nghĩa là: “Hãy vào đi, bạn sẽ được uống sữa”. Lại còn: “Koukho bé na, Kounou ouarara uté a man doumouni”. Chú không đoán ra được đâu! Dịch là: “Tôi đói lắm, tôi không được ăn gì từ chiều qua”.

— Phải học hết mấy thứ đó sao?

— Vâng, và không được bỏ phí thì giờ vì sắp tới ngày lên đường rồi đó.

— Ngày lên đường nào? Nhưng tôi có đi đâu! Lại thế nữa cơ đấy! Không, tôi sẽ không tán dóc với các thổ dân của cô đâu.

Rõ ràng, Jane đã từ bỏ ý định thuyết phục anh.

— Vậy thì tôi đi một mình. – Nàng nói, giọng rầu rầu.

— Một mình, – Angieno kinh ngạc nói – cô muốn đi một mình.
— Buộc phải thế vì chú không muốn đi với tôi. – Jane nói tỉnh khô.
— Nhưng đó là hành động điên rồ, quần trí, rối loạn tinh thần! – Agénor hét to lên rồi bỏ chạy và đóng sầm cửa lại.

Nhưng sáng hôm sau, khi anh muốn gặp lại Jane thì người ta nói với anh rằng nàng không tiếp và mấy ngày sau cũng vậy. Agénor không chịu nổi trò chơi ấy. Bốn ngày sau anh đầu hàng.

Jane có tấm lòng khoan dung, không trách móc anh.

— Trước tiên, chú hãy học tiếng, – nàng nói rồi hôn vào hai má của anh.

Từ đó Agénor chỉ lo miệt mài học tiếng Bambara.

Trước ngày lên đường, Jane phải xin phép cha. Nàng được ông cụ cho đi dễ hơn nàng tưởng. Nàng chỉ vừa nói rằng nàng muốn đi du lịch một chuyến thì ông cụ đã ra hiệu đồng ý rồi lại đắm mình vào nỗi buồn của ông.

Xong việc này, Jane và Agénor bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi. Họ quyết định đến Liverpool, từ đó đáp con tàu *The Ceres* tới châu Phi. Ý định ban đầu của họ là đến xứ Gambie thuộc Anh. Nhưng trong thời gian lưu lại ở Saint-Louis, sau khi được biết Conakry đang chờ đón đoàn thị sát của Pháp và hành trình của đoàn này giống với hành trình của mình, họ quyết định nhập đoàn.

Cuối tháng Tám họ đã rời hành lý đi Liverpool và ngày 2 tháng Mười, hai người ăn sáng lần cuối trong phòng ăn lớn của lâu đài Glenor (huân tước Buxton không bao giờ bước ra khỏi phòng riêng của ông). Bữa ăn cuối cùng đó buồn tẻ và lặng thinh. Jane Buxton nghĩ rằng có thể nàng sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy tòa lâu đài, chiếc nôi của tuổi thơ và thời niên thiếu của nàng, còn nếu nàng trở về được thì chắc chắn người cha già nua sẽ không thể giang tay ôm nàng vào lòng được nữa.

Tuy nhiên, vì cha, nàng vẫn thực hiện chuyến đi đầy khó khăn và nguy hiểm này. Nàng muốn khôi phục danh dự của gia đình, đem lại dù chỉ là một chút vui tươi cho tâm hồn trống trải của ông.

Sắp đến giờ phải ra đi, Jane xin cha cho phép tạm biệt người. Nàng và Agénor được đưa vào phòng ông cụ. Ông ngồi bên chiếc cửa sổ cao trông ra phía cánh đồng mắt nhìn đắm đắm về nơi xa xăm như thể ông đang đợi bóng ai. Ai? George, đứa con trai phản bội của ông ư?

Nghe tiếng chân con gái bước vào, ông khẽ quay đầu lại và cái nhìn đờ đẫn của ông sáng lên, nhưng khuôn mặt vẫn giữ nguyên vẻ bất động thường ngày.

— Thừa cha con đi! – Jane lấp bắp, cố giữ cho nước mắt khỏi trào ra.

Huân tước không trả lời. Ông đứng lên, chia tay về phía con gái rồi âu yếm kéo con vào lòng và hôn lên trán con.

Sợ mình sẽ òa khóc, Jane vùng chạy ra ngoài. Ông lão nắm lấy tay de Saint-Bérain, siết chặt và như có ý yêu cầu che chở, ông chỉ tay về phía cửa Jane mới vừa ra.

— Ông hãy tin ở cháu, – Agénor lúng búng trong miệng. Lập tức huân tước Buxton ngồi vào chỗ cũ và lại đưa mắt nhìn xa xăm về phía cánh đồng.

Chiếc xe ngựa đang đợi những người đi du lịch trong sân lâu đài để đưa họ ra ga đi Utocxeto.

— Đi đâu? – Agénor theo thói quen, anh bối rối vì cảnh tượng vừa rồi nên quên mất lý do họ phải từ giả lâu đài Glenor.

Jane chỉ nhún vai. Họ khởi hành. Nhưng vừa đi được khoảng năm trăm mét thì de Saint-Bérain bỗng kích động lạ thường. Anh không thể nói nên lời, anh thở hổn hển.

— Cần câu, mấy cái cần câu của tôi! – Anh kêu lên thống thiết.

Đành phải trở lại lâu đài để tìm mấy chiếc cần câu trứ danh mà nhà đi câu đẳng trí đã bỏ quên. Mất khoảng một phần tư giờ vì việc này. Khi họ đến ga, đoàn tàu đã đứng trên sân. Các nhà đi du lịch vừa kịp bước lên tàu và Agénor tự hào nói:

— Đây là lần thứ hai trong đời, chú không bị trễ tàu đấy.

Jane bất giác mỉm cười và hai dòng nước mắt chảy trên gò má. Chuyến đi đưa hai nhà nghiên cứu đến với những điều bất ngờ kỳ lạ đã bắt đầu như thế đấy. Liệu Jane có chấp nhận nó không, nếu nàng biết trước được rằng chuyện gì sẽ xảy ra trong lúc vắng nàng? Nàng có từ bỏ người cha bất hạnh mà ra đi nếu nàng đoán biết được đòn giáng xuống đầu ông, trong khi nàng liều mình đi cứu ông ra khỏi nỗi tuyệt

vọng?

Nhưng không có gì báo trước cho Jane biết về bi kịch sẽ xảy ra ở chi nhánh Ngân hàng Trung ương và về lời buộc tội nhục nhã đổ lên đầu anh Lewis của nàng. Nàng định giúp cha, nhưng lại từ biệt ông đúng vào lúc sự chăm sóc của nàng đối với ông là cần thiết hơn bao giờ hết.

Tin Lewis Robert Buxton mất tích, do một người đầy tớ quá sốt sắng mang về, đến tai huân tước Glenor vào buổi sáng, sau ngày xảy ra vụ cướp ở chi nhánh DK, tức là ngày 1 tháng Mười hai. Ông bị sốc như bị nện bằng dùi cui. Con người mực thước, hậu sinh của bao vị anh hùng hết lòng tôn thờ danh dự đó hiểu rằng hai người con trai của ông một đứa là phản bội, một đứa là ăn cắp.

Ông lão bất hạnh bật rên khe khẽ, đưa hai tay bụm lấy cổ họng rồi ngã xuống chiếc sàn lát ván như một khối vô sinh.

Mọi người chạy đến đỡ ông dậy. Người ta hết sức săn sóc ông khi ông chưa mở được mắt. Từ nay ánh mắt ông là dấu hiệu duy nhất chứng tỏ cuộc sống chưa nở từ bỏ trái tim đã chịu nhiều đau khổ. Thân ông bị liệt và mãi mãi bất động. Nhưng điều đó vẫn chưa đủ để xóa hết nỗi cay nghiệt của cuộc đời. Trong cái cơ thể vĩnh viễn bất động ấy còn có một khối óc minh mẫn. Huân tước Buxton vô giác, câm lạng và liệt giường, liệt chiểu vẫn cứ suy nghĩ!

Và nếu chú ý đến sai phân kinh độ, đúng vào lúc người cha của Jane Buxton ngã xuống bất tỉnh thì nàng đặt chân lên bàn đạp, cưỡi ngựa vượt qua chiếc cầu nổi liền Conakry với lục địa, bắt đầu cuộc hành trình, thực hiện những bước đi đầu tiên trong rừng rậm châu Phi huyền bí.

IV

Bài Báo Gửi Về *Expansion Française*

Ngày 1 tháng Giêng, độc giả của tờ *Expansion Française* đã được thưởng thức bài báo sau đây của Amédée Florence.

ĐOÀN THỊ SÁT BARSAC

(Bài của phóng viên đặc biệt của chúng tôi gửi về)

Trong rừng rậm ngày 1 tháng Mười hai. Như trong bức thư cuối cùng tôi đã viết cho các bạn, đoàn thị sát Barsac sẽ phải xuất phát hôm nay, vào lúc sáu giờ sáng. Mọi thứ đều đã chuẩn bị xong khi có hai người tự nguyện gia nhập đoàn. Một trong hai người đó là một thiếu nữ đẹp tuyệt trần, người Pháp, được nuôi dạy ở Anh nên nói tiếng Anh tuyệt vời. Tên cô là Jane Mornas. Người thứ hai là chú của cô ta, nếu như anh không phải là cháu của cô nọ vì tôi chưa thể hiểu được mối quan hệ họ hàng của họ. Anh tên là Agénor de Saint-Bérain. Đó là một con người kỳ quặc. Tính đấng trí của anh đã trở thành huyền thoại ở Conakry và tôi hy vọng rằng nó sẽ mang lại cho chúng ta không ít những phút giây vui nhộn.

Cô Mornas và de Saint-Bérain đi du lịch để tiêu khiển. Họ có hai người đầy tớ da đen, là những cựu xạ thủ Sénégal, làm công việc dẫn đường và phiên dịch, mặc dù hai du khách của chúng tôi nói được kha khá tiếng Bambara và mấy thứ tiếng châu Phi khác.

Thế là năm giờ rưỡi sáng ngày 1 tháng Mười Hai, chúng tôi đã tập trung đông đủ trên quảng trường lớn ở Conakry, cạnh dinh toàn quyền.

Sự thận trọng sơ đẳng nhất cũng đòi hỏi phải có một đội vũ trang tháp tùng đoàn và Barsac phải công nhận điều đó là cần thiết: đại úy Marcenay cùng hai trăm kỵ sĩ đi hộ tống chúng tôi.

Sáu giờ, đoàn xe ngựa xếp hàng theo sự hướng dẫn của một người da đen đã mấy lần đi từ Conakry đến Sikasso. Tên của anh là Moriliré. Đó là một chàng trai khỏe mạnh, trạc ba mươi tuổi, mặc quần cộc và áo khoác của lính bộ binh thuộc địa cũ, trên có cầu vai sơn bản. Chân trần, còn đầu thì đội chiếc mũ vải gai từng có màu trắng một thời. Mũ cắm lông chim ba màu rất đẹp.

Đoàn xe chúng tôi gồm năm mươi con lừa, do hai mươi lăm mục phu điều khiển và năm mươi phu khuân vác, mười người trong bọn họ là do cô Mornas thuê mướn. Các kỵ sĩ của đại úy Marcenay đứng thành hai hàng dọc theo đoàn xe.

Đúng sáu giờ lệnh phát ra. Lá cờ ba màu được kéo lên trên dinh thự và từ trên ban công, ông toàn quyền vẫy chào chúng tôi lần cuối. Tiếng kèn đồng và tiếng trống của đội bộ binh thuộc địa đóng tại Conakry vang lên. Chúng tôi bỏ mũ ra: phút nghiêm trang.

Mặt trời lên và những tia nắng đầu tiên hơn hờ chiếu sáng đường chúng tôi đi.

Bên kia chiếc cầu nối liền Conakry với đất liền là đoạn đầu của con đường rất tốt, rộng từ năm đến sáu mét, chẳng đường đưa chúng tôi đến Timbo dài bốn trăm km. Nghĩa là chúng tôi có thể không phải lo gặp trắc trở gì trên đường tới Timbo. Thời tiết tốt, nhiệt độ bóng râm khoảng mười bảy độ và những trận mưa rào không thể đe dọa được chúng tôi: mùa mưa đã qua rồi.

Tiến lên! Mọi việc sẽ tốt đẹp trong cái thế giới tốt đẹp này!

Gần mười giờ, trời nắng gắt, đại úy Marcenay ra lệnh dừng lại. Chúng tôi đã đi cách xa Conakry hai mươi km, vậy là rất tốt. Lúc năm giờ chiều, sau khi đã ăn uống và nghỉ ngơi, chúng tôi lại lên đường và khoảng chín giờ tối thì hạ trại nghỉ đêm.

Đó là chương trình hàng ngày. Tôi sẽ không đề cập đến nó nữa vì không có ý định quấy nhiễu độc giả bằng những chi tiết nhỏ nhặt của chuyến đi. Tôi sẽ chỉ ghi lại những sự kiện thú vị mà thôi.

Moriliré trông nom bếp đã chiến. Cùng với Tchoumouki và Tongané – hai đầy tớ của cô Mornas – anh ta sẽ làm cơm cho chúng tôi ăn bởi vì chúng tôi đã thỏa thuận với nhau là phải tiết kiệm đồ hộp và lương thực mang từ châu Âu sang, để phòng trường hợp không kiếm ra thức ăn tươi sống.

Bữa ăn sáng đầu tiên của chúng tôi rất ngon. Bạn hãy tự đánh giá lấy: thức ăn gồm có thịt cừu rán với tạp pí lù, bánh ga tô làm bằng bột ngô, và, chuối và cơm dừa, đồ uống là nước sạch lấy từ con suối chảy qua ngay đây, còn rượu cất từ nguyên liệu của cây cọ thì dành cho những ai ham thích.

Chúng tôi dừng chân và căng lều nghỉ đêm giữa rừng rậm. Tuy nhiên chỗ ấy không hoàn toàn vắng vẻ. Bên phải con đường có một túp lều của thổ dân, còn bên trái chúng tôi là một lều khác có người ở.

Cô Mornas đang thu xếp chỗ ngủ trong lều bạt thì Morilire báo cho cô biết rằng thiếu nữ da đen, đầy tớ của một điền chủ da đen đang đi vắng, mời cô vào nghỉ trong căn nhà sạch sẽ, thậm chí có cả một vật rất khó tin là chiếc đi-văng Âu chính cống nữa cơ đấy! Cô Mornas nhận lời và chúng tôi long trọng đưa tiễn cô đến nơi nghỉ mới. Người hầu gái đang đợi chúng tôi. Đó là một cô bé, tuổi chừng mười lăm. Thấy chúng tôi đến, cô ta bước ra đón.

Chúng tôi rất ngạc nhiên vì cô ta nói tiếng Pháp khá đúng.

— Em, — cô bé da đen nói với Mornas, — được giáo dục ở trường Pháp, đã hầu hạ cho một bà da trắng có chồng là sĩ quan, rồi về làng khi xảy ra đánh nhau dữ dội và bị bắt làm nô lệ. Em biết sắp đặt giường chiếu như phụ nữ da trắng. Chị sẽ rất hài lòng cho coi.

Cô bé âu yếm nắm tay Mornas dẫn vào nhà. Chúng tôi hài lòng ra về vì cô bạn đường của chúng tôi đã được thu xếp một cách chu đáo. Nhưng cả cô lẫn chúng tôi đều chưa kịp chợp mắt.

Không đầy nửa giờ sau, cô Mornas đã cứu chúng tôi. Chúng tôi chạy đến và nhờ ánh đuốc, chúng tôi nhìn thấy một cảnh tượng thật bất ngờ. Cô hầu gái da đen đang nằm thẳng cẳng dưới đất, gần ngưỡng cửa. Lưng cô bé đầy những vết máu. Cô bé bất hạnh đang khóc tức tưởi. Đứng trước cô, bảo vệ cho cô là Mornas, còn ở đằng xa là lão da đen tệ hại đang nhăn nhó mặt mày, tay vẫn cầm cái roi.

— Các ngài xem, — cô Mornas nói. — Tôi vừa mới đặt lưng xuống giường. Malik, tên của cô bé da đen — một cái tên hay đấy chứ? — đang quạt cho tôi và tôi bắt đầu thiếp đi thì lão chủ súc sinh của cô bé đột nhiên trở về. Thấy tôi, hắn điên tiết lên, lôi cô bé đáng thương ra đánh để dạy cho cô bé biết hậu quả của việc dám đưa người da trắng vào nhà của hắn như thế nào.

— Phong với chả tục! — Baudrières cầu nhàu.

Ông nói đúng, cái ông Baudrières vui tính ấy, nhưng lại không đúng khi ông thừa cơ tỏ vẻ hùng biện thốt ra mấy lời hoa mỹ sau đây:

— Chúng đây, thưa các ngài, cái bọn man rợ mà các ngài muốn biến thành những cử tri yêu chuộng hòa bình!

Có lẽ ông tưởng mình đang đứng trên diễn đàn.

Barsac giật nảy người như bị kiến đốt. Ông rướn thẳng lên rồi đáp, giọng khô khan:

— Ngài hãy nói với những ai chưa bao giờ nhìn thấy người Pháp đánh phụ nữ!

Ông Barsac cũng đúng.

Lẽ nào chúng tôi lại phải chứng kiến một cuộc đấu khẩu? Không, Baudrières không trả đũa. Barsac quay lại phía gã da đen đang cầm roi.

— Cô bé này sẽ không ở lại với ông nữa, — ông nói — Chúng tôi sẽ đem cô ấy đi theo.

Gã da đen phản đối vì cô bé đó là nô lệ của hắn.

— Tôi sẽ mua lại cô bé nô lệ của ông, — Barsac nói — Bao nhiêu?

Hoan hô ông Barsac! Ý định thật là tuyệt!

Gã da đen thấy có dịp vớ bờ nên đã bình tĩnh lại. Gã đòi một con lừa, một khẩu súng và năm mươi franc.

— Năm mươi roi thì có! — Đại úy đáp lại. — Mi hoàn toàn xứng đáng với số roi đó.

Họ bắt đầu mặc cả. Cuối cùng, tên bọn chịu nhường cô hầu gái để lấy một khẩu súng hỏa mai cũ kỹ, một mảnh vải và hai mươi lăm franc.

Trong khi mọi người còn đang tranh cãi thì cô Mornas đã đỡ Malik dậy và băng bó các vết thương cho cô bé. Đến lúc việc mua bán đã xong, cô dẫn cô bé về trại của chúng tôi, mặc cho cô bé chiếc áo blu trắng và nói, sau khi đã đặt vào tay cô bé mấy đồng bạc:

— Em không phải làm nô lệ nữa. Tôi cho em tự do đi đâu thì đi.

Nhưng Malik òa lên khóc nức nở; cô không còn ai thân thích trên đời, cô không biết đi đâu và cô cũng

không muốn xa “người phụ nữ da trắng tốt bụng đến thế”: cô bé muốn làm con sen cho cô Mornas.

— Giữ cô bé lại đi cháu, – Saint-Bérain bàn vào. – Dĩ nhiên, cô bé sẽ có ích cho cháu đấy. Cô ta sẽ đỡ đần cho cháu trăm nghìn việc vặt mà người phụ nữ nào cũng cần.

Cô Mornas vui lòng tán thành ý kiến này còn hơn cả ý muốn của cô.

Khỏi phải nói, cô Mornas không còn định tìm kiếm lòng mến khách của thổ dân nữa. Mọi người đã dựng lều cho cô và chẳng có gì làm xáo động giấc ngủ của cô nữa.

Ngày đầu tiên của chúng tôi là thế.

Amédée Florence

V

Bài Báo Thứ Hai Của Amédée Florence

Bài báo thứ hai của Amédée Florence đăng trên tờ *Expansion Française* vào ngày 18 tháng Giêng.
ĐOÀN THỊ SÁT BARSAC

(Bài của phóng viên đặc biệt của chúng tôi gửi về)

Daouhérik, ngày 16 tháng Mười hai. Từ lúc tôi viết lá thư cuối cùng dưới ánh đèn heo hắt trong rừng rậm vào tối hôm chúng tôi khởi hành, thì cuộc hành trình vẫn tiếp tục, không có gì đặc biệt.

Ngày 2 tháng Mười hai chúng tôi nhô trại lúc năm giờ sáng và lại lên đường.

Chúng tôi phải dỡ hàng trên lưng một con lừa xuống và xếp qua mấy con khác để cho Malik cưỡi. Cô bé da đen có vẻ như đã quên những đau khổ vừa qua, cô luôn miệng cười. Đúng là một người hạnh phúc.

Chúng tôi tiếp tục đi dễ dàng và yên ổn. Giả sử không có màu da đen của những người đi bên cạnh chúng tôi và sự đơn điệu của phong cảnh thì có thể nghĩ rằng chúng tôi chưa ra khỏi nước Pháp.

Phong cảnh chẳng đẹp chút nào: chúng tôi đang vượt qua một vùng bằng phẳng hay chỉ hơi nhấp nhô, có mấy ngọn đồi ở phía bắc và trong tầm mắt của mình, chúng tôi chỉ nhìn thấy toàn cây cối cằn cỗi – đám nọ chen đám kia, cao từ hai đến ba mét, được gọi là “lùm, bụi”.

Dân chúng nhìn chúng tôi với thái độ niềm nở và trông họ hiền lành. Ông trưởng đoàn đi vào các xóm nghèo xơ xác, chuyện trò khá lâu với dân làng.

Tôi xem lại nhật ký và không thấy có gì thú vị trong đó cho đến ngày 6 tháng Mười hai.

Tối hôm đó chúng tôi hạ trại gần làng Oualia. Đến giờ, tôi về lều để ngủ. Tôi thấy Saint-Bérain đã cởi bỏ hết quần áo mặc ngoài đang ở đấy. Áo quần của anh mỗi nơi một chiếc. Giường chiếu tươm tất. Có lẽ, Saint-Bérain định ngủ lại chỗ tôi. Tôi dừng bước và lặng ngắm vị khách đường đột của mình.

Saint-Bérain không hề tỏ ra ngạc nhiên khi trông thấy tôi. Nói chung, anh không ngạc nhiên bao giờ. Anh rất lo lắng, lục tìm khắp nơi và quăng các thứ trong vali của tôi ra đất. Nhưng anh không tìm thấy thứ mình cần. Việc đó khiến anh tức điên cả người. Anh đến bên tôi và tuyên bố một cách rất tự tin:

— Tôi chúa ghét những kẻ đăng trí. Bọn chúng thật bỉ ổi!

Tôi đồng tình ngay.

— Bỉ ổi thật! Nhưng chuyện gì đã xảy ra với anh thế, anh Saint-Bérain?

— Anh biết không? – Saint-Bérain trả lời, – Tôi không thể tìm thấy bộ đồ ngủ của tôi. Tôi chắc gã Tchoumouki sâu bọ kia đã bỏ quên nó ở chỗ nghỉ chân đêm qua. Téo thật đấy!

Tôi gợi ý:

— Thế nếu nó không có trong vali của người khác?

— Của tôi...

— Nhưng mà vali này là của tôi đấy, anh bạn thân mến ạ, cả chiếc lều mền khách này cũng...

Saint-Bérain mở to mắt ngạc nhiên. Biết mình nhầm, anh vợ với số quần áo bị vứt bừa bãi rồi bỏ chạy như thể có bọn ăn thịt người đang đuổi riết theo anh. Tôi gieo người xuống giường, cười lẫn lóc.

Tối ngày 7 tháng Mười hai, tình cờ lều của tôi dựng cạnh lều của cô Mornas. Tôi đi nằm và nghe thấy tiếng chuyện trò bên cạnh. Thay vì phải bịt tai lại, thì tôi lắng nghe: đó là yếu điểm của tôi.

Cô Mornas đang hỏi Tongané, anh nọ trả lời bằng thứ tiếng Anh mà tôi phải sửa lại cho đọc giả dễ hiểu. Câu chuyện chắc đã bắt đầu trước đó. Cô Mornas đang gạn hỏi về quãng đời trước đây của anh ta. Cô hỏi:

— Sao anh, một người Achantis...

Ra thế! Tongané không phải là người Bambara, tôi chưa hề nghĩ như vậy.

— ... lại thành xạ thủ Sénégal? Anh đã nói cho tôi biết điều ấy khi tôi thuê anh nhưng giờ tôi quên mất rồi.

Tôi có cảm giác là cô Mornas không thật lòng.

Tongané trả lời:

— Chuyện ấy xảy ra sau vụ Buxton...

Buxton? Cái tên này có nói với tôi điều gì đó. Nhưng điều gì? Tôi vừa tiếp tục lắng nghe vừa lục lại trong trí nhớ.

— Anh có biết tại sao họ bắn không? – cô Mornas hỏi.

— Bởi vì đại úy Buxton đã cướp bóc và bắn giết mọi người.

— Đúng thế không?

— Thưa, rất đúng ạ. Chúng tôi đã đốt làng, giết người da đen nghèo khổ, giết phụ nữ và trẻ em...

— Và chính đại úy Buxton đã ra lệnh thực hiện tất cả những tội ác đó? – cô Mornas gạn hỏi, giọng không thay đổi.

— Không ạ, – Tongané trả lời. – Chúng tôi không nhìn thấy đại úy bao giờ. Ông không bước ra khỏi lều từ ngày có một người da trắng đến. Ông da trắng đó nhân danh đại úy ra lệnh cho chúng tôi.

— Ông ta, cái ông da trắng ấy, ở chỗ các anh có lâu không?

— Rất lâu ạ. Năm, sáu tháng, mà cũng có thể lâu hơn nữa.

— Bọn anh gặp ông ấy ở đâu?

— Trong rừng.

— Và đại úy Buxton đã dễ dàng thu nhận ông ta?

— Họ không rời nhau nửa bước cho đến ngày đại úy không thể bước ra khỏi lều của mình.

— Và chắc là những hành động tội ác bắt đầu từ hôm đó?

Tongané ngập ngừng.

— Tôi không biết, – anh thú nhận.

— Thế còn ông da trắng kia? – Cô Mornas hỏi. – Anh có nhớ tên ông ta không?

Tiếng ồn ào từ bên ngoài vọng vào làm át đi tiếng nói của Tongané. Tôi không biết anh đã trả lời những gì. Rốt cuộc thì điều ấy cũng không quan trọng. Đó chẳng qua chỉ là một câu chuyện cũ không làm tôi bận tâm.

Cô Mornas lại hỏi:

— Sau khi lính Anh bắn vào bọn anh, chuyện gì đã xảy ra với anh?

— Tôi đã nói cho tiểu thư biết lúc tiểu thư thuê tôi ở Dakar đầy thôi. – Anh trả lời. – Tôi và những người khác rất sợ và đã bỏ chạy vào rừng. Lát sau, tôi quay lại chỗ bắn nhau, nhưng không thấy ai. Ở đấy toàn là xác chết. Tôi đã chôn cất các bạn hữu, chôn luôn cả thủ lĩnh, đại úy Buxton nữa.

Tôi nghe thấy tiếng reo bị nén xuống.

— Sau đó, – Tongané tiếp tục, – tôi lang thang từ làng này sang làng khác và đến sông Niger. Tôi ngược dòng trên một chiếc thuyền ăn cắp được và cuối cùng thì đến Tombouctou, người ta thuê tôi làm xạ thủ, rồi khi người ta sa thải, tôi đi Sénégal, nơi tiểu thư đã gặp tôi.

Sau hồi lâu im lặng, cô Mornas hỏi:

— Vậy đại úy Buxton đã chết?

— Vâng, thưa tiểu thư.

— Và anh đã chôn cất ông ta?

— Vâng, thưa tiểu thư.

— Anh biết mộ ông ta ở chỗ nào chứ?

Tongané cười.

— Rất rõ ạ, – anh nói, – Nhắm mắt tôi cũng đến đó được.

Lại im lặng rồi tôi nghe thấy:

— Chúc anh ngủ ngon, Tongané.

— Chúc tiểu thư ngon giấc. – Anh da đen đáp lại. Anh ra khỏi lều và đi xa dần.

Tôi nằm ngay xuống để ngủ, nhưng vừa mới tắt đèn thì ký ức đã trở dậy trong tôi.

“Buxton? Khi thật, phải đâu ta không biết con người này! Đầu óc của ta đâu rồi?! Vậy là ta đã bỏ mất một thiên phóng sự hấp dẫn!”

Hồi ấy tôi đang làm cho tờ *Diderot* và đã đề nghị ông chủ bút cử tôi đến nơi xảy ra vụ án viên đại úy –

thổ phi với tư cách là một phóng viên. Mấy tháng liền, ông ta từ chối, sợ tổn kém. Cuối cùng, khi ông ta đồng ý thì đã quá muộn màng. Lúc lên tàu ở Bordeaux, tôi được biết đại úy Buxton đã chết.

Song tất cả những chuyện đó đã cũ rồi và nếu bạn có hỏi tôi đã kể ra cuộc nói chuyện lạ lùng của Tongané và cô tiểu thư của anh ta để làm gì thì tôi xin trả lời: thú thật, chính tôi cũng không biết nữa.

Timbo là trung tâm lớn đầu tiên mà chúng tôi gặp. Chúng tôi lưu lại ở đây hai ngày, ngày 13 và 14 tháng Mười hai, vì súc vật cần được nghỉ ngơi.

Hôm sau, sau ngày chúng tôi đến – tức là ngày 14 tháng Mười hai, chúng tôi rất lo lắng cho người dẫn đường của mình: suốt ngày chúng tôi đã hoài công tìm kiếm anh ta, Morilire biến mất.

Xin các bạn hãy yên tâm: ngày 15 tháng Mười hai, vào lúc sắp lên đường, anh ta đã có mặt ở vị trí của mình và đến khi chúng tôi thức dậy, anh ta còn kịp phân phát không ít những đòn roi để số phu khuân vác không thể nghỉ ngơi gì về sự hiện diện của anh ta.

Bị Barsac lục vấn, anh chàng ngang ngạnh đáp rằng hôm qua anh ta không hề bỏ trại. Khuyết điểm không lớn lắm, hoàn toàn có thể tha thứ cho Morilire vì anh ta đã đi chơi trong lúc rảnh rỗi và chuyện này được quên đi ngay.

Từ Timbo trở đi, con đường cứ hẹp dần thành một đường mòn. Giờ đây chúng tôi đã trở thành những nhà thám hiểm thực thụ.

Cả địa hình cũng thay đổi: không còn bằng phẳng nữa. Dốc ngược dốc xuôi kế tiếp nhau. Ra khỏi Timbo, chúng tôi trèo lên một quả đồi cao, rồi tụt xuống, vượt qua một khoảng đất bằng và lại bắt đầu leo lên làng Daouhérikó, nơi chúng tôi dự định sẽ nghỉ đêm.

Người và súc vật đã được nghỉ ngơi thoải mái nên đoàn đi nhanh hơn mọi lần và chỉ mới sáu giờ chiều chúng tôi đã đến làng.

Chúng tôi được đón tiếp hết sức nồng nhiệt: Chính chủ làng đã đến tặng quà cho chúng tôi. Barsac phát biểu cảm ơn, dân làng đáp lại bằng những tiếng reo hò hoan hỉ. Baudrières lắc đầu ngờ vực.

Chủ làng mời chúng tôi vào nghỉ trong những căn nhà tốt nhất, còn cô bạn đường của chúng tôi thì được ông đề nghị tận hưởng lòng mến khách ngay tại nhà riêng của ông. Chúng tôi vô cùng cảm động trước sự đón tiếp đầy nhiệt tình đó và trong khi chúng tôi đã vội hình dung ra cuộc hành trình tiếp theo qua cặp kính màu hồng thì Malik bước đến bên Mornas và nói nhanh cho cô ấy nghe, bằng một giọng rất khê:

— Xin tiểu thư đừng đi! Nếu không tiểu thư sẽ bị chết đấy!

Cô Mornas sững sốt đưa mắt nhìn cô bé da đen. Lẽ dĩ nhiên là tôi cũng đã nghe được lời của cô bé bởi đó là bổn phận của bất kỳ một anh phóng viên có lòng tự trọng nào. Và cả đại úy Marcenay cũng nghe thấy mặc dù đó không phải là nghề của anh. Sau một thoáng suy nghĩ, anh hạ lệnh lập trại. Tôi rút ra kết luận là chúng tôi sẽ được bảo vệ chu đáo.

Biện pháp phòng ngừa ấy đã buộc tôi phải ngẫm nghĩ. Đại úy là người rất am hiểu xứ sở của người da đen. Chẳng lẽ anh mà cũng tin vào mối nguy hiểm do Malik vừa báo hay sao?

VI

Bài Báo Thứ Ba Của Amédée Florence

Từ *Expansion française* đăng tải bài thứ ba của phóng viên đặc biệt của mình vào ngày 5 tháng Hai. Vì những lý do mà độc giả sẽ được biết thì đây là bài báo cuối cùng của anh phóng viên tháo vát nọ gửi cho tòa soạn. Do đó, độc giả của *Expansion française* trong một thời gian dài không thể nào đoán ra bí ẩn ở đoạn cuối của bài báo của Amédée Florence, phải đến chuyện sau nữa điều bí ẩn ấy mới được giải thích đầy đủ.

ĐOÀN THỊ SÁT BARSAC

(Bài của phóng viên đặc biệt của chúng tôi)

Kankan ngày 24 tháng Mười hai. Chúng tôi đến đây sáng hôm qua và sẽ đi tiếp vào ngày mai, ngày lễ Chúa Giáng sinh. Trong bài báo vừa rồi, tôi đã kể cho các bạn nghe về việc Malik báo trước cho cô Mornas đề phòng. Đại úy Marcenay đã ra những mệnh lệnh mà tình huống đòi hỏi. Barsac không nén được cơn tức giận. - Ông đại úy, ai có quyền ra lệnh ở đây? Tại sao ông không hỏi ý kiến của tôi mà đã ra lệnh đóng trại ngoài đồng, thay vì phải trọ lại trong dân?

Đại úy trả lời, giọng tỉnh khô:

— Tôi được biết có âm mưu chống lại chúng ta.

— Mưu với mô! - Barsac thốt lên một cách giễu cợt. - Thật là quá quắt!

— Xin ngài hãy bình tĩnh và nghe tôi nói đây, - cô Mornas nói. - Tôi vừa mới nói chuyện với Malik xong. Chính cô bé đã báo cho ông Marcenay biết về âm mưu đó. Ngài đã từng được nghe nói về *doung-kono* chưa?

Barsac lắc đầu.

— Tôi biết, - bác sĩ Châtonnay đến gần, cắt ngang. - Đó là một loại thuốc rất độc, có đặc tính là làm cho nạn nhân của nó chết sau một tuần.

— Người ta định hại chúng ta bằng cách ấy đấy, - cô Mornas nói. - Malik đã nghe trộm được câu chuyện của chủ làng Daouhérikó với mấy chủ nhà kế bên. Dolo Saron, tên của một chủ nhà, cần phải đón tiếp nồng nhiệt chúng ta và mời một số người trong chúng ta vào ở nhà của hắn, còn số khác thì sẽ ở nhà của đồng bọn hắn. Chúng ta sẽ được thết đãi các món ăn, thức uống đặc sản mà chúng ta không tiện từ chối. Đồng thời, bọn chúng sẽ chuốc rượu cho binh lính của chúng ta say mèm. Sáng ngày chúng ta lại lên đường, không hay biết gì, và mấy ngày sau mới cảm thấy tác dụng của thuốc độc.

Bạn đọc có thể thấy chuyện này đã làm cho chúng tôi lo lắng đến mức nào. Barsac bị choáng váng.

Ngày 16 tháng Mười hai, chúng tôi thức dậy từ lúc tờ mờ sáng.

Khi rời Daouhérikó, tôi nhận thấy Tchoumouki, đầy tớ thứ hai của cô Mornas, không đi ở phía sau nữa mà đang đi chung với Moriliré. Nghĩa là, anh ta đã cãi nhau với Tongané? Tchoumouki và Moriliré nói chuyện với nhau như đôi bạn thân nhất trần đời. Thế đã sao? Càng tốt!

Hình như Tongané không hề hối tiếc về việc đã cãi nhau với bạn. Anh đang chuyện trò với Malik và có vẻ rất vui.

Sau làng Bagareya là bung, và tiếp đến là đồng bằng kéo dài tới cận Kankan. Chúng tôi đến đó hôm qua. 23 tháng Mười hai.

Chúng tôi đến Kankan chậm mất mười hai giờ vì Moriliré lại đào tẩu: anh ta bỏ trốn vào ngày 22, trong lần nghỉ chân giữa trưa. Chúng tôi buộc phải đợi anh ta đến tận sáng ngày hôm sau, khi ấy người dẫn đường của chúng tôi mới trở về vị trí của mình và dẫn đoàn đi như thể không có chuyện gì xảy ra. Lần này anh ta không thể phủ nhận sự vắng mặt của mình. Và Moriliré cũng không quanh co. Anh ta giải thích rằng phải trở lại chỗ nghỉ chân trước đó để lấy mấy tấm bản đồ của đại úy Marcenay bị anh ta bỏ quên. Đại úy mắng nhiếc anh ta thậm tệ, và chuyện kết thúc ở đó.

Tôi sẽ không nhắc đến sự kiện này nếu như SaintBérain không định phóng đại nó lên. Đêm ấy SaintBérain bị mất ngủ, anh ta như có trông thấy người dẫn đường của chúng tôi trở về, và hết sức bí mật, anh báo cho đại úy Marcenay biết rằng Moriliré đã trở về không phải từ hướng Tây, mà là từ hướng Đông, hướng Kankan, hướng chúng tôi đang đi tới, thế nên anh ta không thể tìm đồ gì bị bỏ quên ở đó được. Như vậy người dẫn đường của chúng tôi đã nói dối.

Loại tin như thế có lẽ đã được lưu ý nếu như nó không phát ra từ cửa miệng của Saint-Bérain. Song lại chính anh đã nói ra! Anh đang trí đến mức có thể nhầm hướng tây với hướng đông.

Thôi, chúng ta hãy trở lại câu chuyện bị bỏ dờ. Chúng tôi, gồm cô Mornas, Barsac, Saint-Bérain và tôi, dưới sự hướng dẫn của Tchoumouki và Moriliré đã đi dạo chơi ở Kankan. Mấy ngày trước đó, Moriliré không ngừng làm cho chúng tôi phát ngán lên khi anh ta tán dương tài nghệ của một pháp sư có cái tên *Kéniélala* đang sống ở Kankan. Chúng tôi chỉ cười và cùng nhau khước từ lời mời đến thăm ông ta.

Thế rồi, khi chúng tôi đang dạo chơi ở Kankan, Moriliré và Tchoumouki đã dừng chân ngay trước căn nhà của *Kéniélala* nổi tiếng. Họ lại khuyên chúng tôi nên ghé thăm vị pháp sư và nài nỉ cho đến lúc chúng tôi không thể không làm cho họ vui lòng được.

Chúng tôi bước vào căn nhà xấu xí, bẩn thỉu. *Kéniélala* đang đứng giữa nhà. Sau khi chào hỏi, vị pháp sư nọ ngồi xuống chiếu và mời chúng tôi ngồi xuống theo.

Lão bốc một nắm cát mịn, dùng phát trần rắc xuống theo hình rẽ quạt. Lão hỏi xin chúng tôi mười hai hạt hồ đào – sáu hạt đỏ, sáu hạt trắng – và nói lầm bầm mấy câu thật khó hiểu vừa quăng chúng lên lớp cát như quăng bài, sau đó lão làm mấy động tác rất kỳ quái như thể phù phép cho chúng. Cuối cùng, lão thận trọng nhặt mấy hạt hồ đào lên và chia bàn tay dơ dáy ra để chúng tôi đặt tiền công vào đó.

Bây giờ chúng tôi chỉ việc hỏi. Lão khoái chí và sẵn sàng phán bảo.

Lão bắt đầu từ tôi, tôi hỏi lão về số phận của thứ tôi quý nhất trên đời – Những bài báo tôi gởi cho các bạn.

— Sắp tới, – Lão nói với tôi bằng tiếng Ả-rập – không ai còn nhận được tin của thân chủ nữa.

Lạ thể đấy! Nhưng pháp sư có nói “sắp tới”, nghĩa là tôi có thể yên tâm với bức thư này.

Kéniélala quay sang Saint-Bérain.

— Thân chủ, – lão đoán cho anh, – sẽ bị thương, vết thương làm cho thân chủ không thể ngồi được.

Đến lượt cô Mornas.

— Thân chủ sẽ bị giáng một đòn vào tim, – *Kéniélala* nói.

Ái chà! Khôn thật! Các bạn thấy đấy, lão không nói rõ vết thương về thể chất hay tinh thần. Tôi thiên về giả thiết thứ hai. Chắc cô Mornas cũng hiểu nhà tiên tri như tôi, bởi vì mặt cô đỏ lên. Tôi xin cam đoan là cô đang nghĩ đến đại úy Marcenay.

Lão già im lặng rồi nhìn Barsac với vẻ hăm dọa. Rõ ràng là chúng tôi đang đứng trước lời tiên đoán quan trọng nhất. Lão phán:

— Quá Sikasso một đoạn, tôi thấy có người da trắng, đối với các thân chủ, điều đó có nghĩa là nô lệ hoặc là chết.

Lão vui ra mặt.

— Người da trắng? – Cô Mornas nhắc lại. – chắc thầy muốn nói: người da đen?

— Tôi nói: người da trắng, – *Kéniélala* trịnh trọng khẳng định. – Đừng đi quá Sikasso, bằng không các thân chủ sẽ bị bắt làm nô lệ hoặc bị giết chết.

Lúc ăn trưa, tất cả chúng tôi, kể cả ông Baudrières nhút nhát, đều đem chuyện ấy ra mà giễu cợt, sau đó mọi người đều không còn nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Nhưng tôi vẫn cứ nghĩ và nghĩ rất nghiêm túc. Cuối cùng, khi nằm xuống ngủ, tôi đã đi đến kết luận là... người ta muốn đe dọa chúng tôi.

Ai đe dọa? Và vì sao?

Ai thì tôi không biết.

Còn vì sao thì hẳn để buộc chúng tôi phải từ bỏ chuyến đi của mình. Chúng tôi đang làm cho ai đó phải bận tâm và người đó không muốn chúng tôi đi quá Sikasso.

Moriliré đồng lõa với bọn định cản đường chúng tôi. Việc hấn cứ khẳng khẳng muốn dẫn chúng tôi đến

chỗ *Kéniélala* rất đáng ngờ và có thể nghĩ rằng hắn đã bị mua chuộc.

Kết luận của tôi là thế. Đúng hay sai, hồi sau sẽ rõ. Cứ sống khác biệt.

Amédée Florence

TRONG RỪNG RẬM, CÁCH KANKAN MỘT NGÀY ĐƯỜNG. NGÀY 26 THÁNG MƯỜI HAI.
Tôi viết thêm mấy dòng này vào bức thư đã viết ngày hôm kia. Tchoumouki có nhiệm vụ chuyển nó đến cho các bạn.

Chuyện xảy ra hồi hôm rất lạ.

Rời Kankan sáng qua và sau hai chặng đường dài, tính chung khoảng ba mươi km, chúng tôi hạ trại ngoài đồng.

Cả trại đã ngủ. Giữa đêm, thỉnh thoảng chúng tôi bị đánh thức dậy bởi một thứ tiếng động rất lạ mà không ai trong chúng tôi có thể giải thích nổi. Nó giống như tiếng ù ù khủng khiếp của máy hơi nước hay đúng hơn là tiếng vo vo của côn trùng, nhưng là thứ côn trùng khổng lồ, to bằng con voi. Theo lời của lính gác thì tiếng động khác thường ấy bắt đầu nổi lên ở hướng Tây. Đầu tiên nó rất yếu, sau lớn dần. Lúc chúng tôi chạy ra khỏi lều, nó đạt tới mức tối đa. Lạ nhất là nó vọng đến chỗ chúng tôi từ trên không trung, từ trên trời xuống.

Chúng tôi giương mắt nhìn một cách vô ích. Không thể thấy được gì vì mây đen dày đặc đã che hết mặt trăng và đêm tối như bưng.

Trong khi chúng tôi hoài công căng mắt xuyên màn đêm thì tiếng ù ù chuyển về hướng Đông, nhỏ dần rồi tắt lịm... Song trước khi nó tắt hẳn, chúng tôi lại nghe thấy tiếng động khác, từ hướng Tây vọng lại. Giống như lần trước, nó lớn dần, đạt tới mức tối đa rồi nhỏ dần và mất hút ở hướng Đông.

Cả trại khiếp sợ. Phu khuân vác nằm úp mặt xuống đất. Tất cả chúng tôi quây quần bên đại úy Marcenay. Tchoumouki và Tongané cũng có mặt ở đây. Tôi không thấy Morilire đâu cả. Chắc hắn đang nằm run sợ ở đâu đấy thôi.

Tiếng ầm ầm khủng khiếp nổi lên, gia tăng rồi tắt lịm năm lần. Sau đó đêm khuya đã trở lại với vẻ tĩnh mịch thường khi của nó và trôi qua bình yên.

Sáng sớm, lúc chúng tôi bắt đầu tập hợp đội ngũ thì những người da đen hoảng sợ một mực không chịu đi. Mãi sau, đại úy Marcenay mới khuyên bảo được họ và chúng tôi lên đường, chậm mất ba tiếng đồng hồ.

Sự kiện huyền bí đêm đó dĩ nhiên đã choán hết tâm trí của mọi người, nhưng không một ai có thể giải thích được. Dần dần họ chuyển sang nói những chuyện khác.

Chúng tôi đã đi được gần hai mươi km thì bỗng nhiên đại úy Marcenay đang đi phía trước, nhìn thấy mặt đất bị rạch thành những đường như vết bánh xe dài khoảng năm trăm mét, chạy từ Tây sang Đông. Các vết ấy sâu gần một tấc ở hướng Tây rồi nông dần về hướng Đông. Có chừng mười vết, chia làm năm cặp.

Chúng có liên quan gì đến tiếng động đêm ấy? Đầu tiên chúng tôi định trả lời là không.

Nhưng hướng của chúng là từ Tây sang Đông, số lượng lại trùng hợp: năm cặp vết bánh xe, năm lần nổi lên tiếng động ầm ầm.

Vậy là sao? Tôi không biết.

Amédée Florence

VII

Ở Sikasso

Đoàn thị sát Barsac đến Sikasso ngày 12 tháng Giêng. Trong sáu tuần lễ, tính trung bình mỗi ngày đi được hai mươi lăm km, đoàn đã vượt qua chặng đường dài một nghìn một trăm km, từ bờ biển tới thủ đô Keneduga cổ kính này.

Expansion française không còn nhận được bài viết của Amédée Florence nữa và chúng ta chẳng thể nào biết được gì về cuộc hành trình nếu như không có cuốn nhật ký mà hằng ngày anh phóng viên lanh lợi đó đã dùng để ghi lại những điều nhận xét và quan sát được. Tác giả câu chuyện này đang để nó ở trước mặt của mình và khi cần sẽ trích dẫn thoải mái.

Tại Sikasso, nếu độc giả chưa quên, đoàn thị sát Barsac phải chia làm đôi. Một nhóm, dưới sự lãnh đạo của chính Barsac, sẽ đi về hướng Đông, qua Ouagadougou – thủ đô của *Mossi* và quay ra biển, qua Borgou đến Dahomey, nhóm thứ hai, do Baudrières dẫn đầu sẽ xuống miền Nam và tiến thẳng đến GrandBassam.

Thành phố Sikasso, cũng như tất cả các điểm dân cư khác ở xứ này có tường thành bao quanh. Tường cao hơn sáu mét và dưới chân dày hơn tám mét.

Quân đồn trú của Pháp ở Sikasso gồm ba đại đội. Các sĩ quan trẻ đã hân hoan chào đón đoàn thị sát Barsac. Họ tổ chức tiếp đón các vị khách quý một cách long trọng.

Hôm sau, đoàn tiến hành chia hai. Cùng đi với Baudrières có Heyrieux và Quirieu – theo sự phân công và Tassin – theo nguyện vọng riêng của ông. Poncin và bác sĩ Châtonnay gia nhập nhóm của Barsac. Amédée Florence cùng đi với họ vì hành trình của nhóm này dài hơn nên anh sẽ có nhiều tài liệu để viết.

Đại úy Marcenay được lệnh chuyển một trăm chiến sĩ của mình sang cho đội bảo vệ Baudrières, đặt dưới quyền chỉ huy của một viên trung úy lấy từ đội quân trú phòng Sikasso, còn anh và số binh lính còn lại phải đi cùng với Barsac. Anh là người quen tuân theo kỷ luật nhưng vẫn rất lo lắng và buồn rầu tự hỏi: không biết Jane Mornas và Saint-Bérain sẽ đi với nhóm nào?

Anh đã thở phào nhẹ nhõm lúc thiếu nữ tuyên bố rằng nàng sẽ đi cùng với Barsac. Và rồi viên đại úy của chúng tôi vô cùng thất vọng khi nghe Jane nói thêm rằng nàng và Saint-Bérain sẽ ở lại với nhóm của ông dân biểu miền Nam khá kính không bao lâu và sẽ chia tay với ông sau một vài chặng để tiếp tục cuộc thám hiểm của mình lên phía Bắc.

Mười con lừa, năm mục phu và mười phu khuân vác của Jane Mornas và Saint-Bérain dĩ nhiên là phải theo chủ của chúng. Số mục phu, phu khuân vác và súc vật thồ hàng còn lại được chia ra thành hai phần không đều nhau: số nhiều hơn sẽ đi với nhóm có chặng đường dài hơn, tức là với nhóm của Barsac và anh chàng Morilire cũng cùng đi với nhóm này.

Nhưng đến lúc thực hiện phương án đó thì Morilire cương quyết từ chối, chẳng có lý lẽ nào thuyết phục được anh ta. Anh ta nói rằng anh ta chỉ được thuê đến Sikasso thôi và không có gì trên thế gian này có thể bắt anh ta đi tiếp được. Mọi người nói mãi, anh ta mới đồng ý đi dẫn đường cho nhóm của Baudrières.

Vừa thu xếp xong việc ấy thì đã xuất hiện một khó khăn mới, từ phía các mục phu và phu khuân vác. Họ đồng lòng không chịu đi quá Sikasso. Đề nghị, hứa hẹn, đe dọa – hết thấy đều vô hiệu.

Người ta bắt đầu đi tìm người dẫn đường mới và bọn đầy tớ khác. Không phải tốn nhiều công sức để thuê đầy tớ, nhưng phải mất mấy ngày mới tìm được người dẫn đường ở địa phương tỏ ra tương đối đáng tin cậy. Đó là chàng da đen Bala Konéré.

Morilire lập tức thay đổi thái độ. Từ chỗ thờ ơ, thậm chí còn giễu cợt với việc tìm kiếm không kết quả của các ông chủ, anh ta thay đổi ngay lập trường khi công việc tìm kiếm đã thành công. Anh ta tha thiết xin Barsac thứ lỗi cho tính ương ngạnh của mình, nói rằng do sợ nên đã không chịu đi và xin được tiếp tục tháp tùng đoàn đến Ouagadougou và Dahomey. Sự chống đối của đám phu khuân vác cũng tan biến, họ nói rằng họ sẵn sàng đi theo người dẫn đường của mình đến bất cứ nơi nào.

Việc đồng tâm đột ngột này chứng tỏ Morilire là kẻ có lỗi duy nhất trong cuộc đình công bất ngờ và người ta đã thoág có ý nghĩ nên từ chối đề nghị muón mánh của anh ta. Nhưng sử dụng số phu từng trải và người dẫn đường – thổ dân của xứ sắp đi qua là một việc hữu ích, vì vậy người ta đã nhắm mắt trước những mánh khéo của Morilire.

Tất cả những vụ lộn xộn và thay đổi đó ngốn mất khá nhiều thời gian. Baudrières và Barsac đến Sikasso ngày 12 tháng Giêng mà mãi tới ngày 21 mới rời khỏi nó được.

Barsac và Baudrières bắt tay nhau rất cảm động. Hai nhóm cùng khởi hành, mỗi nhóm đi theo hướng của mình. Baudrières đi về hướng Nam, Barsac, Poncin, bác sĩ Châtonnay, Amédée Florence, Jane Mornas và Saint-Bérain cùng một trăm kỵ sĩ dưới quyền chỉ huy của đại úy Marcenay rẽ trái và mất hút ở hướng Đông.

Song số phận rất khác nhau đã dành cho hai nhóm gần giống như nhau đó. Trong khi Baudrières thực thi nhiệm vụ của mình một cách bình yên thì Barsac và các bạn của ông lại gặp những sự kiện hết sức kỳ lạ và khủng khiếp.

Và đó chính là lý do tại sao từ đây câu chuyện sẽ bỏ qua những chi tiết nhỏ nhất trong chuyến đi xuôi chèo mát mái của Baudrières và chỉ gắn liền với nhóm đi về hướng Đông, và với sự hướng dẫn của Morilire, họ đang tiến sâu vào xứ sở của người da đen.

VIII

Morilire

(*trích nhật ký của Amédée Florence*)

NGÀY 22 THÁNG GIÊNG. Hai ngày đã trôi qua từ khi chúng tôi rời Sikasso, và tôi có cảm tưởng là công việc không được ổn. Hình như tinh thần của những người đầy tớ bị giảm sút: mục phu chỉ chờ có dịp là xao nhãng, còn phu khuân vác thì có vẻ mau mệt hơn và luôn mồm đòi được nghỉ chân. Có thể, đó là do tôi tưởng tượng ra và bị những lời tiên đoán của *Kéniélala* ám ảnh. Quả thật, những lời tiên đoán mà tôi hầu như đã quên đi ấy lại có chút ít trọng lượng kể từ lúc chúng tôi rời khỏi Sikasso và đội hộ tống chỉ còn một nửa.

NGÀY 24 THÁNG GIÊNG. Buổi tối, chúng tôi đến Kafélé. Bốn ngày đi được năm mươi km. Mười hai km một ngày – Một kỷ lục không đến nỗi nào.

NGÀY 31 THÁNG GIÊNG. Ấy thế mà kỷ lục đó đã bị phá! Chúng tôi phải mất sáu ngày để vượt qua 50 km tiếp theo. Tổng cộng: một trăm km đi trong mười ngày! Chúng tôi đang ở làng Kokoro nhỏ bé. Ba hôm trước, sau khi rời làng Ngana – họa có quỷ mới bịa ra được những cái tên như thế?! – Chúng tôi đã xuống cái thung lũng mà hiện giờ đang đi. Núi ở các hướng Tây, Bắc và Nam. Trước mặt chúng tôi là hướng Đông, là bình nguyên.

Họa vô đơn chí, chúng tôi đã phải lưu lại ở Kokoro một thời gian. Không phải vì bị ép buộc mà vì ông chủ làng Pintié–Ba nhiệt tình của chúng tôi.

Vào đêm hôm chúng tôi đến gần làng, chúng tôi đã gặp một đám đông những người da đen đang gào thét. Dưới ánh đuốc, chúng tôi đếm được có ít nhất tám trăm người và hình như thái độ của họ không thân thiện cho lắm. Lần đầu tiên chúng tôi gặp một kiểu đón tiếp như thế nên có hơi ngạc nhiên. Đại úy Marcenay ra lệnh cho binh lính của anh mở nắp các thùng đựng vũ khí nhưng không lấy súng ra. Đại úy còn chân chừ.

Lúc ấy con ngựa của Saint-Bérain hoảng sợ vì tiếng la hét đã lồng lên. Saint-Bérain bị bắn ra khỏi yên, chúi đầu rơi thẳng vào đám dân da đen. Bọn họ gào lên rất hung dữ và lao vào anh bạn bất hạnh của chúng tôi. Khi đó...

...Khi đó, cô Mornas thúc ngựa lao thẳng vào đám đông lập tức thu hút sự chú ý về phía mình. Nữ kỵ sĩ dũng cảm của chúng tôi bị bao vây. Hai mươi ngọn thương nhắm thẳng vào người cô...

— *Manto!* – Cô nói to với những người đang xông đến. – *Ntéa bé souba.* (Đứng yên! Ta là tiên nữ.)

Vừa nói cô vừa rút cây đèn pin ra và bật cho nó sáng nhấp nháy. Mọi việc trở nên êm dịu, và quanh cô là vòng vây đầy kính nể. Ông Pintié–Ba kẻ trên bước ra khoảng giữa. Ông định phát biểu – đó là cái tật của tất cả những nhà cầm quyền trên trái đất. Nhưng cô Mornas yêu cầu ông im lặng: cô đang vội đến cứu Saint-Bérain, anh vẫn nằm bất động từ lúc bị ngã.

Theo kết luận của bác sĩ Châtonnay thì Saint-Bérain đã bị thương. Người anh đầy máu. Anh không may rơi đúng vào hòn đá sắc cạnh, vết thương khá lớn, ở dưới thắt lưng một chút. Khi ấy tôi nghĩ: một trong những điều tiên đoán của *Kéniélala* đã thành sự thật. Tôi lạnh cả xương sống, lo cho số phận các bài báo của tôi.

Khi bác sĩ Châtonnay lấy túi đựng đồ nghề ra rửa và băng bó vết thương cho Saint-Bérain thì những người da đen ngắm nhìn ông với vẻ hết sức ngạc nhiên.

Trong lúc công việc chạy chữa đang tiến hành, cô Mornas cho phép ông Pintié–Ba được nói. Ông đến gần và hỏi bằng tiếng Bambara là tại sao *toubab* (*toubab* tức là Saint-Bérain) cầm vũ khí tấn công họ. Cô Mornas bác bỏ điều đó. Nhưng ông chủ làng vẫn cứ không tin, ông chỉ vào ống đựng cần câu đeo trước ngực Saint-Bérain. Mọi người phải giải thích cho ông. Song vô ích. Để làm cho ông tin, buộc phải tháo nắp, mở ống và lấy cho ông xem mấy chiếc cần câu.

Đôi mắt của Pintié–Ba lộ rõ lòng thèm muốn. Hai tay ông chìa về hướng cái ống sáng lóng lánh. Như đứa trẻ quen được nuông chiều, ông nài nỉ, xin xỏ và đòi hỏi. Saint-Bérain tức mình không cho.

Cô Mornas muốn củng cố bầu không khí hòa hoãn vừa được thiết lập nên đã cố gắng thuyết phục anh, nhưng không được. Cuối cùng, cô nổi giận.

— Cháu với chiếc thế đấy! – Cô nói, giọng cay nghiệt, và chiếu thẳng đèn pin vào mặt chàng câu cá buống bình.

Saint-Bérain nhượng bộ ngay và anh đưa cái ống đựng cần câu cho Pintié–Ba, ông này coi kết quả đó là do sức mạnh huyền bí của cây đèn và uy lực của cô tiên. Sau khi chiếm được của quý, lão vô công rồi nghề trở nên điên loạn. Lão nhảy một điệu rất quái đản, sau đó theo lệnh của lão, dân làng đã đem vũ khí cất hết đi. Pintié–Ba mời chúng tôi vào làng nghỉ bao lâu tùy thích.

NGÀY 2 THÁNG HAI. Chúng tôi vẫn còn ở Kokoro vì vết thương của Saint-Bérain. Ông vừa chú vừa cháu đó (tôi mạnh dạn gọi anh như thế) chưa thể cỡi ngựa được.

NGÀY 3 THÁNG HAI. Lại vẫn Kokoro. Rầu thật!

NGÀY 4 THÁNG HAI, sáu giờ sáng. Cuối cùng, chúng tôi cũng ra đi. Buổi tối cùng ngày, do nhầm đường, chúng tôi lại có mặt ở Kokoro.

Sáng sớm, chúng tôi chia tay với dân làng. Đoàn xuất phát, đi nhưng không được bao nhiêu. Đi chậm hơn cả trước lúc đến Kokoro. Lúc thì phu khuân vác tụt hậu – đành phải dừng lại chờ, lúc thì hàng thổ trên lưng lừa rơi xuống đất – buộc phải sắp xếp lại. Cứ thế hoài.

Đến mười giờ, chúng tôi vẫn chưa đi được lấy sáu km.

Tôi khâm phục đức tính kiên nhẫn của đại úy Marcenay. Anh tỉnh bơ đương đầu với âm mưu thâm lặng. Vào lúc xuất phát đi chặng buổi chiều đã xuất hiện trò hề mới: Morilire tuyên bố rằng hấn nhầm đường. Cô Mornas hội ý với mấy tay dẫn đường. Tchoumouki ủng hộ ý kiến của Morilire. Trái lại, Tongané khẳng định chúng tôi đang đi đúng hướng. Chúng tôi không thông thạo đường xá nên chẳng biết tin ai.

Chúng tôi lưỡng lự hồi lâu rồi tán thành ý kiến của đa số là phải quay trở lại.

Bấy giờ chúng tôi đi nhanh kinh khủng. Phu khuân vác không cảm thấy mệt nữa, hành lý được buộc chặt trên lưng lừa. Trong một giờ chúng tôi đi được một quãng đường mà ban sáng phải đi mất bốn giờ và chưa tới, chúng tôi đã về tới chỗ đóng trại cũ, gần Kokoro.

NGÀY 6 THÁNG HAI. Hôm qua, 5 tháng Hai, chúng tôi đã xuất phát dễ dàng và rất lạ là theo đúng con đường mà chúng tôi đã không chịu đi. Morilire nói rằng sau khi suy nghĩ kỹ càng thì hấn thấy hấn bị nhầm vào buổi chiều chứ không phải vào buổi sáng. Tchoumouki lại hứa theo hấn. Tôi nghĩ là hai tên này mưu phản chúng tôi.

Hôm ấy đã xảy ra hai vụ việc nghiêm trọng. Trong chặng đi buổi sáng, một con lừa đột ngột lăn đùng ra đất. Mọi người định đỡ nó dậy nhưng nó đã chết. Dĩ nhiên, có thể đó là cái chết bình thường. Song thú thật tôi có nghĩ đến *doung-kono* và các loại độc dược khác của xứ sở này.

Buổi chiều xảy ra sự việc thứ hai: một phu khuân vác biến mất. Hấn bị làm sao? Không ai biết cả. Đại úy Marcenay giật giật sợi ria mép. Tôi thấy anh lo lắng.

Tối lại có chuyện bất ngờ: một số phu da đen say rượu. Ai đã chuốc rượu cho bọn họ? Đại úy đến bên Barsac đứng vào lúc tôi đang trao đổi tình hình với ông. Bác sĩ Châtonnay, Poncin, cô Mornas, Saint-Bérain cũng đến. Chúng tôi họp hội đồng quân sự.

Đại úy trình bày vắn tắt các vụ việc và kết tội Morilire trong mọi chuyện. Anh đề nghị phải tra hỏi tên dẫn đường phản trắc và cưỡng chế hấn. Mỗi người lính sẽ đi kèm một phu khuân vác, bắt đi cho kỳ được. Barsac không tán thành. Saint-Bérain càng không đồng ý. Hội cung Morilire – tức là báo cho hấn biết trước hấn đã bị lộ. Hơn nữa chúng tôi không có bằng chứng gì để buộc tội hấn và thậm chí chúng tôi không biết hấn phản bội chúng tôi với mục đích gì. Morilire sẽ phủ nhận hết tất cả và chúng tôi không thể bác bỏ lại hấn. Thế còn việc ép phu khuân vác phải đi? Biết làm sao một khi bọn họ cứ ì ra và chịu trận?

Chúng tôi quyết định im lặng, kiên nhẫn chịu đựng và theo dõi sát sao Morilire.

NGÀY 7 THÁNG HAI có tin mới. Đêm qua chẳng yên tĩnh chút nào. Chúng tôi đã không thể xuất phát vào giờ như trước và chỉ đi được có một chặng, chặng buổi chiều.

Tôi xin tóm lược các sự kiện để qua đó các bạn thấy rằng đôi khi tính đăng trí cũng hữu ích lắm chứ.

Hôm qua chúng tôi đã quyết định theo sát Morilire. Chúng tôi không để lộ cho lính bảo vệ biết nỗi lo của mình, quyết định thay nhau thức canh. Chúng tôi chia đêm ra thành sáu phiên gác bằng nhau rồi rút thăm. Thứ tự như thế này: Cô Mornas, Barsac, đại úy Marcenay, tôi, Saint-Bérain và Poncin.

Một giờ khuya, tôi thay ca cho đại úy Marcenay. Anh nói với tôi là mọi việc đều tốt đẹp và chỉ cho tôi thấy Morilire đang đắp chăn nằm ngủ cách chỗ chúng tôi ngồi không bao xa. Ánh trăng rằm soi rõ bộ mặt màu đen và chiếc chăn trắng của tên láu cá đó.

Phiên trực bắt đầu một cách yên tĩnh. Nhưng gần một rưỡi thì hình như có tiếng ù ù – thứ tiếng động đã làm cho chúng tôi cuống cuống vào cái đêm đầu tiên sau khi rời khỏi Kankan. Tiếng động vọng đến từ hướng Đông, song xa tới mức đến bây giờ tôi vẫn không dám tin chắc là nó có thật hay không.

Hai giờ mười lăm phút, tôi bàn giao ca trực cho Saint-Bérain rồi đi nằm. Tôi không thể chợp mắt nên trở dậy định ra ngoài lều thức luôn tới sáng. Đúng lúc ấy tôi lại nghe thấy tiếng ù ù, nhỏ đến nỗi có thể tưởng là mình nghe nhầm. Tôi lao ra ngoài, vênh tai lắng nghe...

Chẳng có gì! Nó như cơn gió thoảng, nhỏ dần, nhỏ dần rồi tắt lịm không biết từ lúc nào ở hướng Đông.

Tôi quyết định đi tìm Saint-Bérain.

Lạ thay! Saint-Bérain không có ở chỗ gác. Tôi chắc anh chàng lảm cẩm đã quên nhiệm vụ của mình và bỏ đi làm việc khác. Chỉ mong sao Morilire không lợi dụng cơ hội này. Tôi xin xác nhận là Morilire chưa bỏ trốn, hẳn đang nằm ngủ say sưa trên mặt đất. Tôi còn nhìn thấy cái bản mặt đen thui và tấm chăn trắng của hắn.

Tôi yên tâm đi tìm Saint-Bérain. Tôi biết phải tìm anh ở đâu vì gần trại có một con sông nhỏ. Tôi đi thẳng ra bờ sông và thấy một bóng người đang ở giữa dòng. Nhưng làm sao anh có thể ra xa bờ đến thế? Chẳng lẽ anh biết cách đi trên mặt nước?

Hóa ra, Saint-Bérain đã kết mấy khúc gỗ lại thành bè và dùng một cành cây dài đẩy bè ra xa bờ mấy mét. Anh neo bè lại đó, sau khi đã cột nó vào một hòn đá lớn thả xuống sông. Anh sáng trí lạ.

Tôi chạy đến bên bờ sông và khẽ gọi:

— Saint-Bérain!

— Tôi đây! – bóng người dưới sông trả lời.

— Anh làm gì thế hả Saint-Bérain?

Tôi nghe thấy tiếng cười dễ dãi, rồi bóng đen trả lời: - Tôi đánh cá trộm, anh bạn thân mến ạ!

Tôi tưởng mình đang mơ. Sao lại có chuyện đánh cá trộm ở Soudan? Tôi chưa từng nghe ai nói việc đánh bắt cá ở đây phải tuân theo luật lệ nào đó. Tôi nhắc lại:

— Anh đánh cá trộm? Anh không giấu tôi chứ?

— Đúng vậy, – Saint-Bérain trả lời, – vì tôi đang đánh cá bằng lưới vào ban đêm mà. Việc này bị nghiêm cấm đấy.

Ý nghĩ đó làm anh ta khoái chí. Đồ quý! Hẳn nhạo báng tôi!

— Thế còn Morilire? – Tôi tức giận hỏi.

Giữa đêm khuya thanh vắng vang lên một câu chữ rất tục mà ngòi bút của tôi không muốn ghi lại, sau đó bóng đen chuyển động và Saint-Bérain nhảy lên bờ. Anh thờ dốc, đi vội về chỗ gác mà anh không được quyền rời bước.

May thay, Morilire vẫn còn đang nằm ngủ. Tôi dám quả quyết rằng hắn không hề trở mình từ lúc tôi thức dậy. Saint-Bérain cũng thấy thế.

— Anh làm tôi hết hồn! – Anh than.

Lúc ấy, chúng tôi nghe tiếng động mạnh ngoài sông. Xin thế là có người đang bị chết đuối.

Chúng tôi chạy về phía bờ sông và quả thật, có cái gì đó đen thui đang giẫy giụa dưới sông.

— Một gã da đen, – Saint-Bérain nói.

Anh nhảy xuống bè, gỡ cho gã da đen và kéo hắn lên bờ rồi giải thích cho tôi:

— Hắn bị mắc vào chiếc lưới tôi đã bỏ quên. Nhưng không biết hắn làm cái quái gì ở đây thế?

Chúng tôi cúi xuống người nạn nhân và buộc miệng thốt lên:

— Morilire?

Vâng, đúng là Morilire, trần truồng, ướt như chuột lột và bị sắc nước gần chết. Rõ ràng là tên dẫn

đường đã trốn trại, bơi qua sông, thò thân ngoài đồng và lúc về bị sa vào lưới mà Saint-Bérain đã bỏ quên theo mệnh trời. Giả sử không có tính đấng trí quý giá của anh thì có lẽ, chúng tôi sẽ không bao giờ biết được cuộc du ngoạn của tên phản bội. Rồi tôi chợt nghĩ: Thế còn tên Morilire đang yên giấc dưới trăng?

Tôi chạy đến chỗ hắt và xốc hắt dậy. Cừ lắm! Tôi đã phải nghĩ như thế vì tấm chăn trong tay tôi trống trơn. Còn cái mặt đen là một khúc gỗ được đặt dưới chiếc mũ gắn lông chim.

Lần này tên dê tiện bị bắt quả tang. Phải bắt hắt thú tội mới được. Tôi chạy trở lại chỗ Saint-Bérain và tên tù của anh. Hình như tên nọ đã tỉnh.

Thình lình hắt bật dậy, lao ra sông như có ý muốn tắm một lần nữa. Song Morilire đã tính quá tời: Saint-Bérain đã thộp được cườm tay của hắt. Saint-Bérain không đẹp bằng thần Apollon nhưng lại mạnh như Hercule. Miếng nắm của anh thật khủng khiếp, cứ trông thân hình co rúm và bộ mặt nhăn nhó của kẻ bị bắt thì biết. Chưa đầy một phút Morilire đã đầu hàng. Hắt quỳ xuống van xin.

Đúng lúc ấy, có một vật gì đó rơi ra khỏi tay hắt. Tôi cúi xuống nhặt lên. Rùi thay, vì chúng tôi không đề phòng nên Morilire liều mình, nhào người về phía tôi, dùng cánh tay không bị nắm giữ giật lấy vật ấy rồi tọng vô mồm.

Saint-Bérain buộc miệng chửi. Tôi nhảy đến chụp lấy cổ họng của Morilire. Anh bạn đồng hành của tôi cũng đang dùng tay kia bóp cổ hắt.

Morilire ngắc ngoải, phải nhả cái vật kia ra, nhưng than ôi, hắt chỉ nhả ra có một nửa: hắt đã dùng hai hàm răng cứng như thép cắn đứt đôi cái vật đáng ngờ, một nửa đã chui tọt xuống dạ dày của hắt.

Tôi xem vật vừa giật được: đó là một mẫu giấy có chữ viết.

Tôi đi tìm đại úy Marcenay. Việc đầu tiên của đại úy là nhốt tên Morilire đang bị trói vào lều. Anh bố trí bốn người lính canh xung quanh và ra những chỉ thị rất nghiêm ngặt. Lúc đó cả ba chúng tôi đi về lều của đại úy, nóng ruột muốn biết nội dung của mảnh giấy.

Các chữ cái Ả-rập hiện ra dưới ánh đèn. Đại úy là người giỏi tiếng Ả-rập, anh có thể dễ dàng đọc được các dòng chữ ấy nếu như tờ giấy còn nguyên vẹn. Nhưng chúng tôi chỉ có một mảnh nên rất khó hiểu và càng không thể giải nổi dưới ánh đèn lơ mờ. đành phải chờ trời sáng.

Đến sáng, chúng tôi mới biết là không thể đọc được. Song, có lẽ, vì không còn hy vọng đánh lừa chúng tôi được nữa, Morilire sẽ đoái công chuộc tội mà khai báo tội lỗi và giúp chúng tôi dịch ra đầy đủ những gì ghi trong tờ giấy ấy.

Chúng tôi tiến về phía lều giam, dừng lại ở cửa ra vào và hết sức ngạc nhiên: mấy đoạn dây trói phạm nhân bị vứt bừa bãi trên mặt đất, căn lều trống trơn.

IX

Mệnh Lệnh Cao Hơn Tất Cả

(*trích nhật ký của Amédée Florence*)

VĂN NGÀY HÔM ĐÓ. Vậy là chúng tôi nhìn thấy căn lều trống không. Morilire biến mất. Đại úy Marcenay vô cùng bức tức, anh tra hỏi mấy người lính gác. Nhưng các chàng trai đáng thương đó cũng chỉ ngạc nhiên như anh. Họ nói rằng họ không hề bỏ gác và không nghe thấy bất cứ một tiếng động khả nghi nào.

Chúng tôi trở lại lều giam và bấy giờ mới phát hiện ra một lỗ thủng trên nóc. Phía trên lỗ thủng là một cành cây to. Sự việc trở nên dễ hiểu. Morilire đã tháo được dây, do trói không kỹ rồi leo lên trụ chống giữa lều và bỏ trốn.

Đuổi theo hắn chẳng? Vô nghĩa! Hắn tẩu đã được một giờ rồi, vả lại trong rừng rậm làm sao kiếm ra người?

Gần một giờ sau, tất cả chúng tôi đều tập trung ở lều của Barsac. Đại úy trao lại cho chúng tôi mảnh giấy bí ẩn có ghi mấy dòng chữ sau đây:

Mansa a man grigni toubaboul Mémou nimbé mando kafa batak manaéta sofa A okata. Batou i a kafolo. Mansa a bé

Thực tình tôi chẳng thể nào hiểu được những câu rối rắm này!

Mảnh giấy được chuyển từ tay người này sang người khác. Hình như cô Mornas và Saint-Bérain có hiểu chút ít gì đó. Tôi ngạc nhiên trước sự uyên bác của họ. Barsac và Poncin cũng chỉ biết như tôi mà thôi.

— Các chữ cuối của dòng thứ nhất và dòng thứ hai không đầy đủ, – đại úy Marcenay giải thích cho chúng tôi. – Phải đọc chữ cuối dòng đầu là *toubaboulengo* tức là “mấy người Âu”, còn chữ cuối dòng thứ hai là *kafama*, có nghĩa “còn”. Nếu bổ sung như vậy, ta có bản dịch:

“Ông chủ (hoặc quốc vương) không muốn những người Âu...bởi vì chúng còn đi...Thư sẽ do một sĩ quan mang đến...Người đó sẽ ra lệnh. Phải nghe lời...mày đã bắt đầu. Ông chủ (hay quốc vương)...”.

Không rõ lắm. Tuy nhiên, đại úy Marcenay giải thích thêm:

— Đoạn đầu của mệnh đề thì dễ hiểu thôi. Có một ông chủ hay một quốc vương không muốn chúng ta làm điều gì đó. Đoạn thứ hai nói về việc ấy. Hắn không muốn chúng ta tiến sâu vào xứ sở của người da đen. Rõ ràng là đoạn hai bắt đầu trình bày cái kế hoạch mà chúng ta không được biết. Hai dòng tiếp theo khó hiểu hơn “Một sĩ quan sẽ mang thư đến”. – câu này không mách bảo cho chúng ta điều gì, dòng thứ tư là mệnh lệnh gửi cho Morilire, nhưng chúng ta không biết “người đó”, cái người sẽ ra lệnh, là ai. Còn mấy chữ cuối cùng thì không có nghĩa gì đối với chúng ta.

Chúng tôi nhìn nhau thất vọng. Barsac kết luận:

— Từ những vụ việc mà chúng ta đã chứng kiến cho tới giờ phút này, kể cả những việc mới xảy ra hôm nay, có thể rút ra những kết luận sau đây: thứ nhất, tên dẫn đường đã phản bội chúng ta và làm việc cho một kẻ thù thứ ba nào đó, không rõ vì lý do gì, kẻ này đang tìm cách cản phá cuộc hành trình của chúng ta; thứ hai, kẻ giấu mặt có những quyền lực nhất định bởi vì hắn có thể bố trí cho chúng ta một tên dẫn đường theo ý của hắn ở Conakry; thứ ba, quyền lực ấy không lớn lắm vì cho tới nay, để đạt được mục đích hắn chỉ nghĩ ra toàn là những trò trẻ con.

Tôi nhận xét:

— Xin lỗi ngài dân biểu! Kẻ giấu mặt đó có ý đồ khác kia!

Và tôi kể cho đám thánh giả khả kính nghe những suy nghĩ của mình về thuốc độc *doung-kono* và về mấy lời tiên đoán của *Kéniélala*.

— Nhưng nhận xét tinh tế của ông Florence – Barsac tiếp luôn, – chỉ càng khẳng định ý kiến của tôi. Tôi vẫn nghĩ kẻ thù của chúng ta, cho dù hắn có là gì đi nữa, cũng không đáng sợ lắm đâu, nếu không hẳn

đã dùng những biện pháp nghiêm trọng hơn để chống lại chúng ta rồi.

Thái độ bảo thủ của Barsac làm tôi ngạc nhiên. Tại sao ông không lợi dụng cơ hội để hủy bỏ chuyến đi chắc chắn là rất nguy hiểm này?!

Dù gì đi nữa, chúng tôi cũng cần có người dẫn đường. Cô Mornas đề nghị lấy người của cô vì họ biết đường. Để quyết định vấn đề này, cần phải so sánh giữa Tchoumouki và Tongané.

Tôi không ưa điệu bộ của Tchoumouki. Hẳn quả quyết với chúng tôi rằng có thể trông cậy vào hắn, song hắn có vẻ lúng túng và khi hắn nói, tôi không thể nắm bắt cái nhìn giao hoạt của hắn. Theo tôi, hắn chẳng hơn gì Moriliré.

Trái lại, Tongané rất thật thà. Anh nắm vững đường đi lối lại và có thể dẫn chúng tôi đi đâu tùy thích. Chàng trai này gây được ấn tượng tốt. Anh có giọng nói cởi mở, cái nhìn thẳng thắn. Từ giờ phút này tôi bắt đầu tin Tongané và không tin Tchoumouki nữa.

Hai người dẫn đường mới đang nói chuyện với phu khuân vác. Họ thông báo chính thức rằng Moriliré đã bị cá sấu ăn thịt và họ sẽ thay Moriliré chỉ huy đám phu khuân vác. Sau thời gian nghỉ ngơi, chúng tôi lên đường.

NGÀY 3 THÁNG HAI. Không có Moriliré nhưng mọi việc vẫn y như cũ. Có Tchoumouki và Tongané dẫn đường, chúng tôi vẫn không đi nhanh hơn. Hai ngày rưỡi mới đi được có ba mươi km. Quá tệ. Chúng tôi đang đi trong thung lũng được bắt đầu từ làng *Kokoro*. Thung lũng trải rộng, chỉ ở bên phải chúng tôi, hướng Nam là núi.

NGÀY 12 THÁNG HAI. Nó bắt đầu làm tôi bức mình. Buổi chiều, lúc sáu giờ, bỗng nhiên chúng tôi nghe thấy tiếng ù ù ấy. Hôm nay, nó lại vọng đến từ hướng Đông. Rất nhỏ nhưng đủ để không thể bị nhầm. Mọi người đều ngẩng mặt lên nhìn. Bầu trời quang đãng, nhưng chúng tôi không thấy được gì. Thật ra, có một ngọn đồi cao che khuất đúng hướng Đông. Tôi đi vội lên đỉnh đồi.

Trong lúc tôi đang trèo lên đồi thì tiếng động gia tăng một chút rồi tắt đi đột ngột và khi tôi lên tới đỉnh thì không còn gì làm xáo động bầu không khí yên tĩnh nữa. Trước mắt tôi là bình nguyên phủ đầy những bụi cây rậm rạp. Tôi phí công đưa mắt nhìn về phía chân trời: bình nguyên hoang vắng.

Tôi ở lại đỉnh đồi cho tới khuya. Bóng đêm sâu thẳm bao trùm lên cánh đồng. Có lưu lại nữa cũng vô ích, tôi xuống đồi.

Tôi đi chưa được nửa đồi thì tiếng động lại nổi lên. Quả thật, có thể phát điên lên vì chuyện đó. Tiếng động phát ra cũng đột ngột như khi nó tắt, sau đó nhỏ dần như thể chuyển xa về hướng Đông. Mấy phút sau lại yên tĩnh.

NGÀY 13 THÁNG HAI. Hôm nay được nghỉ. Mọi người đều làm việc riêng của mình. Tôi dành phần lớn thời gian để viết nốt bài báo, dựa vào những điều ghi chép được trong mấy ngày qua.

Viết xong, tôi cho gọi Tchoumouki phụ trách thư báo lại chỗ tôi. Tchoumouki không đến. Tôi phái một người lính đi tìm. Nửa giờ sau, anh ta trở về và nói là không tìm thấy hắn. Tôi thân chinh đi tìm và cũng không kết quả. Tchoumouki đã biến mất nên tôi phải từ bỏ ý định gửi bài báo đi.

NGÀY 14 THÁNG HAI. Sáng nay có chuyện bất ngờ.

Gần tám giờ, sau khi đã mất đi một phần buổi sáng vào việc tìm kiếm vô hiệu quả Tchoumouki, chúng tôi quyết định lên đường, thì ở phía Tây xuất hiện một toán đông kỵ sĩ, đang tiến về chỗ chúng tôi.

Trong nháy mắt, đội hộ tống của chúng tôi đã triển khai đội hình chiến đấu. Song mọi hành động đều phòng thủ. Chúng tôi nhận ra quân phục của Pháp. Toán quân lạ đến gần. Tôi thấy có hai mươi kỵ sĩ da đen và ba người Âu – hai trung sĩ và một trung úy.

Một trung sĩ của chúng tôi được phái ra đón những người mới đến. Viên trung úy đi đến bên đại úy Marcenay. Vắng đến tai tôi những lời trò chuyện của họ:

— Ông là đại úy Marcenay?

— Vâng, tôi đây, ông trung úy...

— Trung úy Lacour, Trung đoàn bộ binh 72, hiện là chỉ huy đội kỵ binh tình nguyện Soudan. Tôi từ Bamako đến, thưa đại úy, và đuổi theo các ông từ Sikasso, tôi không gặp các ông ở đó và vì bị trễ mất mấy ngày.

— Để làm gì?

— Phong thư này sẽ giải thích điều đó, thưa đại úy.

Đại úy Marcenay cầm lấy bức thư. Lúc anh đọc, tôi thấy mặt anh lộ vẻ ngạc nhiên và thất vọng.

— Thôi được, ông trung úy, – anh nói, – để tôi báo cho ngài Barsac và những người đồng hành của ông ấy biết về việc này.

Viên trung úy gật đầu... Đại úy ra lệnh cho binh lính của anh và đi lại chỗ chúng tôi.

— Tôi xin báo cho ngài một tin rất bất ngờ, ngài dân biểu ạ, – anh nói với Barsac. – Tôi phải chia tay với ngài.

— Thế nghĩa là sao, hã ông đại úy? – Barsac hỏi.

— Thưa ngài dân biểu, nghĩa là tôi được lệnh phải đến Tombouctou.

— Không thể như thế được; – Barsac bức mình thốt lên.

— Nhưng đúng như vậy đây ạ, – đại úy trả lời. – Xin ngài hãy đọc.

Anh trao phong thư cho ngài Barsac. Trưởng đoàn thị sát đưa mắt lướt nhanh, vẻ rất tức giận, rồi đưa cho chúng tôi xem, ông muốn chúng tôi chứng kiến sự việc láo xược đối với ông.

Tôi tìm cách đọc sau cùng để có điều kiện chép lại.

Lá thư thế này:

Cộng hòa Pháp

Tư lệnh – toàn quyền Sénégal Quân khu Bamako

Lệnh cho đại úy Marcenay và binh sĩ hành quân cấp tốc đến Ségou-Sikoro, từ đó đi bằng đường sông Niger tới Tombouctou và thuộc quyền chỉ huy của tư lệnh thành phố này. Bỏ ngựa lại ở Ségou-Sikoro để nuôi dưỡng. Trung úy Lacour trung đoàn bộ binh thuộc địa 72, chỉ huy đội kỵ binh gồm hai mươi lính tình nguyện Soudan, sẽ thuộc quyền điều khiển của ngài dân biểu Barsac – trưởng đoàn thị sát của Viện dân biểu ở vùng “Thòng lọng Niger” (nhóm thứ nhất). Trung úy sẽ hộ tống ngài dân biểu đến điểm tập kết.

Đại tá, tư lệnh quân khu Bamako Saint-Auban

Trong khi tôi chép lấy chép để thì Barsac vẫn tiếp tục trút cơn thịnh nộ:

— Thật chưa từng thấy! Họ cho chúng ta có hai mươi người bảo vệ! Mà lại đứng vào lúc chúng ta ngày càng gặp nhiều khó khăn. Không, việc này không xong như vậy đâu! Khi nào về tới Paris, chúng ta sẽ biết Viện Dân biểu có tán thành cách đối xử đối với đại biểu của Viện như thế hay không.

— Còn bây giờ thì đành phải tuân lệnh, – Đại úy Marcenay nói, anh không giấu được nỗi buồn rầu.

Barsac kéo đại úy ra xa, nhưng đôi tai phóng viên của tôi vẫn nghe rõ:

— Ngộ nhỡ đây là lệnh giả thì sao, đại úy? – Barsac thì thầm với anh.

— Lệnh giả! – Anh nhắc lại. – Ngài đã nghĩ quá sâu, thưa ngài dân biểu. Rất tiếc là không có gì để nghi ngờ cả. Thư được bảo đảm bằng con dấu chính thức, hơn nữa, tôi đã từng nghe phục vụ dưới quyền chỉ huy của đại tá Saint-Auban nên tôi biết rất rõ chữ ký của ông ta.

Buồn bức nên thường lắm chuyện. Song dù sao tôi vẫn thấy ngài Barsac đã nghĩ quá xa. May mà trung úy Lacour không nghe thấy.

Barsac không tìm ra lời đáp nên im lặng.

— Xin phép ngài dân biểu cho tôi được giới thiệu ông trung úy với ngài, – đại úy nói, – và chia tay với các ngài.

Barsac đồng ý và việc giới thiệu đã diễn ra.

— Chắc ông trung úy có biết, – lúc ấy Barsac hỏi, – nguyên nhân dẫn đến cái lệnh ông mang tới cho chúng tôi?

— Dĩ nhiên rồi, thưa ngài dân biểu, – viên trung úy trả lời. – Dân xứ Aouelimiden bất bình, đe dọa các tuyến giao thông của ta. Cần phải tăng cường cho đồn binh Tombouctou. Đại tá điều động những đơn vị thuộc quyền của ông ấy.

— Thế còn chúng tôi? – ông trưởng đoàn phản đối. – Cắt giảm đội hộ tống chúng tôi như thế có khôn ngoan lắm không?

Trung úy Lacour mỉm cười:

— Chẳng có gì bất tiện cả. Khu vực này tuyệt đối yên ổn.

— Bộ trưởng Bộ thuộc địa đã nói tại Viện dân biểu và ông toàn quyền Conakry cũng đã xác nhận, là hai

bên bờ sông Niger rất bất an.

— Đó là trước đây, – trung úy Lacour vừa cười vừa trả lời.

Đại úy Marcenay bước đến.

— Xin phép ngài dân biểu cho tôi được chia tay với ngài, – anh nói.

— Sao? Nhanh vậy ư?! – Barsac thốt lên.

— Vâng ạ, – đại úy trả lời. – Tôi phải đi Ségou-Sikoro và Tombouctou ngay, không được chậm trễ giờ nào.

— Ông đại úy hãy thi hành mệnh lệnh, – Barsac nhượng bộ, chia tay ra bắt, nỗi xúc động của ông đã dãn chặt cơn tức giận, – và ông hãy tin rằng ông mang theo mình những lời cầu chúc tốt đẹp nhất. Không ai trong chúng ta có thể quên được những ngày đã sống bên nhau và tôi tin rằng tôi đang thay mặt cho tất cả mọi người bày tỏ lòng biết ơn đối với ông vì ông đã cảnh giác bảo vệ và trung thành tuyệt đối với chúng tôi.

— Xin cảm ơn ngài dân biểu, – đại úy đáp lại, anh cảm động thật sự.

Anh lần lượt từ biệt với từng người trong bọn chúng tôi và tất nhiên sau cùng là với cô Mornas. Tôi lên nhìn họ.

Nhưng mọi việc diễn ra hết sức bình thường.

— Tạm biệt tiểu thư, – đại úy nói.

— Tạm biệt đại úy, – cô Mornas đáp lại.

Không còn gì hơn nữa. Song đối với chúng tôi, những người trong cuộc thì những lời nói đơn giản ấy lại có cái ý mà chúng thường không có. Chúng tôi hiểu rằng những lời nói ấy chẳng khác gì một lời hẹn ước chính thức của đôi bên.

Đại úy cũng hiểu như thế vì gương mặt của anh rạng rỡ hẳn lên. Anh cầm lấy tay cô Mornas, kính cẩn hôn rồi bước đi, anh nhảy lên lưng ngựa và đứng vào đầu hàng quân của mình. Anh vẫy chào chúng tôi lần cuối, sau đó giơ gươm lên và đoàn quân xuất phát, đi nước kiệu nhanh. Chúng tôi vô cùng lo lắng đưa mắt tiễn họ. Vài phút sau họ đã khuất dạng.

Thế là chúng tôi phải ở lại với trung úy Lacour, với hai viên hạ sĩ và hai mươi lính tình nguyện của anh ta mà một giờ trước đây chúng tôi không hề ngờ đến sự tồn sinh của họ. Tôi liếc mắt nhìn đội hộ tống mới và rợn cả người: họ có cái dáng dấp của những người tôi không muốn gặp trong góc tối chút nào.

X

Đội Hộ Tổng Mới

(Trích nhật ký của Amédée Florence)

TỐI HÔM ĐỎ. Không, tôi không muốn gặp họ trong góc tối chút nào, vậy mà tôi đang phải ở lại với họ trong rừng rậm, nguy hiểm hết chỗ nói.

Ồ, hình như tôi lại nghĩ lan man mất rồi. Việc tưởng tượng ra một trò đùa xấu xa và khắc họa nên những tên cướp có phải chuyện đùa không, trong khi rõ ràng bên cạnh chúng tôi là những người lính bình thường nhất? Còn lá thư, đúng là của đại tá Saint-Auban chứ? Thú thật, lá thư đã làm tôi bối rối và chẳng có gì có thể xóa đi cái ấn tượng mà đội hộ tổng mới và viên chỉ huy của nó đã gây ra cho tôi.

Trước hết, có một chi tiết làm cho tôi vô cùng ngạc nhiên. Rất lạ là số người này, kể cả mấy viên hạ sĩ đều dính đầy bụi đường, như thể họ đã đuổi theo chúng tôi mười lăm ngày rồi, thế mà viên chỉ huy của họ lại hoàn toàn đom đóm. Áo quần sạch sẽ, giày da bóng lộn, râu ria được cắt tỉa tử tế. Có thể nghĩ rằng trung úy Lacour đang đi duyệt binh. Trong rừng rậm hiểm khi có được sự trang nhã như thế.

Trung úy Lacour là người nhỏ con và tôi có cảm tưởng anh ta rất khó tính. Mắt màu xanh nhạt, không tỏ vẻ thân thiện chút nào. Anh ta trầm lặng và thích lẻ loi. Buổi chiều, anh ta ra khỏi lều của mình có hai lần và chỉ để kiểm tra đội hộ tổng.

Suốt ngày tôi không gặp cô Mornas. Không thấy cả Tchoumouki nên bài báo của tôi vẫn còn nằm trong túi của tôi.

NGÀY 15 THÁNG MUỖI HAI. Buổi sáng, tôi không thấy mọi người chuẩn bị để đi. Tongané nói cho tôi biết là hôm nay chúng tôi sẽ không đi. Hôm qua đã nghỉ, hôm nay lại không đi, lạ thật.

Tình cờ gặp trung úy Lacour, anh ta vẫn thẳng thớm và tao nhã không sai một ly. Tôi hỏi anh ta về lý do trì hoãn.

— Lệnh của Barsac, – anh ta trả lời cộc lốc.

Chỉ có ba tiếng, một cái cúi đầu chào theo kiểu nhà binh và quay gót bỏ đi. Trung úy Lacour không thuộc loại người biết cách tiếp chuyện.

Chẳng lẽ ông trưởng đoàn không chịu tiếp tục cuộc hành trình với một đội hộ tổng đã bị giam đi năm lần hay sao? Điều này khêu gợi tính tò mò của tôi. Song nó cũng làm cho tôi lo lắng vì quyết định như thế có thể chấm dứt bài phóng sự vừa mới bắt đầu gây được ấn tượng mạnh mẽ.

Gần mười giờ tôi thấy Barsac. Ông đang đi dạo, bước những bước dài, tay chấp sau lưng, mắt nhìn xuống đất và hình như không được vui. Điều này không ngăn cản được tôi, tôi quyết định phỏng vấn ông.

Ngài Barsac không giận. Ông dừng bước, lặng nhìn tôi hồi lâu rồi nói:

— Ông Florence ạ, mấy ngày trước đây ông đã hỏi tôi câu hỏi ấy. Tôi đã không trả lời. Hôm nay, tôi nói cho ông biết rằng chính tôi cũng không biết phải trả lời với ông như thế nào đây.

— Nghĩa là, ngài chưa có quyết định gì cả, phải thế không ạ, ngài dân biểu?

— Hoàn toàn chưa. Tôi đang suy nghĩ, thăm dò, cân nhắc mọi điều thuận, nghịch... Ông im lặng rồi bỗng nói: – Nhưng tại sao chúng ta không cùng bàn bạc với nhau nhỉ? Ông là người thực tế, sáng suốt (Xin cảm ơn ngài Barsac!) Ông sẽ cho tôi những lời khuyên đấy chứ?

Tôi gật đầu.

— Tôi xin sẵn lòng, thưa ngài dân biểu.

Và tôi kể cho Barsac nghe những nhận xét của mình về đội hộ tổng và viên chỉ huy của nó. Cuối cùng tôi đề đặt đưa ra giả thiết: nếu những người ấy không phải là lính thật sự thì có thể, bọn họ đang phục vụ cho kẻ thù giấu mặt của chúng tôi.

Barsac cười hô hô.

— Cứ như trong tiểu thuyết ấy! – ông thốt lên. – Ông có óc tưởng tượng tuyệt vời, ông Florence ạ!

— Dù sao... – tôi nói, cảm thấy mình bị xúc phạm.

— Ở đây không có “dù sao”. Ở đây chỉ có sự thật. Trước hết, đó là tờ lệnh có chữ ký.

— Có thể, lệnh giả.

— Không, – Barsac phản đối, – vì đại úy Marcenay đã xác nhận lệnh thật và đã chấp hành không do dự.

— Nó có thể bị đánh cắp...

— Lại tiểu thuyết! Ông hãy nói xem, làm sao có thể thay đổi đội hộ tống thật? Theo giả thiết này, cần phải có sẵn một toán quân khác, đủ đông để, thứ nhất, diệt hết những người lính thật, ông hiểu cho – diệt sạch sành sanh! – và thứ hai, sau khi đoạt được tờ lệnh, sẽ thay đội thật bằng đội giả, hoàn toàn giống đội thật và phải làm trong khi không ai có thể biết gì về biên chế của đội hộ tống mới, thậm chí cũng chẳng biết là đại tá Saint-Auban sẽ phái đội ấy đi. Không một ai trong số lính của Lacour bị thương, tức là đám quân đó phải rất đông vì những người lính chân chính sẽ không bao giờ để mình bị giết mà không kháng cự. Ông còn muốn nói rằng sự hiện diện của toán quân đông người như thế sẽ không bị phát hiện, rằng những lời đồn đại về một trận đụng độ không đến được tai chúng ta trong khi tin tức ở rừng truyền từ làng nọ sang làng kia nhanh như điện tín hay sao?

Mặc sức tưởng tượng, bạn sẽ vấp phải những vấn đề phi thực tế như vậy đó! Barsac nói đúng: tờ lệnh không bị đánh cắp. Tôi rút rề rút lui ý kiến vì quả thật, đã bị dao động.

— Dù sao, trung úy Lacour...

— Ô! Ông ta hết sức lịch sự! – Barsac mỉm cười thốt ra. – Ông ta rất chăm chú đến bản thân và quần áo. Nhưng điều đó đâu có phải là tội lỗi.

Tôi cố lần cuối.

— Bộ quân phục hoàn toàn mới, lạ lắm...

— Vì một bộ khác đang nằm trong vali của trung úy, – Barsac giải thích, ông có khả năng trả lời được mọi vấn đề. – Ông Lacour đã kịp ăn mặc chỉnh tề trước khi đến trình diện với chúng ta. Và lại hôm qua, sau bữa ăn trưa, tôi đã trò chuyện khá lâu với trung úy Lacour. Đó là một người khả ái, tuy có hơi quá ham muốn ăn diện. Lịch lãm, được giáo dục chu đáo, thậm chí còn khá kính nể nữa kia...

Tôi hỏi:

— Trung úy không thấy có gì bất tiện nếu chúng ta tiếp tục chuyển đi trong những điều kiện như vậy hay sao?

— Không.

— Tuy nhiên, ngài đang dao động, thưa ngài dân biểu.

— Tôi không dao động, – Barsac tuyên bố, ông tự bắt buộc mình phải tin vào lời nói của mình. – Mai chúng ta sẽ đi.

Buổi chiều, tôi đi dạo. Tongané đi cùng, anh cưỡi con ngựa của Tchoumouki vì nó tốt hơn ngựa của anh. Chúng tôi đi kiệu nhỏ trên đồng. Đột nhiên Tongané nói:

— Hay thật. Tchoumouki đã bỏ trốn. Tchoumouki là tên phản bội ti tiện.

— Sao? Tchoumouki cũng phản chúng ta à?

Tôi làm bộ ngạc nhiên.

— Anh muốn nói: Moriliré?

— Moriliré xấu, – Tongané hào hứng nói, nhưng Tchoumouki cũng giống như Moriliré thôi. Hắn đã nói với dân phu da đen: “Đi nguy hiểm lắm!”. Hắn đã cho họ nhiều *dolo toubab*^[1], nhiều bạc, nhiều vàng.

Moriliré và Tchoumouki có vàng? Thật khó tin.

— Anh muốn nói rằng bọn chúng đã cho dân phu *Cauri*^[2] để lòi kéo họ?

— Không phải *Cauri*, – Tongané quả quyết. – nhiều vàng, – và anh còn nói thêm một chi tiết làm tôi bàng hoàng, nhiều vàng của Anh.

— Thế anh biết tiền vàng của Anh à, Tongané?

— Vâng, – anh đáp. – Tôi là người Achantis. Tôi biết *livchterlignes*.

Tôi hiểu Tongané đã dùng tiếng dân tộc của anh để gọi đồng băng Anh như thế. Vàng – tiền vàng của Anh! – nằm trong tay của Tchoumouki và Moriliré.

Tôi bị bối rối. Tất nhiên, tôi phải làm ra vẻ những điều thông báo của anh không quan trọng chút nào.

— Anh là chàng trai rất dễ mến, Tongané ạ! — tôi nói với anh, — nếu anh đã biết rõ *livchterlignes* như thế thì xin anh hãy nhận lấy đồng tiền vàng có quốc huy của Cộng hòa Pháp này.

— Một nước cộng hòa tốt! — Tongané vui sướng reo lên khi tung đồng tiền lên không trung, anh đón bắt nó đang rơi xuống và bỏ vào chiếc túi trên yên ngựa.

Tức thì mặt anh lộ rõ nỗi ngạc nhiên: tay anh kéo ra một cuộn giấy lớn. Tôi la lên và giật lấy cuộn giấy mà tôi biết rất rõ.

Những bài báo của tôi! Những bài báo không dễ gì có được của tôi vẫn còn nằm trong chiếc túi của tên vô lại Tchoumouki! Tôi mở ra xem. Hỡi ôi! Tất cả các bài báo, từ bài thứ năm, vẫn còn đây. Giờ thì mọi người ở tờ *Expansion française* đang lên án tôi nghiêm khắc biết chừng nào! Tôi bị sỉ nhục và mãi mãi không còn thanh danh nữa!

Trong khi tôi đang bần thần vì những ý nghĩ đau buồn thì cuộc dạo chơi vẫn tiếp tục. Cách trại gần sáu km, tôi bỗng dừng lại.

Sát đường, trên một khoảng trống có chiều rộng bảy mét, chiều dài gần năm mươi mét, đám cỏ cao đã bị giẫm nát, thậm chí đôi chỗ như bị lưỡi hái cắt trụi. Và chính ở chỗ tro trụi nhất của khoảng trống, tôi nhận ra hai vết bánh xe, giống như những vết bánh xe mà tôi đã trông thấy ở cạnh Kankan.

Tự dưng tôi liên hệ hai bánh xe này với tiếng động ù ù đã nghe ba ngày trước. Ở Kankan chúng tôi cũng đã từng nghe thấy tiếng ù ù lạ tai trước khi phát hiện ra những dấu vết bí ẩn đó trên mặt đất.

Giữa các hiện tượng: tiếng động ù ù, những vết bánh xe và lão *Kéniélala* ở Kankan, có mối liên hệ nào không? Ở đây, tôi không thấy có mối liên hệ nào cả. Nhưng nhất định phải có. Khi nhìn thấy mấy rãnh xe bí ẩn, trong tiềm thức của tôi hiện lên hình ảnh xấu xí của lão phù thủy da đen. Tôi bỗng nhận ra rằng trong bốn điều tiên đoán của lão thì ba điều đã được thực hiện.

Và thế là tôi, một mình với người bạn da đen giữa nơi hoang vắng mênh mông, rợn cả người.

Trong những hoàn cảnh như vậy có thể tha thứ cho trạng thái đó lắm chứ. Nhưng nỗi lo sợ không kéo dài. Điểm yếu của tôi là hiếu kỳ. Trên đường về tôi đã cố gắng đoán cho ra những điều bí ẩn làm tôi bức mình. Việc này thu hút tôi tới mức tôi không còn trông thấy gì ở xung quanh.

Đến gần trại, Tongané nói ngay, không rào trước đón sau:

— *Toulatigui*^[3] không tốt. Một kẻ a dua đê tiện!

— Đúng! — tôi đáp, không suy nghĩ.

NGÀY 17 THÁNG HAI. Hôm nay chúng tôi đi được một chặng đường dài, còn dài hơn ngày hôm qua. Năm mươi km đi trong hai ngày! Tchoumouki không xuất hiện — rõ đồ tráo trở! Dưới sự điều khiển của một mình Tongané, mục phu và phu khuân vác của chúng tôi đã làm nên những điều kỳ diệu.

Hai ngày nay, nỗi lo sợ của chúng tôi vơi đi rất nhiều. Đội hộ tống của chúng tôi thực thi chính xác chức phận của mình, và lại, những việc ấy cũng không có gì khó khăn cho lắm. Không thể chê vào đâu được. Tuy nhiên... có mấy sự kiện.

Chuyện ấy xảy ra sáng nay, lúc gần chín giờ. Khi đi ngang qua một làng nhỏ hoàn toàn hoang vắng, chúng tôi nghe thấy tiếng rên rỉ trong một túp lều.

Theo lệnh của Barsac, đội hộ tống dừng lại, bác sĩ Châtonnay cùng trung úy Lacour và hai người lính bước vào lều. Dĩ nhiên, cánh nhà báo, tức là tôi cũng nhót theo họ.

Cảnh tượng thật hãi hùng! Hai người chết, một người bị thương. Hai cái xác, một đàn ông và một đàn bà, méo mó thảm hại.

Vì trong lều tối quá nên bác sĩ bảo hai người lính khiêng người bị thương ra ngoài trời. Đó là một cụ già da đen. Ông lão bị thương ở vai và vết thương của ông trông rất ghê. Xương đòn gập lòi cả ra ngoài.

NGÀY 18 THÁNG HAI. Tin giờ chót, miễn bình luận. Đội hộ tống của chúng tôi đã bỏ trốn. Ba hoặc bốn giờ trước đây, khi thức dậy, chúng tôi đã không nhìn thấy đội hộ tống. Nó đã bốc hơi hồi đêm và cùng với nó, tất cả bọn phu khuân vác, mục phu, không trừ một tên, cũng bay mất luôn.

Các bạn có hiểu không? Trung úy Lacour, hai viên hạ sĩ và toàn bộ đội hộ tống gồm hai mươi tên đã bỏ đi, không phải để dạo chơi rồi về ăn sáng. Chúng đã ra đi, ra đi mãi mãi.

Thế là chỉ còn lại có chúng tôi, giữa rừng rậm, với bảy ngựa, với vũ khí cá nhân, với ba mươi sáu con lừa, với số lượng lương thực đủ ăn trong năm ngày và Tongané.

A ha! Tôi đã muốn phiêu lưu cơ mà!

XI

Làm Gì?

Khi các thành viên của đoàn Barsac thức dậy vào sáng ngày 18 tháng Hai và không thấy đội hộ tống cùng số phu đâu cả, thì họ lặng người đi. Việc bọn chúng đồng lòng phản bội đoàn bất ngờ đến nỗi một hồi lâu họ vẫn không chịu tin vào điều đó.

Amédée Florence đã đánh thức các bạn đồng hành. Tất cả mọi người lập tức xúm xít bên nhau, ta thán. Trước khi bàn tính chuyện tương lai, họ ngạc nhiên với cái hiện tại.

Họ đang nói chuyện ồn ào thì từ cánh rừng bên cạnh vẳng lại tiếng kêu rên. Saint-Bérain, Amédée Florence và bác sĩ Châtonnay chạy đi và nhìn thấy Tongané đang bị trói, bị bịt miệng và bị thương bên sườn trái.

Họ cúi trối cho Tongané, hồi sức, băng bó vết thương và lục vẩn anh. Tongané kể hết mọi điều anh biết về những việc vừa mới xảy ra.

Cuộc chạy trốn xảy ra khoảng từ một đến hai giờ đêm. Tongané bị tiếng động lạ đánh thức, anh ngạc nhiên khi nhìn thấy bọn lính bảo vệ đang cưỡi ngựa ở cách xa trại một quãng. Dưới sự chỉ huy của trung úy Lacour và hai hạ sĩ, bọn đầy tớ đang lui cui làm việc gì đó. Tongané tò mò muốn biết nên đã trở dậy và không đề phòng gì cả, tiến thẳng tới chỗ bọn chúng... Anh không đến nơi được. Giữa đường, có hai tên đã lao vào người anh. Thoáng một cái, anh đã bị quật ngã, bị trói và bị nhét giẻ vào miệng. Khi ngã, anh còn kịp nhận thấy bọn da đen đang vác mấy bao hàng. Hai tên tấn công Tongané đã lùi ra xa khi trung úy Lacour đến bên bọn chúng và hỏi nhát gừng:

— Xong chưa?

— Rồi ạ – một tên trả lời. Tongané nhận ra gã hạ sĩ.

Im lặng. Tongané cảm thấy bọn chúng cúi xuống sờ nắn người anh.

— Chúng mày điên mất rồi, thật đấy! – viên trung úy nói – Chúng mày đã để cho một chàng trai cừ khôi biết quá nhiều sớ số. Robert, đem cho thằng vô lại này một nhát.

Mệnh lệnh được thi hành ngay, nhưng Tongané đã kịp xoay người nên lưỡi lê chỉ xuyên qua sườn của anh thôi. Trong bóng đêm, Lacour và hai tên trợ thủ của y bị mắc lừa: lưỡi lê dính đầy máu và người dẫn đường tinh khôn thở hắt ra như thể đang từ giã cõi đời, rồi nín thở. Ba tên bỏ đi và Tongané không nghe thấy gì nữa. Lát sau, anh bị ngất.

Qua chuyện này đủ biết việc phản bội đã được trù tính và chuẩn bị từ lâu rồi.

Trước hết họ cần phải điểm lại tình hình. Họ còn một tá súng lục, bảy khẩu súng trường, trong đó sáu khẩu là súng săn với đầy đủ cơ sở đạn, bảy con ngựa, ba mươi sáu con lừa, và gần một trăm năm mươi kilô hàng hóa và lương ăn trong bốn ngày. Như vậy, vũ khí và phương tiện đi lại không thiếu. Về lương ăn thì không đáng lo: như trước, họ có thể kiếm mua ở các hàng.

Họ quyết định bán lừa vì khi thiếu người điều khiển có kinh nghiệm, chúng có thể trở thành gánh nặng thật sự. Jane Mornas và Saint-Bérain đi thương lượng với dân làng. Họ được đón tiếp rất nồng nhiệt và chiếm được tình cảm của chủ làng bằng những món quà tặng. Nhờ chủ làng, mỗi con lừa bán được mười nghìn *Cauri* (gần ba mươi franc). Tổng số tiền này đủ đảm bảo cuộc sống cho các thành viên của đoàn và trả lương cho năm người phu khuân vác trong hai mươi ngày.

Công việc mua bán ngốn hết mấy ngày và đến chiều ngày 22 tháng Hai mới xong. Tới lúc đó, vết thương của Tongané cũng đã bắt đầu kéo da non.

Sáng ngày 23 tháng Hai, họ đặt sáu chiếc ghế xếp theo hình tròn, ở giữa trải mấy tấm bản đồ. Cuộc hội ý bắt đầu.

— Tôi xin tuyên bố khai mạc phiên họp, – Barsac nói theo thói quen. – Ai muốn phát biểu?

Mọi người len lén nhìn nhau mỉm cười. Amédée Florence đáp liền:

— Chúng tôi sẽ phát biểu sau ngài, thưa ngài chủ tọa. - Tùy các vị, - Barsac đồng ý, không hề tỏ vẻ ngạc nhiên với chức vụ chủ tọa đó. - Chúng ta sẽ thảo luận tình hình. Chúng ta bị đội hộ tống bỏ rơi, song chúng ta có vũ khí, có hàng hóa để trao đổi và đang ở giữa Soudan, cách Conakry chừng một nghìn bốn trăm km. Các vị đã biết là chúng ta định đi tiếp, nhưng có lẽ tình hình mới sẽ đòi hỏi phải có những quyết định mới. Theo tôi, chúng ta cần đến một vị trí nào đó của Pháp và ở đây sẽ bình tĩnh quyết định xem nên làm gì tiếp theo.

Mọi người đều nhất trí.

— Chúng ta phải cố gắng đến được sông Niger, - Barsac vừa xem bản đồ vừa nói. - Có nên đi qua Ouagadougou và Nadiango để đến Saye hay không? Sau khi chiếm được Tombouctou, các đơn vị tiền tiêu của quân ta tiến về phía hạ lưu của con sông. Thú thật tôi không biết bây giờ họ đã đến được Saye chưa, nhưng có thể đã đến, chắc là phải thế. Nếu như chúng ta nhận được đội hộ tống khác thì phương án này có ưu điểm là phù hợp với kế hoạch của chúng ta.

— Ý kiến rất hay, - bác sĩ Châtonnay tán thành. - Nhưng còn phải giải quyết vấn đề cụ thể hơn. Chúng ta chỉ nên quay trở lại nếu như không về hướng biển thì ít ra là về Sikasso, từ chỗ chúng ta đây đến đó có hai trăm km. Ở đây chúng ta sẽ tìm đến những người đồng bào đã nồng nhiệt đón tiếp chúng ta. Ở đây chúng ta sẽ quyết định xem có nên đi Bamako hay không hoặc tốt hơn là lên Ségou-Sikoro.

— Ông bác sĩ nói rất đúng, - Florence đồng tình. - Đó là giải pháp thông minh nhất.

— Tuy nhiên, tôi đề nghị các vị hãy suy nghĩ thêm chút nữa, - Barsac cất tiếng nói sau một hồi ngẫm nghĩ, - vì việc trở lại Sikasso có nghĩa là từ bỏ, dù chỉ tạm thời, cái mục đích mà tôi đã đặt ra cho bản thân mình. Nhưng, thưa các vị, nghĩa vụ là trên hết...

— Chúng tôi hiểu rõ nỗi lo của ngài, thưa ngài Barsac, - Florence cắt ngang, - song cũng có những trường hợp nghĩa vụ là sự thận trọng.

— Còn phải tranh luận, - Barsac phản đối, - xem cái nào đúng trong trường hợp nào. Đội hộ tống của chúng ta, quả thật đã đào ngũ, nhưng nếu tưởng tượng ra những mối nguy hiểm đe dọa chúng ta thì chỉ tổ uổng công mà thôi. Các vị hãy nghĩ coi, đội hộ tống già đó, thay vì bỏ trốn có thể dễ dàng tiêu diệt hết chúng ta! Nhưng nó đã không làm! Hơn nữa, nó còn để lại cho chúng ta lương thực, vũ khí, đạn dược, ngựa, và một số hàng hóa. Hành động như thế không đáng sợ lắm đâu.

— Nhưng còn Tongané, - bác sĩ Châtonnay nhẹ nhàng phản đối.

— Tongané là người da đen, - Barsac đáp lại, - mà đối với một số người thì mạng sống của dân da đen không đáng gì cả.

— Ngài Barsac nói rất đúng, - Florence xen vào, - vâng, quả thực bọn chúng đã nhẹ tay đối với chúng ta. Đúng là cho đến giờ phút này bọn chúng chưa muốn giết chúng ta. Tôi nói: đến giờ phút này thôi bởi vì kẻ thù giấu mặt của chúng ta có thể sẽ sử dụng những đòn tấn công hiệu quả hơn nếu chúng ta cứ tiếp tục đi theo hướng mà chúng không thích. Vết thương của Tongané cho thấy những kẻ khó chịu với chúng ta đang ra tay trừng trị.

— Đúng đấy, - ông bác sĩ ủng hộ.

Tất cả đều lặng thinh. Barsac đang cân nhắc.

— Tôi nghiêng về ý kiến của bác sĩ Châtonnay, - ông nói, - và tán thành trở lại Sikasso, với cái đích cuối cùng là Ségou-Sikoro.

— Xin lỗi ngài chủ tọa, - Amédée Florence cắt ngang. - Nếu ngài cho phép, tôi xin có một nhận xét thế này: Chúng ta thông qua quyết định mà không hỏi ý kiến của cô Mornas và ông Saint-Bérain.

Ý kiến nhận xét rất có cơ sở. Jane Mornas và Saint-Bérain đã im lặng lắng nghe tranh luận, không tham gia phát biểu gì cả.

— Ông Florence nói đúng, - Barsac thừa nhận và hướng về phía Jane Mornas. - Tôi đề nghị tiểu thư cho biết ý kiến.

— Xin cảm ơn ngài, - Jane Mornas bình tĩnh trả lời, nhưng chúng tôi không có quyền tham dự vào cuộc thảo luận không liên quan đến mình.

— Không liên quan tới các bạn? Sao thế hả tiểu thư? Hình như tất cả chúng ta đang bước chung dưới một ngọn cờ cơ mà.

— Hoàn toàn không, thưa ngài Barsac, – Jane Mornas trả lời. – Nếu vì hoàn cảnh mà các ngài từ bỏ mục đích của mình thì chúng tôi vẫn có ý định tiếp tục con đường của chúng tôi.

— Các bạn vẫn quyết tâm đến Gao?

— Hơn bất cứ lúc nào.

— Đi một mình? Không cần hộ tống?

— Chúng tôi đã không dự định đến đó cùng với đội hộ tống.

— Không có cả phu khuân vác nữa à?

— Chúng tôi sẽ tìm phu khuân vác khác. Nếu như không được thì sẽ đi một mình.

— Bất chấp cả sự thù địch mà chúng ta chưa rõ nguyên nhân, song nó rành rành ra đó hay sao?

— Bất chấp, và lại tôi có cảm tưởng là nó nhằm chống lại các ngài cơ.

— Làm sao mà biết được điều ấy khi chúng ta đi cùng đường với nhau? Dù sao đi nữa tôi vẫn cứ lo rằng kẻ thù bí ẩn của chúng tôi sẽ tấn công vào chính các bạn nếu các bạn cứ đi một mình tới Niger.

— Nếu vậy, chúng tôi sẽ không sợ nó.

— Nhưng đó là sự điên rồ! – Barsac kêu lên. – Chúng tôi sẽ không để cho tiểu thư hành động nông nổi như thế chỉ cốt để thỏa mãn tính đồng danh của tiểu thư.

Jane Mornas thoáng dao động, rồi nàng buồn rầu nói lại:

— Tiếc thay, đó không phải là tính đồng danh, đó là bốn phận.

Barsac, bác sĩ Châtonnay và Amédée Florence nhìn Jane Mornas với vẻ chăm chú và ngạc nhiên.

Jane Mornas lại cất tiếng nói:

— Xin các ngài hãy thứ lỗi cho tôi, tôi đã lừa dối các ngài. Ông Saint-Bérain đã nói tên thật của mình cho các ngài biết, ông ấy đúng là người Pháp, như các ngài. Tôi thì lại tự giới thiệu với các ngài dưới một cái tên giả và dân tộc khác. Tôi là người Anh, tên là Jane Buxton, con gái của huân tước Buxton, em gái của đại úy George Buxton. Hải cốt người anh bất hạnh của tôi được chôn ở Koubo. Tôi cần phải đến đó và chỉ có ở đó tôi mới có thể hoàn tất cái công việc mà tôi đã dự định.

Lúc ấy Jane Buxton – tên của nàng được phục hồi từ đây – đã kể về tấn thảm kịch ở Koubo, về những lời buộc tội George Buxton, về cái chết của người anh, về nỗi xấu hổ và tuyệt vọng của huân tước Glenor. Nàng kể rằng nàng muốn khôi phục danh dự của anh trai, gột rửa vết nhơ đã làm hoen ố thanh danh gia đình và đem lại sự yên tĩnh cho ông cụ đang phải sống trong cô đơn, sầu thảm.

Tất cả thính giả đều xúc động sâu sắc. Họ khâm phục người thiếu nữ mà không một mối nguy hiểm nào có thể ngăn cản được nhiệt tình cao cả này của nàng.

— Cô Buxton, – Amédée Florence nói khá gay gắt khi nàng vừa dứt lời, – cho phép tôi được trách mắng cô.

— Trách mắng tôi? – Jane ngạc nhiên, không ngờ câu chuyện của mình lại dẫn đến kết cục hoàn toàn khác như thế.

— Vâng, trách mắng và trách mắng thậm tệ nữa kia! Cô có ý nghĩ lạ lùng và xấu xa biết bao về người Pháp nói chung và về Amédée Florence này nói riêng!

— Ông muốn nói gì, ông Florence? – Jane Buxton lúng túng nói khẽ.

— Còn nói gì nữa! – Anh phóng viên phản nộ. – Cô tưởng Amédée Florence sẽ cho phép cô dạo chơi chốc lát ở Koubo mà không có anh ta đi theo đấy phỏng?

—Ồ, ông Florence! – Jane không tán thành với vẻ cảm động.

— Hay ho nhỉ? – Amédée Florence tiếp tục, vẫn chưa nguôi giận. – Ích kỷ ơ là ích kỷ!

— Tôi không thấy... – Jane mỉm cười định nói.

— Để tôi nói nốt, – Florence nghiêm mặt cắt ngang, – Cô quên rằng tôi là nhà báo, là một phóng viên. Thế cô có biết ông chủ bút của tôi sẽ nói với tôi những gì không khi ông ấy biết rằng tôi đã bỏ lỡ thiên phóng sự giật gân về vụ án Buxton? Hờ! Ông ta sẽ nói với tôi: “Anh bạn Florence tầm thường ă, anh chỉ là một con lừa mà thôi!”. Và ông ta sẽ tống cổ tôi ra cửa ngay tức khắc. Nhưng tôi lại quý chỗ làm việc của mình. Vậy nên tôi sẽ đi cùng cô.

—Ồ, ông Florence! – Jane lại lặp lại, nàng vô cùng cảm động.

Nàng bắt tay con người khả ái và dịu cảm, rồi hai giọt lệ lớn trào ra từ đôi mắt nàng.

— Còn tôi, cô Buxton, cô sẽ nhận cả tôi nữa chứ? – Bác sĩ Châtonnay bỗng hỏi.

— Ông ư, ông bác sĩ?

— Tất nhiên là tôi. Một chuyến đi như thế không thể thiếu người thầy thuốc được. Một khi các bạn đã cất bước đến chỗ mà người ta có thể bấm vào các bạn ra thành từng mảnh thì tôi phải có mặt ở đó để khâu chúng lại.

—Ồ, ông bác sĩ! – Jane lặp lại.

Nhưng nàng xúc động biết bao khi nghe giọng nói đầy vẻ giận dữ của Barsac.

— Thế còn tôi? Tôi không thấy người nào có ý định hỏi ý kiến của tôi cả là sao?

Barsac nổi xung bởi vì ông cũng muốn nhập đoàn với cô Buxton. Ông đã định nhất cử lưỡng tiện vì đường đi của cô gái hầu như trùng với đường đi của ông và sự xóc nổi trong hành động đã được biện minh bằng mục đích cao cả. Florence và bác sĩ Châtonnay đã phồng tay trên sáng kiến đó của ông, những việc như thế thường rất khó chịu.

— Tôi không nói ông Florence, – ông Barsac tiếp tục. – Ông ấy là người tự do. Nhưng còn ông, ông bác sĩ, ông là thành viên chính thức của đoàn thị sát mà tôi là trưởng đoàn. Thế ra ông muốn đảo ngũ phải không?

— Xin ngài hãy tin rằng, thưa ngài Barsac... – ông bác sĩ nói khẽ, ông chưa hề nghĩ đến khía cạnh này của vấn đề.

— Chẳng lẽ ông có quyền quyết định chúng ta sẽ đi đâu sao? Và việc của ông là dạy cho tôi một bài học đấy à?

— Xin ngài hãy tin, ngài Barsac ạ... – ông bác sĩ đáng thương định nói chen vào.

— Không, ông bác sĩ ạ, không, tôi không cho phép, – Barsac phản đối, giọng của ông càng trở nên gay gắt. – Và các vị hãy nhớ cho: tôi, thủ trưởng đầy trọng trách của chuyến đi đến Niger, không tán thành dự án của các vị. Trái lại, nếu thấy rằng người dẫn đường độc nhất còn lại với chúng ta là do cô Buxton thuê và thuộc quyền sử dụng của cô ấy, nếu thấy rằng chúng ta không thể chuyện trò với thổ dân trong điều kiện không có sự giúp đỡ của cô Buxton và ông Saint-Bérain – những người duy nhất trong chúng ta có thể nói được tiếng Bambara, thì tôi muốn, tôi định, tôi ra lệnh...

Giọng của Barsac vang động, ông khéo léo dừng lại một chút rồi kết thúc bằng một giọng rất đổi bình thường.

—...tất cả chúng ta sẽ đi Niger, ngang qua Koubo.

— Sao cơ, thưa ngài Barsac? – Jane nói khẽ, sợ mình hiểu nhầm.

— Thế đấy, cô Buxton ạ, – Barsac cắt ngang. – Để hai bạn phải quyết định đi với chúng tôi đến cùng.

—Ồ, ngài Barsac! – Jane thì thầm và òa lên khóc nức nở.

— Đó chỉ là một cuộc dạo chơi thôi mà, – Florence thốt lên, – vì chúng ta đã có lương ăn!

— Đủ cho những năm ngày! – bác sĩ Châtonnay nói như thể đủ cho cả sáu tháng.

— Chỉ đủ cho bốn ngày thôi, – Barsac sửa lại – nhưng chúng ta sẽ mua thêm.

— Và lại, còn săn bắn nữa, – ông bác sĩ gợi ý.

— Câu cá nữa! – Saint-Bérain bổ sung.

— Và các loại hoa quả mà chúng tôi biết được không đến nỗi nào, – ông bác sĩ quả quyết.

— Tôi có biết các loại củ như khoai lang, khoai mỡ, - Tongané xen vào.

— Tôi có thể làm bơ từ cây carite, – Malik cố nói át tiếng anh ta.

XII

Ngôi Mộ

Những người còn lại của đoàn Barsac rời làng Kadou cùng với sáu người phu khuân vác thuê trong làng. Mặc dù sự kiện xảy ra gần đây rất đáng lo ngại, họ vẫn ra đi vui vẻ. Mọi người đều hứng khởi với viễn cảnh là sẽ thực hiện được hành động cao thượng, thậm chí anh hùng nữa. Và lại, họ chưa bị tổn thất gì. Sáu người Âu và Tongané – anh này cho Malik ngồi ở sau lưng – đều có ngựa để cưỡi, có vũ khí và hàng hóa để trao đổi.

Không có gì cản trở cuộc hành quân nhanh chóng vì nó không còn bị đám lửa đông đúc làm chậm bước. Để tăng tốc độ, họ phải bỏ bớt những thứ cồng kềnh. Họ bỏ cả lều bạt và chỉ giữ lại có một chiếc cho Jane Buxton.

Bây giờ chuyện kể về quãng đường đi dài năm trăm km, tức là về chặng đi trong mười lăm hay hai mươi ngày. Đoạn đầu có nhiều dấu hiệu chứng tỏ thuận lợi. Sáu phu khuân vác mới rất cần mẫn và chỉ trong năm ngày đã đi được một trăm bốn mươi km từ Kadou đến Sanabo. Họ tới Sanabo ngày 20 tháng Hai.

— Như vậy là quá tốt! – Amédée Florence tuyên bố với anh bạn Saint-Bérain của mình lúc họ trò chuyện với nhau vào ngày 2 tháng Ba.

— Ai mà biết được! – Saint-Bérain nói. – Chúng ta đã đến đích đâu.

— Ôi dào! – Amédée Florence thốt lên – Đẳng nào cũng thế thôi. Lần này chúng ta đang thuận buồm xuôi gió. Tôi cam đoan với anh là chúng ta sẽ đến Koubo êm ru, chẳng có gì trắc trở đâu. Tuy nhiên, như vậy sẽ không làm cho nhà báo vui lòng, ông chủ báo của tôi...Ê! – anh bỗng ngừng lời và cất tiếng gọi con ngựa đang ngắc ngứ của mình.

— Việc gì thế? – Barsac hỏi.

— Con ngựa của tôi, – Florence giải thích – Tôi không biết nó bị làm sao. Sáng nay nó vấp lia lịa. Phải khám cho nó...

Anh không kịp nói hết câu, con ngựa bỗng dừng lại rồi hí lên. Chàng phóng viên vừa mới nhảy được xuống đất thì con vật khụy gối, nằm lăn ra đất. Một giờ sau con ngựa chết.

— Tôi phải chống gậy mất thôi! – Amédée Florence than thở vì anh đã trở thành khách bộ hành. Những trường thành công thì mang lại gông xui xẻo, rõ khi!

Ngựa của Tongané được giao lại cho chàng phóng viên. Jane Buxton để Malik ngồi phía sau nàng và sau hai giờ bị trì hoãn, họ tiếp tục lên đường.

Đến đêm, họ dừng chân bên cánh rừng cạnh đường, trên một khoảnh đất cao, từ đây có thể bao quát cả vùng xung quanh. Sự tiện lợi của nó có lẽ đã thu hút nhiều lữ khách khác nữa. Căn cứ vào dấu vết còn lưu lại thì thấy có một toán khá đông người, có cả ngựa, đã nghỉ chân ở đây. Những người đó là ai? Da đen hay da trắng? Amédée Florence đã tìm thấy và đưa cho các bạn đồng hành xem một chiếc cúc áo – vật dụng văn minh mà người da đen ít khi dùng.

Đám cỏ cao đã vươn thẳng, nghĩa là những người đó đã ở đây hơn mười hai ngày trước. Vì đoàn Barsac không gặp họ nên có thể rút ra kết luận: họ đang đi về hướng Tây và không thể nào gặp được họ.

Ngày 3 tháng Ba không có gì đặc biệt, nhưng chiều tối ngày mùng 4 thì ngựa của Barsac ngã xuống y như ngựa của Amédée Florence.

Sau khi xem xét kỹ con ngựa bị chết, bác sĩ Châtonnay nói riêng với Florence:

— Ngựa chết vì thuốc độc.

— Không thể như thế được! – Chàng phóng viên kêu lên. – Ai đã thuốc chúng? Mấy người phu da đen thuê ở làng Kadou ư? Gây khó khăn cho ta họ đâu có ích lợi gì?

— Tôi không kết tội cho ai cả, nhưng tôi khẳng định điều mình nói. Các triệu chứng rành rành ra đó. Kẻ ngu dốt nhất cũng không thể nhầm lẫn. Tôi khuyên ông hãy báo cho các bạn của chúng ta biết, trừ cô

Buxton. Tôi nghĩ, làm cho cô ấy lo sợ là vô ích.

— Tất nhiên rồi, – Florence đồng ý. – Nhưng thưa bác sĩ, chẳng lẽ không thể giải thích việc này theo cách khác hay sao? Ngựa của chúng ta có thể đã ăn phải cỏ độc lắm chứ?

— Chẳng những có thể, – bác sĩ nói, – mà còn là điều hiển nhiên. Còn phải tìm hiểu xem cỏ độc lẫn vào thức ăn của ngựa là do tình cờ hay do người nào đó?

Họ quyết định theo dõi năm con ngựa còn sống gắt gao hơn bao giờ hết. Một người Âu hoặc Tongané luôn luôn ở bên cạnh chúng trong thời gian nghỉ chân để không ai có thể tới gần chúng được. Chắc là do có những biện pháp đề phòng như thế này hoặc chỉ vì hai ngày trôi qua một cách bình yên mà mọi người đã hơi yên tâm trở lại.

Chiều tối ngày 6 tháng Ba, họ đến gần làng Yaho. Họ vừa mới tới tata – tường bao quanh làng, – thì những tiếng chửi bới, thậm chí có cả tiếng súng nữa, đã nổi lên. Lần đầu tiên, đoàn gặp phải sự đón tiếp như thế, nếu không kể trò nghịch ngợm của dân làng Kokoro.

Barsac quyết định đàm phán với dân làng. Họ giương một lá cờ trắng trên đầu gậy. Biểu tượng hòa bình này đã gây ra thêm một trận mưa đạn rào rào. Tongané và hai người phu khuân vác được cử đi làm sứ giả nhưng chẳng kết quả gì. Dân làng không chịu nghe lời họ và đã đáp lại bằng đất đá và tên đạn. Rõ ràng dân làng cự tuyệt quan hệ với người nước ngoài.

Nguyên nhân gây ra thái độ đó có là gì đi nữa thì các du khách cũng không thể mua thêm được lương thực và ngày 7 tháng Ba họ phải đi tiếp. Lương thực dự trữ chỉ còn đủ cho hai ngày. Tuy vậy, chưa có gì đáng lo hết cả. Đoàn đã đi cách làng Kadou hơn ba trăm km và có thể hy vọng rằng những làng bản sắp đến sẽ đón đoàn thân thiện hơn làng Yaho.

Ngày 7 tháng Ba, con ngựa thứ ba gục xuống, giống hệt như hai con trước.

— Có ai đó bắt chập cả sự canh phòng cẩn mật của chúng ta, đã thuốc độc ngựa? – Florence hỏi bác sĩ Châtonnay.

— Ít có khả năng đó, – bác sĩ trả lời. – Ngựa đã bị đánh thuốc độc trước lúc chúng ta rời Kadou, có thể vào cái đêm đội hộ tống bỏ trốn. Ngựa chết lần lượt là do cơ thể của chúng khác nhau và chắc là do liều lượng thuốc ăn phải cũng khác nhau.

— Hiện giờ, – Florence nói, – chúng ta có ba người phải đi bộ và bốn người cưỡi ngựa. Chẳng thú vị lắm đâu.

Ngày 8 tháng Ba, họ ra đi, lòng nặng trĩu lo âu. Đàng nào tương lai cũng mù mịt. Kẻ thù hùng mạnh mà đoàn nghĩ thì đã thoát khỏi bọn chúng đã đánh thuốc độc vào ngựa trước khi bỏ trốn; điều đó cho thấy tính chất bất biến trong lòng căm ghét của bọn chúng đối với họ, nó khủng khiếp đến mức huyền bí. Mặt khác, lương thực của họ chỉ còn đủ cho một ngày, họ sẽ bị đói nếu như không gặp được làng nào trước khi mặt trời lặn.

Chưa hết giờ đi đầu tiên thì xa xa đã hiện ra mấy nóc nhà. Các du khách vừa rảo bước vừa cố đoán xem họ sẽ được đón tiếp như thế nào. Họ không thấy gì cả trên cánh đồng lớn đang trải rộng ra trước mắt họ. Làng như hoang vắng, đồng như trống không. Chỉ có một thảm cây hoa lệ và một con đường rừng, rải rác trên đó mấy chấm đen.

Barsac và các bạn đồng hành tiến về phía làng. Họ đi chưa được một km thì mùi hôi thối bốc lên làm họ ngạt thở. Họ bước lên mấy bước, đến gần một trong những chấm đen mà họ đã nhìn thấy từ xa. Họ lùi lại. Chấm đen hóa ra là xác của một người da đen, hầu như đã bị thối rữa. Trên đường vào làng, họ còn đếm được mười cái mốc tang thương như thế nữa.

— Những người ngày bị giết bằng đạn nổ, – Châtonnay nói với Amédée Florence.

— Lại bọn ấy? – Florence kêu lên.

Trong làng, cảnh tượng còn hãi hùng hơn. Nhiều dấu hiện cho thấy làng là nơi đã xảy ra trận giao chiến quyết liệt. Sau trận đánh, kẻ chiến thắng đã đốt làng. Trong mấy căn nhà còn sót lại, họ thấy có nhiều xác chết.

— Những người bất hạnh này đã chết cách đây ít nhất mười ngày, – ông bác sĩ nói.

— Nhưng bọn dê tiện nào đã gây ra vụ thảm sát như vậy? – Saint-Bérain kêu lên.

— Có lẽ, bọn đã để lại dấu vết mà chúng ta nhìn thấy mấy ngày trước đây? – Amédée Florence phỏng

đoán.

— Đúng là bọn chúng rồi, – Barsac tức giận nói.

— Thì ra vì bọn chúng mà chúng ta đã gặp phải sự chống đối mới đây ở làng Yaho, – Florence nói thêm. – Bọn chúng định cướp phá làng Yaho nhưng vì làng có tường bao bọc nên không vào được. Đó chính là nguyên nhân khiến những người da đen sợ hãi và từ đó họ phải lo thủ thế.

— Có lý đấy, – bác sĩ Châtonnay tán thành.

— Nhưng bọn vô lại đó là ai? – Jane Buxton hỏi, – và sự hiện diện của chúng có nguy hiểm cho ta hay không?

— Chúng là ai thì tôi không biết, – Florence trả lời, – nhưng tôi nghĩ là chúng ta không việc gì phải sợ bọn chúng. Chúng đi trước chúng ta mười đến mười hai ngày và vì chúng đi bằng ngựa nên ít có khả năng chúng ta sẽ đuổi kịp bọn chúng vào một lúc nào đó.

Buổi tối, họ dừng chân ở ngoài đồng. Chỉ còn lương ăn một bữa. Họ chia đôi, một phần để dành cho sáng hôm sau.

Ngày 9 tháng Ba họ gặp hai làng. Làng thứ nhất không thể đến gần được vì có tường bao bọc, làng thứ hai không có gì để bảo vệ, đã bị đốt phá tan hoang.

— Dựa vào thực tế, có thể nói rằng, – Barsac nhận xét, – bọn người ấy chủ tâm tạo ra hoang mạc trên đường chúng ta đi.

Điều nhận xét ấy là chính xác. Bọn chúng không muốn giết các du khách bằng những cách khác, bọn chúng định khuất phục họ bằng cái đói.

— Ôi dào! – Amédée Florence xúc nổi. – Chúng ta bất chấp ý muốn của bọn chúng, sẽ vượt qua hoang mạc này cho coi. Còn non một trăm năm mươi km nữa thì đến Koubo. Rốt cục, chẳng nhằm nhò gì đâu. Việc săn bắn sẽ đem lại cho chúng ta thức ăn.

Trừ Poncin không biết bắn súng, còn những người khác đều hưởng ứng lời khuyên tuyệt vời đó. Rủi thay, chốn ấy không có nhiều thú săn. Suốt ngày họ chỉ bắn được có một con chim đồng lớn, hai con chim nhỏ và hai con gà gô. Như vậy hơi ít so với mười bốn người.

Chiều tối, Florence và bác sĩ Châtonnay nhận thấy rằng chỗ trại của họ cũng đã từng có những du khách khác dừng chân. Hình như là khoảng thời gian đi trước họ của những du khách kia đã rút ngắn lại vì cỏ cây bị giẫm nát mới đây thôi. Trong lúc mọi người đang thảo luận về vấn đề này thì Tongané gọi họ. Cả hai con ngựa đều lẫn đường ra đất. Họ không thể cứu chúng được nên sau một giờ vật vã chúng đã chết.

Còn lại hai con, song họ cũng không thể giữ chúng được: hai con đã chết vào ngày 10 tháng Ba.

Số phu khuân vác thuê ở làng Kadou đã hoảng sợ trước việc ngựa lẫn lượt chết? Hay họ sợ bị đói vì cuộc đi săn ngày 10 tháng Ba đã đem lại kết quả thảm hại? Dù gì thì họ cũng đã bỏ trốn vào đêm mùng 10 tháng Ba và sáng ra, sáu người Âu, Tongané và Malik đã không còn phu khuân vác, không còn ngựa và lương thực.

Họ nản lòng trong giây lát, một sự nản lòng hoàn toàn tự nhiên vì họ bắt đầu cảm thấy đuối sức. Jane Buxton vô cùng buồn phiền, trách mình đã lôi kéo bạn bè vào chuyến đi khốc dữ mếu dữ này. Nàng thấy mình có lỗi trước nỗi bất hạnh của họ và mong họ tha thứ.

Florence thấy cần phải chống lại sự rầu rĩ của mọi người.

— Lời nói chẳng giúp gì đâu, – anh nói to, giọng chủ tâm thô lỗ với Jane Buxton. – Hình như chúng ta chưa chết cơ mà. Mấy ngày vừa qua tuy săn bắn không kết quả, nhưng đã sao! Ngày mai việc săn bắn sẽ khá hơn, thế thôi.

— Xin các bạn đừng quên rằng, – bác sĩ Châtonnay nhận xét, phụ họa với chàng phóng viên, – mấy người phu da đen của chúng ta khi bỏ trốn đã bỏ đi cho chúng ta những sáu miếng ăn.

— Với hoàn cảnh của chúng ta thì đó là một ân huệ, – Florence kết luận.

— Cảm ơn ông Florence, cảm ơn các vị, – Jane Buxton cảm động, nói. – Xin các vị hãy tin rằng tôi không bao giờ quên lòng tốt của các vị...

— Không nên tỏ ra yếu đuối như thế, – Florence cắt ngang. – Chẳng có gì tệ hại lắm đâu. Tốt hơn hết là chúng ta hãy đi săn, kiếm cái ăn trước khi thành dạ dày dịp dính liền lại với nhau. Chúng ta sẽ dốc bầu tâm sự sau bữa ăn.

Phu khuôn vác đã bỏ trốn nên họ không thể mang theo các kiện hàng, họ phải bỏ lại chiếc lều bạt cuối cùng và số hàng để đổi. Từ nay, Jane Buxton sẽ ngủ ngoài trời. Việc các món đồ phải bỏ lại không làm cho mọi người tiếc lắm. Chúng chẳng có tác dụng gì khi đường sá vắng hoe. Hơn nữa, làm gì mà họ không có vàng phòng khi cần buôn bán?

Cuộc hành trình được tiếp tục trong những điều kiện đáng buồn như thế đấy. Ngày 12 tháng Ba, họ đi ngang qua một cái làng có nhiều xác chết của người da đen. Bác sĩ Châtonnay thấy rằng những người này bị chết không quá hai ngày trước đó. Từ đây họ rút ra kết luận là bọn giết người nay đã ở gần họ hơn; chúng có thể chạm trán với họ hay không?

Cho dù viễn cảnh có đáng buồn, họ vẫn tiếp tục đi lên hướng Bắc. Họ biết làm gì khác? Trờ lại hướng Nam, theo con đường có nhiều làng thù địch hoặc bị tàn phá thì không thể được nữa rồi. Tốt hơn cả là bằng mọi giá phải đến được Niger, vì ở đó họ sẽ được giúp đỡ.

Trên đường đi, các du khách bị kiệt sức gặp toàn cảnh tan hoang. Những làng có tường thành chống cướp thì thù địch, những làng khác bị cướp phá trụi lủi. Đoàn sống sót được là nhờ những may mắn bất ngờ: khoai lang, khoai mỡ hoặc các loại củ khác bởi được ngoài đồng trống, chim thú bắn được và đôi khi là những con cá nhỏ nhoi do Saint-Bérain câu được, song cũng rất hiếm. Họ đi ở những nơi thường không có sông. Nhiều lúc họ bị khát vì các giếng nước trên đường đi bị lấp sạch. Thế lực hung hãn đang bám riết các du khách đã không quên làm bất cứ điều gì.

Song nhiệt tình của họ vẫn không hề nguội lạnh. Mặc cho nắng thiêu và sức yếu, mặc cho đói khát và mệt nhọc, họ vẫn dũng cảm lần hồi lên phía Bắc.

Hai người da đen chịu đựng mọi thử thách với lòng kiên nhẫn tuyệt vời. Quen với những nỗi gian truân của cuộc sống khắc nghiệt, họ dường như ít đau khổ bằng mấy người Âu. Họ thể hiện lòng trung thành với nhau hết sức cảm động.

— Tôi không đói lắm đâu, – Tongané nói với Malik khi anh mời cô ăn khúc củ do anh kiếm được.

Malik đón nhận món quà nhỏ, song cũng chỉ để mời lại Jane Buxton, còn Jane thì lại sung vào số lương thực dự trữ chung cho tất cả mọi người.

Dường như Jane Buxton chịu đựng thử thách mà số phận đem lại ít kiên nhẫn hơn cả, tuy nhiên những thử thách ấy không phải là nguyên nhân gây ra nỗi lo buồn ngày càng tăng của nàng. Nàng không bao giờ hy vọng chuyến đi sẽ xuôi chèo mát mái, sẵn sàng chấp nhận mọi trở ngại xảy ra trên đường đi. Nàng bị gầy yếu vì đói khát, nhưng vẫn giữ trọn lòng nhiệt tình của mình và ý nghĩ của nàng luôn hướng tới cái đích đã định. Song nàng càng gần đến đích bao nhiêu thì nỗi lo buồn càng chống lại ý chí của nàng bấy nhiêu. Ngồi một ở Koubo sẽ nói lên điều gì với nàng? Nàng có phải trở về với hai bàn tay trắng hay không?

Amédée Florence có nỗi lo khác mà bạn bè của anh cũng không thể ngờ tới. Việc ấy bắt đầu từ ngày 12 tháng Ba, khi họ đi ngang qua một cái làng vừa bị cướp phá hôm trước đó mà thôi. Từ ngày ấy Amédée Florence tin rằng họ đang bị theo dõi, bị dò xét. Anh tin rằng bọn thám báo đang lẩn quất trong các bụi rậm, bám theo từng bước đi của đoàn người kiệt sức, nhìn thấy tình trạng hấp hối của đoàn và sẵn sàng xóa bỏ mọi nỗ lực của họ một khi họ sắp thoát ra được. Vì luôn luôn cảnh giác nên anh có nhiều bằng chứng cho sự nghi ngờ của mình: ban ngày là dấu trại còn mới nguyên, ban tối là tiếng nói thì thầm, tiếng chân bước nhẹ nhẹ, những bóng đen mờ mờ giữa màn đêm sâu thẳm. Anh không nói cho bạn bè biết về sự lo ngại của mình và đã ra lệnh cho Tongané, là người cũng nhận thấy các hiện tượng đó, im lặng. Họ tăng cường cảnh giới.

Hành trình với bao khó khăn gian khổ như thế nên không thể nào đúng hạn được. Mãi tới ngày 23 tháng Ba họ mới nghỉ chân lần cuối, trước khi đến Koubo. Từ chỗ các du khách kiệt sức dừng chân đến Koubo còn độ bảy – tám km nữa, song theo lời của Tongané thì mộ của George Buxton cách đó non hai km.

Bây giờ Amédée Florence mới cho rằng cần phải kể cho các bạn nghe về những sự kiện khiến anh bận tâm. Anh kể cho họ nghe về những điều quan sát được vào ban ngày và ban đêm, và rằng họ sẽ không thể tiến thêm được bước nào mà kẻ thù bí ẩn không hay biết.

— Tôi xin trình bày tiếp, – anh nói thêm, – và dám quả quyết rằng kẻ thù của chúng ta là những người quen cũ, bọn chúng gồm hai mươi tên da đen và ba tên da trắng, một trong ba tên này giống hệt ông bạn hào hoa phong nhã được gọi là trung úy Lacour của chúng ta.

— Có thể ông nói đúng, ông Florence ạ, – Barsac công nhận. – Song điều đó không thay đổi được tình thế của chúng ta đâu.

— Tôi không đồng ý, – Amédée Florence phản đối. – Tôi không tán thành nên quyết định nói ra ngay hôm nay, tôi đã im lặng trong một thời gian dài để không làm tăng một cách vô ích nỗi lo sợ của các vị. Nhưng đầu gi thì chúng ta cũng đang ở gần đích. Thú thật, lần này tôi muốn đánh lừa bọn săn đuổi để chúng không biết được ý đồ của chúng ta.

— Vì sao? – Barsac hỏi.

— Chính tôi cũng không biết nữa, – Florence thú nhận. – Ý nghĩ ấy đã đến với tôi thế thôi. Có lẽ, vì lợi ích của cô Buxton, để mục đích chuyến đi của cô ấy không bị lộ trước khi cô ấy tiến hành điều tra.

— Tôi xin đồng ý với ông Florence, – Jane Buxton ủng hộ. – Ai mà biết được, có thể ngày mai bọn chúng sẽ tấn công chúng ta và tôi sẽ bị nạn. Tôi không muốn đi quá xa mà không đạt được mục đích của mình. Ông Florence nói đúng: cần phải thoát khỏi bọn do thám đang vây quanh ta. Tiếc thay, tôi không biết phải làm việc này thế nào.

— Không có gì dễ bằng, – Florence giảng giải. – Chắc bọn chúng vẫn lơ là cảnh giác khi chúng ta dừng chân nghỉ đêm. Việc duy trì thường xuyên thói quen của chúng ta nhất định đã làm cho bọn chúng yên tâm và chúng đinh ninh rằng sáng hôm sau chúng sẽ tìm thấy chúng ta ở chỗ mà chúng đã bỏ đi đêm trước. Phải lợi dụng lúc trời tối đi ngay bây giờ. Chúng ta im lặng rút đi, từng người một, theo hướng xác định rồi gặp nhau ở chỗ quy ước trước. Rốt cục, sẽ không có nhiều tên bám được theo chúng ta đâu, nhưng cũng sẽ rất nguy hiểm nếu chúng ta rơi ngay vào tay của tên trung úy điển trai Lacour.

Kế hoạch đã được thông qua. Họ quy ước với nhau là sẽ đi về hướng Tây, đến chỗ có mấy cây to cách đó một km. Tongané ra đi đầu tiên, tiếp theo là Jane Buxton, rồi Malik. Mấy người Âu khác cũng lần lượt ra đi, đi sau cùng là Amédée Florence.

Việc di chuyển diễn ra bình yên. Sau hai giờ, sáu người Âu và hai người da đen tập kết tại bìa rừng, sau đó họ băng qua rừng để che mắt địch.

Sau nửa giờ đi khẩn trương, Tongané dừng lại. Theo lời anh nói thì họ đã đến được chỗ đội quân phiến loạn của đại úy Buxton bị tiêu diệt, nhưng trong đêm tối anh không thể chỉ chính xác vị trí mà Jane Buxton quan tâm. Đành phải đợi trời sáng. Họ được nghỉ ngơi vài giờ. Chỉ có Jane Buxton không biết ngày mai sẽ mang lại cho nàng điều gì nên nàng không thể chọn mất được.

Chưa đến sáu giờ, mọi người đã thức dậy. Tongané đi xem xét chung quanh. Mọi người vô cùng hồi hộp theo dõi anh.

— Kìa! – Cuối cùng thì chàng da đen cũng đã cất tiếng nói và chỉ vào một cái cây đứng riêng lẻ.

Mấy phút sau, tất cả mọi người đều đã đứng dưới gốc cây đó và đào đất ở chỗ Tongané chỉ, chỗ ấy chẳng có dấu hiệu gì của một ngôi mộ cả. Họ dùng dao đào đất, dùng tay lấy đất quăng lên trên, cái hố to ra rất nhanh.

— Cẩn thận đấy! – Anh phóng viên bỗng kêu lên. – Xương kia kia...

Vì quá xúc động, cô Buxton phải tựa vào tay của ông bác sĩ.

Họ bắt đầu dọn sạch cái hố. Một thi hài hay đúng hơn là một bộ xương còn nguyên hiện ra. Quanh tay có mấy mảnh vải thêu bằng chỉ vàng – đó là dấu hiệu của chiến tích. Giữa đồng hải cốt, họ nhìn thấy một chiếc cặp đã bị hư hỏng nặng vì thời gian. Họ mở cặp ra: bên trong chỉ có mỗi một lá thư của em gái George Buxton gửi cho anh ta.

Lệ tuôn tràn từ đôi mắt của cô gái.

— Thưa bác sĩ, tôi mong ông, – nàng nói giọng run run, – ông sẽ làm ơn xem xét hải cốt người anh bất hạnh của tôi chứ?

— Tôi rất sẵn lòng, cô Buxton ạ, – ông bác sĩ cảm động trả lời.

Ông bước xuống mộ và tiến hành xem xét theo các quy tắc pháp y. Khi xem xong, nét mặt ông lộ vẻ nghiêm trang và xúc động.

— Tôi, Loren Châtonnay, tiến sĩ y khoa, trường Đại học tổng hợp Paris, – ông trình trọng nói giữa cảnh im lặng như tờ, – xác nhận những điều sau đây: Thứ nhất, bộ hải cốt mà tôi vừa nghiên cứu và cô Jane Buxton tuyên bố là của George Buxton – anh trai của cô – không hề có thương tích do hỏa khí gây ra; thứ

hai, người để lại bộ hài cốt này đã bị giết; thứ ba, chết do bị đâm bằng dao găm, từ sau lưng và từ trên xuống, lưỡi dao đã xuyên qua bả vai bên trái và chạm vào phần trên của quả tim; thứ tư, còn đây là hung khí của tên sát nhân, chính tay tôi đã rút nó ra khỏi cái xương mà nó mắc vào.

— Bị giết!... Jane Buxton bối rối lắp bắp.

— Bị giết, tôi khẳng định điều đó, – bác sĩ Châtonnay nhắc lại.

— Và từ sau lưng!

— Từ sau lưng.

— Nghĩa là George vô tội! – Jane thốt lên và òa khóc nức nở.

— Việc anh cô có vô tội hay không đã vượt ra ngoài phạm vi quyền hạn của tôi rồi, cô Buxton ạ, – bác sĩ Châtonnay nhẹ nhàng nhận xét, – và tôi không thể mạnh dạn khẳng định điều đó như đã khẳng định các chứng cứ vừa mới xác định được, nhưng tôi nghĩ là anh cô rất có khả năng vô tội. Quả thật, từ kết quả kiểm tra của tôi có thể rút ra rằng anh cô bị giết không phải trong lúc chiến đấu như cho đến nay người ta vẫn tưởng, mà bị đâm từ phía sau lưng. Không phải lính của quân đội chính quy đâm vì loại dao này không phải là vũ khí của quân đội.

— Cám ơn bác sĩ, – Jane nói, nàng đã hơi bình tĩnh lại. – Những kết quả đầu tiên của chuyến đi của tôi cho phép hy vọng... Thưa bác sĩ, tôi xin có thêm một đề nghị nữa... Ông có thể viết lại kết quả giám định trong ngày hôm nay và những người khác sẽ vui lòng làm chứng chứ ạ?

Tất cả mọi người đều sốt sắng làm theo yêu cầu của Jane Buxton. Amédée Florence viết biên bản, bác sĩ Châtonnay và tất cả những người có mặt ở đó đã ký tên, biên bản được giao lại cho Jane Buxton cùng với hung khí tìm thấy trong ngôi mộ của anh nàng.

Cô gái run run cầm lấy hung khí. Con dao phủ một lớp gỉ dày, có lẽ lẫn cả máu nữa. Trên chiếc cán bằng ngà voi có thể nhận thấy vết tích của mấy chữ khắc trên đó.

— Các ngài hãy nhìn xem, – Jane nói, – hung khí này trước đây đã mang tên của kẻ sát nhân.

— Tiếc thật, nó bị mờ, – Amédée Florence thở dài. – Nhưng hãy khoan, có chữ gì đây như là “i” và “L”.

— Ít quá, – Barsac nhận xét.

— Nhưng có lẽ đủ để vạch mặt chỉ trán tên giết người, – Jane Buxton nghiêm nghị nói.

Theo lệnh của nàng, Tongané lấp đất lên hài cốt của George Buxton, sau đó mọi người từ giả ngôi mộ cô đơn, bị thương và lên đường đến Koubo. Nhưng họ mới đi được ba – bốn km thì phải dừng lại.

Jane bị kiệt sức, nàng khụy gối và ngã xuống.

— Do quá xúc động, – bác sĩ Châtonnay giải thích.

— Và do bị đói nữa, – Amédée Florence bổ sung rất chí lý. Ngày cụ Saint-Bérain, chúng ta không được để chết đói cô cháu gái của anh, cho dù cô này có là bà di của anh đi nữa, nhưng tôi sẽ chẳng bao giờ tin vào điều đó đâu nhé. Đi sẵn đi!

Rủi thay, thú săn rất ít. Mãi đến chiều tối, số phận mới mỉm cười với họ. Hai con chim đồng lớn và một con gà gô đã bị hạ. Lần đầu tiên, sau một thời gian dài các du khách mới có được một bữa ăn tối thịnh soạn. Song họ đã phải từ bỏ ý định đến Koubo vào tối hôm đó và họ quyết định phải nghỉ đêm cuối cùng ngoài đồng.

Đêm ấy, vì mệt mỏi và chủ quan cho rằng đã đánh lạc hướng được kẻ thù, các du khách đã xao nhãng việc tuần tra canh gác. Đó chính là nguyên nhân làm cho không một ai trong bọn họ thấy có những hiện tượng lạ xảy ra trong đêm. Có mấy ánh đèn yếm ớt nhấp nháy ở hướng Đông. Đáp lại chúng, ở hướng Tây cũng có những ánh đèn khác, rất sáng và phát ra từ trên cao, mặc dù bình nguyên hoàn toàn bằng phẳng, không có ngọn đồi nào. Dần dần ánh đèn mờ ở hướng Đông và ánh đèn sáng rực ở hướng Tây xích lại gần nhau. Chúng hợp lại ở chỗ những người đang nằm ngủ.

Thình lình những người đang ngủ bị đánh thức dậy bởi những tiếng động ù ù lạ tai mà họ đã từng nghe thấy ở gần Kankan. Nhưng giờ đây, tiếng động đó ở gần hơn và to hơn nhiều. Khi họ vừa mở mắt thì những đóm ma trôi, giống như đèn pha, đột nhiên sáng lóe lên ở hướng Tây, cách họ chưa đầy một trăm mét. Trong lúc họ đang cố tìm hiểu nguyên nhân của hiện tượng đó thì một bọn từ trong bóng tối đã nhảy ra. Chúng lao vào các du khách đang bị lóa mắt và bàng hoàng. Trong nháy mắt, họ đã bị quật ngã.

Giữa đêm, một giọng thô bỉ hỏi bằng tiếng Pháp:

— Tụi bây xong chưa?

Rồi sau một lúc im lặng:

— Đứa nào ngộ nguậy, tao bắn vỡ sọ... Thôi đi!

PHẦN THỨ HAI

I

Blackland

Thành phố Gao-Gao nằm ở tọa độ 20 kinh Đông và 160 vĩ Bắc, trên tả ngạn sông Niger. Bao quanh nó là sa mạc lớn, hướng Bắc trải dài đến Maroc, Algérie và Tripolitaine, hướng Tây đến Ai Cập, và Nubie, hướng Nam đến Trung Phi và hướng Đông đến đại dương. Các ốc đảo gần Gao-Gao nhất là Adrar ở phía Bắc và Aïr ở phía Tây. Adrar cách xa thành phố bốn trăm km, còn Aïr thì cách nó chín trăm km. Ngay cả những tấm bản đồ mới nhất cũng vẫn ghi rõ vùng đất rộng 360 nghìn km vuông này là khu vực chưa được nghiên cứu. Vào lúc đoàn thị sát của dân biểu Barsac phải chịu đựng những thử thách được miêu tả trong phần đầu của câu chuyện chúng ta, chưa một ai đặt chân đến đó cả.

Bây giờ trong cư dân ven sông Niger lan truyền những câu chuyện huyền hoặc về vùng đất chưa được khảo sát này. Thỉnh thoảng – theo lời thổ dân kể – có những con chim đen rất to, mắt đỏ bay lượn ngoài đồng khô, đôi khi từ cội bí ẩn hiện ra một bầy quỷ cưỡi ngựa chạy qua rất hăng. Bọn kỵ sĩ quái đản ập đến các làng, phá nát mọi thứ gặp trên đường đi rồi biến mất, bắt đàn ông, đàn bà và trẻ em mang đi luôn trên yên ngựa, những người bị bắt không bao giờ trở về được nữa.

Các sinh vật khủng khiếp đã tàn phá và cướp bóc làng bản rồi biến đi, để lại sau lưng cảnh hoang tàn và chết chóc đó là ai? Không một người nào định tìm hiểu điều này. Ai mà dám lần theo dấu vết của bọn giặc đã được trí tưởng tượng của dân chúng thêm cho cái sức mạnh siêu nhiên và coi chúng là những đấng thần linh của sa mạc?

Nhưng, giả sử có người dũng cảm nào đó đi sâu vào sa mạc và sau chặng đường dài hai trăm sáu mươi km đến được tọa độ 1040' kinh Tây và 15050' vĩ Bắc thì anh ta sẽ thấy được cái mà không một nhà địa lý, nhà nghiên cứu hay thương đoàn nào thấy được: một thành phố.

Vâng, một thành phố thực sự mà chẳng ai có thể ngờ, mặc dù dân số của nó lên tới bảy nghìn tám trăm linh tám người, chưa kể trẻ em.

Nếu nhà thám hiểm giả định ấy hỏi một người dân về tên gọi của thành phố thì có thể, tay đó sẽ trả lời bằng tiếng Anh: “BLACKLAND”. Song cũng có thể bằng tiếng Italia, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Bambara. Dẫu bằng tiếng gì, lời đáp vẫn chỉ có nghĩa là “Xứ đen”.

Người ta nói đủ mọi thứ tiếng trong cái thành phố hỗn độn này, dân số của nó vào lúc đoàn Barsac gặp nạn ở Koubo, có sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám người da đen và một nghìn không trăm ba mươi người da trắng thuộc đủ các nước trên thế giới. Phần lớn đó là những tên phiêu lưu trốn tòa và trốn tù, sẵn sàng làm những việc tồi tệ nhất. Do bọn đại diện của chủng tộc Anh thống trị đám đông lơ lửng ấy nên tiếng Anh chiếm ưu thế so với các thứ tiếng khác. Mọi mệnh lệnh của Ông Chủ và tờ báo chính thức của địa phương “Tiếng sấm Blackland” đều được in bằng tiếng Anh.

Báo này rất kỳ cục nếu xét theo các đoạn trích từ một vài số báo:

“Hôm qua, John Andrew đã treo cổ mọi da đen Koromoko vì tên này quên đưa tàu thuốc cho ông ta sau bữa ăn sáng”.

“Sáu giờ chiều mai sẽ phái đi Kourkoussou và Bidi mười tàu lượn cùng với mười Chàng trai Vui tính dưới quyền chỉ huy của đại tá Hiram Herbert. Cướp phá toàn bộ hai làng mà ba năm rồi chúng ta chưa đến thăm. Trở về ngay trong đêm”.

“Chúng tôi đã thông báo: đoàn thị sát của Pháp do dân biểu Barsac dẫn đầu sắp khởi hành từ Conakry. Rõ ràng đoàn có ý định đến Niger qua Sikasso và Ouagadougou. Các biện pháp phòng ngừa đã được áp dụng. Hai mươi người của Đội vệ binh Đen và hai Chàng trai Vui tính lập tức lên đường. Đại úy Edward Rufus như mọi người đều biết, là lính bộ binh thuộc địa đào ngũ – sẽ đóng vai trung úy Lacour và sẽ sử dụng kiến thức quân sự tuyệt vời của dân tộc Pháp để chặn Barsac lại bằng mọi cách. Dĩ nhiên, ông ta sẽ không đến được Niger”.

“Hôm sau, ở trên cầu, sau một cuộc cãi vã, cố vấn Ehle Willis đã nổ súng vào đầu chàng trai Vui tính Constantin Bernard. Anh này ngã xuống sông Đò và bị cái đầu quá nặng do mới được nạp thêm một số lượng đạn chì kéo chìm. Lập tức có cuộc thi tuyển để thay người quá cố. Gilman Ely đoạt giải nhờ có mười bảy bản án của tòa án Pháp, Anh và Đức, tính chung là hai mươi chín năm tù giam và ba mươi lăm năm khổ sai. Vì vậy, Gilman Ely được chuyển từ khối dân sự sang khối các Chàng trai Vui tính. Chúc anh những điều tốt đẹp nhất!”.

Hắn đọc giả đã nhận thấy John Andrew, Hiram Herbert, Edward Rufus, Ehle Willis, Constantin Bernard, Gilman Ely là những cái tên ghép từ hai tên ở Blackland, bất kỳ một người nào mới đến đều nhận được tên mới và bỏ đi cái họ không ai biết, trừ Ông Chủ.

Ông Chủ là người duy nhất trong số dân da trắng, ngoại trừ một bộ phận đặc biệt sẽ nói đến sau, có mang họ nhưng nghe nó như một biệt danh báo điềm dữ. Mọi người gọi hắn là Harry Killer, theo nghĩa đen là Harry Sát nhân.

Mười năm trước, trước lúc đoàn Barsac bị bắt cóc. Harry Killer cùng với một số tên như hắn không rõ từ đâu đến sa mạc, cất lều và nói: “Ở đây sẽ có một thành phố!”. Và Blackland hiện ra trên hoang mạc như có phép lạ.

Đó là một thành phố rất lạ. Nó nằm trên một vùng đất bằng phẳng, bên hữu ngạn sông Tafasasset – con sông vẫn hoàn toàn khô cạn cho tới ngày ý muốn của Harry Killer làm cho nó đầy nước chảy, thành phố có hình bán nguyệt đều đặn, dọc theo dòng chảy, từ Tây Bắc xuống Đông Nam rộng sáu bảy trăm mét. Như vậy, diện tích của nó lên tới năm mươi sáu hecta, chia ra làm ba khu to nhỏ khác nhau được bao bọc bởi các bức tường bằng đất sét trộn rơm kiên cố, cao mười mét và bề dày của chân móng cũng xấp xỉ như thế.

Ngay cạnh bờ của con sông mà Harry Killer gọi là sông Đò, khu Một nằm trong vòng bán kính hai trăm năm mươi mét. Con lộ rộng một trăm mét chạy dọc bờ sông đã làm tăng diện tích của nó lên một cách đáng kể.

Tầng lớp quý tộc của Blackland mà người ta chế giễu gọi là các Chàng trai Vui tính sống ở khu Một.

Trừ một vài người được yêu cầu giữ những chức vụ cao hơn, đám bạn bè của Harry Killer là nhân tố cốt lõi tạo nên khối các Chàng trai Vui tính khi hắn xây xong thành phố. Quy tụ quanh số hạt nhân ban đầu là một lũ tướng cướp, Killer đã chiêu dụ và hứa sẽ thỏa mãn đầy đủ mọi bản năng tội lỗi của bọn chúng. Chẳng bao lâu số lượng các Chàng trai Vui tính lên tới năm trăm năm mươi sáu người và không được vượt quá con số này với bất kỳ lý do nào.

Chức trách của các Chàng trai Vui tính rất đa dạng. Được tổ chức theo kiểu nhà binh, do một đại tá, năm đại úy, mười trung úy và năm mươi hạ sĩ quan chỉ huy, chúng là quân đội của Blackland. Chiến tranh mà chúng tiến hành là cướp phá các làng bản thâm thương và giết hại những người dân không được chúng bắt đi làm nô lệ. Các Chàng trai Vui tính còn là cảnh sát của thành phố và có nhiệm vụ cai quản tù nhân. Đội cảnh vệ của Ông Chủ, đội thực hiện mù quáng mọi mệnh lệnh của hắn ta, cũng được tuyển lựa từ trong số bọn chúng.

Khu Ba, khu ở cách xa trung tâm nhất, là một vành bán nguyệt bao quanh thành phố, nằm giữa dãy tường ngoài cùng và khu giam nô lệ.

Những người da trắng không thuộc khu Một thì sống ở khu Ba và được gọi chung là khối Dân sự. Trong khi chờ chỗ khuyết ở khối các Chàng trai Vui tính, mà cũng thường hay có chỗ khuyết vì lối sống dã man của Blackland luôn dẫn đến những trận đấu súng – họ phải “tập sự” ở khối Dân sự. Các thành viên của khối Dân sự buôn bán để kiếm sống bởi vì chỉ có các Chàng trai Vui tính mới được Ông Chủ chu cấp bằng tiền của Nhà nước. Khu Dân sự là khu thương mại, các Chàng trai Vui tính có thể tìm mua bất cứ thứ hàng hóa gì ở đây. Thương nhân mua lại hàng hóa của Ông Chủ, tên này kiếm được bằng cách cướp bóc hoặc đổi với các vật dụng có nguồn gốc từ châu Âu, thì bằng những thủ đoạn mà chỉ có những kẻ thân cận nhất của hắn mới biết được.

Vào thời điểm Blackland xuất hiện trong câu chuyện của chúng ta, khu Ba có hai trăm tám mươi sáu nhân khẩu, trong đó có bốn mươi lăm phụ nữ da trắng.

Nằm giữa khu Một và khu Ba là khu Hai – khu của những người nô lệ. Số lượng nô lệ lên tới con số sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám, trong đó bốn nghìn một trăm chín mươi sáu người là đàn ông và hai nghìn

năm trăm tám mươi hai người là đàn bà.

Sáng sáng, bốn cánh cửa trở trên tường của địa ngục ấy mở ra và dưới sự giám sát của các Chàng trai Vui tính được trang bị dùi cui và súng lục, những người da đen không làm việc ở thành phố ra đồng làm ruộng. Buổi chiều, họ trở về cũng y như lúc ra đi và mấy cánh cửa nặng nề đóng sầm lại cho đến sáng hôm sau.

Nhiều người bất hạnh đã chết, do không chịu được đói khát hoặc đòn roi của cai ngục. Con số thiếu hụt được bổ sung ngay sau những trận đột kích và những nạn nhân mới thay thế cho những người đã được cái chết giải thoát.

Blackland không phải chỉ có mấy khu bên hữu ngạn. Bên trái sông Đỏ, ở chỗ bờ dốc dựng đứng của nó, tường thành chạy dọc theo sông, tạo nên hình chữ nhật có chiều dài là một nghìn hai trăm mét và chiều rộng là ba trăm mét. Khu vực này của thành phố được ngăn ra làm hai phần bằng nhau bởi một bức tường ngang rất cao.

Nửa nằm bên sườn đồi Tây Bắc có một công viên gọi là vườn Thành lũy, cầu Vườn nối liền nó với khu các Chàng trai Vui tính và khu Dân sự. Nửa nằm trên đỉnh đồi là trung tâm sinh hoạt của thành phố.

Ở góc phía Bắc, nơi tiếp giáp với công viên vườn cao lên một công trình tứ giác đồ sộ, có tường bậc thang bao quanh, mặt Đông Bắc của nó cao gần ba mươi mét và chấm dứt đột ngột ở chỗ sông Đỏ. Đó là cung điện như người ta thường gọi. Harry Killer và chín bạn cố tri làm quân sư cho hãn sống ở đó. Quân sư gì mà lạ, vì nhiệm vụ chính của chúng là kiểm tra xem mệnh lệnh và các bản án không được kháng cáo của ngài lãnh chúa xa vời và hầu như vô hình kia có được thực hiện hay không.

Một chiếc cầu khác, cầu Cung điện, có cửa chắn song chắc chắn đóng lại vào ban đêm, nối liền nơi ở của Killer với bờ phải.

Sát với cung điện là hai trại lính: một cái dành cho mười hai gã nô lệ làm công việc phục dịch và năm mươi tên da đen hung dữ trong đội vệ binh Đen, một cái thì dành cho bốn mươi người da trắng được giao quyền điều khiển bốn mươi chiếc máy biết bay, ở Blackland người ta gọi chúng là tàu lượn.

Sáng chế phi thường của một bộ óc thiên tài, những chiếc máy tuyệt vời ấy có khả năng bay liên tục qua chặng đường dài năm nghìn km với vận tốc bốn trăm km/giờ. Hình như, bọn cướp Blackland có mặt được ở khắp mọi nơi là nhờ tàu lượn, tàu lượn giúp chúng tẩu thoát ngay sau khi gây ra tội ác. Cả sự hùng cường của chính thể chuyên chế Harry Killer cũng dựa vào chúng.

Quả thật, bằng cách làm cho mọi người khiếp sợ, Killer đang trị vì cái đế chế bí ẩn có thủ đô là Blackland; bằng dọa nạt, hãn đã thiết lập và duy trì quyền lực của mình. Tuy nhiên, tên độc tài cũng thấy trước được khả năng nổi dậy của thân dân da trắng và da đen của hãn. Cung điện được xây cất theo kiểu làm cho hãn không chế được toàn bộ thành phố và đặt các khu dân cư, vườn tược, trại lính dưới tầm đại bác. Mọi biểu hiện bất bình đều có thể là tín hiệu đưa đến sự tàn sát toàn thể và những người nổi loạn không còn khả năng chạy trốn. Sa mạc là chướng ngại vật không vượt qua nổi, nên bạn đọc sẽ thấy một khi đã rơi vào sào huyệt đó thì phải từ bỏ mọi hy vọng thoát ra.

Blackland được giữ gìn sạch sẽ và có đầy đủ tiện nghi. Không một ngôi nhà nào của các Chàng trai Vui tính hay ở khối Dân sự mà không có điện thoại, không một đường phố nào, căn nhà nào – dù là nhà ở của tù nhân, mà không có đường ống dẫn nước và điện.

Ở vùng ngoại vi của cái thành phố được xây dựng giữa sa mạc cách đây mười năm, sự biến đổi còn kỳ diệu hơn nhiều. Bây giờ biển cát đã lùi xa tường thành vài km. Ven đô, sa mạc được cải tạo thành đồng ruộng, cây cối của châu Phi và châu Âu mỗi năm lại càng mọc lên tươi tốt.

Sự sáng tạo của Harry Killer, dựa trên cơ sở những tội ác là như vậy đó. Song nó đã được thực hiện như thế nào? Làm sao hãn biến được những mảnh đất khô cằn thành đồng ruộng phì nhiêu? Để con người và súc vật tồn sinh, để đất đai cho hoa thơm trái ngọt, thì cần phải có nước. Harry Killer đã ban nước cho vùng đất mà trước đây quanh năm suốt tháng trời không hề mưa lấy một giọt, quả là tài! Hãn có phép thuật chăng?

Không, Harry Killer không có sức mạnh siêu nhiên và bằng nỗ lực của bản thân, hãn đã chẳng làm nên những điều kỳ diệu như thế. Harry Killer không đơn thương độc mã. Cung điện, dinh trại của đội vệ binh Đen và nhà để máy bay chỉ chiếm một phần nhỏ trong khu cuối của Blackland. Giữa khoảng đất bao la đó

còn có những công trình, còn có nguyên cả một thành phố nằm trong Blackland, nhà cửa, sân bãi và vườn nội của nó chiếm chín hecta. Đối diện với cung điện nổi lên một nhà máy.

Nhà máy là đơn vị độc lập, tự trị. Ông chủ chỉ cung cấp tài lực. Hắn vừa kính nể nó, vừa e ngại nó – điều này hắn không dám thú nhận với chính bản thân mình.

Hắn chỉ nghĩ ra thành phố, còn nhà máy thì xây dựng, nhà máy cung cấp cho hắn những cái tiền mới nhất và nhiều hơn cả là những sáng chế phi thường mà mãi mấy năm sau khi Blackland không còn nữa, Châu Âu mới biết được.

Nhà máy có phần hồn và phần xác. Hồn của nó là ông giám đốc. Xác của nó là một trăm công nhân thuộc nhiều dân tộc, chủ yếu là người Pháp và người Anh. Mỗi công nhân được trả lương ngang lương bộ trưởng, thế nhưng bọn họ phải tuân theo luật lệ khắc nghiệt của Blackland.

Công nhân thuộc đủ mọi nghề, nhưng phần đông là thợ lắp máy. Một số người trong bọn họ đã lấy vợ và vào thời điểm miêu tả lịch sử Blackland, nhà máy đã có hai mươi bảy phụ nữ và một ít trẻ em.

Số công nhân lương thiện này trái ngược hẳn với những công dân khác của thành phố, họ sống ở nhà máy và bị cấm ngặt không cho ra khỏi nơi này. Đội vệ binh Đen và các chàng trai Vui tính ngày đêm theo dõi họ sát sao. Công nhân bị tách khỏi thế giới bên ngoài trong suốt thời gian lưu trú tại Blackland. Họ chẳng những không thể ra khỏi nhà máy mà còn không được viết thư cho ai hoặc nhận thư từ bên ngoài gửi vào. Điều kiện thuê mướn như vậy đấy.

Tính chất nghiệt ngã như thế của điều kiện đã buộc nhiều người phải rút lui. Thịnh thoảng cũng có người bị đồng lương hậu hĩnh cám dỗ. Quả thật, anh mất gì nào một khi anh đang nghèo khổ và phải đánh nhau vì một mẩu bánh mì? Rốt cục – họ tự nhủ - “Chúng ta chỉ có cái mạng thôi mà”.

Ngay sau khi ký xong hợp đồng, người được tuyển mộ đi đến một hòn đảo nằm trong quần đảo Bissagos, gần bờ biển của Guinée thuộc Bồ Đào Nha. Ở đó anh ta bị bịt mắt và một trong mấy chiếc tàu lượn được cất giấu ở một nơi vắng vẻ trên quần đảo, chưa đầy sáu giờ đồng hồ sau đã chở anh ta đến Blackland, cách đó hai nghìn km. Tàu lượn hạ cánh xuống bãi trống giữa cung điện và nhà máy và người công nhân được tháo băng bịt mắt, anh ta bước vào nhà máy, ở luôn trong đó cho đến ngày anh ta muốn hủy bỏ hợp đồng và quyết định trở về quê hương.

Về vấn đề này, quả thật, hợp đồng có để cho người làm công được quyền tự do. Ở Blackland anh ta là tù nhân, nhưng có quyền rời bỏ vĩnh viễn thành phố Blackland bất cứ lúc nào. Đến lúc đó, chính từ bãi đáp, tàu lượn mang anh ta ra quần đảo Bissagos để tìm tàu thủy trở lại Châu Âu. Ít nhất, người ta cũng đã cam đoan với số công nhân ra đi như vậy. Nhưng những người còn lại ở nhà máy không biết rằng số ra đi không bao giờ đến đích, rằng hải cốt của họ phơi trắng ngoài sa mạc và rằng số tiền lương mà họ đem theo đã quay về với người phát ra nó. Vậy là quỹ tiền của Ông Chủ không bị cạn, vậy là bí mật về sự tồn tại của Blackland được bảo toàn và để chế Harry Killer vẫn không bị lộ.

Tuy nhiên, những cuộc ra đi như thế là rất hiếm. Công nhân không được biết đến thành phố sống như thế nào và vạn bất đắc dĩ họ mới ra khỏi khu phố nhỏ nhoi, biệt lập của mình vì phải bù đầu vào công việc.

Sếp của công nhân là ông giám đốc người Pháp Marcel Camaret.

Marcel Camaret là người duy nhất sống ở nhà máy có thể tự do đi ra khỏi nhà máy và dạo chơi trên các đường phố hoặc vùng ngoại ô Blackland. Nhưng không vì thế mà rút ra kết luận là ông rảnh tập tục của thành phố hơn những người dưới quyền, đến tên gọi của nó ông cũng không rõ.

Có lần, một công nhân đã hỏi ông về điều đó, Camaret suy nghĩ rất lung và trước sự kinh ngạc của anh ta, đã trả lời:

— Nói thật..., tôi không biết...

Quả thật, ông không định tìm hiểu về những “chuyện vặt vãnh” như thế.

Marcel Camaret là người kỳ cục thế đấy.

Trông ông gần bốn mươi tuổi. Người tầm thước, vai hẹp, ngực lép, tóc vàng, thưa. Ông có dáng mảnh khảnh, trang nhã. Ông luôn điềm tĩnh và như một đứa trẻ nhút nhát, ông nói năng thò thè, không bao giờ câu gắt. Cái đầu quá nặng của ông luôn luôn nghiêng xuống vai bên trái và trên khuôn mặt ốm yếu, nhợt nhạt chỉ có đôi mắt xanh hết sức mơ màng là tuyệt đẹp.

Người quan sát tinh tế có thể nhận thấy trong đôi mắt tuyệt đẹp ấy đôi khi lộ ra vẻ thảng thốt, lo âu và

đờ đẫn. Kinh ngạc trước ánh mắt đó, anh ta vội vàng kết luận: Marcel Camaret bị điên mất rồi và có thể xét đoán này không cách xa sự thật lắm đâu, bởi vì chẳng hiểu sao thiên tài rất gần với điên loạn.

Mặc dù yếu về thể chất, Marcel Camaret vẫn được trời phú cho một nghị lực vô biên. Ông coi thường mọi nguy nan và thiếu thốn. Ông sống không theo thời giờ, trong cái thế giới thần tiên đầy mộng tưởng. Marcel Camaret chỉ là chiếc máy nghĩ, lạ lùng, bất lực và thảm hại.

Xa lạ với tất cả những gì làm nên cuộc sống hiện thực, nhiều lần ông bị ngã xuống sông Đò mà vẫn cứ nghĩ là mình đang đi trên cầu. Gã đầy tớ Joko không thể bắt ông ăn đúng bữa được. Marcel Camaret chỉ ăn lúc đói, chỉ ngủ khi buồn ngủ – cả giữa trưa lẫn giữa đêm đều dễ dàng như thế.

Mười năm trước, hoàn cảnh đã đưa đẩy ông đến với Harry Killer. Lúc đó, ước mong của Marcel Camaret là một thiết bị kỳ lạ, có khả năng gây ra mưa – như lời ông nói. Harry Killer trân trọng niềm say mê đó và dựa trên cơ sở của nó, lập ra cái dự án mà sau này hắn đã thực hiện.

Harry Killer là một tên cướp, nhưng là tên cướp có tầm cỡ, hắn biết hắn có thể khai thác được nhiều ở bậc thiên tài ẩn dật. Cơ may đã hiển Camaret cho hắn, hắn hiện ra trước mắt nhà bác học như một khả năng thực hiện những mong ước của ông, hắn kéo ông đến sa mạc và nói: “Ông hãy bảo cơn mưa mong đợi rơi xuống đây”. Và trời ngoan ngoãn bắt đầu mưa.

Từ ngày ấy, Camaret sống trong tình trạng luôn luôn căng thẳng. Tất cả những ước mơ viễn vông của ông lần lượt được thực hiện. Sau thiết bị gây mưa, bộ óc của ông đã nghĩ ra cả trăm phát minh. Harry Killer đã thu lợi, còn người sáng tạo ra chúng thì chẳng bao giờ bận tâm xem chúng được sử dụng như thế nào.

Harry Killer muốn có mưa, thì Camaret làm mưa. Harry Killer đòi máy bay thì Camaret cung cấp cho hắn những chiếc tàu lượn có khả năng bay xa năm nghìn km với vận tốc như sao sa.

Ông chỉ nghiên cứu lý thuyết, không tham gia áp dụng chúng vào thực tế, không tìm hiểu nguồn gốc của các phương tiện vật chất cần thiết cho công việc thực hiện chúng. Đầu tiên, Marcel Camaret yêu cầu phải có một nhà máy như là điều sơ đẳng nhất – thì hàng trăm người da đen đã dựng lên nhà máy. Ông yêu cầu phải có đồ nghề, máy phát điện và máy hơi nước – thì những thứ ấy hiện ra trên sa mạc một cách huyền diệu. Cuối cùng ông yêu cầu phải có công nhân – thì công nhân lần lượt hiện về đông đủ. Những điều kỳ diệu ấy đã xảy ra như thế nào? Marcel Camaret không quan tâm. Ông yêu cầu – người ta cung cấp. Vậy thôi.

Ông không bao giờ hỏi câu hỏi đơn giản: Tiền ở đâu ra?

Vào lúc phần thứ hai của câu chuyện chúng ta bắt đầu thì ở Blackland mọi việc vẫn diễn ra bình thường. Nhà máy hoạt động, một số Chàng trai Vui tính giám sát những người da đen làm việc ngoài đồng, số khác thì phê phờ. Khối dân sự buồn bán lai rai.

Mười một giờ trưa, Harry Killer đang ở trong phòng của hắn. Hắn đắm mình trong suy tư và nếu căn cứ vào nét mặt thì thấy ý nghĩ của hắn chẳng thú vị tí nào.

Điện thoại reo.

— Tao nghe đây, alo! – Harry Killer nói.

— Hướng Tây, mười bảy độ về phía Nam, mười chiếc đã xuất hiện.

— Tao sẽ lên. – Harry Killer trả lời.

Mấy phút sau, hắn đã có mặt trên nóc cung điện. Ở đấy có một tháp nhỏ, cao chừng hai mươi mét. Hắn gặp Chàng trai Vui tính đã gọi điện báo cho hắn trên sân tháp.

— Kia kia, – gã nọ chỉ tay lên trời và nói.

Harry Killer nhìn vào ống nhòm.

— Chúng nó đấy. – Rồi hắn bỏ ống nhòm xuống và nói: – Roderik, cho gọi các quân sư. Tao xuống đây.

Trong lúc Chàng trai Vui tính gọi điện cho các quân sư, Harry Killer nhanh chóng đi ra bãi trống nằm giữa cung điện và nhà máy. Chín tay quân sư lần lượt đến bên hắn. Chúng ngước mắt lên trời, chờ đợi.

Không phải đợi lâu. Máy chiếc tàu lượn to ra rất nhanh. Vài phút sau chúng đã hạ cánh xuống bãi trống.

Mắt Harry Killer sáng ngời vì khoái trá. Bốn chiếc chỉ có toàn người lái, thể nhưng sáu chiếc còn lại mỗi chiếc chở thêm hai hành khách nữa: một vệ sĩ Đen và một tù binh bị trói chặt.

Sáu tù nhân được tháo bao trùm đầu. Khi những cặp mắt bị lóa của họ quen dần với ánh sáng, họ nhìn quanh, kinh ngạc. Họ đang ở trên một bãi đất rất rộng, có tường kiên cố bao quanh tứ bề. Cách xa vài bước là những cỗ máy kỳ lạ đã chở họ trên không. Trước mặt là một cung điện đồ sộ có tháp canh và ba mươi tên trong đội vệ binh Đen đang đứng chụm vào nhau. Gần hơn – một nhóm khác, gồm mười tên, trông có vẻ dữ tợn. Sau lưng bọn chúng, cách hơn trăm mét là dãy tường dài, không có cửa sổ và cửa ra vào, bên trên nhô lên một ống khói cao của nhà máy và một cái tháp còn cao hơn bằng thứ kim loại nhẹ, có công dụng không thể biết được. Họ đang ở đâu? Cái pháo đài không được đánh dấu trên các tấm bản đồ châu Phi là gì thế?

Trong khi họ đang thắc mắc thì Harry Killer đã ra hiệu và những cánh tay thô bạo chụp xuống vai họ. Dù muốn hay không họ cũng phải đi về phía cung điện. Cửa mở đón họ vào rồi đóng sập lại. Jane Buxton, Saint-Bérain, Barsac, Amédée Florence và bác sĩ Châtonnay đã sa vào tay của Harry Killer, tên độc tài thành Blackland – thủ đô lạ của một đế chế lạ.

II

Nhanh Như Bay

*T*rich nhật ký của Amédée Florence

NGÀY 25 THÁNG BA. Đã gần ba ngày rồi, chúng tôi đang ở... Ở đâu cơ chứ? Đến ngày thứ ba, chúng tôi đi nằm, người mệt lử và đang ngủ say như chết thì bị tiếng động cực mạnh dựng dậy lúc trời sắp sáng.

Khi chúng tôi chưa kịp hoàn hồn, một bọn người đã nhảy xổ vào chúng tôi. Chúng quật chúng tôi ngã xuống đất, trối nghiêng lại và chụp mấy cái bao lên đầu chúng tôi. Giọng của trung úy Lacour cực cần:

— Bọn bay xong chưa? – Lát sau lại thô lỗ hơn: – Đứa nào ngộ nguậy, tao bắn vỡ sọ... Thôi đi!

Có người nào đó trả lời gã trung úy nhanh nhẩu:

— Wir können nicht hier heruntersteigen. Es sind zu viel Baume.^[4]

Lúc ấy tôi không hiểu gì cả, song điều làm tôi hết sức ngạc nhiên là câu nói tiếng Đức vọng đến chỗ chúng tôi từ một nơi xa, tôi chắc từ trên không trung. Khi nó vừa dứt thì giọng thứ ba cất lên:

— It's necessary to take away your prisoners until the end of the trees.^[5]

Thế cơ đấy! Bây giờ lại bằng tiếng Anh.

Gã được gọi là trung úy Lacour hỏi:

— Hướng nào?

— Towards Kourkousson^[6] – có tiếng người Anh trả lời.

— Bao xa? – gã trung úy lại hỏi.

— Circa venti chilometri, – giọng nói thứ tư vang lên.

Tôi biết ngay đó là những tiếng Italia và chúng có nghĩa: “gần hai mươi km”. Trung úy Lacour đáp lại:

— Được, tôi sẽ khởi hành vào lúc rạng đông.

Tiếng ù ù gia tăng, rồi nhỏ dần. Vài phút sau không còn nghe thấy nữa. Thời giờ đang trôi. Gần một tiếng đồng hồ sau, hai tên đứa nắm chân, đứa nắm vai, khiêng tôi vút lên yên ngựa, để tôi nằm vắt ngang qua như một cái bị và ngựa lao vút đi.

Có mấy con ngựa khác đang phóng nhanh bên cạnh tôi nên tôi nghe thấy tiếng rên khe khẽ: các bạn tôi cũng bị đau như tôi. Tôi bị ngạt thở, máu dồn lên mặt. Cái đầu tội nghiệp của tôi dường như sắp vỡ tung ra. Nó bị treo lơ lửng một cách thảm hại bên hông phải của con ngựa, còn đôi chân thì va đập liên tục vào hông trái của nó.

Sau một giờ phi như điên, đoàn người ngựa đột nhiên dừng lại. Bọn chúng đỡ tôi xuống ngựa, nói đúng hơn là ném tôi xuống như ném một bọc quần áo. Vài phút trôi qua, tôi nghe loáng thoáng mấy tiếng kêu:

— Nó chết rồi!

— Không phải, nó bị ngất thôi.

— Cởi trói cho cô ta, – một giọng ra lệnh, tôi cho đó là giọng của trung úy Lacour, – và cả ông bác sĩ nữa.

Cô ta... nghĩa là cô Buxton đang bị nguy hiểm?

Tôi cảm thấy bọn chúng đang lôi tôi ra khỏi bao và tháo chiếc khăn bịt mắt làm tôi ngạt thở. Chắc mấy tên đao phủ tưởng rằng chúng đang cởi trói cho bác sĩ Châtonnay? Vâng, có thể thật, – bởi vì chúng đang lo cho cái thân thảm hại của tôi. Thấy bị nhầm, tên trưởng toán trung úy Lacour – đúng như tôi đã nghĩ, nói:

— Không phải ông ấy. Kiểm người khác.

Lúc đó có người gọi hẩn. Giờ thì tôi đã biết được tên thật của hẩn: đại úy Edward Rufus. Cứ cho là đại úy đi vì dù hẩn có là ông tướng thì điều đó cũng sẽ không làm cho hẩn tốt hơn cơ mà. Trong lúc bọn chúng nói chuyện với nhau, đại úy Rufus không chú ý đến tôi. Tôi thừa cơ hít thở cất lực. Nếu chậm chút nữa tôi đã bị chết ngạt. Gã đại úy quay lại nhìn tôi, ra lệnh gì đó. Tôi bị lục soát ngay tức khắc. Chúng tước đi vũ

khí và lấy đi tiền bạc của tôi, nhưng bỏ lại cuốn nhật ký. Quân súc sinh không coi những bài báo ký tên Amédée Florence là thứ có giá trị. Lạy Chúa, sao chúng con lại phải giao thiệp với một lũ gốc oi là gốc.

Tuy nhiên bọn người dốt nát ấy cũng mở dây trói tay chân cho tôi và tôi có thể đi lại được.

Điều đầu tiên thu hút sự chú ý của tôi đó là mười... mười cái gì nhỉ?...máy...mười. Hừm!...vật...hệ thống... mười vật thể gì vậy, khi quá, tôi không biết công dụng của chúng. Chúng không giống bất cứ thứ gì mà tôi đã nhìn thấy từ trước tới nay. Bạn hãy hình dung ra một bộ máy lớn, đặt trên hai tấm trượt to, cong ở hai đầu. Trên bộ là cái tháp kim loại, có hình mắt cáo, cao từ bốn đến năm mét. Nóc tháp có chong chóng và hai... (Hừ! Lại bắt đầu không thể chọn được từ thích hợp). Hai...tay... hai... tấm...không phải, tôi nghĩ ra từ đó rồi – hai cánh bằng kim loại sáng loáng, dài khoảng sáu mét. Mười cỗ máy xếp thành một hàng. Chúng có thể làm gì nhỉ.

Tôi thấy khá nhiều người đang đứng quanh tôi. Trước hết là cựu trung úy Lacour, người vừa được phong lên thành đại úy Rufus, kế đó là hai viên hạ sĩ từng trong đội hộ tống thứ hai của chúng tôi, hai mươi tên xạ thủ da đen và cuối cùng là mười gã da trắng có bộ mặt của kẻ chết rồi. Tôi chưa thấy bọn này bao giờ. Các bạn của tôi đang ở giữa bọn chúng. Tôi đưa mắt nhắm tính. Cô Buxton nằm sõng sượt trên nền đất. Bác sĩ Châtonnay và Malik xúm quanh cô. Malik khóc sụt sùi. Tôi không thấy Tongané đâu cả. Chẳng lẽ anh đã bị giết chết lúc xảy ra cuộc tấn công bất ngờ? Có thể lắm chứ và do vậy mà Malik khóc chẳng? Tôi thương tiếc anh Tongané dững cảm và trung thành.

Tôi đứng dậy đi về chỗ cô Buxton, không ai cấm cản tôi. Chân bị tê nên tôi đi rất chậm. Đại úy Rufus vượt lên trước tôi.

— Sức khỏe của tiểu thư Mornas ra sao? – hần hỏi ông bác sĩ.

A. Thì ra cựu trung úy Lacour chỉ biết cô bạn của chúng tôi dưới cái tên giả của cô ấy.

— Đỡ hơn, – ông bác sĩ nói. – Cô ấy đã mở mắt.

— Có thể đi tiếp được chưa? – Gã được gọi là đại úy hỏi.

— Không thể sớm hơn một giờ nữa, – bác sĩ Châtonnay tuyên bố dứt khoát. – Và nếu như ông không định giết chết hết tất cả chúng tôi thì tôi xin khuyên ông đừng đối xử vô nhân đạo như vừa rồi.

Đại úy Rufus không trả lời, bỏ đi. Tôi bước lại gần hơn và thấy cô Buxton đã hồi tỉnh. Chúng tôi tụ tập quanh cô.

— Các bạn hãy tha thứ cho tôi! – Cô Buxton bỗng nói với chúng tôi và những giọt lệ to tướng trào ra khỏi mắt cô. – Chính tôi đã lôi kéo các bạn vào cuộc phiêu lưu khủng khiếp này. Giả sử không có tôi chắc các bạn đang bình yên vô sự.

Biết là chúng tôi phản đối, nhưng cô Buxton vẫn cứ tiếp tục kết tội bản thân mình và xin chúng tôi thứ lỗi. Tôi lái câu chuyện sang một hướng khác: vì bọn người ở đây chỉ biết cô Buxton là tiểu thư Mornas nên tốt hơn cả là cô nên giữ danh tự đó lại. Ý kiến này được mọi người ủng hộ và cuộc trò chuyện của chúng tôi chấm dứt đột ngột ở đây. Chúng tôi đã đi đến thỏa thuận đúng lúc. Theo mệnh lệnh ngắn gọn của gã đại úy, bọn chúng vồ lấy chúng tôi. Có tới ba tên chuyên lo cho cái thân khôn khổ của tôi. Tôi lại bị trói và cái bao đang ghét lại ngăn cách tôi với thế giới bên ngoài.

Chúng đặt tôi lên một chỗ bằng phẳng và rất cứng. Mấy phút sau, tôi nghe như có tiếng vỗ cánh mạnh và chỗ tôi nằm rung lên nhẹ nhẹ. Việc này chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, sau đó đột nhiên tôi bị tiếng ù ù làm cho đỉnh tai văng óc, rồi thì gió tạt vào người tôi mỗi lúc một thêm mạnh. Đồng thời, tôi có cảm giác... biết nói sao đây?...cảm giác bay lên.

Tôi bỗng cảm thấy một cánh tay của mình cử động được. Dây trói không kỹ đã tuột và vô tình hai cánh tay rời nhau ra.

Lúc đầu tôi nằm yên nghe ngóng. Hai người một người Anh và một người da đen – đang nói chuyện rất to. Tôi thận trọng tháo sợi dây, từ từ duỗi thẳng hai tay. Xong. Giờ phải nhìn cho được.

Tôi biết cách làm việc ấy. Tôi có một con dao trong túi...Không, không phải thứ dao lớn đâu, mà chỉ là dao nhíp nhỏ, bọn cướp đã không để ý đến nó, tôi không thể biến nó thành vũ khí tự vệ, nhưng có thể dùng nó để khoét một lỗ nhỏ ở chiếc bao đang che mắt tôi, làm tôi nghẹt thở.

Sau mười lăm phút kiên trì, tôi đã làm xong việc đó.

Tôi nâng tay phải lên ngang mặt, rạch chiếc bao...

Lạy Chúa, con đang nhìn thấy cái gì thế này! Tôi cố nén để không bật ra tiếng kêu kinh ngạc. Tôi nhìn xuống đất, thấy nó ở rất xa, phải đến năm trăm mét chứ không chơi. Tôi bắt đầu hiểu ra. Tôi đang ở trên máy bay và nó mang tôi đi trên không với vận tốc của một tàu tốc hành, mà có thể còn nhanh hơn nữa.

Khi tim tôi lấy lại nhịp đập bình thường, tôi nhìn mọi vật kỹ hơn. Dưới tôi, mặt đất chạy về phía sau đến chóng cả mặt. Tốc độ của chúng tôi là bao nhiêu? Một trăm, hai trăm km/giờ? Hay hơn? Dầu bao nhiêu đi nữa thì ở dưới cũng chỉ toàn là sa mạc, cát sỏi và lơ thơ mấy cụm cây còi cọc. Xứ gì mà xơ xác đến thế!

Tuy nhiên, tôi đã hình dung ra nó quá bi thảm. Những cây còi thấp bé kia vẫn có màu xanh và giữa những bãi cát sỏi, cỏ vẫn mọc rất nhiều. Có lẽ, trái với các truyền thuyết, ở đây thỉnh thoảng trời có mưa chăng?

Chốc chốc tôi lại nhìn thấy mấy chiếc máy, giống cái đang chở tôi, lao đi trong không trung như những đàn chim. Dù tình cảnh của tôi ngặt nghèo, tôi vẫn rất phấn khởi.

Nhờ ở trên cao nhìn xuống, mắt tôi bao quát được cả một vùng rộng lớn.

Địa hình bắt đầu thay đổi. Sau một giờ bay, tôi nhìn thấy có nhiều cây còi, đồng cỏ, vườn tược. Kìa, một ốc đảo, nhỏ thôi vì đường kính của nó không quá năm mươi mét. Nó biến đi ngay. Nhưng trong tầm nhìn của chúng tôi đã hiện ra một cái khác, rồi cái thứ ba và chúng tôi ào ào lướt qua trên các ốc đảo đó như giông bão.

Mỗi ốc đảo chỉ có một ngôi nhà. Từ đó có một người nghe thấy tiếng động cơ máy bay của chúng tôi chạy ra. Tôi không nhìn thấy những người khác. Chẳng lẽ, mấy ốc đảo ấy mỗi cái chỉ có một người sống hay sao?

Lại một điều bí ẩn nữa hiện ra trước mắt tôi. Từ ốc đảo thứ nhất, máy bay của chúng tôi bay trên một dãy cột, cách xa nhau đều đặn tới mức tôi cảm thấy như có những sợi dây kim loại nối chúng lại với nhau. Tôi không nằm mơ đấy chứ? Giữa sa mạc mà cũng có các trạm điện báo, điện thoại ư?

Chúng tôi bay qua ốc đảo thứ ba, thứ tư – và khi ấy ở phía trước còn một cái nhà, to hơn nhiều. Tôi nhìn thấy cây cối: không phải chỉ có còi mà còn có carite, bombac, baobap, phượng. Tôi thấy những cánh đồng canh tác tuyệt đẹp, những người da đen đang làm việc ở đấy. Xa xa hiện ra những bức tường thành, chúng tôi đang hướng đến chúng. Thế rồi chúng tôi đã tới cái thành phố bí ẩn đó. Chú chim sắt thần kỳ của chúng tôi bắt đầu sà xuống. Chúng tôi ở ngay trên thành phố. Thành phố có kích thước trung bình, nhưng kỳ diệu biết bao! Tôi nhận thấy các đường phố của nó được bố trí theo một quy hoạch rất chặt chẽ... Máy bay hạ xuống nhanh hơn. Tôi có cảm tưởng là chúng tôi đang rơi như một hòn đá. Tiếng vù vù của chong chóng im bật, máy bay của chúng tôi đã tiếp đất.

Có người đang kéo cái bao trùm đầu của tôi ra. Tôi vừa kịp quán lại dây trói quanh đôi tay. Bọn chúng cởi trói ở chân cho tôi và tôi đã có thể co duỗi đôi chân thoải mái.

— Đứng dậy! – Kẻ nào đó hách dịch ra lệnh, tôi không nhìn thấy hắn. Tôi miễn cưỡng làm theo. Sau một vài lần gắng gượng không kết quả, tôi đã đứng dậy được và đảo mắt nhìn quanh.

Bức tranh thật ảm đạm. Trước mặt tôi là một bức tường cao, kín mít, phía đối diện – cũng vậy.

Các bạn tù của tôi đều có mặt đông đủ, tiếc thay trừ Tongané và Malik, sáng nay cô vừa mới còn bên chúng tôi. Chuyện gì đã xảy ra với cô ấy?

Chúng nắm vai từng người trong bọn tôi đẩy đi. Chúng tôi sững sờ, bối rối...

Hỡi ôi! Lát sau chúng tôi đã ở trong tù.

III

Kẻ Chuyên Quyền

Trích nhật ký của Amédée Florence

NGÀY 26 THÁNG BA. Vậy là tôi đang ở trong tù. Bọn chúng đưa tôi vào căn phòng có cửa sổ đóng chẵn song và khóa cửa nhốt tôi bằng ba vòng khóa.

Căn phòng rộng và thoáng. Trong phòng có một cái bàn với đầy đủ giấy, bút, mực, một chiếc ghế, chăn đệm sạch sẽ và mọi thứ cần thiết cho vệ sinh cá nhân. Trần nhà gắn một bóng đèn điện. Tôi ngồi xuống hút thuốc và mong chờ. Chờ gì? Chờ các sự kiện. Tôi mong ngóng và suy nghĩ về những điều tốt đẹp trong các chuyến đi.

Hai giờ sau, tiếng cửa mở cắt đứt luồng suy nghĩ của tôi. Tôi thấy... Tôi thấy Tchoumouki, tên này đã biến mất từ hôm tôi nghe tiếng động lạ lần thứ ba. Đồ vô liêm si! Hắn còn dám vác mặt đến gặp tôi sau những gì hắn đã làm với các bài báo của tôi nữa chứ! Tuy nhiên, Tchoumouki cũng đã lường trước được sẽ có cuộc tiếp kiến lạnh nhạt. Trước khi bước vào phòng, hắn đảo mắt nhìn quanh như thể đang dò xét tình hình.

— A! Đồ bip bọm, mi lại lộ mặt ra ở đây! – Tôi hét lên và lao đến chỗ hắn để cho hắn một trận nên thân, nhưng va phải cánh cửa mà tên phản phúc vừa đóng sập lại.

Càng tốt, vì nếu tôi vịn được tai hắn thì điều đó chỉ làm cho tình cảnh không mấy vui sướng của tôi thêm phức tạp.

Rõ ràng Tchoumouki đã đoán được ý nghĩa ôn hòa đó của tôi. Cửa hé mở ra lần nữa và cái đầu bù xù của thằng đểu cáng lại nhô ra. Ồ! Giờ thì hắn có thể vào được. Tôi về chỗ của mình...và trấn tĩnh lại. Tôi nhắc lại bằng cái giọng không còn đe dọa nữa:

— A! Đồ bip bọm, mi lại lộ mặt ra đây! Mi định làm gì ở đây thế?

— Tôi làm đây tở ở đây, – Tchoumouki trả lời, mắt nhìn xuống đất và mở toang cửa ra.

Trong hành lang còn có hai gã da đen mang theo đồ ăn, Tchoumouki đặt các món ăn lên bàn. Nước miếng của tôi chảy ra, lúc này tôi cảm thấy mình đang là đi vì đói.

Đẹp mọi nỗi lo âu sang một bên, tôi tập trung ăn uống và hỏi han Tchoumouki. Hắn hào hứng trả lời. Theo lời hắn thì tôi là khách – tù khách! – của đức vua hùng dũng Harry Killer – tên tiếc gì nghe mà tởm! – và tôi đã được chở đến cái thành phố lạ thường có “nhiều tòa nhà” và “nhiều sáng trí tưởng tượng của *toubab*”, tức là nhiều sáng chế phát minh của người Âu. Sau khi đã làm quen với mấy chiếc máy bay kỳ lạ, tôi tin ngay những điều này.

Tôi tiếp tục gạn hỏi. Có phải chính tên vua đó đã bố trí Tchoumouki trên đường đi của tiểu thư Mornas để tiểu thư thuê hắn dẫn đường hay không, giống như người ta buộc phải chọn con bài mà người làm trò ảo thuật đã len lén ấn vào tay của họ? Tchoumouki quả quyết rằng không: hắn được thuê không theo ẩn ý nào. Thậm chí hắn còn khẳng định là hợp đồng của hắn chưa bị hủy bỏ nên cũng như trước đây, hắn vẫn coi mình phải phục vụ cho tiểu thư Mornas và Saint-Bérain khi hai chủ nhân của hắn còn ở châu Phi. Tchoumouki chế giễu tôi chẳng? Nhưng không, hình như hắn nói thật.

Hắn thề thốt rằng Morilire đã dụ dỗ hắn. Không dừng lại ở một việc mua chuộc, Morilire còn tán dương sức mạnh và lòng bao dung của Harry Killer và hứa sẽ đem lại cho Tchoumouki một cuộc sống nhàn nhã, vui tươi. Thế là Tchoumouki phản bội chúng tôi.

Khi tôi hỏi chuyện gì đã xảy ra với anh bạn cũ Tongané của hắn, bộ mặt đáng ghét của Tchoumouki nhăn nhó, hắn đưa tay cứa cổ rồi nói:

— Xuyệt!

Vậy là điều phỏng đoán của tôi chính xác: Tội nghiệp Tongané đã chết.

Tchoumouki tiếp tục thổ lộ. Tiếng ù ù mà tôi nghe thấy vào hôm hắn bỏ trốn là tiếng của chiếc máy bay

đã chở trung úy Lacour hay đúng hơn là đại úy Edward Rufus đến; bọn lính của trung úy, dưới sự điều khiển của hai gã hạ sĩ, đi ngược về phía chúng tôi và để tiêu khiển, chúng đã cướp phá các làng bản nằm trên đường đi của chúng. Đó là lý do tại sao bọn lính trông rách rưới, còn viên sĩ quan thì chải chuốt trang nhã hết chỗ nói. Đó cũng là lý do tại sao ông lão da đen bị thương bởi đạn nổ đã hoảng sợ khi nhận ra một tên trong bọn cướp và tỏ ra dừng dưng với người được gọi là trung úy mà ông chưa gặp bao giờ. Chính chiếc máy bay ấy đã mang Tchoumouki về đây, về...Tchoumouki nêu ra một cái tên nhưng ngọng lịu ngọng lo. Sau hồi suy luận, tôi đoán ra là hắn muốn nói “Blackland” tức “Xứ đen”. Tên hợp lắm! Vậy là chúng tôi đang ở Blackland, ở cái thành phố mà Tchoumouki cho là tuyệt diệu, ở cái thành phố mà các nhà địa lý am hiểu nhất cũng chưa hề biết đến.

Tôi vừa nghe gã da đen thông báo tin tức ấy vừa suy tính: Nếu hắn đã phản bội chúng tôi vì lợi lộc, thì lợi lộc cũng có thể bắt hắn phản bội lại cả những ông chủ mới lắm chứ? Tôi hứa cho Tchoumouki một khoản tiền lớn đủ bảo đảm cho hắn sống phong lưu suốt đời. Tên bọm coi lời đề nghị đó là lẽ hoàn toàn tự nhiên, nhưng lúc đầu, như người không thấy có khả năng “kiếm” được.

— Không thể chạy thoát, – hắn nói. – Ở đây có lính nhiều, nhiều sáng trí tương đương của các *toubab*, nhiều tường cao...

Hắn nói rằng xung quanh thành phố là sa mạc không thể vượt qua được.

Chẳng lẽ số kiếp bắt chúng tôi phải ở lại đây đến hết đời?

Bữa ăn đã xong, Tchoumouki đi khỏi và tôi ở lại một mình. Chiều tối, chúng cho tôi ăn bữa nữa, rồi khi đồng hồ của tôi chỉ chín giờ, đèn vụt tắt. Tôi thu xếp chỗ ngủ trong bóng đêm.

Hôm sau mọi việc đều bình yên. Tôi không thấy ai ngoài Tchoumouki đem thức ăn đến cho tôi. Buổi sáng tôi thức dậy, người cảm thấy sáng khoái và mình mẫn, nhưng than ôi! – tôi vẫn là tù nhân. Rốt cục, chúng muốn gì ở chúng tôi cơ chứ? Đến bao giờ tôi mới gặp được người để hỏi về vấn đề này?

CHIỀU NGÀY HÔM ĐÓ, ước muốn của tôi được thực hiện. Chúng tôi đã gặp “đức vua” Harry Killer và tình cảnh của chúng tôi sau cuộc gặp ở ấy thay đổi tới mức bây giờ tôi vẫn còn sợ và run cả người.

Gần ba giờ chiều, cửa mở. Lần này, người quen cũ khác – Morilire, bước vào. Kèm theo có khoảng hai mươi tên thuộc hạ của hắn. Phía sau bọn lính hộ tống là các bạn của tôi. Không có Saint-Bérain. Bà dì trẻ trung của anh nói rằng anh vẫn chưa thể đi lại được. Tôi tiến lại chỗ của họ và nghĩ rằng giờ cáo chung đã điểm và chúng đưa chúng tôi lên đoạn đầu đài.

Nhưng hoàn toàn không phải như thế. Chúng tôi đi qua mấy dãy hành lang và cuối cùng, bước vào một căn phòng khá rộng, đội hộ tống ở bên ngoài. Trong phòng chỉ có một chiếc ghế bành và một cái bàn, bên trên đặt một cái cốc và một chai rượu. Một người đang ngồi trên ghế. Mắt chúng tôi đổ dồn vào hắn.

“Đức vua” Harry Killer khoảng từ bốn mươi đến bốn lăm tuổi. Vóc người có lẽ cao, vai rộng, tay to, cơ bắp nở nang, chứng tỏ hắn có sức mạnh phi thường của một lực sĩ.

Cái đầu của hắn đặc biệt hấp dẫn. Bộ mặt nhẵn nhụi vừa có vẻ cương quyết vừa có vẻ dễ mến. Bên trên là mái tóc hoa râm bờm xờm, hình như lâu lắm rồi nó chưa được chải. Trán cao, lộ vẻ thông minh, nhưng đôi hàm bạch và cái cằm vuông vức lại lộ tả những đam mê thô bạo. Má hóp, sạm nắng và đầy những mụn đỏ, môi dày, môi dưới trễ xuống, để lộ ra những chiếc răng to, chắc, nhưng vàng và không được giữ gìn cẩn thận. Mắt sâu, dưới cặp lông mày xù xì, nó sáng quắc lên, đôi khi không thể chịu nổi ánh mắt đó.

Không phải là con người tầm thường. Nhiệt tình, dũng cảm và thói hư tật xấu đều tập trung ở hắn. Hắn xấu xa và tồi tệ.

“Đức vua” mặc áo đi săn may bằng vải phíp màu xám, quần soọc, mang ghệt, tất cả những thứ đó đều dính đầy những vết bẩn. Trên bàn, cạnh chiếc mũ phớt rộng vành là cánh tay phải run run của Killer. Bác sĩ Châtonnay liếc mắt chỉ cho tôi thấy cánh tay run run ấy. Tôi hiểu: trước mắt chúng tôi là một kẻ nghiện ngập, nát rượu.

Tên này im lặng nhìn chúng tôi hồi lâu. Cặp mắt của hắn chuyển từ người này sang người kia. Chúng tôi kiên nhẫn chờ đợi.

— Người ta nói với tôi là các ông có sáu người, – cuối cùng thì hắn cũng đã nói bằng thứ tiếng Pháp lơ lớ tiếng Anh, với cái giọng kiêu ngạo và khàn khàn. – Vậy mà tôi chỉ thấy có năm. Sao thế?

— Một người trong bọn chúng tôi bị bệnh và bị những người của các ông hành hạ, – Barsac trả lời.

Lại im lặng, rồi thỉnh thoảng hỏi:

— Các ông định làm gì ở chỗ tôi?

Câu hỏi được đưa ra bất ngờ đến nỗi chúng tôi khó nhịn được cười, mặc dù tình cảnh của chúng tôi rất nghiêm trọng. Khỉ quá! Chúng tôi ở chỗ hắn là trái với ý muốn của chúng tôi.

Killer lại nói, vẻ đe dọa:

— Do thám, tất nhiên rồi!

— Xin lỗi ông...— Barsac lắc đầu.

Nhưng tên kia cắt ngang. Hắn bỗng nổi cơn tức giận, đấm tay xuống bàn và hét lên như sấm:

— Mọi người gọi ta là lãnh chúa.

Barsac lúc ấy thật tuyệt vời. Là diễn giả thành thực, ông rướn thẳng người, đặt tay trái lên ngực và huơ tay phải:

— Từ năm 1789 người Pháp không còn có lãnh chúa nữa! – Ông trịnh trọng tuyên bố.

Ở một chỗ nào khác về trịnh trọng này của ngài Barsac chắc là ngộ nghĩnh lắm thay nhưng ở đây, trước mặt tên súc sinh này, nó là cử chỉ thanh cao, thật đấy! Nó có nghĩa là chúng tôi không cam chịu hạ mình trước một kẻ phiêu lưu nghiện ngập. Tất cả chúng tôi đều tán thưởng diễn giả, kể cả Poncin. Poncin sôi nổi:

— Ông tước quyền tự chủ của người ta nên ông tước luôn cả quyền tự do của họ nữa.

Ông Poncin thật can đảm.

Harry Killer rướn cao đôi vai, nhìn chúng tôi chăm chăm như thể hắn chưa trông thấy chúng tôi bao giờ. Cặp mắt của hắn lia nhanh từ người này sang người khác. Cuối cùng, hắn dừng lại ở Barsac và ném cái nhìn sắc lạnh vào ông, Barsac chịu đựng, không chớp mắt. Xin chúc mừng! Người con miền Nam này đâu chỉ lắm lời: ông còn dũng cảm và đầy lòng tự trọng. Trưởng đoàn thị sát tăng thêm uy tín đối với tôi.

Harry Killer đã làm chủ được bản thân, điều này có lẽ hiếm đối với hắn, và trở lại vẻ điềm tĩnh bất ngờ như khi hắn nổi khùng:

— Ông nói được tiếng Anh chứ?

— Vâng, – Barsac trả lời.

— Thế còn các bạn ông?

— Cũng thế.

— Tốt, – Harry Killer khen và cũng bằng cái giọng khàn khàn hắn nhắc lại bằng tiếng Anh: – Các ông đến chỗ tôi làm gì?

— Việc ấy chúng tôi, – Barsac phản đối, – phải hỏi ông mới phải: Ông có quyền gì mà bắt chúng tôi về đây?

— Quyền của tôi, – Harry Killer cắt ngang, không nén được cơn giận dữ, – Khi tôi còn sống, không ai được đến gần để chế của tôi...

Đế chế của hắn? Tôi không hiểu.

Harry Killer đứng dậy. Hướng về phía Barsac, hắn dấm nắm tay to tướng xuống bàn và tiếp tục nói:

— Vâng, vâng, tôi biết, quân đội của các ông ở Tombouctou đang tràn xuống, nhưng họ sẽ phải dừng lại hoặc... Họ dám cả gan bí mật phái gián điệp đi như thế này... Tôi sẽ đập nát bọn chúng, bọn gián điệp các ông, như đập nát chiếc cốc này!

Và Harry Killer đập thật.

Hắn giận không thể tưởng, sùi cả bọt mép, trông rất khủng khiếp. Hàm dưới chìa ra phía trước tăng thêm vẻ dã thú, bộ mặt đưa ma, cặp mắt đỏ ngầu. Tay run run tì vào bàn, hắn lại chồm về phía Barsac đang đứng yên tại chỗ và hét lên, mắt nhìn chăm chăm vào mặt ông:

— Lẽ nào tôi đã thông báo trước cho các ông? Chuyện thuốc độc *doung-kono* được nghĩ ra theo lệnh của tôi là tín hiệu đầu tiên. Tôi đã bố trí bên đường đi của các ông lão già phía chuyên, những điều tiên đoán của lão thành hiện thực là do lỗi của các ông. Cũng chính tôi đã bí mật sắp xếp Morilire, nô lệ của tôi, làm người dẫn đường cho các ông, hắn định ngăn cản các ông lần cuối ở Sikasso. Mọi việc đều không thành. Tôi đã phí công lấy mất đội hộ tống của các ông, tôi đã phí công làm cho các ông mỏi mòn vì đói khát, các ông vẫn ngoan cố tiến về Niger... Thôi được! Các ông sẽ đến Niger, các ông còn định vượt qua cả

nó và biết điều muốn biết... Các ông đã đi quá xa rồi đấy! Nhưng làm sao các ông có thể kể lại những điều tai nghe mắt thấy cho bọn người thuê mướn các ông?...

Harry lồng lên, hấn đi đi lại lại, bước những bước dài. Đúng là một thằng điên. Hấn bỗng dừng lại vì ý nghĩ bất chợt.

— Nhưng chẳng lẽ Saye không phải là cái đích của các ông sao? – hấn hỏi với vẻ bình tĩnh lạ thường.

— Vâng, – Barsac trả lời.

— Vì lý do gì mà các ông thay đổi hướng đi? Các ông làm gì ở Koubo?

Harry Killer vừa hỏi vừa nhìn xoi mói nên chúng tôi bắt đầu chột dạ. Câu hỏi thật khó chịu vì chúng tôi đã thỏa thuận là không nói tên cô Buxton ra. May thay, Barsac đã tìm ra câu trả lời thích hợp.

— Bị đội hộ tống bỏ rơi nên chúng tôi phải đi Tombouctou, – ông nói.

— Sao không đi Sikasso? Sikasso gần hơn nhiều.

— Chúng tôi tưởng đi Tombouctou dễ hơn.

— Hừm... – Harry Killer nói với vẻ nghi ngờ và hỏi sau một lúc im lặng – Nghĩa là các ông không có ý định đi về hướng Đông, đến Niger?

— Không, – Barsac quả quyết.

— Nếu tôi biết trước việc này, – Harry Killer tuyên bố, – thì hôm nay các ông đã không phải ở đây.

Đùa hay nhì! Làm như hấn cần hỏi chúng tôi lắm đấy! Tôi nói:

— Xin lỗi ông bạn thân mến của tôi, – tôi nói một cách lịch sự, – tôi tò mò muốn biết tại sao ông lại bắt chúng tôi về đây, thay vì giết đi có phải đơn giản hơn không nào. Đại úy Edward Rufus và binh lính của ông ta có thể làm việc đó rất tốt vì chúng tôi không hề phòng hộ và có lẽ đó là biện pháp tốt nhất để thoát khỏi chúng tôi.

Harry Killer nhú đôi lông mày và nhìn tôi khinh khỉnh. Đồ tép riu mà cũng đòi nói chuyện với hấn sao? Tuy nhiên hấn đã ban cho tôi một câu trả lời:

— Để tránh những cuộc truy lùng của chính quyền Pháp mà việc tiêu diệt đoàn thị sát có thể gây ra.

Tôi không hoàn toàn thỏa mãn nên bác lại:

— Thiết tưởng việc chúng tôi mất hút cũng sẽ có hậu quả như thế.

— Có thể, – Harry Killer đồng ý, – Tôi cần phải buộc các ông từ bỏ chuyến đi. Chỉ có tính ngang ngạnh của các ông mới dẫn các ông tới đây mà thôi.

Tôi tiếp lời hấn.

— Có thể thu xếp ổn thỏa chuyện này. Giờ thì, ông đã biết chúng tôi không muốn tới Niger, ông cần phải đưa chúng tôi đến chỗ đã bắt chúng tôi. Thế là xong.

— Để các ông kể cho thiên hạ nghe về những điều đã thấy ấy à? Để các ông tố giác cái thành phố bí ẩn này! – Harry Killer gầm lên. – Muộn quá rồi. Ai đã vào Blackland thì không bao giờ ra khỏi nó.

Hấn cần gì phải khổ sở như thế! Tôi đã bắt đầu quen với cái trò quỷ quái của hấn. Tôi không bối rối, tôi tiếp tục.

— Dù sao người ta cũng sẽ đi tìm chúng tôi chứ?

— Có thể, – Harry Killer trả lời, kim phong vũ biểu của hấn lại chuyển sang chỉ thời tiết tốt, – nhưng nếu tôi bị phát hiện và buộc phải đánh nhau thì tôi sẽ có được một cái gì đó, còn quý hơn mấy cái xác chết của các ông.

— Cái gì cơ chứ?

— Con tin.

Hấn, tên lãnh chúa ấy, không ngu ngốc. Hấn lập luận minh mẫn đấy chứ. Nhưng tôi đã làm đúng khi hỏi dò hấn, bởi vì bây giờ tôi đã biết là bọn hấn không muốn giết chúng tôi. Khoái thật!

Harry Killer lại ngồi vào ghế. Một con người đến là khó hiểu! Giờ thì hấn lại hoàn toàn bình tĩnh và tự chủ.

— Chúng ta hãy cùng nhau xem xét tình hình, – hấn nói bằng cái giọng lạnh như tiền, mới lạ đối với chúng tôi. – Các ông đang ở Blackland và các ông không thể ra khỏi nơi đây được đâu. Số phận của các ông phụ thuộc vào chính các ông. Tôi có thể bỏ tù các ông hoặc giết bỏ hoặc cho chính các ông tự do trong phạm vi đế chế của tôi.

Hắn nhạo báng chúng tôi.

— Điều đó là tùy ở ông. — Killer tiếp tục nói, chủ yếu với Barsac người được hắn coi là trưởng đoàn của chúng tôi. — Các ông sẽ là con tin của chúng tôi hay là...

Harry Killer dừng lại. Barsac nhìn hắn với vẻ ngạc nhiên. Chúng tôi còn có thể làm gì nữa đâu cơ chứ.

— Hay là cộng sự của tôi. — Harry Killer kết thúc tình bơ.

Lời đề nghị của Harry Killer làm chúng tôi ngạc nhiên hết sức. Còn hắn vẫn tiếp tục bằng cái giọng lạnh lùng ấy:

— Các ông đừng tưởng rằng tôi không tính đến việc tiến quân của quân đội Pháp. Nếu bây giờ người ta chưa biết về tôi thì sớm muộn gì tôi cũng sẽ bị phát hiện. Và lúc đó hoặc là phải chiến đấu hoặc là phải thương lượng. Đừng tưởng tôi sợ đánh nhau. Tôi có đầy đủ khả năng tự vệ. Nhưng chiến tranh không phải là lối thoát duy nhất. Việc đánh chiếm “Thông lọng Niger” để làm thuộc địa sẽ ngốn của nước Pháp nhiều năm tháng. Nước Pháp đâu có thích liều lĩnh để chịu thất bại khi chống lại ý muốn của tôi, cứ đi về hướng Đông, vượt qua biển cát mà chỉ mình tôi mới có thể biến nó thành những cánh đồng phì nhiêu, phải không nào? Một cuộc thương lượng thuận lợi có thể dẫn đến liên minh.

Con người kỳ lạ này đầy thói hám danh! Hắn còn tin rằng nước Pháp sẽ liên minh với hắn, với tên bạo chúa mặt mụn ấy nữa chứ!

— Với ông? — Barsac sùng sốt thốt lên, ông nói ra ý nghĩ chung của chúng tôi.

— Các ông không thấy tôi xứng đáng hay sao? — Harry Killer đỏ mặt. — Hay các ông hy vọng sẽ thoát khỏi tay tôi? Các ông không biết sức mạnh của tôi...Hắn đứng dậy và nói nốt bằng một giọng đe dọa: Các ông sẽ được biết.

Hắn gọi cho bọn hộ tống vào dẫn chúng tôi đi. Chúng tôi trèo lên những bậc thang cao tí tắp và đi qua một cái sân hiên, sau đó lại đến những bậc thang khác nữa. Cuối cùng, chúng tôi bước vào nền tháp: Harry Killer nhập bọn với chúng tôi ở đây.

Con người này vốn tính hay thay đổi như thời tiết. Không có trạng thái nửa vời. Thoát giận dữ như điên, thoát hiền như bọt. Bây giờ hắn không còn dấu hiệu của cơn giận dữ vừa rồi.

— Các ông đang ở trên độ cao bốn mươi mét. — hắn nói bằng giọng của người hướng đạo. — Chân trời cách đây hai mươi ba km. Các ông có thể tin rằng mắt nhìn tới đâu thì sa mạc được biến thành đồng ruộng màu mỡ tới đó. Để chế có chúa tể là tôi rộng đến ba nghìn km vuông. Công trình được thực hiện trong mười năm như vậy đó.

Harry Killer dừng lại giây lát. Sau khi để cho lòng tràn đầy niềm kiêu hãnh, mà lần này hoàn toàn chính đáng, hắn nói tiếp:

— Nếu có ai đó định xâm nhập vào khoáng địa này hay định chuồn ra khỏi nó thì ba lớp đồn canh được bố trí trong sa mạc và có điện thoại liên lạc với cung điện sẽ báo cho tôi biết ngay lập tức...

Đây là lời giải thích về những ốc đảo và dãy cột điện mà tôi đã được nhìn thấy. Hắn đang chỉ cho chúng tôi xem cái đèn bằng thủy tinh, giống hải đăng nhưng to hơn rất nhiều và nói tiếp cũng bằng cái giọng ấy:

— Không được phép của tôi, không một ai có thể vượt qua vành đai phòng thủ rộng một km, ở cách xa Blackland năm km, ban đêm khu vực đó được các ngọn đèn pha cực mạnh chiếu sáng. Nhờ có thiết bị quang học, dụng cụ được gọi là kính viên chu này nắn khu đất hình tròn lại theo chiều thẳng đứng, tất cả các điểm của nó được phóng to lên một cách lạ thường và luôn luôn bày ra trước mắt của người gác ngồi ở trung tâm của cỗ máy. Các ông vào xem sẽ rõ.

Tính tò mò của chúng tôi bị kích động dữ dội. Nhân cơ hội được phép, chúng tôi bước qua cửa kính vào bên trong cái đèn. Thế giới bên ngoài thay đổi ngay hình dạng của nó. Nhìn đâu, chúng tôi cũng chỉ thấy một bức tường thẳng đứng, có những đường kẻ màu đen chia nó ra thành nhiều ô vuông nhỏ. Chân tường cách chúng tôi bằng một vực thẳm, còn phần trên vươn lên rất cao. Tường gồm có vô số những chấm màu sắc sỡ, một số chấm di động. Nhìn kỹ, chúng tôi nhận ra những chấm đó là cây cối, đường sá, ruộng đồng và những người đang làm việc ngoài đồng.

— Đây là hai tên da đen. — Harry Killer vừa nói vừa chỉ vào hai cái chấm ở rất xa nhau. Giả sử chúng có ý định bỏ trốn. Các ông hãy xem đây. Nhanh thôi mà! — Hắn nhắc ống điện thoại.

— Vòng tròn một trăm mười một. Ô một nghìn năm trăm tám mươi tám, — hắn nói. Sau đó, nhắc ống

thứ hai lên và nói thêm: – Vòng tròn mười bốn, ô sáu nghìn bốn trăm linh hai. – Cuối cùng, hắn quay lại phía chúng tôi: – Các ông hãy nhìn cho kỹ.

Sau vài phút chờ đợi, một cái chấm bỗng bị khói che khuất. Khi khói tan, cái chấm không còn nữa: nó đã biến mất.

— Chuyện gì đã xảy ra với người đang làm việc ngoài đó? – Tiểu thư Mornas hỏi, giọng ngắt quãng vì xúc động.

— Nó chết rồi, – Harry Killer trả lời tỉnh khô.

— Chết! – chúng tôi kêu lên. – Ông đã vô cớ giết chết con người bất hạnh ấy!

— Bình tĩnh nào, đó chỉ là một tên da đen. – Harry Killer thân nhiên nói, – một món đồ rẻ tiền. Có thể kiếm bao nhiêu chẳng được. Nó bị mìn bay tiêu diệt. Đó là loại hỏa tiễn đặc biệt, có tầm bắn xa hai mươi lăm km. Các ông đã có thể đánh giá vận tốc và độ chính xác của nó rồi đó.

Khi nghe hắn giải thích, chúng tôi cảm phần vô cùng, vì hành động ấy quá ư tàn bạo. Lại có cái gì đó xuất hiện trong trường nhìn của chúng tôi. Nó chạy lên phía trên của bức tường và cái chấm thứ hai cũng biến đi luôn.

— Thế còn người này? – Tiểu thư Mornas run rẩy hỏi. – Anh ta cũng đã chết rồi chứ?

— Không, – Harry Killer trả lời. – Tên này còn sống. Bà và các ông sẽ thấy hắn ngay bây giờ đây.

Hắn đi ra, bọn gác kéo chúng tôi ra theo hắn. Chúng tôi lại ở trên sân tháp. Chúng tôi nhìn quanh và thấy một cỗ máy giống như những chiếc đã chở chúng tôi về đây, đang lao tới gần với tốc độ sao sa. Dưới bụng của nó có cái gì đó đang đu đưa.

— Đây là chiếc tàu lượn, – Harry Killer nói. – Không đầy một phút nữa các ông sẽ được biết: có thể nào ra khỏi đây mà không theo ý muốn của tôi hay không?

Chiếc tàu lượn tiến đến rất nhanh. Nó to ra trông thấy. Chúng tôi run bắn cả người: vật đu đưa bên dưới là một người da đen, anh ta bị hai gọng kìm lớn cặp ngang lưng.

Tàu lượn bay ngang qua dưới đỉnh tháp. Khiếp quá!

Hai gọng kìm nhả ra và người da đen bất hạnh bị vớ sọ chết tươi ngay dưới chân chúng tôi.

Chúng tôi phần nộ hét lên. Tiểu thư Mornas mặt tái mét, mắt long lanh, môi nhợt nhạt, gạt những tên lính gác đang ngạc nhiên ra hai bên và lao vào Harry Killer.

— Đồ hèn nhát! Quân giết người đê tiện! – cô hét vào mặt hắn và đôi bàn tay bé nhỏ của cô nắm lấy cổ họng của tên cướp.

Hắn gỡ ra dễ dàng. Hai tên kéo cô gái táo bạo ra xa. Chúng tôi lo sợ cho số phận của cô. Than ôi! Chúng tôi không thể cứu giúp cô được. Bọn bảo vệ đã bắt giữ chúng tôi. May thay, hình như lúc ấy tên chuyên quyền không có ý định trừng phạt cô bạn đường dũng cảm của chúng tôi. Miệng của hắn méo xệch, nhưng trong đôi mắt nhìn chăm chăm vào cô gái run rẩy thoáng hiện một vẻ khoái lạc nào đó.

— Này! Này! – hắn nói khá hiền từ. – Cô bé can đảm! – Rồi hắn đá vào cái xác của người da đen bất hạnh: – Thôi, đừng có quá xúc động vì những chuyện vặt vãnh, bé con của anh ạ.

Hắn đi xuống, chúng tôi cũng bị lôi theo và lại vào cái phòng ấy, chúng tôi đặt tên cho nó là “hoàng cung”. Harry Killer ngồi vào “ngai vàng” của mình và nhìn chúng tôi. Nói thật, hắn chỉ nhìn có tiểu thư Mornas mà thôi. Hắn không rời mắt khỏi cô, ánh mắt thật ghê tởm.

— Bây giờ thì các ông đã biết sức mạnh của tôi. Cuối cùng, hắn nói, – Tôi đã chứng minh cho các ông thấy rằng không nên khinh thường những lời đề nghị của tôi. Tôi nhắc lại lần cuối. Người ta nói với tôi là trong bọn các ông có một dân biểu, một bác sĩ, một nhà báo và hai kẻ vô công rồi nghề.

Về phần Poncin thì thôi kệ. Nhưng còn Saint-Bérain đáng thương thì bất công quá!

— Ông dân biểu trong trường hợp cần thiết thì sẽ đàm phán với nước Pháp, đối với ông bác sĩ thì tôi sẽ xây cho một bệnh viện, ông nhà báo sẽ làm việc ở báo “Tiếng sấm Blackland”. Tôi sẽ xem xem có thể sử dụng hai người còn lại thế nào. Còn cô bé. Tôi thích cô ta... Tôi sẽ lấy cô ta làm vợ.

Kết luận đột ngột này giáng vào người chúng tôi như sấm sét.

— Sẽ không có chuyện ấy, – Barsac tuyên bố dứt khoát. – Trái lại những hành động tội ác ghê tởm mà ông đã bắt chúng tôi phải chứng kiến không làm chúng tôi run sợ, nếu cần thiết, chúng tôi sẽ chịu nổi bạo lực, song dù gì đi nữa, chúng tôi cũng chỉ là tù binh của ông hoặc là chết. Còn đối với tiểu thư Mornas...

— A! Thế ra cô vợ tương lai của tôi tên là Mornas? – Harry Killer cắt ngang.

— Tao là Mornas đây, – cô bạn của chúng tôi điên giận hét lên, – mày hãy biết rằng tao coi mày như là một con thú hung ác, như là một sinh vật thấp hèn và ghê tởm và tao coi lời đề nghị của mày là sự xúc phạm đê hèn nhất, nhục nhã nhất...

Lời nói tắc nghẹn ở cổ họng và tiểu thư Mornas òa khóc nức nở. Harry Killer thì cười.

— Được! Được mà! – hắn nói. – Việc này không cần phải vội đâu. Tôi cho bọn các ông một tháng để suy nghĩ.

Nhưng phong vũ biểu tụt xuống đột ngột, thời tiết không còn tốt nữa. Killer đứng lên và quát oang oang:

— Lôi cổ chúng nó đi!

Barsac thoáng cường lại bọn bảo vệ và hỏi Harry

Killer:

— Sau một tháng, ông sẽ làm gì với chúng tôi?

Gió lại xoay chiều. Tên chuyên quyền không còn để ý đến chúng tôi, cánh tay run run của hắn cầm lấy cốc rượu đưa lên miệng.

— Tôi không biết...– hắn trả lời Barsac không chút giận dữ và nhìn lên trần nhà. – có thể, tôi sẽ ra lệnh treo cổ các ông, thế thôi.

IV

Từ Ngày 26 Tháng Ba Đến Ngày 8 Tháng Tư

Năm tù nhân bước ra khỏi phòng của Harry Killer; họ còn bàng hoàng trước cái chết của hai người da đen bất hạnh.

Ngay sau lần gặp gỡ phiền phức đó họ nhận được một món quà thú vị: cửa buồng giam không bị khóa trái nữa và họ có thể tự do đi dạo chơi trong cái hành lang đã trở thành phòng chung cho tất cả. Ở một đầu của hành lang là cầu thang dẫn lên sân thượng của tháp canh, nơi có mấy căn buồng của họ. Họ được phép sử dụng cái sân. Tối tối họ thường xuyên chuyện trò vui vẻ ở đó.

Trong những điều kiện như thế cuộc sống cũng không nặng nề cho lắm. Buồng giam, hành lang và sân thượng là những nơi rộng rãi, biệt lập và không có vẻ gì là nhà tù cả, nếu như không có bọn lính gác đứng sau cánh cửa được khóa chặt ở đầu hành lang đối diện với cầu thang. Tchoumouki chăm chỉ giúp việc trong nhà.

Nhưng hắn chỉ xuất hiện khi dọn buồng và mang cơm, còn những lúc khác thì họ không phải giáp mặt với tên đều cáng mà trong một chừng mực nào đó đã gây ra những nỗi bất hạnh của họ.

Ban ngày họ thường tụ tập lại với nhau, dạo chơi trong hành lang, còn lúc trời xẩm tối thì họ lên sân. Tchoumouki thường dọn cơm cho họ ăn ở đó.

Tháp canh nằm ở góc phía Tây của cung điện và hai mặt nhô cao lên khỏi mặt sân rộng. Còn hai mặt khác thì một là bức tường vươn thẳng lên trên bãi trống nằm giữa cung điện và nhà máy, một là bức tường dốc thẳng xuống mép sông, cao gần ba mươi mét.

Không thể chạy trốn ra khỏi đây. Đừng mơ tưởng có thể thoát khỏi sự canh gác của Harry Killer và trốn ra bằng đường cung điện mà làm gì. Giả sử từ tháp canh có xuống được sân trời thì điều đó cũng chẳng có nghĩa lý gì cả: các quân sư, các Chàng trai Vui tính và bọn vệ binh Đen đi lại thường xuyên ở đấy. Nếu xuống được bãi trống có tường kiên cố bao bọc bốn bề thì cũng chẳng khá hơn. Chỉ có thể thoát ra ngoài bằng đường sông Đỏ, nhưng các tù nhân không có thuyền, không có phương tiện để leo xuống từ độ cao ba mươi mét.

Từ trên sân, họ có thể bao quát được cả một quãng sông. Đoạn trên và đoạn dưới của nó bị hai hàng cây trồng mười năm về trước che khuất. Trừ công viên Thành lũy ẩn mình sau cung điện, còn thì toàn bộ Blackland bày ra trước mắt các tù nhân. Họ nhìn thấy ba khu, ngăn cách với nhau bằng những bức tường cao, thấy những đường phố hình bán nguyệt đồng tâm, thấy khu phố phía Đông và khu phố phía Tây của số ít cư dân da trắng và cả bãi tập trung mà ở đó, sáng sớm, trước khi tỏa ra đồng, đông nghịt những người da đen.

Mắt của họ còn hướng về phía nhà máy, nhưng nếu chỉ dựa vào hình dáng bên ngoài của nó thì không thể biết được điều gì về cái thành phố thứ hai, nằm trong cái thành phố thứ nhất này và hình như giữa chúng không có mối liên hệ nào cả. Tchoumouki chỉ có thể thông báo cho họ biết rằng đó đúng là nhà máy.

Trong số các tù nhân thì Jane Buxton là người được tự do hơn cả. Theo lệnh của Harry Killer, Tchoumouki tuyên bố rằng nàng có thể đi lại trong cung điện và ở chỗ bãi trống một cách thoải mái, không hạn chế. Nàng chỉ bị cấm đi qua sông Đỏ. Cô thiếu nữ không dùng quyền được phép: nàng không muốn số phận của mình khác biệt với số phận của các bạn cùng cảnh ngộ. Và, trước sự ngạc nhiên vô cùng của Tchoumouki, nàng không đi đâu hết.

— Bà ở trong tù, không tốt, — hắn nói. — Khi bà cưới Ông Chủ, tốt. Bà sẽ cứu được các *toubab*.

Nhưng Jane Buxton đã nghe hắn nói một cách thờ ơ.

Khi các tù nhân không tụ tập ở hành lang hay trên sân tháp, thì họ muốn làm gì tùy thích. Lúc quây quần bên nhau, họ thường nói về tình cảnh của mình hoặc về Harry Killer, kẻ đã gây cho họ những ấn

tượng không phai mờ được.

— Con người ấy có thể là ai cơ chứ? – Có một lần Barsac đã hỏi.

— Hẳn là người Anh, – Jane Buxton trả lời, giọng lơ lớ của hấn khẳng định điều đó.

— Cứ coi như hấn là người Anh đi, – Barsac lại nói, – nhưng điều đó có nói lên được cái gì đâu. Dù sao thì hấn cũng là một con người phi thường. Chỉ có một thiên tài với những tri thức khoa học sâu rộng mới tạo dựng được một thành phố như thế này trong mười năm, mới cải tạo được sa mạc, mới đưa được nước về nơi mà hằng bao thế kỷ chưa hề biết đến nó.

— Theo tôi, hấn là một thằng điên, – Amédée Florence nói. – bây giờ thì hấn đã quên chúng ta, nhưng có thể sau năm phút nữa hấn sẽ ra lệnh hành hình chúng ta.

Song lời dự đoán trớ trêu u sầu của Amédée Florence đã không thành sự thật và tuần kế đó không có gì mới lạ. Thế nhưng đến ngày 3 tháng Tư đã xảy ra hai sự kiện với những tính chất khác nhau hoàn toàn. Khoảng ba giờ chiều, các tù nhân đột ngột vui mừng trước việc Malik xuất hiện. Cô bé da đen mừng rỡ, xúc động, sà vào lòng Jane Buxton. Thì ra cô vừa mới đến cùng với số lính trong toán quân của Edward Rufus mà tàu lượn đã không bốc đi. Các tù nhân không hỏi cô về Tongané vì thấy cô buồn và nghĩ là cô không biết gì về anh.

Hai giờ sau khi Malik xuất hiện đã xảy ra một việc khác hấn. Khoảng năm giờ Tchoumouki hăm hở chạy đến hành lang. Hấn tuyên bố rằng Harry Killer đã ra lệnh cho hấn phải dẫn tiểu thư Mornas, người vợ tương lai của Harry Killer, đến chỗ của Harry Killer.

Các tù nhân cự tuyệt nên Tchoumouki buộc phải cuốn xéo. Cuộc thảo luận sôi nổi về lệnh đòi kỳ lạ của Harry Killer bắt đầu. Tất cả mọi người đều nhất trí cho rằng Jane không nên rời xa họ vì bất cứ nguyên do nào.

— Tôi xin cảm ơn các bạn, – Jane Buxton nói, – vì các bạn đã dừng cảm che chở cho tôi, nhưng các bạn đừng nghĩ rằng tôi sẽ không có gì để tự vệ khi đứng trước mặt con thú ấy. Bọn chúng đã khám xét người của các bạn, song lại cho rằng việc đó là thừa đối với phụ nữ nên tôi vẫn còn có vũ khí, – Jane Buxton chia ra con dao găm đã tìm được trong ngôi mộ của anh trai, nàng đã mang nó bên nịt váy. – Xin các bạn hãy tin rằng, – nàng kết luận, – trong trường hợp cần thiết, tôi sẽ biết cách sử dụng nó.

Nàng vừa cất con dao đi thì Tchoumouki quay lại, hấn hoàn toàn bối rối. Harry Killer nổi giận khi biết tiểu thư Mornas từ chối và hấn đòi nàng phải đến chỗ hấn ngay. Nếu nàng không chịu quy phục thì cả sáu người sẽ bị treo cổ ngay lập tức.

Chần chừ là không đúng lúc nên Jane Buxton quyết định nhượng bộ, mặc cho các bạn phản đối. Họ hoài công định dùng sức giữ nàng lại. Theo tiếng gọi của Tchoumouki, bọn lính da đen xông vào nắm giữ mấy người đàn ông và Jane Buxton đi thoát. Nàng vắn mắt ba tiếng liền, trong thời gian ấy, các bạn của nàng vô cùng lo lắng, đặc biệt là Saint-Bérain bất hạnh, anh khóc sụt sùi.

— A, thế nào? – họ đồng thanh kêu lên khi thấy nàng.

— Mọi việc kết thúc tốt đẹp, – cô gái trả lời, người vẫn còn run.

— Hấn muốn gì ở cô?

— Hấn chỉ mong được gặp tôi thế thôi. Khi tôi đến nơi thì hấn đã ngà ngà say. Hấn mời tôi ngồi xuống và khen tôi hết lời. Hấn nói rằng tôi rất hợp với hấn, hấn khoe hấn hùng mạnh và giàu có. Tôi bình tĩnh nghe hấn nói và nhắc lại cho hấn nhớ rằng chúng ta được một tháng để suy nghĩ và mới hết có một tuần. Dù ngạc nhiên, hấn vẫn không hề tức giận. Tôi có cảm tưởng là tôi có chút ảnh hưởng đối với tên điên khùng này. Hấn hứa sẽ không ra quyết định gì khác trước một tháng, nhưng với một điều kiện là hằng ngày tôi sẽ dành cho hấn thời gian sau bữa cơm trưa.

— Vậy là cháu phải thường xuyên đến đó hả, cô bé đáng thương của chú? – Saint-Bérain thốt lên một cách tuyệt vọng.

— Buộc phải thế, – Jane Buxton trả lời, – nhưng cháu nghĩ rằng như hôm nay, cháu sẽ không bị nguy hiểm lắm đâu. Sau bảy giờ hấn đã say mèm. Việc của cháu chỉ là nạp thuốc vào tẩu cho hấn và rót rượu vào cốc cho tới lúc tên súc sinh ấy bắt đầu ngáy, cháu chờ có vậy để trở về với chú đây.

Từ đó, hằng ngày vào lúc ba giờ chiều, Jane Buxton đến chỗ Harry Killer và lưu lại ở đấy cho đến tám giờ. Không sai một ly, Jane thường bắt gặp tên chuyên quyền giữa đám quân sư của hấn, khi ra lệnh cho

bọn tay chân thân cận, hắn tỏ ra mình miễn tuyệt vời. Các chỉ thị của hắn không có gì đặc biệt: chúng chỉ liên quan đến việc điều hành thành phố hay công việc đồng áng, – và việc điều hành Blackland đã chẳng có gì bí mật cả nếu như thỉnh thoảng Harry không ghé vào tai của một trong mấy quân sư của hắn để ra một cái lệnh bí mật nào đó. Cuộc hội ý thường kéo dài đến bốn giờ, rồi cả bọn kéo đi, còn Jane Buxton ở lại với Harry Killer. Bốn giờ rưỡi hắn biến ra sau cánh cửa nhỏ mà chìa khóa để mở cửa ấy hắn không giao cho ai hết. Hắn đi đâu, Jane không hề biết.

Ngay sau khi Harry Killer đi khỏi, nhưng âm thanh nghe rất lạ, giống như tiếng rên từ xa của một người, bắt đầu vọng đến tai của Jane Buxton... Những tiếng rên rí ầm ầm kéo dài trong mười lăm phút, sau đó im bặt và Harry Killer trở lại với tâm trạng vô cùng sáng khoái. Jane nấp tầu cho hắn, rót rượu và hắn uống cho tới khi say mềm.

Ba hôm sau, nàng không thể chịu nổi những tiếng rên đầy bí ẩn ấy nữa và để khỏi phải nghe chúng, nàng bỏ đi dạo trong cung điện. Bọn đầy tớ và các Chàng trai Vui tính trực trong cung điện bắt đầu quen dần với nàng, thậm chí bọn chúng còn tỏ ra có phần kính nể nàng nữa.

Tối nào Harry Killer cũng say và những lúc như thế tính mạng của hắn hoàn toàn phụ thuộc vào nàng. Cô gái có thể dễ dàng hạ sát tên bạo chúa say mềm bằng dao găm. Song nàng ghê tởm ý nghĩ tấn công một kẻ bất lực, và lại việc trừ khử hắn có lợi lộc gì đâu cơ chứ? Dẫu Harry Killer mất đi thì vẫn còn đám quân sư đề tiện, bọn vệ binh Đen man rợ và lũ lưu manh đáng ngờ tạo nên số dân cư của Blackland cơ mà. Tình cảnh của các tù nhân cũng không khá lên, ngược lại, nó sẽ xấu đi sau cái chết của con người có thể là duy nhất trong thành phố này mà trong những giờ phút tỉnh táo của mình, hắn đã tỏ ra mình miễn thật sự và có khả năng hiểu nổi ích lợi của việc khoan dung ở một chừng mực nào đó đối với các tù nhân. Nàng đã trao đổi ý kiến của mình đối với các bạn và họ đồng ý với nàng.

Nhưng một khi Jane đã chiếm được sự tin cậy của tên chuyên quyền thì có nên bắt để không chế hắn không? Đến lượt mình, các con tin lại có con tin và có thể đàm phán ở thế cân bằng.

Rủi thay, ý đồ này gặp phải những khó khăn to lớn. Làm sao mà bắt được Harry Killer khi có quá nhiều bọn đầy tớ trong cung điện và các cửa ra vào hành lang đều có lính canh? Cứ cho rằng các tù nhân sẽ vượt qua được khó khăn đầu tiên này thì liệu số dân cư của Blackland, sau khi đã được giải thoát khỏi Harry Killer, có chịu tham gia vào cuộc mặc cả đòi phóng thích cho tên chuyên quyền hay không? Và thậm chí, nếu hòa ước được ký kết, thì bọn chúng sẽ bảo đảm thi hành nó đến mức độ nào?

Ngoài những dự kiến khó thực hiện này, Jane Buxton còn ấp ủ một dự định khác mà nàng giấu kín ngay cả đối với các bạn. Việc bỏ đi ra ngoài một cách đều đặn của Harry Killer và những tiếng rên xa nghe thấy trong thời gian đó khiến nàng tò mò và sợ hãi. Tối tối, khi Harry Killer đã say mềm và không còn hay biết gì nữa, thì nhiều lần nàng muốn lấy chìa khóa của hắn để xem sau cửa có gì. Song mỗi lần như thế nàng lại không đủ can đảm.

Ngày 8 tháng Tư. Khoảng chín giờ đêm hôm ấy, tất cả các tù nhân, kể cả Malik, đều tập trung trên sân tháp, họ hỏi han Jane Buxton về những việc xảy ra trong ngày; tuy nhiên nó cũng giống như mấy ngày trước đó.

Mây đen kịt, trời sắp đổ mưa, đêm rất tối. Bóng tối dày đặc bao phủ cả sân tháp.

Bỗng có cái gì đó rơi xuống nền gạch. Các tù nhân ngạc nhiên và im lặng. Trong bóng đêm, họ không nhận ra vật gì và từ đâu bay tới. Amédée Florence trấn tĩnh lại trước tiên. Anh tìm thấy vật bí ẩn nọ trong giây lát. Đó là một viên đá có dây cột, đầu kia của sợi dây vắt ngang qua lan can, có lẽ nó thông xuống dưới sông Đò.

Thế nghĩa là sao? Đây không phải là cái bẫy đấy chứ? Hay ở Blackland các tù nhân có người bạn chưa quen biết muốn báo tin cho họ? Để biết được điều này chỉ cần kéo sợi dây lên. Nhưng Amédée Florence phải nhờ đến bác sĩ Châtonnay. Sợi dây nhỏ thoăn thoắt qua tay ông, có cái gì đó nặng nề ở đầu dây. Khi họ kéo được nó lên hết, thì ra nó được nối với một sợi dây to. Họ lại tiếp tục kéo sợi dây mới này, kéo chừng ba mươi, ba lăm mét rất dễ, rồi sau họ cảm thấy bị vướng. Họ phân vân một chút. Làm gì đây?

— Chúng ta hãy buộc dây vào lan can, – Amédée Florence đề nghị. – Lúc ấy chúng ta sẽ biết người đã mang nó đến đây muốn gì.

Và họ đã làm như thế. Sợi dây căng ra ngay lập tức. Ai đó đang bám dây leo lên và các tù nhân cúi

mình trên lan can nhìn xuống. Họ nhanh chóng nhận ra một bóng người. Lát sau, người lạ đã leo qua lan can và nhảy tới chỗ các tù nhân đang đứng ngây người ra.

— Tongané! – họ kiềm giọng kêu lên.

V

Nhà Tù Mới

Tongané không những không chết, mà như sau này được rõ, không hề bị thương khi xảy ra cuộc tấn công bất ngờ ở Koubo. Ánh đèn pha không chiếu tới người anh nên anh đã len lén trốn vào các gốc cây.

Làm như thế, Tongané không định bỏ rơi chủ của mình, nhất là cùng với họ còn có Malik nữa. Ngược lại, anh muốn giúp đỡ họ và đã quyết định chính xác: tốt hơn cả là đừng để bị bắt mới làm được việc đó. Anh hoàn toàn không nghĩ đến việc bỏ chạy, anh tiếp cận bọn cướp. Anh lần theo dấu vết của bọn chúng, vượt qua sa mạc với muôn vàn thiếu thốn, chỉ sống bằng những mẫu thức ăn ít ỏi nhất được ở nơi bọn chúng dừng lại nghỉ chân. Phải đi bộ nhưng anh vẫn cố bám sát đoàn người, ngựa và mỗi ngày đi được năm mươi km.

Anh chỉ tụt lại sau bọn chúng khi đã ở gần Blackland. Đến chỗ mấy cánh đồng, anh trốn vào một bụi rậm trước lúc trời sáng. Rồi sau anh trà trộn với họ và nhận những đòn roi mà bọn cai đã phân phát một cách hào phóng, chiều tối anh cùng với đám đông về khu giữa, không để ai chú ý gì tới mình.

Mấy ngày sau, anh lấy được một sợi dây trong căn lều đã bỏ hoang. Anh dùng dây vượt qua khu Dân sự, đến bên bờ sông và suốt hai ngày liền trốn trong ống máng ở đây chờ cơ hội thuận tiện.

Trong hai ngày ấy, anh đã nhìn thấy các tù nhân chiều chiều đi ra sân tháp như thế nào, song mọi cố gắng thu hút sự chú ý của họ đều vô ích. Chỉ đến ngày thứ ba, ngày 8 tháng Tư, anh mới có dịp vẫn hằng mong ước.

Tất cả những chuyện ấy sau này mới được rõ. Còn bây giờ Tongané chỉ tuyên bố là mọi người có thể trốn đi bằng chính con đường mà anh đã đến. Dưới sông đã có thuyền, do anh kiếm được, nên chỉ còn mỗi một việc là leo xuống sông Đỏ nữa thôi.

Ý định được chấp thuận mà không có lấy một lời phản bác nào. Với bốn người đàn ông cầm chèo thì thuyền có thể xuôi dòng được sáu dặm trong một giờ. Nếu khởi hành lúc mười một giờ đêm thì đến sáng có khả năng đi được bảy mươi lăm km, tức là không những đã vượt qua vịnh đại phòng thủ, mà còn vượt qua cả khu canh gác, thậm chí qua cả những đồn bót cuối cùng trong sa mạc cũng không chừng. Ban ngày có thể núp trong một cái khe nào đó để tránh tàu lượn. Đến Niger còn bốn trăm năm mươi km, bơi chừng bốn năm đêm là tới.

Kế hoạch được thảo luận và thông qua nhanh chóng. Nhưng trước khi thực hiện, cần phải thoát khỏi Tchoumouki. Và phải hành động nhanh gọn.

Để Jane Buxton, Poncin vô tích sự và Tongané ở lại trên sân tháp, các tù nhân bắt đầu đi xuống cầu thang. Mới xuống được có mấy bậc mà họ đã trông thấy Tchoumouki đang uể oải kết thúc công việc trong ngày. Hắn không hề để ý đến họ.

Saint-Bérain tấn công đầu tiên. Đôi tay khỏe mạnh của anh chộp lấy cổ họng của Tchoumouki, hắn không kịp kêu lên tiếng nào. Họ trói Tchoumouki lại, nhét giẻ vào miệng hắn và nhốt hắn vào buồng, còn chìa khóa thì quẳng xuống sông Đỏ. Hắn bị ngăn lại trong chừng mực có thể được là thế.

Làm xong việc đó, bốn người Âu trở lại sân tháp và rơi ngay vào một cơn mưa rào xối xả. Nước mưa đổ xuống ào ào, gió giật từng cơn. Thời tiết rất thuận lợi cho những người vượt ngục: cách hai mươi mét đã không nhìn thấy gì.

Việc leo xuống sông được bắt đầu ngay và nó đã diễn ra hết sức tốt đẹp. Những người vượt ngục lần lượt theo dây tụt xuống, đầu dưới của sợi dây đã được buộc vào thuyền. Trước khi rời sân tháp, Tongané đã để ý tháo sợi dây ra khỏi cái trụ mà nó đã cột vào. Anh vắt sợi dây qua thân trụ, nắm hai đầu của nó tụt xuống, rồi thu dây, vậy là không còn vết tích gì của cuộc trốn chạy.

Thuyền nhỏ neo, trôi theo dòng. Những người vượt ngục nép mình vào mạn thuyền. Họ sẽ cầm chèo khi nào đã ra khỏi thành phố.

Vài phút sau, thuyền bỗng va phải vật cản nên dừng lại. Những người vượt ngục thất vọng vì thấy rằng trước mắt họ là một hàng rào sắt cao, bên trên có những tấm sắt và nó ngập sâu trong nước. Họ đã men theo hàng rào sắt một cách vô ích: hai bên của nó áp sát vào hai bờ sông. Không có lối qua.

Harry Killer hành động chính xác. Mọi biện pháp đề phòng đã được áp dụng: ban ngày, sông Đơ được thông thương, nhưng ban đêm thì bị chặn lại.

Mất khá nhiều thời gian trước khi những người vượt ngục hoang mang trấn tĩnh lại được. Họ sẫu nào đến mức không còn cảm thấy mối đe dọa hãi hùng.

Đừng mơ tưởng đưa thuyền qua hàng rào chắn làm gì vô ích. Mà không có thuyền thì không thể chạy thoát. Nếu lên bờ thì bên trái là nhà máy, bên phải là khu các Chàng trai Vui tính. Tất cả các hướng đi đều bị tắc.

— Chúng ta không thể ngủ lại đây được! – Amédée Florence nói.

— Thế ông bảo phải đi đâu nào? – Barsac chán nản hỏi.

— Đi đâu cũng được, miễn là không đến chỗ “Đức vua” Harry Killer! – chàng phóng viên trả lời. – Nếu chúng ta không kén chọn thì tại sao ta không thể thu xếp ở nơi mới, ở chỗ hình như được gọi là nhà máy?

Quả thật nên thử lắm chứ. Trong cái thế giới bé nhỏ khác với cả thành phố này, họ có thể sẽ được người ta giúp đỡ. Dầu sao cũng chẳng có gì tệ hại hơn nữa.

Họ bơi vội về phía bờ trái và cập bến gần chỗ bức tường, bên dưới con đường tuần tra quanh nhà máy. Mặc dù tiếng gào thét của thiên nhiên át đi mọi thứ tiếng động và tất cả các cảnh vật đều chìm trong màn mưa, họ vẫn bước đi thận trọng. Giữa đường, họ dừng lại. Xuyên qua làn mưa, những người vượt ngục nhìn thấy góc tường phía Tây và phía Bắc của nhà máy ở cách họ hai mươi mét và họ không dám đi tiếp vì cạnh góc tường có một chòi canh, có lẽ tên lính gác đang trú mưa trong đó. Sau cuộc hội ý chớp nhoáng, Amédée Florence, Saint-Bérain và Tongané tiến về chòi canh rồi ập vào. Bên trong có một Chàng trai Vui tính. Hoảng hốt vì bị tấn công bất ngờ, hắn không kịp nổ súng, còn tiếng kêu của hắn bị át đi trong giông bão. Tongané mang dưới thuyền lên một sợi dây và họ trói Chàng trai Vui tính lại rất kỹ càng. Những người vượt ngục tiếp tục đi dọc tường nhà máy. Đi được một cây số rưỡi thì họ thấy một cửa sắt nhỏ. Làm thế nào để gọi được những người sống bên trong nhà máy mà không làm cho bọn lính canh chắc đang ở quanh đâu đó chú ý đến mình?

Sau một hồi do dự, những người vượt ngục quyết định dùng tay, chân đập cửa thì bỗng nhiên ở hướng bãi trống hiện ra một bóng người. Lờ mờ trong màn mưa, bóng đen đang tiến gần tới chỗ họ. Những người vượt ngục nép mình vào tường, sẵn sàng nhảy xổ vào người đang đi đến khi cần thiết.

Nhưng ông ta đến gần, rồi đi ngang qua rất vô tâm, sắp chạm vào người họ mà vẫn không nhận ra họ.

Những người vượt ngục vô cùng ngạc nhiên trước sự lơ đãng của người lạ và họ bước theo ông ta. Ông ta dừng lại trước cánh cửa và khi tra chìa vào ổ khóa, ông không hề ngờ rằng có tám người đang đứng nhìn chăm chú sau lưng.

Cửa mở. Những người vượt ngục ùa theo ông ta, chen lấn ông ta một cách trắng trợn và người đi sau cùng trong bọn họ đóng sầm cửa lại.

Họ rơi vào bóng tối mịt mù, một giọng yếu ớt tỏ vẻ hơi ngạc nhiên:

— Ô! Thế này là sao? Họ muốn gì ở ta?

Đột nhiên lóe lên thứ ánh sáng lờ mờ mà trong bóng tối nó dường như chói lòa. Jane Mornas đã bật đèn pin. Giữa quãng sáng nổi lên Tongané và một người ốm yếu, tóc vàng, mặc bộ quần áo ướt sũng đang đứng trước mặt anh.

Tongané và người lạ tóc vàng nhìn nhau, rồi cùng kêu lên.

— Hạ sĩ Tongané! – người lạ mặt thốt ra bằng một giọng yếu ớt và hơi ngạc nhiên ấy.

— Ngài Camaret! – anh da đen trở mặt kêu lên.

Camaret! Jane Buxton run cả người khi nghe thấy cái tên này. Nàng biết rất rõ đó là tên một người bạn cũ của anh nàng.

Amédée Florence cho rằng chen vào lúc này là thuận lợi: anh bước tới một bước và đứng trong quãng sáng.

— Ông Camaret! – anh nói – Tôi và các bạn của tôi muốn nói chuyện với ông.

— Không có gì đơn giản hơn đâu, – Camaret trả lời tỉnh khô.

Ông nhấn nút và đèn điện trên trần bật sáng. Những người vượt ngục đang ở trong một căn phòng trống trải hình vòm, có lẽ là phòng ngoài. Marcel Camaret mở cửa, bên trong có một cầu thang, ông bước qua một bên và nói hết sức đơn giản:

— Các ông chịu khó vào đi!

VI

Marcel Camaret

Những người vượt ngục theo sau Marcel Camaret. Ông dẫn họ vào một căn phòng lớn. Ở đây rất mất trật tự, ghế ngồi bọ đâu để đâu, đầy những sách và giấy, bên một bức tường có kê một chiếc bàn vẽ, ba mặt tường còn lại là những giá sách. Marcel Camaret điềm nhiên ném xấp giấy từ trên một chiếc ghế xuống đất và ngồi lên. Các vị khách cũng làm theo ông, chỉ có Tongané và Malik là còn đứng yên một cách kính cẩn.

— Tôi có thể làm gì đây? – Marcel Camaret hỏi. Dường như ông coi việc đột nhập bất ngờ này là một việc hiển nhiên.

Những người vượt ngục chăm chú nhìn ông chủ của cái dinh cơ mà họ đã xộc vào táo tợn đến thế, hình dáng của ông khiến họ bình tâm. Tính đàng trí và vẻ mặt hờ hững của ông không mâu thuẫn với lòng trung thực thật rõ ràng của con người có cơ thể chưa trưởng thành như cơ thể của thiếu niên. Chủ nhân của vàng trân cao và đôi mắt sáng như thể không thể thuộc hạng người như Harry Killer.

— Ông Camaret, – Barsac nói, – chúng tôi đề nghị ông che chở cho chúng tôi.

— Tôi che chở ư? – Camaret nhắc lại với một thoáng ngạc nhiên. – Nhưng, trời ơi, để tránh ai cơ chứ?

— Để tránh ông chủ, đúng hơn là tên chuyên quyền của cái thành phố này, tên Harry Killer.

— Harry Killer? Tên chuyên quyền? – Camaret nhắc lại lần nữa, hình như ông ta không hiểu gì.

— Chẳng lẽ ông không biết điều đó hay sao? – đến lượt Barsac ngạc nhiên, ông hỏi.

— Nói thật là không.

— Nhưng ông không thể không biết rằng bên cạnh ông có một thành phố và nó được gọi là Blackland?

— A! Vậy ra nó tên là Blackland! – Camaret thốt lên. – Quả thật, cái tên không xấu lắm. Tôi đã không biết điều này, nhưng bây giờ thì biết, ông vừa mới nói cho tôi mà. Tuy nhiên cũng chẳng có gì quan trọng đối với tôi.

— Nếu như ông không biết tên gọi của thành phố này, – Barsac nói với vẻ giễu cợt, – Tôi nghĩ, ông cũng phải biết có khá nhiều người đang sống ở đây chứ?

— Dĩ nhiên, – Camaret bình thản trả lời.

— Và việc điều hành Blackland nằm trọn trong tay của Harry Killer, một tên cướp, một kẻ chuyên quyền độc ác và khát máu, một thằng điên.

Marcel Camaret ngược đôi mắt này giờ vẫn hướng xuống đất nhìn Barsac. Ông ngạc nhiên vô cùng.

— Ô! ô! – Ông lúng búng. – Ông dùng những lời như thế...

— Còn quá nhẹ, – Barsac nóng nảy tiếp luôn. – Nhưng xin cho phép chúng tôi được tự giới thiệu.

Ông giữ nguyên danh tự của Jane Buxton, rồi nói tên của các bạn và của ông ra.

— Được chính phủ Pháp cử đi... Nhưng chắc ông là người Pháp, phải không ông Camare?

— Vâng...vâng... – viên kỹ sư dửng dưng nói.

— Được chính phủ Pháp cử đi thực hiện một số nhiệm vụ ở “Thòng lọng Niger”, chúng tôi đã phải chống chọi liên tục với những trở lực mà Harry Killer gây ra cho chúng tôi.

— Với mục đích gì? – Camaret bắt đầu quan tâm.

— Với mục đích không cho chúng tôi tiến lên Niger, không cho chúng tôi biết gì về Blackland; ở Châu Âu không một ai ngờ đến sự tồn sinh của nó.

— Ông nói gì thế? Làm gì có chuyện ở châu Âu người ta không biết thành phố này, có không ít công nhân từ đây trở về đó cơ mà...

— Vậy mà vẫn có chuyện ấy đấy! – Barsac trả lời.

Camaret đứng dậy. Vì quá xúc động, ông bắt đầu đi đi lại lại trong phòng.

— Không thể hiểu nổi! Không thể hiểu nổi! – ông lầm bầm.

Nhưng cơn xúc động của ông không lâu. Ông tự trấn tĩnh, rồi ngồi xuống và nói:

— Xin ông hãy tiếp tục.

— Tôi sẽ không làm cho ông mệt mỏi vì những điều vụn vặt. Chỉ cần nói rằng người của Harry Killer đã bắt cóc chúng tôi vào ban đêm rồi mang về đây, giam chúng tôi nửa tháng nay và đe dọa xử tử chúng tôi thì cũng đủ...

Máu dồn lên mặt Marcel Camaret và cái nhìn của ông sắc lạnh.

— Thật quá sức tưởng tượng! – ông kêu lên. – Ra là thế! Harry Killer xử sự như vậy đấy?!

— Chưa hết đâu, – Barsac nói và kể về vụ giết hại hai người da đen.

Marcel Camaret choáng váng. Có lẽ, đây là lần đầu tiên ông đã phải từ giã lĩnh vực thuần túy trừu tượng và va chạm với thực tế. Thế đấy! Ông, một con người không dám giẫm chết ngay cả một con kiến trong nhiều năm, đã sống bên cạnh một tên tàn bạo như vậy mà không biết!

— Ghê tởm quá! Khùng khiếp quá! – ông thốt lên.

Nỗi khủng khiếp của ông lớn bao nhiêu thì nó chân thành bấy nhiêu. Barsac và những người đồng hành của ông thấy rõ điều đó. Nhưng làm sao có thể dung hợp tính miễn cảm ấy, lòng chân thành ấy với sự hiện diện của Camaret trong cái thành phố này?

— Harry Killer, – Barsac nhận xét, – tất nhiên còn nhiều tội lỗi bí mật khác. Ông có hay biết về những tội lỗi đó không?

— Ông lại dám nêu ra cho tôi câu hỏi như thế! – Camaret tức giận phản đối. – Tôi không bao giờ bước ra khỏi nhà máy, chỉ lo phát minh những điều kỳ lạ nên tôi chẳng thấy gì, chẳng biết gì!...

— Nếu như chúng tôi không làm, – Barsac nói, – thì ông sẽ trả lời cho chúng tôi một câu hỏi nữa. Chúng tôi cảm thấy khó tin rằng thành phố này và những cánh đồng xung quanh là công sức của Harry Killer. Lại thật, mười năm trước ở đây là biển cát mênh mông! Dù để làm gì thì sự biến đổi cũng hết sức lạ thường! Dầu Harry Killer có được trời phú cho trí thông minh thì bộ óc của hắn từ lâu đã chìm ngìm trong rượu và chúng tôi không thể lý giải được tại sao con người đồ đốn này lại là người khởi xướng ra những điều tuyệt vời đến thế.

— Hắn! – Marcel Camaret đột nhiên nổi giận kêu lên, – Hắn chỉ là một kẻ tiểu nhân, rỗng tuếch. Vậy mà các ông đã nghĩ cho hắn?! Công việc tuyệt vời đấy, nhưng để thực hiện được thì phải cần đến người khác chứ không phải Harry Killer.

— Thế ai đã thực hiện? – Barsac hỏi.

— Tôi! – Marcel Camaret kiêu hãnh nói. – Tôi đã tạo dựng tất cả những gì có ở đây. Tôi đã đổ mưa ra tiền ra gạo xuống vùng đất khô cằn của sa mạc. Tôi đã biến nó thành những cánh đồng xanh tươi màu mỡ. Từ hai bàn tay trắng tôi đã dựng nên thành phố này.

Barsac và các bạn của ông đưa mắt nhìn nhau lo lắng. Có phải họ tránh vô đưa gặp vô dũa hay không?

— Nếu như ông là người đã tạo ra tất cả những gì mà chúng tôi nhìn thấy ở đây, thì tại sao ông lại dâng những thành quả lao động của mình cho Harry Killer mà không quan tâm xem hắn sẽ sử dụng chúng như thế nào? – Bác sĩ Châtonnay hỏi.

— Khi vung các vì sao vào không gian vô tận, sức mạnh tối cao muôn thuở có ngại rằng sẽ xảy ra tai họa? – Camaret trả lời một cách tự hào.

— Đôi khi nó cũng trừng phạt đấy chứ! – ông bác sĩ nói khẽ.

— Thì tôi cũng sẽ trừng phạt như nó! – Camaret quả quyết, đôi mắt của ông ánh lên vẻ hăm dọa.

Những người vượt ngục bối rối. Làm sao có thể trông cậy ở con người có thể là thiên tài đầy song chẵn là đồng bóng?

— Sẽ không khiếm nhã đấy chứ ông Camaret, – Amédée Florence cố lái câu chuyện sang hướng đỡ nguy hiểm hơn, – nếu hỏi ông đã làm quen với Harry Killer như thế nào và dự án xây dựng Blackland đã hình thành trong óc ông ra làm sao?

— Vâng, – Marcel Camaret dịu dàng trả lời, vẻ hài lòng. – Dự án là của Harry Killer, còn thực hiện chỉ mình tôi thôi. Tôi quen biết Harry Killer khi tham gia đoàn khảo sát của Anh do đại úy George Buxton chỉ huy...

Khi nghe thấy cái tên ấy, mọi người đều quay lại nhìn Jane Buxton. Nàng vẫn đứng yên.

— Tongané từng làm trung sĩ trong đoàn và đó là lý do tại sao bây giờ tôi nhận ra anh ta, mặc dù từ

ngày ấy đến nay nhiều năm đã trôi qua. Tôi được mời với tư cách kỹ sư để nghiên cứu núi, sông và đặc biệt là các khoáng chất của các vùng khảo sát. Rồi xứ sở của người Achantis, chúng tôi đi lên phía Bắc trong hai tháng và lúc đó, vào một ngày đẹp trời, Harry Killer đã xuất hiện trong đội ngũ chúng tôi. Hắn được thủ trưởng của chúng tôi tiếp đón tử tế và nhập đoàn luôn...

— Có thể nói chính xác hơn, – Jane hỏi, – là dần dần hắn đã thay thế đại úy Buxton, người mà sau đó chẳng bao lâu các ông không còn trông thấy nữa hay không? Camaret quay lại phía cô gái.

— Tôi không thể nói được,... – ông ngập ngừng trả lời. – Vì quá bận với công việc nên tôi không để ý đến các chi tiết ấy và tôi gặp Harry Killer thường xuyên hơn là gặp George Buxton. Dù sao thì sau hai ngày đi vắng, lúc trở về tôi cũng đã không thấy đoàn khảo sát ở chỗ cũ nữa. Hắn có nói rằng đại úy Buxton đã trở về phía bờ sông và dẫn theo phần lớn số quân. Tôi đi theo Harry Killer. Lúc ấy tôi có vài dự án hấp dẫn. Killer đưa tôi đến đây và đề nghị thực hiện các dự án đó. Tôi đồng ý. Lịch sử các mối quan hệ của tôi với Harry Killer là thế.

— Thưa ông Camaret, tôi xin phép được bổ sung tư liệu của ông và thông báo cho ông những điều ông chưa biết, – Jane nói, vẻ quan trọng. – Từ ngày Harry Killer tham gia đoàn khảo sát của đại úy Buxton thì toàn quân biến thành một băng cướp. Chúng đã đốt làng, giết người, mổ bụng phụ nữ, chặt khúc trẻ em...

— Không thể thế được! – Camaret phản đối. – Khi quá, tôi đã ở đó cơ mà! Và tôi có nhìn thấy những chuyện như thế đâu.

— Mười năm trước ông đã không nhìn thấy những việc xảy ra trước mắt mình. Than ôi! Những sự kiện tôi đang kể đã trở thành những sự kiện lịch sử mà cả thế giới đều biết. Khi tin đồn về các vụ việc ấy đến châu Âu, người ta đã phái quân đội đi tiêu trừ toán phiến loạn của George Buxton và nó đã bị tiêu diệt. Vào ngày ông không gặp ai ở trại, George Buxton đã chết rồi.

— Chết rồi! – Camaret cũng sờn nhắc lại.

— George Buxton đã bị giết, nhưng không phải bằng súng đạn của binh lính như cho đến nay người ta vẫn tưởng. Chúng tôi đang giấu ông. Tên tôi không phải là Mornas. Tôi là Jane Buxton, em gái thủ trưởng cũ của ông. Tôi đến Châu Phi để tìm những bằng chứng vô tội của anh tôi. Anh ấy bị buộc vào những tội do người khác gây ra.

— Bị giết! – Camaret lặp lại, ông ù rũ vì tính chất nghiêm trọng của những điều vừa được nói ra.

— Và bị giết sau lưng, – Jane vừa bổ sung vừa rút hung khí đã sát hại George Buxton ra khỏi nịt váy. – Tôi đã đến mộ của anh tôi và bới tìm hài cốt của anh ấy. Chúng tôi tìm thấy con dao đâm vào tim anh tôi. Cán dao có khắc tên kẻ sát nhân. Tiếc thay, thời gian đã làm cho nó bị mờ. Chỉ còn sót lại có hai chữ “i” và “l”. Sau những gì ông đã nói cho tôi biết, tôi xin khẳng định rằng cái tên đó chính là Harry Killer.

Marcel Camaret càng xúc động. Ông bẻ bẻ các ngón tay, luống cuống lau những giọt mồ hôi to trên trán.

— Kinh khủng! Kinh khủng quá! Tôi đã làm gì thế này! Tôi... – ông nhắc đi nhắc lại hoài và vẻ thảng thốt lại hiện lên trong đôi mắt mở to của ông.

— Ông sẽ cho chúng tôi trú ẩn chứ? – Barsac hỏi.

— Tôi có cho không ư? – Chẳng lẽ các vị cho rằng tôi đồng lõa với những tội ác tệ hại mà tôi sẽ trừng phạt, xin hãy vững tâm!

— Trước khi nói về sự trừng phạt thì cần phải tự vệ, – anh chàng thực tế Amédée Florence trả lời.

Marcel Camaret mỉm cười.

— Harry Killer không biết các ông ở đây đâu, mà nếu hắn có biết... – Ông khoát tay tỏ ý chẳng bận tâm gì mấy. – Hãy yên tâm nghỉ ngơi. Các vị được an toàn mà, – ông ấn nút chuông.

Người đầy tớ da đen xuất hiện.

— Joko, – Camaret nói đơn giản, – hãy đưa mấy ông và bà này về phòng của họ. Chúc các vị ngủ ngon, – ông nói một cách lịch sự rồi biến đi, mặc cho các vị khách của mình và người đầy tớ da đen được giao nhiệm vụ nặng nề tha hồ mà ngạc nhiên...

Tội nghiệp Joko, anh biết tìm đâu ra chăn đệm? Nhà máy không được chuẩn bị để đón khách.

Thấy rõ khó khăn của người đầy tớ, Barsac quả quyết rằng ông và các bạn của ông không cần chăn đệm và sẽ ở lại đây.

Họ ngồi vào ghế chờ trời sáng. Đúng sáu giờ Marcel Camaret bước vào. Ông không hề ngạc nhiên trước việc văn phòng của ông bị biến thành phòng ngủ.

— Chào các vị, – ông thân nhiên nói với khách.

— Chào vị Camaret, – họ đồng thanh đáp lại.

— Các ông ạ, tôi đã suy nghĩ kỹ càng những điều các vị kể cho tôi nghe hồi đêm. Tình cảnh như vậy không thể tiếp tục được nữa. Chúng ta cần phải hành động ngay, – ông nhấn nút, chuông réo chói tai ở khắp nơi. – Các vị hãy theo tôi.

Đi qua mấy dãy hành lang, họ bước vào một phân xưởng rộng mênh mông. Đàn ông và đàn bà đã tụ tập bên các cỗ máy.

— Tất cả mọi người đều đã có mặt ở đây rồi chứ? – Marcel Camaret hỏi. – Rigo, anh hãy điểm danh đi.

Sau khi biết chắc rằng toàn bộ công nhân viên của nhà máy đã có mặt đông đủ. Camaret bắt đầu kể về những sự việc đêm qua. Tất cả những gì có thể làm cho thính giả của ông kinh ngạc – những hành động tội ác của toán quân của George Buxton do Harry Killer điều khiển, việc bắt cóc đoàn Barsac, việc điều tra của Jane Buxton, việc giết hại hai người da đen – đều được kể ra hết. Từ đó suy ra rằng họ đã phục vụ cho một tên cướp và công sức của nhà máy sẽ giúp hắn thực hiện những tội ác mới. Danh dự không cho phép họ giao nộp các tù nhân cho Harry Killer. Họ cần phải cắt đứt mọi quan hệ với cung điện và yêu cầu được trở về quê hương.

— Trong số những điều mà tôi biết được hồi đêm, – Camaret nói, – có một điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là ở châu Âu người ta không hay biết về sự tồn sinh của Blackland. Tôi biết thành phố nằm xa đường đi của các thương đoàn, ở giữa sa mạc. Nhưng nhiều bạn của chúng ta không thích xứ sở này nên họ muốn trở về Tổ quốc. Đêm qua tôi đã tính: kể từ ngày xây dựng nhà máy có một trăm ba mươi bảy người đã ra đi. Và chỉ cần một vài người trong số đó về tới châu Âu thì sự tồn tại của thành phố không còn là điều bí mật. Song vì không ai biết về nó nên phải rút ra kết luận là không có ai trong số một trăm ba mươi bảy người đó về được đến nơi.

Lập luận xác thực này khiến công nhân xúc động mãnh liệt.

— Như vậy, – Camaret kết luận, – không một ai trong số các bạn có thể hy vọng thấy lại quê hương và các bạn không nên mong đợi sự thương hại. Cần phải chiến đấu vì bản thân chúng ta và vì pháp đình.

— Đúng! Đúng! Hãy tin tưởng ở chúng tôi! – Từ phía vang lên tiếng kêu.

Đầu tiên, công nhân chán nản vì bị cô lập khỏi thế giới bên ngoài, sau họ tỉnh ra khi nghĩ rằng giám đốc đồng lòng với họ, họ tin nhiệm Marcel Camaret rất nhiều.

— Các bạn hãy làm việc bình thường và cứ tin ở tôi, – Camaret nói rồi bước đi giữa tiếng vỗ tay vang dội.

Ra khỏi phân xưởng, Camaret trao đổi một lúc với thợ cả Rigo, sau đó ông trở về phòng làm việc. Lập tức vang lên tiếng chuông điện thoại. Camaret nhắc ống nghe. Những người vượt ngục lắng nghe giọng nói dịu dàng của ông “vâng”, “không ạ”. “được thôi” và “xin tùy ông”. Cuối cùng, ông bật cười và đặt ống nghe xuống.

— Harry Killer vừa gọi điện cho tôi, – ông nói bằng cái giọng lạ lùng, không có một nét lo lắng nào làm mất vẻ dịu hiền thường khi. – Hắn biết các ông đang ở đây. – Đã biết rồi! – Barsac thốt lên.

— Vâng. Hình như bọn chúng tìm thấy tên Tchoumouki nào đó, phát hiện ra chiếc thuyền bỏ lại dưới sông và một lính gác bị trói cạnh nhà máy. Theo lời của Killer thì ban đêm không ai có thể ra khỏi thành phố và hắn kết luận là các ông đang ở đây. Tôi không phủ nhận điều đó. Hắn yêu cầu tôi nộp các ông cho hắn. Tôi từ chối. Hắn đe sẽ dùng vũ lực để bắt các ông làm tôi phì cười và tôi đã cắt đứt cuộc nói chuyện.

Các vị khách của Camaret đứng dậy.

— Ông có thể trông cậy vào chúng tôi, – Barsac quả quyết. – Nhưng chúng tôi cần có vũ khí.

— Vũ khí ư? – Camaret mỉm cười nhắc lại. – Để làm gì cơ chứ? Tôi nghĩ rằng ở đây không có khẩu súng nào cả. Tuy nhiên các ông yên tâm. Chúng tôi có những phương tiện khác.

— Những phương tiện chống lại các khẩu pháo ở cung điện?

— Vâng, để chống lại cả các khẩu pháo. Giả sử tôi nảy ra ý nghĩ ngông cuồng muốn phá hủy thành phố thì tôi có thể làm được việc đó trong nháy mắt. Song tôi nghĩ, chúng ta sẽ không phải rơi vào bước đường

cùng ấy. Các khẩu pháo ở cung điện sẽ phải câm lặng, các ông hãy yên trí; Harry Killer biết rõ sức mạnh của tôi và hẳn không dám phá hủy cái nhà máy mà toàn bộ quyền lực của hắn dựa vào đó đâu. Hẳn định tấn công để bắt các ông. Nhưng ngay cả việc này hẳn cũng sẽ không đạt được.

Như thế đáp lại lời Camaret vừa nói, ở tầng dưới vang lên tiếng đập cửa ầm ầm.

— Tôi đã nói mà! – viên kỹ sư mỉm cười hiền hậu. – Chúng đang tấn công cửa chính đây. Nhưng nó rất chắc.

— Thế nếu chúng dùng đại bác bắn vào cửa? – SaintBérain hỏi, vẻ bình thản của Camaret chỉ làm anh yên lòng có một nửa.

— Ngay cả trong trường hợp này chúng sẽ không dễ gì phá nổi: để kéo được đại bác từ cung điện ra bờ sông cần phải có thời gian, còn hiện giờ thì chúng đang dùng búa đập. Đến mừng thật chúng mới có thể đập nát cửa được. Nếu các ông muốn, chúng ta sẽ đi xem chúng phong tỏa. Vờ diễn sẽ hay lắm đây.

Sau khi đi qua một phân xưởng, họ trèo lên sân tháp có chiếc cột rất lạ, cao hơn một trăm mét. Cũng như trên tháp của cung điện, ở đây có một kính viên chu. Camaret mời những người cùng đi bước vào bên trong chiếc kính.

— Chiếc kính viên chu này nhờ có cả loạt gương nghiêng sẽ cho phép chúng ta quan sát được mọi thứ bên đây, – ông giải thích – từ chỗ này các ông sẽ thấy phần bên ngoài của bức tường. Quả thật bãi đáp tàu lượn, bờ sông và con đường để đi tuần tra hiện rõ trong kính viên chu. Hình ảnh của nó nhỏ hơn rất nhiều so với hình ảnh của chiếc kính bên cung điện, thế nhưng nét rõ hơn. Những người cùng đi với Camaret thấy một đám đông trên mặt gương. Một số tên đang khiêng thang, số khác thì đang ra sức đập phá cánh cửa một cách vô ích.

— Tôi đoán – Camaret nhận định – sắp có cuộc tấn công. Bây giờ sẽ hấp dẫn lắm đây.

Cuộc tấn công bắt đầu thật. Có mấy chiếc thang đã dựng vào tường, các Chàng trai Vui tính leo lên và khi vọt tới thành tường, một số tên liều lĩnh bám tay vào. Lập tức xảy ra chuyện kỳ lạ. Tay của bọn chúng như bị dính chặt vào đó. Vì bị mắc vào thành tường nên chúng giãy giụa rất quái đản, trông như mấy anh hề uốn éo trên dây.

— Thành tường được phủ một lớp hợp kim, độ dẫn điện của nó gấp một trăm lần độ dẫn điện của đồng. Tôi cho dòng điện một chiều có điện áp khá mạnh chạy qua lớp phủ mặt, và kết quả như các ông đã thấy. – Camaret nói.

Lúc đó mấy tên đứng dưới nắm chân bọn ở trên. Thế là mấy tên bắt cần ấy cũng bị co giật.

— Nhưng sao chúng không rơi xuống nhỉ! – SaintBérain thốt lên.

— Bọn khốn khổ ấy không thể, – Marcel Camaret nói. – Chúng sẽ ở mãi trên tường cho đến khi nào tôi còn muốn... Nhưng tôi sẽ làm hay hơn nữa kia.

Ông xoay núm vặn. Mấy cái thang đổ nhào xuống đất như có bàn tay vô hình hất chúng ra và những tên đang đứng trên thang rơi lịch bạch, để lại trên tường mấy chùm người tiếp tục giãy giụa một cách tuyệt vọng.

— Tôi không chịu trách nhiệm về sự uốn éo đó. – Camaret thân nhiên nhận xét. – Các ông có muốn biết nguyên nhân của những hiện tượng vừa xảy ra trước mắt các ông không? Đơn giản thôi mà. Theo tôi, mọi sức mạnh đều là những dao động nhẹ nhàng nào đó. Người ta cho ánh sáng là loạt dao động giữa một điểm cực tiểu và một điểm cực đại của tần số, còn điện là dao động khác, khác với loại đầu về mặt khoảng cách, bản chất dao động của nó thì chúng ta chưa biết được. Tôi thiên về ý kiến cho rằng các dao động này có mối liên hệ đến nhiệt. Tôi có thể tạo ra chúng và bắt chúng gây nên những ấn tượng thú vị. Tôi đã chứng minh cho các ông thấy rồi đó.

Trong khi Camaret giải thích, mấy chùm người vẫn tiếp tục vũ điệu cuồng loạn của nó.

— Trò chơi lâu quá rồi, – Marcel Camaret nói và ông xoay núm vặn khác.

Tức thì lũ hề bị tách ra khỏi bức tường và rơi từ độ cao mười mét xuống đất.

— Hết hồi thứ nhất. – Camaret tuyên bố bằng giọng bình thường. – Tôi nghĩ, nó kết thúc không có lợi cho Harry Killer, hẳn mất gần ba mươi mạng. Nào, bây giờ chúng ta sẽ săn sóc cho bọn thộn đang ngoan cố đập cửa.

Marcel Camaret nhắc ông nghe điện thoại.

— Vâng, thưa ngài, – khắp mọi nơi trong kính viên chu đều nghe thấy một giọng trả lời.

— Cho xuất phát! – Camaret ra lệnh.

Như tự tuân lệnh, vật lạ hiện ngay ra dưới thân tháp. Nó giống như ống trụ dựng đứng, đầu dưới loe ra hình nón. Đầu trên có bốn chong chóng – một cái ngang, ba cái đứng – đang quay tít mù. Chiếc máy lạ bay về hướng tường thành. Khi vượt qua tường, nó chuyển động theo chiều ngang, rồi bay dọc tường. Sau chiếc thứ nhất là chiếc thứ hai, thứ ba và những chiếc khác nữa. Các vị khách của Camaret đếm được tất cả hai mươi chiếc. Chúng bay ra khỏi tháp như chim rời tổ, cách nhau đều đặn và cùng một kiểu.

— Đó là những “chú ong vò vẽ” của tôi, – Camaret nói. Tôi sẽ giải thích sau cho các ông biết chúng hoạt động như thế nào, còn bây giờ các ông hãy xem chúng làm việc, – ông nhắc ông nghe điện thoại. – Cảnh cáo thôi, Rio à! – Ông quay lại nói với những người bạn mới của mình: – Giết bọn khốn khổ ấy làm gì cơ chứ? Cảnh cáo là đủ, nếu chúng muốn hiểu điều đó.

Mấy chú “ong vò vẽ” lần lượt bay qua đầu toán cướp đang dùng một súc gỗ lớn đập vào cánh cửa. Bỗng nhiên một chiếc nổ súng, đạn ria chụp xuống khoảnh đất có bán kính là năm mươi mét. Nghe thấy tiếng súng, bọn tấn công ngẩng đầu nhìn lên. Trong khi chúng chưa hiểu chuyện gì thì chiếc thứ hai đã nổ súng, tuôn ra một chùm đạn ria nữa. Lần này vùng sát thương đã tiến sát đến bên chúng. Một số tên ngã lộn ra đất. Bọn còn lại không phải nghĩ ngợi gì lâu: chúng quăng ngay súc gỗ, xóc lấy bọn bị thương rồi bỏ chạy.

Bắn xong, từng chú “ong vò vẽ” ngoan ngoãn trở về tổ ở chân tháp và sau gần một phút nạp đầy đạn mới, nó lại cất cánh để đứng vào chỗ của mình trong điệu múa vòng tròn của chúng.

— Tôi nghĩ, không cần phải bận tâm về bọn người ấy nữa, – Marcel Camaret nói. – Nếu các ông muốn tham quan nhà máy...

VII

Nhà Máy Ở Blackland

Các vị khách vội vàng nhận lời. Họ đảo mắt nhìn quanh lần cuối. Các chú “ong vò vè” vẫn tiếp tục cuộc dạo chơi vòng tròn của chúng và bọn tấn công đã không dám thâm nhập vào khu vực nguy hiểm.

Theo sau viên kỹ sư, các vị khách đi qua nhiều phân xưởng: xưởng lắp ráp, xưởng mộc, xưởng rèn, xưởng đúc, rồi bước vào một khu vườn nằm về hướng cung điện.

Tường cao che khuất cung điện. Nhưng khi họ đi ra xa khoảng năm mươi mét thì chiếc tháp của Harry Killer đã hiện ra trên thành tường. Lập tức trên đỉnh tháp vang lên tiếng súng và đạn bay vút qua đầu những người đi dạo...Họ lùi vội lại.

— Đồ ngốc nghếch! – Marcel Camaret bình tĩnh nói và giơ một tay lên.

Sau hiệu lệnh của ông, các vị khách nghe rõ tiếng rít dữ dội. Bất giác họ ngoảnh mặt về phía nhà máy. Nhưng viên kỹ sư đã chỉ tay về hướng cung điện. Chiếc kính viên chu đặt trên tháp của cung điện biến mất.

— Việc này sẽ cho hẳn một bài học nên thân, – Camaret nói. – Tôi cũng có mìn bay và có nhiều hơn hẳn nữa kìa vì chính tôi chế tạo ra chúng mà.

— Nhưng, thưa ông, – Amédée Florence nhận xét, – nếu ông đã có nhiều mìn bay thì tại sao ông không dùng chúng để chống lại Harry Killer?

— Tôi ấy à! – viên kỹ sư trả lời, giọng trầm trầm. – Tôi sẽ tấn công vào công trình của mình ư?

Amédée Florence và các bạn nhìn nhau. Vâng, con người phi thường này có một nhược điểm, đó là tính kiêu ngạo. Họ im lặng đi tiếp. Cung điện đã hiểu rõ bài học nên không có gì khiến cho những người đi dạo phải lo lắng, họ rời khu vườn khi đã đi xuyên qua nó.

— Chúng ta đã đi vào khu vực rất hấp dẫn, – Camaret nói. – Phòng máy trước đặt ở đây, còn đây là động cơ hơi nước, chúng tôi đã phải đốt củi để chạy động cơ khi không có loại nhiên liệu nào khác. Nhưng chúng tôi làm việc ấy không bao lâu, sau những trận mưa đầu tiên do tôi gây ra, sông có nước, chúng tôi xây dựng ngay một nhà máy thủy điện, cách xa thành phố mười hai km về phía hạ lưu và chúng tôi sử dụng năng lượng của nó.

Họ đi sang phòng khác.

— Đây là những máy biến thế. Chúng tôi thu nhận và biến đổi dòng điện do nhà máy điện chuyển về đây.

— Thế cơ à! – Amédée Florence kinh ngạc thốt lên. – Chẳng lẽ các ông có thể mang về đây những cỗ máy này!

— Một phần nhỏ thôi, – Camaret trả lời, – phần lớn do chúng tôi tự làm lấy.

— Nhưng các ông phải có nguyên liệu chứ. – Amédée Florence phản đối. – Họ có quý mới mang nổi nguyên liệu đến sa mạc cho các ông.

— Dĩ nhiên! – Camaret nói, rồi trầm ngâm mặc tưởng. – Ông nói đúng, ông Florence ạ. Làm thế nào mà người ta mang được đến đây những chiếc máy đầu tiên và số vật tư mà từ đó chúng tôi chế ra những cái khác? Thú thật, tôi chưa hề nghĩ đến điều đó. Tôi đã yêu cầu và người ta đã cung cấp. Nhưng bây giờ ông đã làm tôi phải chú ý...

— Hẳn biết bao nhiêu người đã chết để chuyển những thứ ấy qua sa mạc, trong khi các ông chưa có tàu lượn?

— Đúng vậy, – Camaret tái mặt nói.

— Còn tiền? Ông giàu lắm phải không?

— Tôi ấy à! – Camaret phản đối. – Từ lúc tôi đến đây, tôi không có lấy năm xu trong túi.

— Thế ai có?

— Harry Killer...– Camaret bắt đầu rụt rè.

— Thôi, rõ rồi! Nhưng hấn kiếm đâu ra tiền? Harry Killer của ông là tỷ phú hay sao?

Camaret khoát tay. Các câu hỏi của Amédée Florence làm ông quần trí. Về mặt của ông hoàn toàn lúng túng. Bác sĩ Châtonnay thương hại ông.

— Chúng ta sẽ thảo luận sau về vấn đề này, – bác sĩ nói – còn bây giờ hãy tiếp tục đi xem.

Camaret đưa tay vuốt trán và im lặng bước vào gian kế bên.

— Đây là mấy cái máy nén khí, – giọng ông lạc hẳn đi vì xúc động. – Chúng tôi dùng không khí và các chất khí khác ở dạng lỏng. Tôi đã tìm ra chất cách nhiệt tuyệt đối. Khí lỏng đựng trong bình làm bằng chất đó luôn luôn giữ được nhiệt độ ban đầu và không thể giãn nở. Phát minh này cho phép tôi thực hiện được nhiều sáng chế khác, ví dụ như tàu lượn với phạm vi hoạt động rất lớn. Tàu lượn của tôi có ba đặc điểm chủ yếu, liên quan đến tính ổn định, sức nâng và lực đẩy. Khi chim bay, gặp gió mạnh, nó không phải tính toán để giữ thăng bằng, việc lấy lại trạng thái cân bằng của những con chim sắt của tôi cũng tự động như thế. Các ông đã nhìn thấy chúng và biết rằng chúng có hai cánh, đặt trên đỉnh của một cái tháp cao năm mét, phần dưới của tháp là sàn chở động cơ, người lái và hành khách. Như vậy, trọng tâm nằm ở phần dưới. Chỗ nối của tháp với hai cánh di động được. Khi chưa bị các bánh lái tầm và hướng định hình một phần hay toàn bộ, nó có thể quay qua quay lại quanh trục thẳng đứng. Thế là, nếu hai cánh không phụ thuộc vào tay lái, nghiêng ngang hay nghiêng dọc, thì cái tháp, bị trọng lượng của bản thân kéo xuống, có xu hướng tạo với hai cánh một góc khác. Khi chuyển động như thế nó làm cho các đối tượng trượt song song hay vuông góc với hai cánh hoạt động ngay, đồng thời hai cánh giữ được vị trí cần thiết. Do đó, như tôi đã nói, những sai lệch ngẫu nhiên của tàu lượn được tự động điều chỉnh lại ngay.

Macxen vừa nhìn xuống vừa giải thích với vẻ nhu mì của một giáo sư đang giảng bài.

— Chúng ta chuyển sang điểm thứ hai. Khi bay lên, hai cánh của tàu lượn gập xuống bên hông tháp. Lúc ấy trục của chong chóng chuyển động trong mặt phẳng đứng, vuông góc với hai cánh, được nâng lên và cổ máy biến thành phi cơ trục thẳng. Nhưng khi nó đạt độ đủ cao thì hai cánh mở ra, đồng thời trục chong chóng nghiêng về phía trước và nằm ngang. Chong chóng nâng trở thành chong chóng đẩy và phi cơ trục thẳng biến thành tàu lượn. Còn động lực thì do khí lỏng tạo ra. Từ các bình chứa có hệ thống van điều tiết, khí lỏng tuôn vào các xilanh tinh xảo. Ở đây, dưới áp suất rất lớn, nó nhanh chóng chuyển sang trạng thái khí và làm cho động cơ chuyển động.

— Các tàu lượn của ông đạt đến tốc độ bao nhiêu? – Amédée Florence hỏi.

— Bốn trăm km/giờ và bay liên tục năm nghìn km, – Camaret trả lời.

— Bây giờ chúng ta đang ở giữa nhà máy, – ông nói khi họ đã trở lại tháp. – Tháp này có mười tầng. Chắc các ông đã nhìn thấy cột kim loại cao trên đỉnh của nó: Đó là “pha sóng”. Hơn nữa, toàn bộ bề mặt của tháp rải đầy những pha sóng có kích thước bé hơn...

— Ông nói “pha sóng” ư? – bác sĩ Châtonnay hỏi.

— Tôi không định giảng chương trình vật lý cho các ông, – Camaret mỉm cười nói, – nhưng cũng cần giải thích một vài điều. Nhà vật lý nổi tiếng người Đức Hertz từ lâu đã nhận ra rằng giữa hai đầu cực của một cuộn cảm có tia phóng qua, nó gây ra sự phóng điện thay đổi: mỗi cực lần lượt lúc thì dương, lúc thì âm. Tốc độ của các dao động đó hay tần số của chúng, có thể rất lớn – đến trăm tỷ lần trong một giây. Những lần phóng điện như thế làm cho các ete có đầy trong vũ trụ và trong khoảng trống giữa các phân tử của các vật thể dao động. Dao động ete lan mãi ra gọi là sóng Hertz. Tôi nói dễ hiểu đấy chứ?

— Tuyệt lắm! – Barsac, người am hiểu những vấn đề khoa học ít nhất đoàn reo lên.

— Trước tôi, sóng Hertz được coi như là điều kỳ lạ trong phòng thí nghiệm. Người ta dùng chúng để nhiễm điện các vật kim loại tương đối xa. Nhược điểm chính của loại sóng này là ở chỗ chúng lan ra khắp các hướng, giống như những vòng tròn đồng tâm trên mặt ao khi viên đá rơi xuống đó. Năng lượng ban đầu của chúng nhỏ dần, yếu dần khi càng lan ra xa và chỉ cách nguồn phát vài mét thì không còn đáng kể nữa. Các ông rõ không.

— Rõ như ban ngày! – Amédée Florence khẳng định.

— Trước tôi, người ta đã phát hiện ra rằng loại sóng này, cũng như ánh sáng, có thể phản xạ, nhưng từ điều này họ không rút ra một kết luận nào cả. Nhờ phát minh ra chất siêu dẫn, tôi đã chế tạo ra các gương phản xạ có khả năng tập trung gần như tất cả sóng về hướng tôi muốn. Mặt khác, phương tiện thay đổi tần

số dao động đã được biết đến nên tôi có thể hình dung ra những chiếc máy thu sóng, chỉ cảm nhận tần số nhất định. Máy thu sẽ phản ứng với các sóng có tần số đã thiết kế mà thôi. Số lượng các tần số có thể sử dụng được là vô tận. Tôi có thể chế tạo vô số các động cơ mà trong đó sẽ không có hai cái đáp lại cùng một sóng. Các ông vẫn hiểu đấy chứ?

— Hơi lơ mờ, – Barsac thú nhận. – Nhưng dần dần chúng tôi thấy hứng thú hơn.

— Tuy nhiên, tôi kết thúc đây, – Camaret nói. – Chúng tôi đã vận dụng điều này để chế tạo ra rất nhiều máy nông nghiệp, năng lượng truyền đến cho chúng từ một pha sóng nào đó trên tháp. Chúng tôi điều khiển những chú “ong vò vẽ” cũng theo cách này. Bốn cái chong chóng, cái nào cũng có một động cơ nhỏ được điều chỉnh cho thích hợp với một sóng nhất định. Bằng phương pháp này tôi có thể phá hủy toàn bộ thành phố, nếu như tôi có ý nghĩ ngông cuồng đó.

— Từ đây ông có thể phá hủy thành phố?! – Barsac thốt lên.

— Rất đơn giản. Harry Killer đã đề nghị tôi làm thành phố kiên cố và tôi đã thực hiện. Dưới tất cả các đường phố, nhà ở, dưới cung điện và dưới cả nhà máy đều có chôn nhiều khối thuốc nổ với những kíp nổ được điều chỉnh theo tần số mà chỉ mình tôi mới biết thôi. Để cho thành phố nổ tung, tôi chỉ việc phát sóng có tần số xác định đến mỗi quả mìn là đủ.

Amédée Florence đang hí hoáy ghi chép vào sổ nhật ký, anh muốn hỏi, có nên kết liễu cuộc đời của Harry Killer bằng cách này không, nhưng anh đã kịp kiềm chế.

— Thế còn cột tháp? – Bác sĩ Châtonnay hỏi.

— Sóng Hertz rơi xuống đất như bị hút và mất đi ở đó. Phải phát ra từ trên cao chúng mới đi xa được. Tôi muốn sóng chẳng những đi xa, mà còn đi cao, đi cao lại khó hơn nữa. Dù sao tôi cũng đã làm được chuyện ấy nhờ cột tháp gắn với máy phát sóng và gương chiếu trên đỉnh cột.

— Phát sóng lên cao để làm gì?

— Để gây mưa. Nguyên lý phát minh của tôi khi gặp Harry Killer là thế này: nhờ cột tháp và gương chiếu, tôi phát sóng đến những đám mây đen và làm cho những giọt nước trong mây nhiễm điện. Khi hiệu thế của mây và của mặt đất đủ mức, cơn giông nổ ra và mưa trút xuống.

— Nhưng phải có mây đen, – bác sĩ Châtonnay nhận xét.

— Dĩ nhiên, song thế nào cũng có ngày có mây đen. Và nhiệm vụ là làm cho chúng bay qua đây, chứ không phải bay qua chỗ khác. Khi đồng ruộng đã được canh tác, cây cối mọc lên xanh tươi thì chu trình đều của độ ẩm hình thành và mây đen xuất hiện thường xuyên hơn. Mây đen vừa đến là tôi xoay núm vận liên và sóng của máy phát một nghìn mã lực bắt đầu bắn phá nó.

— Tuyệt quá! – các thánh giả thốt ra.

— Tôi tin rằng nhờ sóng điện có thể đánh điện tín hoặc gọi điện thoại khắp nơi trên trái đất mà không cần nối các trạm đường dây lại với nhau.

— Không cần dây dẫn! – các thánh giả kêu lên.

— Không cần dây dẫn. Để làm việc này chỉ cần chế ra cho được máy thu thích hợp. Tôi đã ở bên đích, nhưng chưa đến đích.

— Chúng tôi bắt đầu không hiểu gì, – Barsac thú nhận.

— Không có gì đơn giản bằng, – Camaret càng hưng phấn, quả quyết. – Đây là chiếc máy Morse được dùng để đánh điện tín thông thường, tôi đã nối nó vào một mạch kín. Tôi còn mỗi một việc là ấn nút bấm để dòng phát sóng lệ thuộc vào mạch. Khi nút bấm trồi lên, pha sóng không phát sóng Hertz. Khi nút bấm tụt xuống thì cột tháp tỏa sóng. Cần phải phát sóng theo hướng của máy thu và điều chỉnh gương chiếu cho thích hợp. Nếu không biết vị trí của máy thu thì bỏ gương đi cũng được: sóng sẽ lan ra không gian bao quanh và tôi có thể hoàn toàn tin rằng máy thu sẽ bắt được. Tiếc thay, hiện nay chưa có loại máy thu nào như thế. Nhưng các ông sẽ hiểu rõ hơn bằng một ví dụ. Chúng ta sẽ làm như đã có máy thu. Cô muốn đánh điện cho ai? – Camaret ngồi xuống bên chiếc máy.

— Ở xứ sở này tôi không biết ai cả, – Jane mỉm cười, nói. – Ngài đại úy Marcenay, – nàng nói thêm, hơi đỏ mặt.

— Thì đánh cho đại úy Marcenay, – Camaret đồng ý, ông cho máy Morse hoạt động. – Ông đại úy ấy ở đâu? – Tôi nghĩ, giờ này đang ở Tombouctou.

— Tombouctou, – Camaret lập lại, tiếp tục sử dụng nút bấm – Hình như, cô tên là “Jane Buxton”...

— Xin lỗi, – Jane cắt ngang, – đại úy Marcenay chỉ biết tôi dưới cái tên Mornas.

— Không quan trọng, vì dù sao bức điện cũng sẽ không đến được, nhưng chúng ta hãy để “Mornas” vậy. Tôi đánh đi đây: “Hãy đến cứu Jane Mornas đang bị giam ở Blackland...” – Marcel Camaret ngưng phát. – Thế giới không biết Blackland, nên tôi đánh thêm: “... vĩ độ 15050, kinh độ Tây...” – ông đứng phắt dậy. – Bức thế cơ chứ! Harry Killer cúp điện mất rồi!

Các vị khách của ông xúm lại, họ không hiểu gì cả.

— Tôi đã nói cho các ông biết là chúng tôi nhận điện năng từ máy điện. Harry Killer đã cắt đứt chúng ta với nhà máy điện, thế thôi.

— Nhưng như vậy, – ông bác sĩ nói, – máy móc sẽ ngừng lại sao?

— Chúng đã ngưng cả rồi, – Camaret trả lời.

— Thế còn những chú “ong vò vè”?

— Đã rơi xuống đất là cái chắc.

— Nghĩa là, Harry Killer sẽ chiếm được chúng? – Jane Buxton kêu lên.

— Tôi không tin như vậy, – viên kỹ sư không tán thành. – Chúng ta hãy đi lên trên và các ông sẽ thấy rằng những chuyện này không quan trọng.

Họ đi nhanh lên tháp và bước vào kính viên chu. Họ nhìn thấy mặt ngoài của bức tường và con hào bao quanh nó, mấy “chú ong vò vè” bất động, nằm chổng chơ trong con hào. Ngoài bãi đáp, các Chàng trai Vui tính reo hò đắc thắng. Chúng lại tấn công. Một số tên nhảy xuống hào để trừng trị mấy “chú ong vò vè” đã chết, mà trước đây đã làm cho chúng khiếp sợ đến thế. Nhưng vừa mới chạm vào mấy “chú ong vò vè”, bọn chúng đã hoảng hốt nhảy lùi lại và định trèo lên khỏi hào. Không một tên nào lên được cả, cả bọn đều lặn xuống đáy và không còn dấu hiệu của sự sống.

— Mạng của chúng chẳng đáng là bao, – Marcel Camaret lạnh lùng nói. – Chính tôi đã thấy trước chuyện gì sẽ xảy ra nên đã áp dụng các biện pháp của mình. Harry Killer cúp điện, do đó hắn đã phát động một thiết bị làm cho các bình đựng axit cacbonic lỏng đổ ra hào và axit chuyển ngay sang trạng thái chất khí. Chất khí này nặng hơn không khí nên nằm lại dưới hào và những kẻ nhảy xuống đều bị chết ngạt.

— Thật là một lũ khốn khổ! – Jane Buxton nói.

— Bọn chúng sẽ phải khốn khổ hơn nữa kia, – Camaret đáp lại. – Tôi không thể cứu chúng được. Còn mấy móc của tôi sẽ chạy bằng khí lỏng, nhiều vô kể ở chỗ chúng tôi. Mấy móc đã bắt đầu hoạt động rồi đấy, “ong vò vè” sẽ lại bay lên.

Quả thật, các chong chóng của “ong vò vè” bắt đầu quay và đám các Chàng trai Vui tính bỏ chạy về cung điện.

Marcel Camaret xoay người về phía các vị khách. Ông rất xúc động nên mắt ông thường ánh lên nét lo âu.

— Nghe chừng, chúng ta đã có thể ngủ yên rồi đấy, – ông nhận xét, giọng đầy vẻ hiều danh chân chất.

VIII

Tiếng Kêu Cứu Trong Không Gian

Đại úy Pie Marcenay hết sức buồn vì phải chia tay với đoàn Barsac và đặc biệt là với Jane Mornas. Nhưng anh lên đường không chút do dự. Đại úy Marcenay trước hết là một người lính nên anh quen chấp hành mệnh lệnh vô điều kiện.

Dù anh đã đi vội đến mức nào thì cũng phải mất chín ngày mới vượt qua được chặng đường dài bốn trăm năm mươi km, ngắn cách anh với Ségou-Sikoro, anh đến đó vào khuya ngày 22 tháng Hai. Mỗi sáng hôm sau anh mới trình diện được với đại tá Sergines, chỉ huy trưởng pháo đài và trao cho ông lệnh của đại tá Saint-Auban.

Đại tá Sergines đọc lệnh ba lần liền và mỗi lần đọc như thế, vẻ ngạc nhiên của ông lại càng tăng lên. Ông không hiểu gì cả.

— Trò hề ngu xuẩn gì thế này! – Cuối cùng, ông kêu lên. – Lấy người ở Sikasso để chuyển đến Tombouctou... Thật không thể tưởng tượng được!

— Thừa đại tá, nghĩa là ngài không được báo trước về việc chúng tôi sẽ đến.

— Hoàn toàn không!

— Viên trung úy trao lệnh cho tôi nói rằng ở Tombouctou có phản loạn.

— Lần đầu tiên tôi được nghe thấy đây. Mới hôm qua thôi, đại úy Peyrolles từ Tombouctou đã đến đây. Ông ta không hề nói chuyện gì như thế cả. Song chúng ta không thể bàn ra tán vào. Đã có lệnh và nó phải được thi hành. Nhưng quý tha ma bắt tôi đi nếu tôi biết được khi nào các ông có thể lên đường.

Quả thật, rất khó chuẩn bị cho một chuyến đi đột ngột như vậy. Phải mất tám ngày để tìm phương tiện vận tải và số lương ăn đầy đủ. Mỗi ngày 2 tháng Ba, đại úy Marcenay mới có thể đưa đội quân của mình xuống thuyền và bắt đầu xuôi dòng về phía Niger.

Chuyến đi vào những tháng cuối cùng của mùa khô này gặp nhiều khó khăn vì nước cạn, nó ngắn nguyên hai tuần lễ và tới ngày 17 tháng Ba họ mới lên bờ tại cảng Kabara của Tombouctou.

Khi đại úy Marcenay trình diện với đại tá tư lệnh Allègre thì ông ta cũng nhìn anh với vẻ ngạc nhiên. Ông ta tuyên bố rằng trong vùng không có cuộc nổi loạn nào, rằng ông ta chưa bao giờ xin tăng viện và ông ta hoàn toàn không hiểu tại sao đại tá Saint-Auban không báo trước, đã điều đến cho ông ta một trăm con người mà ông ta chẳng cần thiết chút nào để làm gì.

Sự việc trở nên kỳ lạ và đại úy Marcenay đã phải suy nghĩ là anh có bị lệnh giả đánh lừa hay không. Nhưng với mục đích gì? Câu trả lời đã quá rõ ràng, để tiêu diệt đoàn thị sát Barsac không còn khả năng tự vệ. Nỗi lo ngại của anh càng lớn khi ở Tombouctou, cũng như ở Ségou-Sikoro, anh không thể nhận được một tin tức nào về trung úy Lacour. Không ai biết hẳn cả. Hơn nữa, không ai nghe nói về đội quân tình nguyện Soudan, mặc dù chính đại tá Saint-Auban đã có nhắc đến chúng trong mệnh lệnh.

Tuy vậy, lệnh của đại tá có vẻ là lệnh thật khi được xem xét cẩn thận, vẫn có hiệu lực. Người ta đã bố trí chỗ ở cho đại úy Marcenay và binh lính của anh, còn lệnh thì họ gửi đi cho tác giả của nó vì chỉ có đại tá Saint-Auban mới có thể nói mệnh lệnh đã bị tráo hay không. Nhưng Tombouctou ở cách xa Bamako một nghìn km nên đại úy Marcenay phải đợi thư trả lời rất lâu. May thay, cuối tháng Ba, đại úy Perrigny, bạn cũ cùng trường quân sự Saint-Cyr của anh đã đến và thời gian đối với Marcenay trôi đi nhanh hơn.

Đại úy Perrigny, được cử đến Tombouctou hai năm đã mang theo mình một lô hòm xiềng. Bạn anh giúp anh mở chúng ra. Một số hòm toàn là thiết bị thí nghiệm. Giả sử không có bộ quân phục thì Perrigny là một nhà bác học. Tận tâm với khoa học nên anh nắm vững những thành tựu mới nhất, đặc biệt là trong lĩnh vực điện. Perrigny là người tiêu biểu của khoa học, còn Marcenay là người tiêu biểu của khoa quân sự. Sự khác nhau trong quan điểm đôi khi làm nảy sinh những cuộc tranh luận thân ái. Họ cười đùa, gọi nhau là “con một sách giả” và “kẻ le gươm tời tẹ”.

Mấy ngày sau khi bạn đến, đại úy Marcenay bắt gặp anh ta đang lắp chiếc máy gì trong sân nhà của anh ta.

— Cậu đến đúng lúc quá! – Perrigny kêu lên – Tớ sẽ cho cậu xem cái này hay lắm nhé.

— Cái này đây à? – Marcenay vừa hỏi vừa chỉ vào chiếc máy, gồm có hai cục pin, một nam châm điện, một ống thủy tinh nhỏ chứa mạt sắt và một thanh đồng cao vài mét.

— Nó đây. Vật bài trí mà cậu đang thấy là một sáng chế tuyệt vời. Đây là máy thu điện tín vô tuyến.

— Tớ có được nghe về chuyện này, – Marcenay nói, anh bắt đầu quan tâm. – Thế vấn đề đã được giải quyết?

— Chứ còn gì nữa! – Perrigny kêu lên, – Hai người trên trái đất cùng nghiên cứu vấn đề này. Một người là người Italia, tên là Marconi, ông ta đã tìm ra phương tiện phát sóng Hertz vào không gian... Nhưng cậu đã từng nghe nói về họ đấy chứ, hả chú lính bắt tội?

— Có, có, – Marcenay trả lời. – Marconi dạy ở trường phổ thông. Hơn nữa, người ta nói về ông ấy khi tớ còn ở Châu Âu cơ. Thế nhà phát minh kia là ai?

— Nhà vật lý người Pháp Branly. Ông ta đã tìm ra máy thu – một kỳ quan thuần chất sáng tạo.

— Và cả chiếc máy tớ đang nhìn thấy đây?

— Cả nó nữa. Branly nhận thấy rằng mạt sắt dẫn điện kém, nhưng mạt sắt trở thành chất dẫn điện tốt dưới tác động của sóng Hertz, chúng được đưa vào mạch của bộ pin. Dòng điện trong mạch không có vì ống mạt sắt là một dây dẫn tồi. Cậu hiểu không?

— Hiểu, cậu nói tiếp đi.

— Khi sóng Hertz đến, thanh đồng được gọi là anten thu lấy nó. Ống mạt sắt nối với anten trở thành dây dẫn, dòng điện được đóng kín và chạy trong mạch. Cậu vẫn hiểu đấy chứ, hờ quân khát máu?

— Ồ, lão già bác học lòi tròng ạ. Tiếp tục đi!

— Tới đây người kể đang đứng trước mặt cậu nhúng tay vào. Nhờ ứng dụng phát minh của tớ với phát minh của Branly, dòng điện này làm cho băng giấy trong máy Morse chạy được. Lúc đó cò máy cũng mở xuống. Dòng điện bị ngắt thì máy Morse ngừng hoạt động. Thế là trên băng giấy có một chấm. Việc ấy cứ tiếp diễn khi anten thu sóng. Trên dải băng xuất hiện một loạt các dấu chấm, liên kết với nhau thành những nhóm không đồng đều, đó là những dấu chấm, gạch của tín hiệu Morse mà điện báo viên nào cũng đọc được.

— Như cậu đây?

— Ừ, như tớ.

— Thế cậu lôi chiếc máy kỳ lạ này đến cái xứ sở nguy hiểm của chúng ta để làm gì?

— Ngày mai tớ sẽ lắp máy phát. Tớ muốn là người đầu tiên xây dựng trung tâm điện tín vô tuyến ở Soudan. Đó là lý do tại sao tớ mang đến đây hai chiếc máy còn rất hiếm này. Tớ cam đoan với cậu là ở Châu Phi chưa có. Cậu nghĩ xem, giá có thể liên lạc thẳng với Bamako...

Đại úy Perrigny bỗng ngừng lại. Đôi mắt của anh tròn tròn, cái miệng hé mở tỏ vẻ hết sức kinh ngạc. Từ chiếc máy của Branly vang lên tiếng lách cách khô khan mà đôi tai đầy kinh nghiệm của anh mới nghe được.

— Cậu sao vậy? – đại úy Marcenay sững sốt hỏi.

— Nó chạy?! – Perrigny lắp bắp và chỉ vào chiếc máy.

— Sao cơ? Nó chạy ư?! Marcenay kêu lên với vẻ mĩa mai. – Cậu đang nằm mơ đấy, viện sĩ tương lai ạ! Bởi vì máy của cậu là chiếc máy duy nhất ở châu Phi cơ mà. Nó bị hỏng rồi, có thể thôi.

Đại úy Perrigny không trả lời, anh chạy đến bên máy thu.

— Hông sao được! Anh phản đối trong tình trạng hưng phấn dữ dội. – Nó hỏng mà tớ đọc được rất rõ trên băng đây nè: “Gửi đại úy Marcenay...Gửi đại úy Marcenay!”

— Tên tớ! Marcenay cười giễu. – Bố già ạ, tớ rất sợ cậu đang nhạo báng tớ đấy!

— Tên cậu mà! – Perrigny quả quyết với vẻ ngạc nhiên chân thành làm bạn của anh sững sốt.

Máy ngưng, nhưng rồi lại nghe rõ những tiếng lách cách mới.

— Chạy nữa! – Perrigny kêu lên và cúi xuống xem băng giấy. – Đây! Bây giờ là địa chỉ của cậu: “Tombouctou!”

— Tombouctou! – Marcenay bắt giác nhắc lại và đến lượt anh run lên vì một nỗi xúc động không giải thích được.

Máy dừng lại lần thứ hai, sau một thoáng gián đoạn bằng giấy bắt đầu chạy đề vài giây sau nó dừng lại.

— Jane Buxton... – Perrigny đọc.

— Tôi không biết người phụ nữ nào như thế, – Marcenay tuyên bố, vô tình thờ phào nhẹ nhõm. – Đó là trò đùa của ai đó...

— Trò đùa ư? – Perrigny trầm ngâm nhắc lại, – Sao có thể như thế được nhỉ? A! Nó lại bắt đầu! – Và anh cúi xuống băng giấy. -... “Hãy đến cứu Jane Mornas...”

— Jane Mornas! – Đại úy Marcenay kêu lên và anh vừa thờ hồn hển vừa nói cổ áo quân phục.

— “...đang bị giam ở Blackland...”.

Tiếng kêu lách cách ngưng lần thứ tư. Perrigny đứng thẳng người lên và nhìn bạn. Anh nọ xanh xám mặt mày.

— Cậu bị sao thế? – anh lo lắng hỏi.

— Tôi sẽ giải thích cho cậu sau, – Marcenay trả lời một cách chật vật. – Nhưng Blackland, cậu kiếm đâu ra Blackland vậy?...

Perrigny không kịp trả lời. Máy đã bắt đầu hoạt động lại:

— “Vĩ độ mười – lăm – độ năm – mười – phút kinh – độ Tây...”.

Hai viên sĩ quan cúi xuống chiếc máy ngưng chạy một lần nữa, họ phí công chờ đợi trong vài phút. Chiếc máy vẫn im hơi lặng tiếng.

Đại úy Perrigny trầm tư khẽ khàng:

— Có người chơi cái điện tín vô tuyến thứ hai ở xứ nguy hiểm này! Và ông ta biết cậu... Nhưng cậu làm sao thế? Cậu xanh quá!

Marcenay giải thích sơ lược cho bạn biết nguyên nhân gây ra nỗi lo lắng của mình. Chính anh đã biết Jane Mornas, anh yêu nàng và hy vọng sẽ có lúc nàng thành vợ anh. Bức điện bí ẩn gửi đến từ không trung có nghĩa là Jane Mornas đang bị nguy hiểm.

— Và nàng yêu cầu tôi giúp! – anh kết luận với vẻ buồn vui lẫn lộn.

— Được thôi! Dễ lắm mà! – Perrigny trả lời. – Phải đi cứu nàng.

— Dĩ nhiên! – Marcenay kêu lên, cơ hội hành động làm anh tươi tỉnh, – Nhưng cứu như thế nào?

— Chúng ta sẽ thảo luận chuyện đó ngay bây giờ, – Perrigny nói. – Theo tôi, sự thể không đáng lo...

— Tôi cho rằng: thứ nhất, tiểu thư Mornas không đơn độc vì chính cậu cũng biết nàng không có máy điện tín vô tuyến. Không kể những người bạn đồng hành mà cậu đã để nàng ở lại với họ thì nàng còn có một người bảo trợ, chủ của chiếc máy đó. Cậu hãy tin tôi, ông ta là người cừ khôi.

Marcenay được khích lệ, ngẩng cao đầu.

— Thứ hai, tiểu thư Mornas không bị nguy hiểm trực tiếp đe dọa. Nàng đã đánh điện tín đến Tombouctou. Nghĩa là nàng cho rằng cậu có thời gian để đáp ứng lời kêu cứu của nàng. Cậu hãy bình tĩnh, hãy tin vào kết cục tốt đẹp của chuyến phiêu lưu này. Bây giờ chúng ta sẽ đến đề nghị đại tá cho phép tổ chức đoàn đi cứu ông dân biểu Barsac và tiểu thư Mornas.

Hai viên đại úy lập tức đến chỗ đại tá Allègre và kể cho ông nghe về sự kiện tuyệt vời mà họ đã được chứng kiến. Họ trình lên cho ông cuộn băng do máy Morse ghi lại.

— Trong này không nói gì về ngài Barsac, – đại tá nhận xét.

— Không, – Perrigny trả lời, – nhưng vì tiểu thư Mornas đi cùng với ông ấy...

— Ai bảo với các ông là tiểu thư không tách khỏi ông ấy: – đại tá bác lại. – Tôi biết rõ hành trình của đoàn Barsac và quả quyết với các ông rằng nó không thể có mặt ở vĩ độ như thế. Chuyến đi thị sát phải ngang qua Ouagadougou ở vĩ độ 12 và kết thúc ở Saye, ở vĩ độ 130. Thế mà bức điện bí ẩn này lại nói về vĩ độ 15050.

Lời nhận xét của đại tá khiến cho ký ức của Marcenay hồi sinh.

— Ngài nói đúng, thưa ngài đại tá. Tôi nhớ ra rằng tiểu thư Mornas cần phải tách đoàn ở chỗ cách xa Sikasso hai hay ba trăm km và đi lên phía Bắc để tới Niger, gần Gao.

— Điều này làm thay đổi tính chất công việc, – đại tá bắn khoăn nói. – Để giải thoát cho Barsac, một

dân biểu, một quan chức, thì có thể phái một đoàn đi, nhưng tiểu thư Mornas là thường dân...

— Tuy nhiên, – Marcenay sôi nổi nhận xét, – nếu lệnh bị giả mạo, thì ngài Barsac thành nạn nhân của tên dê tiện đã thay thế tôi...

— Có thể, có thể... – đại tá nói với vẻ nghi hoặc – Dù sao đi nữa cũng nên đợi thư trả lời từ Bamako.

— Vô vọng! – Marcenay đau khổ kêu lên. – Chúng ta không thể bỏ mặc con người đáng thương đang gọi tôi đến cứu khỏi cái chết.

— Ở đây không có nói về cái chết... Tiểu thư chỉ bị bắt, thế thôi. Còn Blackland đó ở đâu?

— Nàng đã báo vĩ độ.

— Nhưng không có kinh độ. Vĩ tuyến, mà các ông được báo cho biết cắt ngang Niger và đi sâu vào những vùng hoang vu, huyền bí. Tôi không thể cử một đội đi về hướng này và thí mạng của hai trăm con người để cứu một người.

— Tại sao lại phải hai trăm! – Marcenay hỏi khi thấy rằng mọi hy vọng đã tiêu tan. – Có thể ít hơn rất nhiều.

— Tôi không nghĩ như vậy, ông đại úy ạ. Ông đã biết có nhiều tin đồn ở Niger. Người da đen nói rằng đâu đó đã thành lập một quốc gia và tiếng tăm của nó không tốt đẹp gì. Có thể, Blackland là thủ đô hay là một trong những thành phố của cái quốc gia giả định ấy. Vĩ độ đã làm cho giả thiết dễ chấp nhận hơn, vì nó trùng với vùng chưa được khảo sát, một quốc gia như thế chỉ có thể được thành lập ở một nơi như thế. Chẳng lẽ ý nghĩa tiếng Anh của từ “Blackland” không làm cho ông ngạc nhiên hay sao? Tôi nghĩ rằng tiến vào vùng chưa hề được nghiên cứu mà không đủ mạnh là nông nổi.

— Thưa ngài đại tá, như vậy là ngài từ chối?

— Tôi lấy làm tiếc, nhưng phải từ chối.

Đại úy Marcenay tiếp tục năn nỉ. Anh đề nghị cho một trăm người mà anh đưa đến đi cùng với anh.

Đại tá Allègre không thay đổi ý kiến.

— Chúng ta sẽ đợi tin tức mới của tiểu thư Mornas. Nếu tiểu thư đã đánh điện một lần thì có thể sẽ đánh điện lần nữa.

— Nhưng nếu tiểu thư không thể? Việc đánh điện bị cắt ngang đột ngột.

Đại tá làm điệu bộ tỏ ý vô cùng thông cảm nhưng không thể thay đổi quyết định của mình.

— Vậy thì tôi sẽ đi một mình, – Marcenay tuyên bố một cách cương quyết.

— Một mình?

— Vâng. Tôi xin ngài cho tôi nghỉ phép, ngài sẽ không từ chối cho tôi việc ấy...

— Ngược lại, tôi sẽ từ chối. Không lẽ ông nghĩ rằng tôi sẽ cho phép ông lao vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm mà ông sẽ không thể trở về được hay sao?

— Thưa ngài đại tá, nếu thế, tôi xin ngài chấp thuận cho tôi từ chức.

Đại tá Allègre không trả lời ngay. Ông nhìn viên sĩ quan dưới quyền và hiểu rằng anh ta đang trong tình trạng không bình thường.

— Đại úy, anh biết rằng, – ông nói như một người cha, – việc xin từ chức của anh phải qua nhiều cấp và tôi không có quyền chấp thuận. Dẫu gì thì việc này cũng cần cân nhắc kỹ lưỡng. Sáng mai anh hãy lại đây.

Hai viên sĩ quan đập gót chào rồi đi ra. Sau khi chia tay với bạn, Marcenay khóa trái cửa phòng mình, gieo người xuống giường và bật khóc nức nở.

IX

Tai Họa

Điện mất không bao lâu. Harry Killer là nạn nhân đầu tiên của cái thủ đoạn mà đầu tiên hắn cứ tưởng là rất khôn khéo. Cửa đáng tội, hắn không cung cấp năng lượng cho nhà máy, nhưng chính hắn cũng bị mất điện luôn. Các máy công nghiệp không chạy được, các máy bơm điện dùng để bơm nước từ dưới sông lên hai tháp nước – một cái bên nhà máy, một cái bên trại của đội vệ binh Đen, không hoạt động; cuối cùng khi đêm đến thì cả thành phố chìm trong bóng tối, hắn phát khùng, nhất là nhà máy lại được các ngọn đèn pha cực mạnh của nó chiếu sáng.

Tên chuyên quyền thấy thế yếu nên đã quyết định mở điện lại vào rạng sáng ngày 10 tháng Tư. Hắn gọi điện cho Marcel Camaret và các vị khách của kỹ sư lại nghe thấy ông nói “vâng”, “không”, “được thôi”, rồi như lần trước, ông bật cười và cắt ngang câu chuyện.

Ông báo rằng Harry Killer đề nghị một thỏa hiệp. Họ đã thỏa thuận với nhau là Killer sẽ lại cung cấp điện từ nhà máy điện, còn nhà máy sẽ tiếp tục phục vụ cho Blackland như mọi khi. Nhưng hiệp ước không hề thay đổi tình hình chung. Hòa hoãn chỉ được xác lập theo khuôn khổ của hiệp ước, ngoài những điều đó ra thì chiến tranh vẫn tiếp tục. Như trước, Harry Killer đòi phải nộp các tù nhân cho hắn, còn Marcel Camaret thì không chịu.

Cuối cuộc nói chuyện, Harry Killer đề nghị kỹ sư cung cấp khí lỏng của ông cho tàu lượn vì hắn không còn giọt nào và bốn mươi chiếc của hắn đã trở thành vô dụng.

Marcel Camaret không muốn phung phí năng lượng dự trữ của mình và cung cấp cho đối thủ vũ khí lợi hại nhất nên đã từ chối dứt khoát. Tên chuyên quyền lồng lộn và hắn đã thề là sẽ thuận phục nhà máy bằng cái đời. Lúc ấy ông kỹ sư bỏ ông nghe xuống và chế giễu sự đe dọa đó. Những người khác, trái lại, coi lời hăm dọa ấy rất nghiêm trọng. Nếu như nhà máy kiên cố được là nhờ các phương tiện bảo vệ do Camaret sáng chế ra, thì ông lại có rất ít phương tiện tấn công, hơn nữa, Camaret cũng không muốn sử dụng những thứ đã có trong tay. Với những điều kiện như thế, cuộc bao vây có thể sẽ kéo dài vô tận và sẽ đến ngày cái đời bắt nhà máy phải đầu hàng.

Barsac bày tỏ mối lo ngại của mình với Camaret. Camaret nhún vai.

— Chúng ta sẽ có đủ lương thực trong một thời gian dài, – ông quả quyết.

— Bao lâu? Barsac gặng hỏi.

— Tôi không biết chính xác. Trong mười lăm ngày, mà cũng có thể trong 3 tuần. Nhưng điều đó chẳng quan trọng gì đâu vì sau 48 giờ nữa chúng tôi sẽ hoàn tất chiếc tàu lượn đang ở trong hănga của chúng tôi. Tôi mời các ông đến dự cuộc bay thí nghiệm mà chúng tôi sẽ tiến hành vào ngày 12 tháng Tư, vào ban đêm để bọn bên cung điện không thể nhìn thấy được.

Đó là tin vui và bất ngờ nữa. Tàu lượn cải thiện tình hình rất nhiều. Tuy vậy, liệu nó có cứu được họ hay không?

— Nhà máy có một trăm người, – Barsac nhận xét. – Chiếc tàu lượn của ông không thể chở đi hết tất cả mọi người.

— Nó chở được mười người, – Camaret trả lời, – như vậy cũng không tồi lắm đâu. Từ đây đến Saye xa ba trăm năm mươi km và đến Tombouctou xa bảy trăm km. Vì chúng ta sẽ bay vào ban đêm để tránh mìn bay nên mỗi đêm tàu lượn có thể thực hiện ba chuyến đến Saye hoặc là hai chuyến đến Tombouctou. Một trăm năm mươi người của nhà máy, nếu kể cả phụ nữ và trẻ em, sẽ được chở đi hết trong năm ngày đêm, nếu đến Saye và trong tám ngày đêm nếu đến Tombouctou.

Thông báo về kế hoạch hoàn toàn hiện thực này đã làm giảm bớt nỗi lo sợ do những lời đe dọa của Harry Killer gây ra và tất cả mọi người bắt đầu sốt ruột chờ dịp thực hiện nó.

Hai ngày đối với những người bị vây hãm dường như vô tận. Họ cố gắng hết sức để giết thời gian và

thường dạo chơi trong khu vườn dưới sự che chở của các bức tường. Ngày 10 và 11 tháng Tư dần dần trôi qua.

Có một việc, tuy không quan trọng, đã phá vỡ tính đơn điệu của ngày cuối cùng ấy. Gần năm giờ chiều, người ta thông báo cho Camaret rằng máy bơm nước từ sông lên tháp bị hỏng. Theo lệnh của kỹ sư, công nhân tiến hành sửa chữa các van. Công việc không đáng kể nên chưa đầy hai ngày đêm đã làm xong.

Rạng sáng ngày thứ ba, sự mong đợi căng thẳng đã qua đi. Không ai chịu bỏ lỡ buổi biểu diễn, mặc dù trời còn rất sớm. Khi mọi người tập trung đông đủ trong vườn thì tàu lượn đã được công nhân chuyển đến đó rồi.

Viên kỹ sư bước lên sàn tháp và mở máy. Mấy phút dài đằng đẳng đối với người xem sợ bị thất vọng đã trôi qua. Họ miễn cưỡng tức thì.

Chiếc máy cất lên nhẹ nhàng, rồi sau khi xòe cánh nó lao đi trên trời và quay trở lại chỗ xuất phát. Để cho mười người ngồi lên tàu lượn, Marcel Camaret lại cất cánh và bay ba vòng trên khu vườn. Cuộc thử nghiệm kết thúc.

— Hôm nay, lúc chín giờ tối, nhóm đầu tiên sẽ xuất phát, – Camaret tuyên bố khi bước từ sàn tháp xuống.

Và mọi sự đều đã được lãng quên: cảnh bị bao vây, tù tội, những ngày lo âu và buồn nhớ này. Mấy giờ nữa cơn ác mộng sẽ tiêu tan. Họ sẽ được tự do. Mọi người chúc mừng lẫn nhau. Các công nhân cơ khí đưa tàu lượn về hănga để chuẩn bị cho chuyến bay tối nay đến Tombouctou.

Công việc ở nhà máy không hề đình trệ. Ngày mười hai đã tháo xong chiếc bơm, nó không hư hỏng gì nên chỉ còn mỗi một việc là phải lắp lại. Tám giờ rưỡi tối, trời đã tối hẳn và Marcel Camaret ra lệnh xuất phát. Trước đây, tám tù nhân và hai phụ nữ, là vợ công nhân, đã đứng đợi trong khu vườn mà tàu lượn sẽ phải cất cánh từ đó. Theo lệnh của thủ trưởng, mười hai công nhân cơ khí tiến về phía hănga. Họ mở cửa...

Đúng vào lúc ấy tai họa xảy ra. Vang lên tiếng nổ khủng khiếp. Hănga sụp xuống như ngôi nhà làm bằng carton. Ở chỗ của nó là một đồng đồ nát. Sau phút sững sờ hoàn toàn chính đáng, mọi người lao vào cứu công nhân. May thay, chỉ có một người trong bọn họ bị thương nhẹ, còn những người khác vẫn nguyên vẹn vì họ chưa kịp bước vào hănga.

Mặc dù là không phải khóc thương ai, song những người bị vây hãm đã bị một nỗi bất hạnh lớn lao, không sao cứu vãn nổi. Chiếc tàu lượn đã nổ tung thành những mảnh vụn.

— Rigo, – Camaret nói với vẻ điềm tĩnh không bao giờ mất trong tình huống nghiêm trọng nhất, – cần phải thu lượm hết các mảnh vụn và tìm cho ra nguyên nhân của vụ nổ.

Vì có nhiều người nên công việc được tiến hành một cách nhanh chóng. Đến mười một giờ đêm, mặt đất đã được dọn dẹp sạch sẽ và người ta phát hiện ra một cái hố sâu.

— Đó là thuốc nổ, – Camaret lạnh lùng nói. – Nhưng nó không thể tự đến đây được!

Các vết máu trên những mảnh vụn cho thấy vụ nổ đã gây ra chết người. Công việc vẫn tiếp tục. Chẳng bao lâu hiện ra mấy vật thật ghê rợn. Khoảng nửa đêm họ tìm thấy một cái chân bị đứt rời của một người da đen, rồi một cánh tay đập nát và cuối cùng là cái đầu.

Amédée Florence như một phóng viên tài ba đang chăm chú theo dõi công việc, anh nhận ra ngay con người đen đui đó là ai.

— Tchoumouki! – anh kêu lên.

Mọi việc trở nên rõ ràng. Tchoumouki là thủ phạm và là nạn nhân đầu tiên của vụ nổ. Còn phải tìm hiểu xem hắn đã lọt vào nhà máy bằng cách nào. Cần phải làm cho kẻ địch cụt hứng và sợ hãi. Với mục đích đó, theo lệnh của Camaret, những phần cơ thể ít ỏi còn lại của Tchoumouki đã được ném qua tường ra bãi đáp, là nơi người của Harry Killer sẽ tìm thấy. Chúng sẽ biết rằng đi vào nhà máy sẽ rất nguy hiểm. Công việc nhặt nhạnh các mảnh vỡ vẫn tiếp tục.

— Còn người nữa đây! – một công nhân bỗng kêu lên.

Marcel Camaret đến gần. Giữa đồng đất đã lộ ra một cái chân. Toàn thân nhanh chóng được bới ra. Đó là một người đàn ông da trắng, trung niên, vai bị đập nát. Bác sĩ Châtonnay cúi xuống người của kẻ bị thương.

— Hắn còn sống! – ông nói.

Tên bị thương được khiêng lại chỗ Camaret đang đứng; ở đó ông bác sĩ băng bó cho hắn. Ngày mai họ sẽ hỏi cung hắn, nếu hắn có thể nói được.

Cuộc thu lượm kết thúc. Các công nhân đi nghỉ. Viên kỹ sư và mấy vị khách của ông cũng về chỗ của mình. Bước mấy bước, Amédée Florence dừng lại hỏi Camaret:

— Bây giờ không có tàu lượn chúng ta sẽ làm gì?

— Chế tạo chiếc khác. Vật liệu vẫn còn.

— Thế cần bao nhiêu thời gian để làm việc này?

— Hai tháng.

— Hừ!... Florence chỉ nói thế thôi và nghĩ ngợi. Những hai tháng! Vậy mà lương thực của họ còn có mười lăm ngày.

X

Ý Định Của Phóng Viên Florence

Ít ai chộp mắt được vào những giờ còn lại đêm ấy. Tình hình được thảo luận toàn diện, nhưng không ai tìm ra lối thoát. Chính Marcel Camaret cũng không thể nghĩ ra điều gì khác, ngoài việc phải chế tạo một chiếc tàu lượn mới, nhưng sẽ tự dối mình nếu đặt hy vọng vào chiếc máy mà việc chế tạo ra nó phải tốn mất hai tháng ròng rã, trong khi lương thực chỉ đủ cho mười lăm ngày.

Thêm vào đó, sau khi kiểm tra cẩn thận thì hóa ra họ còn lương thực không đủ cho mười lăm ngày, mà chỉ đủ cho chín – mười ngày thôi. Ngay cuối tháng Tư họ sẽ bị đói. Để kéo dài ngày tận số không thể tránh khỏi, họ quyết định chuyển sang chế độ ăn uống theo khẩu phần.

Sau bữa ăn sáng, mà lần này hết sức ít ỏi, Marcel Camaret cùng với mấy vị khách đã đột ngột xộc vào chỗ ông, làm ông mừng đến thế, đi đến chỗ tên bị thương.

— Ông tên gì? – Marcel Camaret hỏi.

— Fergus David.

— Đó là tên lóng, ông hãy nói tên thật của ông đi.

— Daniel Frasné.

— Dân tộc?

— Anh.

— Địa vị của ông ở Blackland?

— Quân sự. Người ta gọi những người điều hành cùng với Harry Killer như thế.

— Ông ở đây đã lâu chưa?

— Ngay từ đầu.

— Trước đây ông đã biết Harry Killer?

— Vâng. Tôi quen biết ông ấy lúc ở trong đội quân của đại úy Buxton.

Jane run lên khi nghe thấy những lời nói này: số phận đã đưa đến cho nàng một nhân chứng mới.

— Trong đội quân của Buxton? – Camaret nhắc lại, – Thế tại sao tôi không nhận ra ông?

— Có lẽ, tôi đã thay đổi quá nhiều, – tên bị thương nhận xét với vẻ thờ ơ triết lý. – Dù sao đi nữa tôi cũng đã ở cùng với ông, ông Camaret ạ.

Jane Buxton không thể kìm mình được nữa và đã chen vào:

— Ông đã ở trong quân đội của Buxton khi Killer đến đó?

— Vâng.

— Tại sao đại úy Buxton thu nhận hắn dễ dàng như thế?

— Tôi không biết.

— Có đúng là, – Jane tiếp tục, – từ ngày Harry Killer xuất hiện trong đội thì hắn trở thành người chỉ huy thật sự hay không?

— Đúng, – Frasné trả lời, hắn bối rối vì người ta hỏi hắn về những sự kiện đã xảy ra lâu rồi như thế.

— Theo lệnh của Harry Killer đội quân của đại úy Buxton đã làm những điều tàn ác mà sau này đã đưa nó đến chỗ bị tiêu diệt phải không?

— Phải.

— Đại úy Buxton không tham gia vào những việc đó chứ?

— Không.

— Các vị nghe thấy chưa? – Jane nói khi quay về phía những người bạn đồng hành của mình. – Vậy tại sao đại úy Buxton lại nhường quyền hành cho Harry Killer?

— Làm sao mà tôi biết được? – Frasné vội vàng phản đối.

Hắn có vẻ thành thật. Jane không ép buộc hắn nói nữa.

— Tôi thiếu, ông cũng biết đại úy Buxton đã chết như thế nào chứ?

— Ông ấy đã hy sinh trong khi đánh nhau, – Frasne trả lời với vẻ hoàn toàn tin tưởng. – Nhiều người đã ngã xuống cùng với ông ấy.

Jane Buxton thở dài.

— Tôi hỏi xong rồi, – nàng nói.

Viên kỹ sư tiếp tục hỏi cung:

— Ban đầu các ông làm sao kiếm ra những người da đen đã xây dựng thành phố?

Frasne mở to đôi mắt. Câu hỏi đến là ngớ!

— Quý thật! Tất nhiên là ở các làng.

— Bằng cách nào?

Frasne rút cái vai còn lạnh lại.

— Đây là sự nhạo báng!...Như thế ông không biết đấy! Người ta đã tóm cổ bọn chúng, thế thôi.

— À! – Camaret nói và cúi đầu xuống, vẻ mặt ủ rũ, – Thế còn máy móc cần thiết cho buổi ban đầu...Chúng ở đâu ra?

— Cổ nhiên, từ mặt trăng, – Frasne châm chọc.

— Từ châu Âu à?

— Tất nhiên.

— Họ mang chúng đến đây bằng cách nào?

— Tất nhiên là không theo đường hàng không. Ông Camaret ạ, đó là những câu hỏi quá lỗ bịch! Người ta chở máy móc đến đây bằng tàu thủy.

— Thế chúng được bốc dỡ ở đâu? – Camaret bình thản tiếp tục.

— Ở Cotonou.

— Nhưng từ Cotonou đến Blackland xa lắm cơ mà. Làm sao họ chuyển được chúng tới đây?

— Bằng lạc đà, ngựa, bò, bọn da đen, – Frasne trả lời vắn tắt, hắn không còn kiên nhẫn được nữa.

— Tôi nghĩ trong thời gian đi đường có nhiều người da đen đã chết?

— Nhưng tôi không thích bọn ấy. – Frasne làu bàu.

Camaret chuyển sang vấn đề khác:

— Các ông đã phải trả tiền mua máy đấy chứ?

— Khi thật! – Frasne nói, hắn thấy các câu hỏi càng thêm vô nghĩa.

— Nghĩa là Blackland có tiền?

— Tiền thì có đủ.

— Ở đâu ra?

Frasne không chịu đựng được nữa:

— Ông hỏi về những điều ông phải biết rõ hơn tôi để làm gì? Chính những chiếc tàu lượn được chế tạo ra không phải để chơi cơ mà! Ông biết rằng thỉnh thoảng chúng vẫn chở Harry Killer và những người khác tới quần đảo Bissagos, từ đó họ đi tàu thủy, dạo chơi tí chút khắp châu Âu, mà thường xuyên hơn cả là ở Anh. Ông cũng biết đấy thôi, ở châu Âu có nhiều nhà băng, nhiều mục giả giàu có và vô khối những kẻ mà việc đến thăm bọn chúng...không cần lời mời sẽ lời to.

— Những chuyến đi như thế có thường xuyên hay không? – Camaret hỏi, mặt của ông đỏ lên vì xấu hổ.

— Ba – bốn lần trong một năm. Chuyến đi cuối cùng cách đây là bốn tháng.

— Lần này họ đến thăm ai?

— Tôi không biết. Tôi không đi với họ. Hình như là một nhà băng. Song tôi biết, chưa bao giờ họ vớ bở đến như vậy cả.

Camaret lặng im. Đường như ông già ngay đi mười tuổi.

— Frasne, điều cuối cùng, – ông nói. – Có bao nhiêu người da đen làm việc ngoài đồng?

— Bốn nghìn. Có thể hơn. Và hơn một nghìn rưỡi phụ nữ.

— Người ta cũng bắt dẫn họ về đây như trước?

— Không, – Frasne trả lời bằng cái giọng tự nhiên nhất. – Bây giờ, khi đã có tàu lượn, người ta chở bọn chúng.

— À! – Camaret nói. – Này, thế ông vào đây bằng đường nào?

Frasne thoáng dao động. Câu hỏi nghiêm túc nên hẳn phải trả lời:

— Qua bể chứa nước. Hôm thứ ba người ta đã đóng các tấm chắn để các ông không thể bơm nước và người ta tháo hết nước trong bể chứa bên cung điện ra. Bể chứa nước của nhà máy cũng khô cạn, mà nó thì lại ăn thông với bể của chúng tôi bằng một đường ống chạy ngầm dưới bãi đáp. Tôi và Tchoumouki đã qua bằng con đường ấy đấy.

Vài giờ trước đây, viên kỹ sư biết được máy bơm đã hoạt động lại. Ông hiểu rằng Harry Killer bị cái chết của Tchoumouki ám ảnh nên đã mở các tấm chắn và nước đã chảy bình thường.

— Tốt. Cảm ơn ông, – Camaret nói, sau khi đã làm sáng tỏ những điều ông cần biết.

Ngày 13 và 14 tháng Tư trôi qua bình yên. Cuộc phong tỏa vẫn rất gắt gao. Xung quanh, trên bờ sông, trên bãi đáp có các trạm gác của các Chàng trai Vui tính luôn theo dõi nhà máy, không một ai có thể ra khỏi đó. Chẳng có gì báo hiệu là tình hình này sẽ thay đổi trước khi cái đói buộc những người bị bao vây phải đầu hàng.

Sau tai nạn tàu lượn, Amédée Florence luôn luôn tìm cách thoát ra khỏi cảnh khốn cùng. Ý nghĩ đến với anh vào tối ngày 14 tháng Tư. Sáng ngày 15 anh trao đổi rất lâu với Tongané, rồi sau đó mời tất cả các bạn cùng đi với mình tới chỗ viên kỹ sư.

Camaret giam mình trong phòng, đau đớn khôn nguôi trước sự thật rành rành ra đó. Ông hiểu ra rằng Blackland đã được tạo dựng và duy trì bằng bạo lực, trộm cắp và giết chóc. Giờ đây ông đã biết được cái nguồn gốc nhục nhã của số vàng bạc mà nhờ nó công việc của ông đã được tiến hành.

Và ông là kẻ tòng phạm của vô số những tội ác! Chẳng phải ông đã cung cấp những phương tiện để thực hiện chúng đó sao, cho dù ông trong sạch? Khi nghĩ về quãng đời mười năm nay của mình, ông cảm thấy khủng khiếp quá và ý chí đã lung lay của ông suy giảm. Ông bắt đầu căm ghét Blackland được ông dựng lên cho vinh quang của mình.

Amédée Florence và các bạn của anh thấy Camaret đang chìm trong những ý tưởng u sầu. Ông ngồi lệt thềm trong chiếc ghế bành, bất động, với ánh mắt đờ đẫn, ông như đã mất đi những nguồn sinh lực cuối cùng. Hơn nữa, hai ngày rồi ông không hề ăn gì.

Một người tiếp chuyện như thế không thích hợp với Florence, anh muốn nhìn thấy trước mặt mình người kỹ sư thông thái trước đây. Theo lệnh của anh, Tongané mang thức ăn đến cho Camaret. Ông ngoan ngoãn ăn hết và máu đã trở lại đôi má nhợt nhạt của ông.

— Tôi có ý định thoát khỏi tình trạng tuyệt vọng của chúng ta, – Florence mở đầu. – Chúng ta có thể nhận được sự giúp đỡ của rất nhiều đồng minh trong tầm tay của chúng ta.

— Đồng minh nào? – Barsac và Châtonnay cùng cất tiếng hỏi.

— Những người da đen ở khu nô lệ. Họ có tới bốn nghìn người, chưa kể phụ nữ. Không nên bỏ qua lực lượng này.

— Đúng rồi, – Barsac nói, – nhưng những người da đen ấy không có vũ khí và thậm chí họ cũng không biết về sự hiện diện của chúng ta.

— Vì vậy, – Florence đáp lại, – cần phải thương lượng với họ và vũ trang cho họ.

— Ai sẽ đi gặp những người da đen ấy? – Barsac hỏi.

— Một người da đen như họ, – Tongané.

— Nhưng nhà máy đang bị bao vây! Nếu anh ta xuất hiện thì bọn chúng sẽ vãi đạn vào người anh ta.

— Anh ấy không nhất thiết phải đi qua cửa. Anh ấy sẽ vượt ra ngoài đồng vào ban đêm, trà trộn cùng với đám người da đen rồi trở vào thành phố cùng với họ. Ông Camaret này, có thể đào một con đường hầm dưới tường của nhà máy và thành phố, chạy ngầm qua đường tuần tra và ra tận cánh đồng đấy chứ?

— Nhất định rồi, – Camaret ngắt đầu trả lời.

— Bình thường, việc này sẽ kéo dài trong thời gian khá lâu, – Camaret suy nghĩ rồi nói. – Nhưng có thể tiết kiệm thời gian bằng chiếc máy mà tôi nghĩ ra bây giờ và nó sẽ đem lại kết quả tốt đẹp trong điều kiện đất cát như thế này. Để làm xong chiếc máy và con đường hầm chỉ cần mười lăm ngày là đủ.

Nhiệm vụ kỹ thuật vừa mới đặt ra đối với Camaret thì ông đã cảm thấy phần chắn trong môi trường quen thuộc của mình. Bộ não của ông bắt đầu hoạt động, ánh mắt sáng ngời.

— Còn một vấn đề nữa, – Florence nói. – Việc đào hầm không chiếm hết người của ông đấy chứ?

— Vẫn còn khá nhiều.

— Những người rảnh rỗi có thể chế tạo vũ khí với số lượng chừng ba – bốn nghìn cái như: dao, rìu, đoản, côn, mọi thứ đâm chém và đập được trong thời hạn đó hay không?

— Có thể lắm chứ, – Camaret trả lời.

— Thế ông có thể chuyển số vũ khí đó sang khu nô lệ vào ngày ấn định, sao cho người của Harry Killer không biết hay không?

— Việc này khó hơn, – Camaret bình thản trả lời, – nhưng có thể làm được trong đêm tối.

Amédée Florence thở phào nhẹ nhõm.

— Vậy là chúng ta đã thoát! – anh kêu lên.

— Ông Camaret hiểu không? Tongané sẽ ra khỏi đây bằng đường hầm và trà trộn với những người nô lệ da đen. Đến đó anh ấy sẽ chuẩn bị khởi nghĩa. Những người bất hạnh đó chỉ chờ có dịp để vứt bỏ ách thống trị. Nhận được vũ khí, họ sẽ không chần chừ đâu. Phải bắt tay ngay vào công việc.

— Tôi đã bắt đầu rồi, – viên kỹ sư điềm tĩnh nói lại sau khi đã ngồi vào bàn vẽ.

Người ta bỏ dở việc chế tạo tàu lượn và tất cả công nhân người thì lo sản xuất vũ khí, người thì lo chế tạo máy làm đường hầm mới, một số khoan lỗ một súc gỗ to để làm gì đó và sau cùng, một nhóm khác nữa thì đào một cái giếng rộng ở chân tường.

Ngày 21 tháng Tư, giếng sâu đến mười mét, Camaret cho rằng như vậy là đủ và họ bắt đầu đào ngang. Viên kỹ sư chế ra một vật hình nón bằng thép, dài gần năm mét và đường kính một mét ba, mặt ngoài của nó có những gờ nhô cao và những lỗ thủng xen kẽ nhau đều đặn theo đường xoắn. Động cơ điện làm cho dụng cụ này quay, khi xuyên vào lớp đất tối mịn, nó giống như là được vặn chặt vào đó. Cát rơi vào bên trong vật thể qua các lỗ thủng và được tống ra qua giếng.

Khi chiếc đỉnh vít không lồ này đã lọt sâu vào lớp đất mà chính nó phải chống đỡ thì người ta nối vào nó các đoạn ống có cùng đường kính, bằng những máy ấn rất mạnh. Như vậy, đường hầm ngang khi đào xong sẽ là một đường ống kim loại dài gần tám mươi mét và lúc ấy chỉ còn phải dùng đỉnh vít có kích thước nhỏ hơn để xuyên lên mặt đất.

Trong lúc các công việc đang được thực hiện thì không thấy Camaret đâu cả. Ông xuất hiện với vẻ râu rí và lơ đãng chỉ để giải quyết một vấn đề kỹ thuật phức tạp nào đó rồi lại lên về phòng của mình.

Đường hầm hoàn thành vào thời hạn đã định. Rạng sáng ngày 30 tháng Tư tám mươi mét đường ống đã được đặt xong và chỉ còn phải khoan giếng ngoi lên mặt đất, cần phải kết thúc việc này trước khi mặt trời mọc.

Và đã có lúc như thế này: ngay từ ngày 17 tháng Tư, lương thực đã gần hết nên các khẩu phần vốn dĩ đã ít ỏi lại bị cắt giảm thêm.

Tâm trạng của công nhân viên nhà máy dần dần thay đổi. Họ làm việc cần mẫn để cứu lấy cuộc sống, nhưng mặt mày ủ dột và thường nói với nhau những lời đầy cay đắng. Các công nhân đã bắt đầu mất niềm tin vào thủ trưởng, người mà mới đây thôi họ còn cho là có sức mạnh siêu phàm. Vâng, con người giỏi giang ấy mặc dù rất tài vẫn không thể giúp họ thoát khỏi chết đói. Sức hấp dẫn của ông yếu dần.

Mặt khác, khắp nhà máy bắt đầu lan truyền huyền thoại, bắt nguồn từ những lời về Jane Buxton mà Camaret đã nói trong lần phát biểu đầu tiên trước khi cắt đứt quan hệ với cung điện. Lúc đó người ta không coi việc Harry Killer si mê nữ tù nhân của hắn có ý nghĩa gì lớn. Nhưng do tình hình xấu đi và sự kiệt sức làm suy yếu lý trí của những người bị bao vây, họ đã đưa điều mơ tưởng ấy của Harry Killer lên hàng đầu.

Nhiều người bị bao vây cho rằng việc họ bị đau khổ, bị bao vây và đói khát chỉ vì đòi mất tuyệt vời của cô Buxton là điều không thể chối cãi được. Giá như cô ta chịu nhân nhượng thì hòa ước đã được ký kết ngay rồi. Những hy sinh mà một trăm năm mươi người phải gánh chịu để cứu lấy một người phụ nữ dường như quá đáng.

Jane Buxton có biết về sự thay đổi tâm trạng đó, qua những lời nghe được, qua những cái nhìn u uất, nàng đã đoán ra lòng thù oán của họ và hiểu rằng họ coi nàng là người phải gánh chịu trách nhiệm về những mối nguy hiểm mà họ gặp phải.

Tuy nàng không hề nghĩ mình có giá trị to lớn như thế, song sự đồng lòng của họ đã tác động đến nàng

và dần dần chính nàng bắt đầu thiên về ý nghĩ cho rằng nếu nàng hàng phục Harry Killer thì, có thể, sự hy sinh này sẽ giải thoát được cho những người bị bao vây khác.

Tất nhiên, cuộc sống của nàng bên cạnh con người bị nàng nghĩ là đã giết anh trai sẽ rất kinh khủng. Nhưng lời khế tội chưa được chứng minh và ngoài ra, nếu đủ sức thì nàng có thể lẩn tránh bằng cái chết. Cuối cùng, đó là nghĩa vụ của nàng, cho dù nó có tàn nhẫn với nàng đến mức nào đi nữa.

Ý tưởng đó chi phối nàng đến nỗi nàng không thể nín lặng được nữa và đã bộc bạch nó ra cho bạn bè biết. Nàng kết tội mình hèn nhát và nói rằng sẽ ưng thuận Harry Killer với điều kiện hắn đảm bảo an toàn cho những người còn lại, Saint-Bérain đáng thương vừa nghe nàng nói vừa khóc.

— Cô muốn làm nhục chúng tôi, tiểu thư ạ! – Amédée Florence giận dữ kêu lên. – Và làm nhục một cách vô tích sự! Harry Killer tin chắc là sẽ bắt được hết tất cả chúng ta và hắn sẽ không chịu bán rẻ niềm khoái trá ấy đâu. Cho dù hắn có hứa thì cũng sẽ không giữ lời của mình!

Barsac, bác sĩ Châtonnay và cả Poncin nữa cùng lên tiếng phản đối nên Jane phải từ bỏ dự định cao thượng nhưng vô nghĩa của mình.

Và lại, bây giờ đường hầm đã hoàn tất. Mấy giờ nữa Tongané sẽ lên đi và ngày mai anh sẽ phát lệnh khởi nghĩa giải phóng tù nhân. Buổi chiều, người ta bắt đầu đào giếng đứng, đến nửa đêm thì đoạn ống đã nhô lên mặt đất và Tongané trung thành biến mất trong bóng tối.

Đoạn ống đặt thẳng đứng được rút mang đi và cát đã lấp đầy cái giếng hẹp.

Ngay trước mắt nhà máy là một góc của bức tường này, hễ thấy cơ hội thuận lợi thì Tongané phải phát tín hiệu để chuyển vũ khí. Từ tối ngày 1 tháng Năm những người bị bao vây đã nhìn về nơi đó, họ tụ tập trên cái chòi được dựng lên theo lệnh của Camaret trên nóc nhà của công nhân cạnh sông Đò.

Nhưng như đã dự đoán, hôm ấy mong đợi chỉ tổ uổng công. Cho dù Tongané đã lọt được vào khu nô lệ đi nữa thì anh cũng chưa có thời gian để chuẩn bị khởi nghĩa. Tuy nhiên, sang ngày hôm sau vẫn không có tín hiệu. Ở nhà máy, người ta bắt đầu lo ngại. Họ chỉ tự an ủi bằng một điều là đêm đó trăng rằm sáng quá nên đằng nào cũng không thể chuyển số vũ khí đã xếp lên chòi được.

Nỗi lo của những người bị bao vây tăng lên. Đêm ngày 3 tháng Năm tối đen. Việc bất động của Tongané càng trở nên nguy hiểm vì trong ngày hôm ấy những mẩu thức ăn cuối cùng đã hết sạch. Sau hai ngày, nhiều lắm là ba ngày phải giành được thắng lợi, nếu không họ sẽ bị chết đói.

Ngày 4 tháng Năm tưởng chừng như vô tận và những người bị vây hãm sốt ruột đợi trời tối. Nhưng đêm ấy cũng không có tín hiệu trên thành tường của khu người da đen.

Ngày 5 tháng Năm trôi qua với bao nhiêu là điềm dữ. Mọi người đã nhịn ăn sang ngày thứ ba rồi và dạ dày của họ co thắt lại vì đói. Các xương vắng tanh. Công nhân và vợ con của họ cau có đi lại trong sân nhà máy, trao đổi với nhau những lời cay nghiệt và họ không ngần ngại lên án Tongané là đã bỏ rơi những người mà anh hứa sẽ cứu giúp. Khỉ thật! Anh ta không ngu đến nỗi phải để tâm tới họ.

Khi đi ngang qua một nhóm người, Jane Buxton nghe thấy tên mình.

— Cứ mặc cho mọi người nói gì tùy thích! – một người đàn ông kêu lên, không thèm để ý là người ta có lắng nghe hay không. – Phải chịu đựng những điều như thế vì cô ả lẳng lơ này thì bậy thật! Giá việc ấy chỉ phụ thuộc vào mình tôi thôi nhĩ!

— Ông không biết xấu hổ khi nói như vậy à? – một người đàn bà hỏi ông ta.

— Xấu hổ ư? Mẹ ơi, bà tếu thật đấy! Tôi có con nhỏ và nó đang đòi ăn!

— Thế ông nghĩ là tôi không có con?

— Nếu bà muốn cho con bà chết đói thì đó là việc của bà. Nhưng nếu ngày ngày mai mà chúng ta vẫn còn ở đây, tôi sẽ đến chỗ ông chủ và bàn chuyện với ông ta. Chứ không thể ở mãi trong tình trạng như thế này trong khi cô nương kia hể hả, mong sao quý tha ma bắt cô ả đi cho rồi!

— Ông chỉ là một thằng hèn! – Người đàn bà quát lên.

Jane Buxton bắt đầu lung lay, tâm hồn bị thương tổn. Người ta đang nói về nàng như thế đó! Theo ý của những người bất hạnh này thì nàng là nguyên nhân duy nhất gây ra những nỗi đau khổ của họ! Ý nghĩ ấy làm nàng không thể chịu được. Nhưng biết nói như thế nào đây để họ tin rằng họ bị nhầm?

Giờ tiếp giờ, phút tiếp phút, ngày 5 tháng Năm cuối cùng rồi cũng qua đi. Mặt trời lặn. Đêm đến. Làn thứ ba, sau ngày Tongané đi khỏi, mây đen lại che lấp mặt trăng. Anh có lợi dụng hoàn cảnh thuận tiện này

để phát tín hiệu mong mỏi hay không?

Không ai còn hy vọng, nhưng những cặp mắt, như mỗi đêm, vẫn hướng về phía bức tường, nơi tín hiệu sẽ phải xuất hiện.

Bảy giờ... Tám giờ... Đồng hồ nhà máy đã điểm tám giờ ba mươi. Họ đã phí công mong đợi.

Quá tám giờ rưỡi ít phút, đám người bị vây hãm đang lo lắng run lên. Không, Tongané không bỏ rơi họ! Bên trên bức tường của khu nô lệ đã xuất hiện tín hiệu.

Không nên bỏ phí giây phút nào. Theo lệnh của Camaret, người ta mang lên chòi một công trình kỳ lạ. Đó là khẩu đại bác bằng gỗ. Đạn được nạp vào nòng và khí nén tổng nó ra ngoài không gian.

Viên đạn lao vút qua bờ sông, qua sông qua khu các Chàng trai Vui tính và rơi xuống khu nô lệ, và kéo theo sau sợi dây thép có cái móc sẽ phải móc vào thành tường.

Camaret bắt đầu thận trọng quay cái trống cuốn dây. Chẳng mấy chốc ông đã cảm thấy bị vướng. Việc thử đã thành công. Tuyến đường không đã nối liền những người bị bao vây đến những người nô lệ.

Chiến dịch vận chuyển vũ khí được tiến hành ngay theo con đường này. Người ta lần lượt chuyển đi đầu tiên là một gói thuốc nổ, sau đó là bốn nghìn chiếc dao, rìu, giáo, mác. Gần mười một giờ chiến dịch kết thúc. Mọi người rời chòi và sau khi vớ được cái gì thì vũ trang cái ấy, họ tập hợp lại bên cạnh cửa chính. Họ quây thành một đám đông nghịt, ở giữa là phụ nữ, chờ thời cơ thuận tiện để xuất phát.

Nhưng trong đám đông ấy thiếu một người phụ nữ – Jane Buxton. Saint-Bérain, Amédée Florence, bác sĩ Châtonnay đã hoài công gọi nàng, đã hoài công kiểm nàng ở khắp các xó xỉnh của nhà máy. Họ đành bất lực với thực tại.

Jane Buxton đã biến mất.

XI

Chuyện Gì Đã Xảy Ra Sau Cánh Cửa

Jane Buxton quả đã bỏ đi, nàng ra qua lối cửa chỉ đóng then. Người lính canh trên kính viên chu nhìn thấy một cô gái trẻ rời nhà máy, nhưng không nhận ra nàng. Người ta đã chỉ thị cho anh tránh những cuộc đổ máu không cần thiết nên anh không thả các chú “ong vò vè” chống lại nàng. Bờ sông phía nhà máy ngăn cách với bãi đáp bằng một bức tường, tường này có một cái cửa sắt, thường đóng kín, nhưng từ ngày bắt đầu xảy ra những hành động đối địch thì nó luôn luôn bị bỏ ngỏ.

Jane Buxton đào tẩu trong cơn điên loạn thật sự. Ý nghĩ rằng mọi người coi nàng là nguyên nhân gây ra nỗi bất hạnh chung đã làm nàng đau đớn vô cùng. Nhưng nếu họ nói đúng thì sao? Nếu nàng là chiến lợi phẩm duy nhất mà Killer hy vọng thu được trong cuộc chiến này? Vậy thì mọi hành động chậm trễ đều là tội lỗi và nàng trách mình đã do dự lâu quá như thế. Nàng vội vã đến cung điện, đi sát vào bức tường sáng trưng ánh đèn pha của nhà máy.

Các chàng trai Vui tính trong các trạm gác đã nhìn thấy nàng. Nhưng chúng không coi việc dùng vũ khí chống lại một người đơn độc, hơn nữa có thể thuộc phe của chúng, là điều cần thiết.

Đi hết dãy tường, Jane bắt đầu băng qua bãi đáp, không thêm để ý đến các chàng trai Vui tính gặp trên đường. Thái độ can đảm của nàng là nguyên nhân của việc không ai ngăn cản nàng và khi chỉ còn cách cung điện hai mươi bước thì có hai người bước đến bên nàng. Chúng nhận ra nàng và ngạc nhiên kêu lên. Vì không biết ý định của nàng, nhưng vẫn nhớ hảo tâm của ông chủ đối với nàng nên chúng đã để nàng đi và thậm chí còn tiễn chân nàng đến tận cung điện rồi mở cửa cho nàng vào. Từ nay nàng hoàn toàn bị lệ thuộc vào Killer và không thể trông chờ ở sự giúp đỡ của ai.

Việc nàng đến đã gây ra sự sững sốt trong cung điện. Gã đầy tớ da đen vội vàng đưa nàng đến chỗ Killer. Theo sau gã, nàng bước qua mấy cái cầu thang và mấy dãy hành lang, rồi vào một căn phòng sáng trưng, nàng nhận ra ngay: đó là “hoàng cung”. Harry Killer ngồi sau chiếc bàn chất đầy những chai và cốc. Tám tên khác với những bộ mặt thô lỗ, ngồi ngả ngón quanh hắn. Harry Killer đang tiêu khiển cùng với đám quân sư của mình.

Trông thấy cô gái ở khung cửa, bọn người nửa tỉnh nửa say này cất tiếng kêu lên vì kinh ngạc: không có gì có thể làm cho chúng ngạc nhiên hơn sự xuất hiện đột ngột của một cô gái từ chỗ những người bị bao vây.

— Tiểu thư Mornas! – bọn chúng kêu lên và ồn ào nhòem dậy.

— Cô đến có một mình thôi à? – Harry Killer hỏi, ném cái nhìn lo lắng về hướng hành lang.

— Một mình. – Jane Buxton trả lời bằng giọng run run, nhưng dứt khoát.

Đôi chân của nàng bủn rủn và nàng phải tựa người vào cửa.

Lũ người kinh ngạc lặng nhìn cô gái rất lâu. Việc nàng đến là một sự kiện không bình thường. Dưới áp lực của những cái nhìn ấy, nàng mất dần về tự tin và bắt đầu thương xót cho hành động táo bạo của mình.

— Cô từ đó đến? – cuối cùng, Harry Killer lúng búng hỏi và chỉ tay về phía nhà máy.

— Vâng. – Jane Buxton lắp bắp.

— Cô đến đây để làm gì?

Giọng nói chẳng dễ nghe chút nào. Nghĩa là họ, những người công nhân đáng thương và đói khát ấy, đã sai lầm khi trút lên đầu nàng toàn bộ trách nhiệm về những nỗi khổ đau của mình. Hơn bao giờ hết, nàng sợ rằng hành động quên mình của nàng sẽ không cải thiện được số phận của họ.

— Tôi đến để đầu hàng, – nàng nói khẽ.

— Ra thế! Ra thế! – Harry Killer nói giọng giễu cợt, rồi quay sang bạn đồng sự của mình: – Các ông hãy đi đi!

Tám tên quân sư đứng lên và hơi lão đảo đi ra cửa. Harry Killer ra hiệu cho chúng dừng lại và hỏi Jane

Buxton:

— Tôi không hỏi cô về Tchoumouki, chúng tôi đã tìm thấy mấy mảnh xác của hắn. Nhưng còn người kia?

— Không phải chúng tôi giết hắn, – Jane trả lời. – Hắn bị chết khi tàu lượn nổ. Người cùng đi với hắn bị thương. Ở nhà mấy người ta đang chăm sóc ông ta.

— Còn tàu lượn?

— Đã bị phá hủy.

Harry Killer xoa tay hải lòng, còn tám tên quân sư thì bỏ đi.

— Vậy là cô đầu hàng? – hắn hỏi nữ tù nhân của mình khi chỉ còn có hai người. – Tại sao cô lại đầu hàng?

— Để cứu những người khác.

— Thật không tài nào hiểu nổi. – Harry Killer mĩa mai. – Những người khác đã cùng quần à?

— Vâng. – Jane cup mắt, thú nhận.

Harry Killer trong cơn vui sướng đã rót rượu đầy cốc và nốc cạn một hơi.

— Rồi sao? – hắn nói.

— Ông muốn lấy tôi làm vợ, – Jane lấp bắp, đỏ mặt tía tai, – Tôi đồng ý, nhưng với điều kiện là ông trả lại tự do cho những người khác.

— Điều kiện! – Harry Killer sừng sốt thốt lên. Cô nghĩ là cô có thể đặt điều kiện hay sao, hả cô bé? Ngày mai hoặc ngày một tôi sẽ chiếm được nhà máy và bắt được bọn cô. Hôm nay cô có thể không phải đến đây. Tôi đợi thêm một ngày nữa cũng được, – hắn đứng dậy và lão đảo đến bên nàng. – Cô quá tự tin... Ra điều kiện để thành vợ của tôi! Ha – ha! Cô sẽ là vợ của tôi khi nào tôi muốn. Không, quả thực tôi muốn biết ai có thể cầm cán được tôi nào?

— Cái chết. – Jane trả lời.

— Chết? – Harry Killer chỉ nhắc lại với vẻ lạnh lùng. – Chết... – hắn lại nói và gãi gãi cái cằm, rồi sau lần ngừng lời này nữa, hắn thốt ra ý mới: – Chà, mai chúng ta sẽ biết... Còn bây giờ chúng ta sẽ giải trí! – hắn chìa cho nàng chiếc cốc: – Uống đi!

Hết cốc này đến cốc khác. Mười lăm phút sau Harry Killer đã ngáy khò khò.

Cô gái lại làm chủ tên súc sinh đã giết anh nàng. Nàng có thể đâm vào tim hắn bằng chính con dao mà hắn đã dùng để đâm George Buxton. Nhưng để làm gì? Nàng không phá tan niềm hy vọng cuối cùng là sẽ cứu giúp những người mà vì họ nàng đã đến đây đây chứ?

Nàng trầm ngâm ngắm nhìn tên chuyên quyền đang ngủ hồi lâu. Song cơn đau đột ngột khiến nàng xanh xám mặt mày. Cái đói, cái đói dữ dội hành hạ ruột gan nàng. Jane thận trọng mở cái cửa mà bọn quân sư đã đi qua và thấy một bàn thức ăn thừa ở phòng bên cạnh. Nàng chạy bổ tới chiếc bàn, vớ bữa mấy miếng và nuốt vội một cách thèm thuồng. Nàng càng ăn thì sự sống càng trở lại với cơ thể kiệt sức của nàng, người nàng ấm lên, tim nàng đập mạnh hơn, thể lực và trí lực được hồi phục.

Sau khi đã được bồi bổ, nàng trở về căn phòng mà nàng đã để Harry Killer ở lại đó. Hắn vẫn đang ngủ và ngáy rất to. Jane Buxton ngồi xuống trước mặt hắn, quyết định chờ hắn thức dậy.

Một vài phút trôi qua, Harry Killer cựa mình và có cái gì đó lăn xuống sàn nhà, Jane cúi xuống nhặt cái vật đã rơi ra từ trong túi của kẻ đang ngủ. Đó là một chiếc chìa khóa nhỏ. Khi nhìn thấy chiếc chìa khóa này nàng nhớ lại những lần bỏ đi thường xuyên của Harry Killer, nhớ lại việc nàng muốn biết có gì đó ở sau cánh cửa đó. Và đây là cơ hội cho nàng thỏa trí tò mò của mình. Sự quyến rũ quá lớn.

Nàng nhẹ nhàng bước đến cửa và tra chìa khóa vào ổ. Cửa mở thật êm. Trước mặt nàng là một cầu thang dẫn xuống tầng dưới. Sau khi cẩn thận khép cửa lại sau lưng và nhón chân lên, Jane Buxton bắt đầu bước xuống cái cầu thang được một bóng đèn duy nhất chiếu sáng lơ mờ.

Cầu thang đưa nàng xuống tầng hầm. Jane ngấp ngừng dừng chân ở ngưỡng cửa tiền sảnh. Tên lính gác da đen đang ngồi trên ghế đi-văng tươi tỉnh đứng phắt dậy khi nàng xuất hiện. Jane yên tâm ngay: tên lính không tỏ ý thù địch, ngược lại, hắn kính cẩn nép người vào tường để nhường lối cho nữ khách đêm hôm đi qua. Nàng hiểu nguyên nhân của thái độ kính trọng đó khi nhận ra tên lính gác là người của đội vệ binh Đen. Hắn thường gặp nàng trong cung điện và tin vào ảnh hưởng của nàng đối với Ông chủ.

Nàng vững bước tiến đến cái cửa đang bị khóa và tra chìa khóa vào ổ. Cả cửa này cũng mở ra trước mặt nàng như cánh cửa lúc nãy. Jane đi vào một hành lang dài, hai bên có mười hai cái cửa. Tất cả các cửa, trừ một cửa, đều mở toang ra. Jane Buxton đưa mắt nhìn vào những căn phòng gần nhất, đúng hơn là những xà lim thiếu ánh sáng và không khí trong lành, chỉ được kê có một cái bàn và một cái giường tồi tàn. Các xà lim trống không.

Còn một cánh cửa đóng kín. Lần thứ ba Jane Buxton dùng chiếc chìa khóa ấy và cửa lại mở. Đầu tiên nàng không trông thấy gì trong phòng, bóng tối đang ngự trị ở đó. Lát sau khi mắt nàng đã quen dần nàng nhìn thấy một cái bóng lơ mờ và nghe rõ tiếng thở đều đều của một người đang ngủ.

Bằng cách siêu nhiên nào đó, Jane linh cảm chính xác là sẽ phát hiện ra điều lạ thường, nên nàng bần rùn cả người. Nàng dừng lại ở ngưỡng cửa hồi hộp, tim đập thình thịch, cạn kiệt sức lực, nhưng vẫn cố nhìn vào bóng tối một cách vô hiệu. Cuối cùng, nàng nhớ ra rằng trong hành lang, bên cạnh cánh cửa có cái công tắc và nàng đã vặn nó.

Jane Buxton bị sốc đột ngột và dữ dội biết bao.

Giả sử nàng có bắt gặp trong cái địa ngục này một trong số những người nàng vừa bỏ lại bên nhà máy, thậm chí nàng có tìm thấy ở đây anh George Buxton của mình – người mà suốt mười năm nay nàng tin là đã chết đi nữa, thì nàng cũng không ngạc nhiên đến thế.

Bị ánh sáng đột ngột đánh thức, người đàn ông ngồi dậy trên giường. Quần áo rách nát, qua các lỗ thùng lộ ra một tấm thân đầy thương tích, gầy gò như bộ xương.

Anh ta cố sức ưỡn thẳng người và xoay cặp mắt mở to vì sợ hãi về phía ánh đèn. Dù người tù bất hạnh mang những vết thương rùng rợn do bị tra tấn lâu ngày và gương mặt phờ phạc, Jane Buxton vẫn không thể nhắm và đã nhận ra ngay anh ta.

Trong ngục tối của Blackland nàng đã phát hiện ra người mà sáu tháng trước đây còn ở nước Anh làm việc yên ổn. Cơ thể tàn tạ này, con người khổ đau này là anh Lewis Robert Buxton của nàng.

Jane vô cùng kinh ngạc. Nàng vẫn đứng lặng thính.

— Lewis. — cuối cùng nàng thốt lên và lao về phía người anh bất hạnh đang luống cuống, lắp bắp: — Jane, Em đây ư! Em đây ư!

Họ gục vào lòng nhau nức nở hồi lâu.

— Jane! — cuối cùng, Lewis thì thào. — Làm sao em có thể đến cứu anh?

— Em sẽ kể sau, — Jane trả lời, — Chúng ta hãy nói về anh đi. Hãy giải thích cho em...

— Anh không thể nói gì được hết! — Lewis tuyệt vọng kêu lên. — Anh không nhớ gì cả. Ngày 30 tháng Mười một anh bị đánh ngất xỉu ngay trong phòng làm việc của mình. Tỉnh ra thì anh đã nằm trong một cái hòm, bị trói, bị bịt miệng. Chúng chờ anh đi như chờ hành lý, bằng nhiều phương tiện. Anh đang ở xứ nào? Anh không biết,... Đã bốn tháng này và hàng ngày chúng dùng kim hành hạ thân xác anh, đánh anh bằng roi...

— Ôi! Lewis! Lewis! — Jane cất tiếng rên rỉ, thốn thức.

— Nhưng tên đao phủ ấy là ai?

— Đó là... - Lewis bắt đầu. — Em không thể đoán ra kẻ đang đeo đuổi những điều tàn bạo như thế đâu, đó là... - Lewis bỗng im bặt.

Cánh tay gơ ra của anh chỉ vào một cái gì đó ngoài hành lang, còn đôi mắt ánh lên nỗi sợ hãi không sao tả xiết.

Jane nhìn ra cửa. Mặt nàng tái mét, tay nàng rút ra khỏi nịt váy con dao đã tìm thấy trong ngôi mộ của anh trai. Trước mặt họ là Harry Killer.

XII

Harry Killer

— Harry Killer! – Jane kêu lên.

— Harry Killer ư? – Lewis Buxton hỏi và ngạc nhiên nhìn em gái.

— Chính hắn đấy, – Killer làm bầm bằng cái giọng khàn khàn.

Hắn tiến lên phía trước một bước và thân hình đồ sộ của hắn đã chắn ngang cả cửa.

— Theo cô thì người ta đầu hàng như thế đấy phỏng? – hắn giận dữ cầu nhàu. – Hay bọn cô nghĩ rằng tôi dễ tính đến thế?

— Không được tới gần! – Jane vừa kêu vừa hươ con dao.

— Ô hô! – Harry Killer mĩa mai. – Cô mà cũng có vũ khí cơ đấy!

Song mắt hắn vẫn thận trọng dừng lại giữa phòng, không rời mắt khỏi con dao mà Jane Buxton dùng để dọa hắn.

Lợi dụng lúc hắn đang chần chừ, nàng kéo anh trai ra cửa, chắn lối rút lui của địch thủ.

— Phải, tôi có vũ khí, – nàng run run đáp lại. – và nó mới tuyệt làm sao! Tôi đã tìm thấy con dao này trong mộ... ở Koubo.

— Ở Koubo? Lewis lặp lại. – Có phải ở chỗ mà George...

— Vâng, ở Koubo, ở chỗ mà George đã hy sinh, không phải vì bị trúng đạn mà vì bị đâm bằng con dao có khắc tên của kẻ sát nhân – Killer này đây!

Harry Killer lùi một bước. Hắn xanh mặt, lúng túng, đứng dựa vào tường xa-lim và nhìn Jane với vẻ hoảng sợ thể nào ấy.

— Em nói là Killer à? – đến lượt Lewis kêu lên. – Em nhầm rồi, Jane ạ. Tên của con người này không phải như thế. Tên khác kia, còn tồi tệ hơn và chẳng mới mẻ gì với em đâu...

— Tên khác ư?

— Ừ... Hắn đã từ bỏ chúng ta khi em còn bé xíu, nhưng em đã được nghe nói nhiều lần về hắn. Đó là người con trai của mẹ em, William Ferney, anh của em đấy!

Điều Lewis Buxton nói ra đã gây cho hai nhân vật khác của màn kịch này những ấn tượng rất khác nhau. Trong khi Jane tui khỗ, rũ tay xuống thì William Ferney lấy lại được đầy đủ tính tự tin của mình. Hình như hắn tỉnh rượu ngay nữa. Hắn đứng thẳng người lên, phóng cái nhìn rực lửa căm thù và ác độc vào Jane và Lewis.

— A! Thì ra mày là Jane Buxton! – hắn rít lên. Rồi hắn nghiêng răng ken két, nhắc lại: A! Thì ra mày là Jane Buxton.

Và bỗng nhiên hắn bộc lộ hết những tình cảm xấu xa của mình, hắn cất tiếng nói, nói nhanh đến mức không kịp để cho lời thoát ra hết nữa:

— A ha! Mày đã đến Koubo! Ừ, đúng, tao đã giết nó... Anh George của chúng mày... Thắng George điên trai mà gia đình Buxton đã tự hào đến thế! Tao giết nó hai lần... Đầu tiên là tâm hồn... Sau đó là thể xác... Và bây giờ tao bắt giữ được hai đứa mày ở đây!... Trong tay tao, dưới gót sắt của tao! Chúng mày là của tao!... Tao muốn làm gì với chúng mày thì làm!

Hắn bước tới một bước, nhưng cả Jane lẫn Lewis đều không thể nhúc nhích. Hắn cúi xuống nói với họ:

— Chúng mày nghĩ là chúng mày biết nhiều lắm đấy phỏng? Chúng mày chẳng biết gì cả... Nhưng tao sẽ kể cho chúng mày nghe... Tất cả!... Và rất hả hê!... A ha! Lão đã đuổi tao đi, lão bố của chúng mày đó!... Giờ thì mặc cho lão vui sướng nhé! Tao chỉ thiếu có một điều... Tao muốn cho lão biết... trước khi chết... tay ai đã giáng cho lão những trận đòn... Tay này... Nó đây!... Tay của ta!...

Hắn đến gần hơn nữa, hầu như chạm vào người hai anh em đang hoảng sợ vì cơn điên loạn:

— A ha! Tao bị đuổi đi... Chẳng lẽ tao cần món tiền nhỏ nhoi mà lão định cho tao hay sao?... Tao cần

vàng, nhiều vàng, những đồng vàng cơ!... Và tao đã kiếm được... không cần chúng mày... một mình tao thôi!

Thế nào nhỉ?... Hạng người như chúng mày gọi nó là tội ác... Tao đã ăn cắp! Đã bắn giết!... Đã làm đủ mọi điều!... Mọi tội lỗi!...

Song vàng đối với tao không phải là tất cả... Tao còn căm thù... dòng họ Glenor khả kính của chúng mày!... Vì thế tao đến châu Phi... Tao quanh quẩn bên đội quân của George Buxton... Tao đến gặp nó... làm ra về... hối hận... ăn năn... lương tâm cắn rứt... Tao đánh lừa... giả nhân giả nghĩa... Nghi binh mà!... Thằng ngốc đã bị mắc mưu!... Rộng lòng đón tao... Tao ăn chung bàn... ngủ chung lều với nó... Rắc một ít bột vào thức ăn hàng ngày... Bột gì ư?... Bột gì mà chẳng được phải không nào?... Nha phiến... ma túy... Hãy đi mà tìm George Buxton!... Thằng nhóc, thằng nhóc bắt lực mất rồi!...

Người chỉ huy?... là tao... Những chiến tích mới thật là tuyệt!... Tất cả các báo đều kêu rêu về chúng... George Buxton là thằng điên... George Buxton là tên giết người... George Buxton là kẻ phản bội... Tao cười biết mấy khi đọc những lời lẽ đao to búa lớn ấy!... Nhưng rồi sau... Tụi lính đã đến... George Buxton bị chết... Tốt!... Nó đã bị si nhục... Càng tốt!... Tao đã giết nó để nó phải câm miệng...

Bây giờ ta đến đây và xây dựng nên thành phố này. Đối với kẻ bị tổng đi một cách nhục nhã cũng khá đấy chứ? Ở đây tao là chỉ huy... là ông chủ... là vua... là hoàng đế... Nhưng niềm vui của tao chưa trọn vẹn... Lão già còn một thằng con trai và một đứa con gái. Đầu tiên là thằng con trai... Một lần tao cần tiền, tao lấy của nó... và bắt luôn cả nó!... Ha-ha! Thằng con trai bị đánh ngã ngay tại chỗ... Thằng con trai bị đóng gói như một cái đùi lợn!... Trong hòm... Rồi chở đi!... Tàu hỏa, tàu thủy, tàu lượn chở đi!... Đến đây... Đến chỗ tao... Đến để chế của tao... Và tao sẽ giết nó... Như thằng kia... Nhưng không nhanh như thế đâu... Từ từ thôi... Mỗi ngày một ít... Còn ở nước Anh đó! Lão bố... Ồ!... Lão huân tước!... Lão nhà giàu!... Lão bố nghĩ rằng thằng con trai của lão đã ôm tiền... lùi mất!... Lạy Chúa, công việc đã được sắp đặt cũng khá đấy chứ!...

Còn một đứa con gái... em tao... Ha ha! – Em gái của tao!... Bây giờ đến lượt nó... Nhưng nó biến đâu rồi? Tao đi tìm... Khi thật!!! Nó lại dẫn xác tới đây!... May thế đấy... Chút xíu nữa thì tao lấy nó làm vợ! Cười chết đi được...! Vợ tao ư!... Ồ, không đâu!... Vợ của một thằng bet dem trong đám nô lệ của tao thì có!...

Lão còn gì nào?... Cái lão huân tước ấy! Với tiếng tăm và giàu sang của lão?... Hai thằng con trai?... Một thằng phản bội, một thằng ăn cắp... Đứa con gái?... Mất dạng... Lão chỉ còn có một mình!... Hoàn toàn cô độc!... Và cái giống Glenor đã tiệt!... Tao đã trả thù, đã trả thù đích đáng!

Những lời chửi rủa ấy kết thúc như tiếng thú gầm. William Ferney ngừng nói, thở hổn hển vì giận dữ. Hắn vươn đôi tay co quắp về phía các nạn nhân. Hắn không còn là một sinh vật có lý trí nữa: đó là một kẻ điên rồ, một con thú đang lồng lộn.

Jane và Lewis Buxton kinh ngạc nhìn hắn, lo sợ cho hắn hơn là cho bản thân mình. Sao tâm hồn của một con người lại có thể chứa lòng thù hận bất trị như thế được?

— Tội nay, – con quái vật kết luận, – tao để cho hai đứa mày ở lại với nhau, sướng nhé. Nhưng ngày mai...

Một tiếng nổ, có lẽ rất dữ dội vì nó vọng đến tận xàlim, át hẳn tiếng nói của William Ferney. Hắn im bật, ngạc nhiên, lo lắng vênh tai nghe ngóng...

Liền sau tiếng nổ là bầu không khí im lặng như tờ, rồi thì nghe rõ tiếng kêu, tiếng rú xa xa, tiếng la hét của đám đông phần nô, trộn lẫn một vài tiếng súng trường và súng ngắn...

William Ferney không nghĩ về các tù nhân nữa. Hắn lắng nghe và cố đoán xem tiếng động ấy có nghĩa là gì. Một tên trong bọn vệ binh Đen lao vào xà-lim.

— Ông chủ! – hắn hổn hển kêu lên. – Thành phố đang bốc cháy!

William Ferney chửi đồng, rồi tông vào Jane và Lewis Buxton đang đứng chắn đường hắn, phóng ra hành lang và biến mất.

Kết cục đột ngột đến mức hai anh em không thể hiểu nổi. Với tâm trạng luống cuống, họ chỉ nghe được loảng thoảng tiếng nổ và tiếng la hét đã cứu họ khỏi tay tên đồ tể.

Uất ức vì cảnh tượng tàn khốc mà họ vừa chứng kiến, ră rồi vì những khổ đau mới đây, day dứt vì nghĩ

rằng cha già đang chết dần chết mòn trong tuyệt vọng và hổ thẹn, họ khóc òa lên.

XIII

Một Đêm Đắm Máu

Bàng hoàng trước cảnh tượng hãi hùng mà họ vừa trải qua, Jane và Lewis vẫn còn đứng ôm nhau hồi lâu. Rồi sau nước mắt của họ dần dần khô ráo và họ tỉnh lại.

Cái đầu tiên làm cho họ ngạc nhiên là cảm giác im lặng ghê rợn. Cung điện dường như đã chết. Trái lại, bên ngoài tiếng la hét, tiếng súng bắn, tình trạng rối loạn mỗi lúc một gia tăng. Jane bỗng hiểu ý nghĩa của tiếng ồn ào bí ẩn đó.

— Anh có thể đi được không? – nàng hỏi.

— Anh sẽ cố thử.

— Chúng ta đi thôi!

Họ bước ra khỏi xà-lim và đi vào hành lang, nơi tên cai ngục đứng gác. Hành lang trống không: tên cai ngục đã biến đâu mất.

Họ đi từ tầng dưới lên tầng trên rất vất vả. Jane dùng chiếc chìa khóa lấy được của William Ferney để mở cửa và nàng cùng Lewis lọt vào căn phòng nơi mà trước đó không lâu nàng đã bỏ lại tên điên rồ, khi chưa biết hẳn là anh của nàng. Giống như tiền sảnh, phòng này cũng vắng teo. Jane đỡ anh trai ngồi xuống, đôi chân của anh bị khuy và lúc ấy nàng mới cảm thấy tình cảnh kỳ lạ của mình. Cảnh vắng lặng này là sao? Tên đồ tể của họ biến đâu mất rồi? Đột nhiên nàng nổi hứng, đánh bạo để anh ngồi lại và bỏ đi xem xét cung điện.

Nàng bắt đầu từ tầng một. Khi đi ngang qua cửa phía ngoài, nàng thấy nó được đóng rất cẩn thận. Nhưng tất cả các cửa bên trong đều mở toang, rõ ràng là bọn triều thần đã bỏ chạy bán sống bán chết. Nàng càng ngạc nhiên khi đi qua ba tầng còn lại và cũng nhìn thấy chúng trống trơn. Khó mà tin được, nhưng cung điện đã bị bỏ hoang.

Chỉ còn lại tháp trung tâm và sân hiên dưới nó. Jane thoáng dừng lại ở chân cầu thang dẫn lên sân hiên, rồi chậm rãi bước lên.

Không, cung điện không bị bỏ hoang. Khi nàng đang đi trên cầu thang thì tiếng nói ồn ào từ bên ngoài vọng đến tai nàng. Nàng bước qua những bậc thang cuối cùng và được bóng tối che chở, nàng thận trọng đưa mắt nhìn sân hiên sáng trưng ánh đèn pha của nhà máy.

Bọn sống trong cung điện tụ tập ở đây. Jane run sợ nhận ra William Ferney. Nàng còn nhận ra được lũ quân sư, mấy tên vệ binh Đen và bọn đầy tớ trong cung điện.

Bọn chúng đang gặp người trên lan can, chỉ chỗ nhau xem cái gì đó ở đằng xa, hươ tay loạn xạ. Cái gì làm cho chúng hoảng hốt đến thế?

Bỗng William Ferney đứng thẳng người lên, oang oang ra lệnh và cùng với người của mình, hấn lao nhanh về phía cầu thang nơi Jane đang đứng. Cả bọn hằm hằm vung vẩy súng ống.

Chỉ còn tích tắc nữa thôi thì chỗ nấp của Jane sẽ bị phát hiện. Lúc đó lũ người ấy sẽ làm gì với nàng? Nàng chết lặng.

Jane sợ hãi nhìn quanh; bỗng nàng nhìn thấy cánh cửa ngăn cách cầu thang với sân hiên. Bất giác nàng xô cánh cửa. Cửa đóng sầm lại.

Tiếng la hét và chửi rủa tục tĩu từ bên ngoài vọng đến chỗ Jane. Nàng chưa kịp cài cái then cuối cùng thì bọn chúng đã bắt đầu nện báng súng vào chướng ngại vật bất ngờ hiện ra trước mặt chúng.

Tiếng gào thét, tiếng đập cửa thành thành làm cho Jane sợ hãi, nàng đứng yên run rẩy. Nàng không thể cử động gì để cứu lấy cuộc sống của mình. Dán mắt vào cánh cửa, nàng đợi nó sập xuống trước những cú đập của kẻ thù hung dữ.

Nhưng cánh cửa không đổ. Thậm chí nó cũng không rung lên vì bị đập dữ dội. Khi ấy Jane đã hơi bình tâm và nhận ra là cánh cửa đó, cũng như tất cả các cửa khác trong nhà máy và cung điện, được làm bằng

một tấm gỗ rất dày, có bịt sắt và có khả năng chịu nổi mọi va đập.

Nàng bình tĩnh bắt đầu đi về chỗ anh trai đang ngồi và lúc ấy thấy rằng chiếc cầu thang từ tầng dưới lên sân hiên bị năm cái cửa lằn lượt chắn ngang. William Ferney đoán trước mọi điều nên đã cho xây cho mình nơi trú ẩn kiên cố. Cung điện của hắn được ngăn ra thành nhiều khu mà nếu có chiếm thì cũng phải chiếm từng khu một. Song giờ đây, gây ông đập lưng ông.

Jane khóa tất cả năm cửa đó lại, như đã đóng cửa đầu và đi xuống tầng dưới.

Các cửa sổ của cung điện đều có chấn song chắc chắn và tấm bịt bằng sắt. Không chần chừ, Jane đóng các tấm bịt cửa sổ ở tất cả các tầng lại, không trừ một tầng nào cả. Sức đâu mà nàng vẫn được các tấm sắt nặng nề đó? Nàng hành động, như trong mộng du, khéo léo và nhanh nhẹn. Chừng một tiếng đồng hồ thì xong. Nàng đang ở giữa cái pháo đài thực sự được xây bằng đá và sắt, vô cùng vững chắc.

Và chỉ đến khi đó Jane mới cảm thấy mệt. Đôi chân nàng run run. Với đôi bàn tay đầm máu nàng rẽ rời, lê bước xuống chỗ anh trai.

— Em sao thế? – anh lo lắng hỏi khi thấy nàng trong tình trạng như thế.

Sau khi lấy lại hơi, Jane kể cho anh nghe những việc đã làm.

— Chúng ta đã làm chủ cung điện, – nàng kết luận.

— Nhưng ngoài cái cầu thang này, không còn lối ra nào khác hay sao? – người anh hỏi, anh ta không thể nào tin nổi sự việc lại biến chuyển đến như vậy.

— Em tin là không. William bị nhốt trên sân hiên và không thể ra khỏi đó được.

— Nhưng chúng tập trung trên đó để làm gì? – Lewis hỏi. – Chuyện gì đang xảy ra ở đây?

Chính Jane cũng không biết. Nàng không được chứng kiến tất cả công việc chuẩn bị khởi nghĩa. Cần phải nhìn ra bên ngoài. Họ đi lên tầng trên và mở hé một cánh bịt cửa sổ. Tới đây, họ hiểu ngay nỗi hốt hoảng của William Ferney và đồng bọn của hắn. Ngay dưới chân họ là bãi đáp tối đen và yên lặng, thế nhưng bên bờ phải của sông Đỏ, họ nhìn thấy nhiều đám lửa sáng rực, tiếng la hét giận dữ từ đó vọng đến chỗ họ. Tất cả nhà của người da đen đều bốc cháy. Trung tâm của thành phố – khu nô lệ – là một đồng lửa khổng lồ.

Đám cháy hoành hành cả ở khu Dân sự và khu các Chàng trai Vui tính cũng bắt đầu bốc lửa. Ở đó, tiếng kêu la, chửi rủa, rên rỉ lẫn trong những loạt súng bắn không ngừng.

— Đó là Tongané! – Jane nói. – Những người nô lệ đã nổi dậy.

— Nô lệ? Tongané? – Lewis hỏi lại vì đối với anh những từ này đều không mang ý nghĩa gì.

Cô em gái giải thích vắn tắt cho anh rõ chế độ Blackland, kể cho anh nghe nàng đã bị bắt đến thành phố này như thế nào, nàng đi du lịch để làm gì, nàng đã xác định được anh George Buxton của họ vô tội ra làm sao. Nàng chỉ cho Lewis thấy cái nhà máy rực ánh đèn pha và kể tên những người bạn của mình đang lẫn trốn trong đó.

— Thế bây giờ chúng ta phải làm gì? – Lewis hỏi.

— Chờ đợi, – Jane trả lời, – những người nô lệ không biết chúng ta và trong tình trạng nhón nháo như thế này họ không thể phân biệt chúng ta với bọn kia được.

Hơn nữa, chúng ta sẽ chẳng giúp được họ bao nhiêu vì chúng ta không có vũ khí.

Lewis thấy rằng giá có vũ khí cũng lợi, Jane đã đi tìm và mang về một khẩu súng trường, hai khẩu súng lục và một ít đạn.

Lúc ấy tình hình đã thay đổi. Những người da đen tìm ra lối đi và tràn qua đầy bãi đáp, họ có hơn ba nghìn người ở đó. Họ đánh chiếm trại lính vệ binh Đen, giết sạch bọn chúng và tấn công vào các hănga. Xuất hiện các đám lửa. Những người nô lệ đang trả thù cho những khổ đau triền miên của mình và rõ ràng là họ chưa thể hả dạ khi chưa phá tan thành phố và giết hết cư dân của nó.

Nhìn cảnh đó, William Ferney đã nổi điên vì bất lực. Có thể nghe rõ tiếng gào thét và chửi rủa của hắn. Từ trên sân hiên, tiếng súng vang lên không ngớt và đạn bay vào đám đông những người da đen, làm chết nhiều người trong bọn họ, nhưng những người khác hình như không chú ý đến điều đó. Ngọn lửa bốc lên từ trại lính và hănga chiếu sáng bãi đáp như một bó đuốc khổng lồ, quân khởi nghĩa sau khi phá xong trại lính và hănga thì tấn công thẳng vào cung điện, họ đập phá cánh cửa một cách vô hiệu.

Cũng đúng vào lúc ấy, từ hướng sông Đỏ vang lên những loạt súng cá nhân. Sau khi chinh đồn đội ngũ,

các Chàng trai Vui tính vượt qua cầu, triển khai đội hình trên bãi đáp và bắn bừa vào đám đông. Chẳng mấy chốc trên mặt đất đã ngổn ngang hàng trăm xác chết.

Những người nô lệ giận dữ hét lên, lao vào quân địch. Trận chiến ác liệt bắt đầu, không có hòa khí, những người da đen đánh giáp lá cà, đánh bằng rìu, dao, giáo, mác và bằng cả răng nữa. Các Chàng trai Vui tính đáp lại bằng lưỡi lê và súng bắn trực diện. Kết quả trận đánh đã rõ. Ưu thế của vũ khí thắng quân số. Tàn quân da đen rút chạy về bờ bên phải. Bọn thắng trận rượt theo để vớt vát những gì có thể vớt vát được, tức là cứu phần giữa của khu các Chàng trai Vui tính chưa bị ngọn lửa bao trùm.

Khi bọn chúng đang vượt qua cầu để bám theo những người rút lui thì phát ra tiếng nổ khủng khiếp. Từ trên tầng cao của cung điện, Jane và Lewis thấy vụ nổ xảy ra ở chỗ xa nhất của khu Dân sự. Dưới ánh sáng của các đám cháy, họ còn nhìn thấy một phần của khu phố đỏ và một đoạn đường sụp xuống.

Vụ nổ đã mở một lối đi rộng rãi ra hướng cánh đồng. Bây giờ thì những người da đen thất trận có thể chạy qua phá khẩu và trốn vào các bụi rậm. Và lại, cuộc truy kích cũng đã bắt đầu chững lại. Mười lăm phút sau, bọn da trắng rời bỏ bờ phải của sông Đỏ và quay lại bãi đáp. Những tiếng nổ mới làm cho chúng sợ hãi.

Nguyên nhân gây ra các vụ nổ đó là gì? Không ai biết. Nhưng rõ ràng là chúng xảy ra không ngẫu nhiên, mà theo ý muốn của một người nào đó. Như chúng ta đã biết, vụ nổ đầu tiên xảy ra ở ngoại vi thành phố, ở ô phố của khối Dân sự, cách xa cung điện nhất. Năm phút sau lại nghe thấy hai tiếng nổ khác, ở bên trái và bên phải chỗ đó. Rồi sau năm phút nữa có thêm hai tiếng nổ mới, nghe to hơn và gần hơn. Các vụ nổ cứ tiến dần về phía cung điện theo đường cung của khối Dân sự. Thế là bây giờ các Chàng trai Vui tính vừa truy kích những người da đen bắt đầu chạy tìm nơi trú ẩn trên bãi đáp.

Những tiếng nổ khó hiểu vẫn tiếp tục một cách đều đặn. Cứ sau nửa giờ thì nghe thấy tiếng ầm ầm và một phần khác của khối Dân sự biến thành đồng đồ nát.

Số dân da trắng của Blackland còn sống sót, tụ tập trên bãi đáp, vô cùng kinh ngạc theo dõi các vụ nổ không thể hiểu được ấy. Hình như có sức mạnh cao siêu và khủng khiếp nào đó đang triệt hạ thành phố một cách có phương pháp. Bọn cướp so với những kẻ hèn yếu thì táo tợn đến thế mà cũng run lẩy bẩy vì sợ hãi. Sau khi tiến sát tới cung điện, chúng hoài công đập phá cửa ra vào, kêu gọi William Ferney mà chúng thấy trên sân hiên, nhưng chúng không thể hiểu tại sao hắn bỏ rơi bọn chúng. Ferney cố dùng động tác cho bọn chúng hiểu, song vô ích vì chúng không hiểu, còn lời nói thì đã tan biến trong tiếng ồn đinh tai văng óc.

Đêm đã trôi qua như thế đó. Bình minh soi sáng cảnh tượng hãi hùng. Bãi đáp chất đầy xác chết của người da đen và da trắng. Người da trắng giành được thắng lợi nhưng phải trả giá đắt. Chỉ còn lại chưa đầy bốn trăm người lành lặn trong số tám trăm người mà mới hôm qua đây thôi còn tạo thành khối Dân sự và khối các Chàng trai Vui tính. Những người khác đã chết vào giai đoạn đầu của cuộc nổi dậy, khi bị tấn công bất ngờ hoặc bị chết trên bãi đáp.

Những người nô lệ tản ra các cánh đồng ngoại vi thành phố. Nhiều người trong số họ đã bỏ đi.

Song phần lớn không dám ra xa Blackland. Họ đi thì cả khu Dân sự và một nửa khu nô lệ chỉ còn là những đồng gạch vụn.

Lúc đó trên sân hiên của cung điện vang lên một tiếng súng rất to. Tiếp theo nó là những tiếng khác nữa. Lewis Buxton lo lắng nắm tay em gái.

— William đang dùng súng đại bác bắn phá cửa sân hiên đấy, — Jane nói.

— Nhưng như vậy chúng sẽ xuống được, phải không? — và Lewis siết chặt khẩu súng. — Thà chết còn hơn lại sa vào tay của hắn.

Jane ngăn anh lại.

— Chúng chưa có ở đây, — nàng bình tĩnh nói. — Trên đó còn năm cái cửa như thế và ba cái dưới cùng ở chỗ không thể đặt đại bác để bắn vào chúng được.

Tiếng súng quả đã im. Tiếng động rầm rầm lẫn tiếng chửi bới tức giận vọng từ sân hiên xuống chứng tỏ William Ferney và thuộc hạ của hắn đang cố bố trí súng đại bác để bắn vào cái cửa thứ hai.

Nhưng chúng phải bỏ dở việc ấy. Biển cổ mới đánh lạc hướng sự chú ý của bọn cướp đã ngắt lời nàng. Vang lên tiếng nổ đặc biệt mạnh và gần hơn rất nhiều. Phá nhân hùng mạnh bây giờ đã tấn công vào bờ

trái, đến khu vườn của nhà máy. Đất đá bắn tung lên trời.

Trong khi đám bụi còn dày đặc trên không, thì Lewis và Jane nhìn thấy một đám đông từ những cái cửa mở toang của nhà máy lao ra bờ sông. Jane nhận ra đám người này. Đó là các bạn tù của nàng, là các công nhân của Camaret, họ chạy sát bên nhau, ở giữa là phụ nữ và trẻ em. Tại sao họ lại rời nơi ẩn nấp của mình và chạy ra bãi đáp, là nơi sẽ phải chạm trán với các Chàng trai Vui tính hung dữ như thế nhỉ?

Các Chàng trai Vui tính vẫn chưa nhìn thấy địch thủ mới vì bị bức tường trên bãi đáp che khuất. Nhưng William Ferney trên sân hiên đã trông thấy và chỉ tay về phía họ. Bọn ở dưới đất không hiểu điều bộ của hắn. Đám người từ nhà máy chạy ra đã đến cửa nối liền bờ sông với bãi đáp một cách dễ dàng và lọt vào bãi đáp.

Các Chàng trai Vui tính vớ lấy vũ khí và hò hét lao vào họ. Song giờ đây chúng không phải đương đầu với những người nô lệ. Các công nhân được vũ trang bằng mọi thứ: búa, kìm, gậy sắt, tự mình lao về phía trước. Trận chiến thật khủng khiếp. Máu chảy thành dòng trên bãi đáp.

Jane đưa hai tay bịt mắt, cố gắng không nhìn cảnh tượng hãi hùng. Trong số những người đang chiến đấu nàng có biết bao nhiêu là bạn. Nàng lo sợ cho Barsac, cho Amédée Florence, cho bác sĩ Châtonnay tuyệt vời và đặc biệt cho Saint-Bérain, người mà nàng thương yêu triu mến đến thế.

Nhưng những tiếng hò hét giận dữ im dần. Bên quân đông hơn và vũ khí tốt hơn đang áp đảo. Toán quân từ nhà máy chạy ra đã bị chia cắt. Một bộ phận vừa đánh vừa rút lui về phía bờ sông, còn một bộ phận khác, trong đó có Barsac và Amédée Florence thì dạt đến cung điện.

Số này không còn tia hy vọng sống sót nào. Họ bị dồn sát vào chân tường, trước mặt họ là các Chàng trai Vui tính, còn trên sân hiên là William Ferney và đồng bọn của hắn, chúng bắn thoải mái vào những người bất hạnh cùng đường.

Bỗng cái cửa gần chỗ họ đứng bật mở và Jane Buxton hiện ra. Đang bị quân địch vây ép nên họ ủa luôn vào cung điện, lúc đó Jane và Lewis dùng súng bắn chặn bọn tấn công lại.

Sừng sốt trước sự can thiệp khó hiểu ấy, các Chàng trai Vui tính khựng lại trong giây lát. Rồi sau khi tỉnh ra, chúng lao vào tấn công, nhưng đã muộn. Cánh cửa nặng nề đóng sập lại.

XIV

Kết Cục Của Blackland

Sau khi đã khóa chặt cửa, những người trốn chạy lo săn sóc các thương binh. Với sự giúp đỡ của Barsac và Amédée Florence – chính anh cũng bị thương nhẹ. – Jane chăm sóc những người mà số phận trớ trêu đã đưa đẩy họ đến chỗ ở của kẻ thù tàn bạo của họ.

Khi việc băng bó đã xong, thì cô gái lại phải lo cho những người bất hạnh, bị cái đói hành hạ mấy ngày nay, ăn uống. Sau hồi lòng sục thúc ăn ở khắp tất cả các tầng, mọi người cũng đã được ăn uống chút đỉnh. Nhưng tình thế vẫn hết sức nghiêm trọng, giờ cáo chung không thể tránh khỏi dường như chỉ kéo dài thêm mấy tiếng đồng hồ.

Mười một giờ trưa. Các vụ nổ vẫn tiếp tục, trên bãi đáp nghe rõ tiếng la hét của các Chàng trai Vui tính, thỉnh thoảng chúng lại phí công công phá cánh cửa, còn từ trên sân hiên thì vọng xuống tiếng chửi bới của William Ferney và đồng bọn của hắn, song những người chạy trốn ý thức được rằng pháo đài của họ gần như là bất khả xâm phạm.

Vừa mới được rảnh tay là Jane Buxton hỏi ngay Amédée Florence lý do họ rời khỏi nhà máy và đánh nhau trong điều kiện không cân sức như thế ngoài bãi đáp. Chàng phóng viên kể lại những gì đã xảy ra sau khi nàng đi khỏi. Anh kể rằng cuối cùng Tongané đã phát tín hiệu hăng mong đợi và Marcel Camaret đã chuyển sang khu giữa một vài gói thuốc nổ cùng với nhiều gươm đao, giáo mác. Sau đó những người bị bao vây tập trung đến cửa chính, sẵn sàng lao vào trận đánh khi nó bắt đầu.

Nửa giờ sau khi chuyển vũ khí thì một tiếng nổ đã vang lên. Đó là Tongané phá một trong mấy cái cửa ở khu người da đen. Nhà cửa bốc cháy và những người nô lệ tràn sang khu Dân sự, phá hết mọi thứ. Những việc diễn ra sau đó, Jane đã biết. Nàng còn nhìn thấy những người da đen bị đánh bật ra khỏi bãi đáp nhanh đến mức không ai kịp đến cứu họ. Công nhân quả đã ra khỏi nhà máy nhưng họ buộc phải rút lui ngay vì số đông những người da đen đã bỏ chạy khỏi bãi đáp.

Những người bị bao vây đành phải ở lại nhà máy thêm một đêm nặng nề. Thất bại của cuộc nổi dậy không cho phép họ hy vọng kết liễu được Harry Killer. Và họ phải chứng kiến những vụ nổ liên tiếp mà Jane không thể biết nguyên nhân của chúng.

Amédée Florence giải thích cho nàng hay rằng Marcel Camaret điên loạn đã gây ra những vụ nổ ấy.

Camaret, nhà phát minh thiên tài, gần như bị điên; nhiều biểu hiện thất thường, trái với trí óc thông minh và điềm tĩnh của ông đã cho thấy điều đó. Các biến cố trong tháng gần đây đã đưa ông đến tình trạng điên loạn.

Những tổ giác mà các tù nhân của Harry Killer chạy sang nhà máy nói ra đã giáng đòn đầu tiên. Đòn thứ hai, còn ê chề hơn, là những lời thú nhận của Daniel Frasne. Sau khi biết rõ tất cả sự thật, Camaret ngày càng gần đến chỗ mất trí.

Việc cung cấp vũ khí cho Tongané là hành động có ý thức cuối cùng của ông. Khi phát ra tiếng nổ và ngọn lửa soi sáng cả khu nô lệ và khu Dân sự, thì mọi người ở bên viên kỹ sư thấy ông tái mặt và đưa tay lên cổ như bị ngạt thở. Đồng thời ông lấp bấp rất nhanh những lời rời rạc. Chỉ có thể hiểu những từ được nhắc đi nhắc lại mãi bằng cái giọng khe khẽ đó là: “Tiêu tan sự nghiệp của tôi! Tiêu tan sự nghiệp của tôi!”. Một hồi lâu, có thể đến mười lăm phút, Marcel Camaret cứ vừa nói những lời ấy vừa lắc đầu, rồi bỗng nhiên ông rướn thẳng người, đâm tay vào ngực mình và kêu lên: “Chúa đã nguyên rủa Blackland!...”

Nếu căn cứ vào điệu bộ khi ông nói thì trong ý thức của ông, chúa rõ ràng là chính bản thân ông.

Mọi người không kịp ngăn ông lại. Ông vừa chạy đi vừa la “Chúa đã nguyên rủa Blackland! Chúa đã nguyên rủa Blackland!...”.

Ông trốn luôn trong tháp, sau khi đã lên đến tầng trên cùng và khóa trái tất cả các cửa lại. Hệ thống bảo tháp cũng giống như hệ thống bảo vệ bên cung điện nên không thể lên chỗ ông được, y như William

Ferney không thể từ sân hiên, là nơi hắn đang bị nhốt, xuống đất. Trong lúc Camaret chạy lên tháp thì vẫn nghe rõ tiếng của ông nhắc đi nhắc lại: “Chúa đã nguyên rủa Blackland!...”

Và hầu như ngay sau đó, tiếng nổ đầu tiên đã phát ra.

Dưới sự chỉ huy của Rigo, một vài công nhân, mặc dù sức yếu, đã lao vào nhà máy ngắt điện, định cô lập cái tháp. Nhưng Camaret có năng lượng dự trữ, thậm chí có cả máy phát điện chạy bằng khí lỏng, đủ cho ông dùng trong mấy ngày. Các tiếng nổ vẫn không ngớt. Thế nhưng những chú “ong vò vẽ” đã ngừng vũ điệu bảo vệ của mình và rơi xuống hào. Lúc đó mọi người lại phải cung cấp điện cho tháp và Camaret, mặc dù điện loạn, đã làm cho các chú “ong vò vẽ” hoạt động lại ngay.

Thế rồi đêm đã qua. Rạng sáng, Camaret hiện ra trên sân tháp. Từ trên đó ông nói vọng xuống hồi lâu, nhưng chỉ có thể nghe được những từ rời rạc: “Nỗi giận dữ của Chúa”, “lửa trời”, “phá sạch sành sanh”. Camaret kết thúc bằng tiếng kêu mà khắp nơi trong nhà máy đều nghe thấy “Chạy đi!...Tất cả hãy chạy đi!... – và lại biến vào trong tháp.

Bấy giờ vang lên tiếng nổ đầu tiên ở bờ trái. Vụ nổ xảy ra ngay trong nhà máy đã làm cho nhân viên của nó hoảng sợ. Họ quyết định thử vận vì phải chọn một trong hai cái chết.

Rủi thay, họ đã chạm trán với các Chàng trai Vui tính trên bãi đáp và bị chia làm hai, một số trốn vào cung điện của Ferney, số khác phải rút ra bờ sông.

Từ trên cung điện có thể nhìn thấy nhóm công nhân đó. Họ không dám tấn công nữa và cũng không dám quay trở về nhà máy, nơi họ có thể lại rơi vào tay của một người đang điên. Đói là, kiệt sức, họ nằm lẩn ra đất, hứng chịu những đòn tấn công của kẻ thù, bọn chúng có thể tấn công vào họ từ bờ sông bên phải hoặc từ trên sân hiên của cung điện mà không sợ nguy hiểm gì.

Jane Buxton nhận ra Saint-Bérain và bác sĩ Châtonnay trong đám công nhân ấy. Không ai trong số bạn bè của nàng, đặc biệt là những người mà nàng quý mến hơn cả, bị hy sinh trong cuộc phiêu lưu khủng khiếp này.

Jane vừa mới cảm thấy niềm an ủi tương đối đó thì ở các tầng trên của cung điện nghe rõ tiếng ầm ầm. Tiếng động phát ra từ sân hiên, bọn bị nhốt đang cố lật những phiến đá lát nền. Nhưng nó rất chắc. Giá như William Ferney và đồng bọn không bị đuổi sức vì đói, thì nhất định là chẳng bao lâu nữa chúng sẽ thành công. Dù sao, đến gần sáu giờ chiều, nền sân hiên cũng đã bị chọc thủng và chúng chui được xuống tầng bốn.

Những người bị bao vây đang ở tầng ba. Họ đóng cẩn thận các cửa và bắt đầu chờ đợi.

Jane Buxton tranh thủ kể cho Barsac và Amédée Florence nghe những chuyện phiêu lưu của mình, những chuyện đã xảy ra sau khi nàng rời khỏi nhà máy.

Gần bảy giờ, trần tầng ba bắt đầu rung lên vì bị nện rầm rầm. William Ferney và bọn cướp đã xuống được tầng ba và đang nghỉ ngơi.

Bốn giờ sáng, chúng bắt đầu đục trần tầng hai. Không đợi đến lúc bị nó chọc thủng, những người bị bao vây đã rút xuống tầng một. Đây là nơi trú ẩn cuối cùng của họ.

Trong khi William ráng sức phá bỏ những chướng ngại vật trên đường tiến của hắn, thì mặt trời đã mọc lên trên bầu trời quang đãng. Và bây giờ có thể thấy rõ quy mô của thảm họa. Từ nay tên chuyên quyền ở Blackland sẽ chỉ ngự trị trên đồng đồ nát. Thành phố đã bị hủy hoàn toàn. Chỉ có hai ngôi nhà ở khu các Chàng trai Vui tính, đối diện ngay với cung điện là còn sót lại. Nhưng mấy phút sau khi mặt trời lên thì chúng cũng nổ tung, hoàn tất việc phá hủy toàn bộ bờ phải.

Song các vụ nổ vẫn không dứt, trái lại, chúng xảy ra nhanh hơn. Sau khi phá xong bờ phải, Marcel Camaret bắt đầu điều khiển việc hủy diệt một cách thận trọng và khéo léo. Ông lần lượt cho nổ tung khu nhà ở của công nhân, các phân xưởng, các nhà kho – như để kéo dài sự khoái lạc, nhưng không đụng đến những bộ phận quan trọng của nhà máy, ví dụ như số máy móc cung cấp năng lượng cho công việc khủng khiếp của ông.

Các Chàng trai Vui tính trên bãi đáp vốn trụ lại tương đối yên vào những giờ cuối đêm và có vẻ như đã từ bỏ những cuộc tấn công vô ích vào cửa, nay lại bắt đầu la hét xông vào đập phá.

Hành động quyết liệt của bọn chúng khiến những người bị bao vây phải ngạc nhiên. Tại sao chúng kiên trì? Blackland còn đâu nữa, vậy thì chúng có hy vọng vào cái gì cơ chứ? Chúng bỏ cái thành phố đã chết

này mà đi Niger có hơn không?

Những đoạn hội thoại rời rạc từ bãi đáp vắng lại đã lý giải cho hành vi của các Chàng trai Vui tính. Chúng không có ý định giải thoát cho tên thủ lĩnh bị chúng buộc tội là phản bội, chúng chỉ mong sao sớm rời bỏ cái thành phố đã bị phá hủy này, nhưng trước tiên chúng muốn chiếm được số châu báu mà theo chúng William Ferney đang giấu đầy trong cung điện. Sau khi chia chác xong số của cái ấy, chúng sẽ tẩu đi tìm hạnh phúc dưới những khoảng trời khác.

Những người bị bao vây chắc đã vui lòng làm cho chúng thỏa mãn. Rủi thay, chính bản thân họ cũng không biết các kho báu đó nếu như có thì nằm ở đâu và vì thế họ không thể thoát khỏi kẻ thù của mình.

Đến chín giờ sáng, tình hình vẫn không thay đổi, nếu không kể đến những tiếng nổ ngày càng dồn dập ở hướng nhà máy. William đang đục trần tầng hai, còn các Chàng trai Vui tính thì tiếp tục đập phá cánh cửa. Nhưng bỗng nhiên các Chàng trai Vui tính thay đổi chiến thuật. Một mồi vì không động vỡ được cửa, chúng quay sang chú ý vào khối đá xây quanh nó. Tiếng dụng cụ đục đá của bọn chúng vang lên trong suốt một giờ, rồi sau có tiếng nổ rất mạnh, phần dưới của rầm cửa bên phải vỡ tung ra. Cái cửa vẫn không đổ, nhưng liều thuốc nổ tiếp theo nhất định sẽ phá hủy được nó. Nhiều nòng súng đe dọa đã thò qua lỗ thủng.

Những người bị bao vây buộc phải rút vào một trong những căn phòng xa nhất ở tầng một, còn các Chàng trai Vui tính đã bắt đầu đục lỗ cho quả mìn thứ hai.

Hầu như cùng lúc đó, có tiếng sục sỡ – trần tầng hai đã bị chọc thủng. Vài phút sau những người bị bao vây nghe thấy tiếng bước trên tầng hai và tiếng đục bắt đầu vang lên ngay trên đầu họ.

Tình thế trở nên tuyệt vọng. Nửa giờ nữa ba hoặc bốn trăm các Chàng trai Vui tính sẽ từ bên ngoài ập vào. Bên trên, hai mươi tên cướp hung dữ có thể bắn qua trần nhà xuống tầng một ngay bây giờ. Những con người bất hạnh không thể chống lại số phận được nữa rồi. Jane và Lewis Buxton, Amédée Florence và Barsac cố an ủi họ mà không có kết quả gì. Họ nằm xoài trên sàn, tuyệt vọng chờ đón đòn chí tử.

Nhưng mọi việc bỗng thay đổi. Cả các Chàng trai Vui tính lẫn William Ferney cũng vứt bỏ công việc của mình. Tiếng nổ thật dữ dội, không giống với những tiếng nổ đang xảy ra gần đây. Sau tiếng súng, có lẽ là của đại bác đó, là những tiếng súng khác và chưa đầy năm phút thì bức tường ngăn phần đông – nam của bãi đáp với ruộng bị thủng một lỗ rất lớn.

Một vài Chàng trai Vui tính vừa la hét vừa lao về phía lỗ thủng. Rõ ràng là chúng khó chịu với điều trông thấy được, bởi vì chúng đã chạy ngược trở lại và bắt đầu bàn bạc với nhau. Sau đó cả bọn chạy nhào nhào ra bờ phải, còn William Ferney đã bỏ ý định chui xuống tầng một, leo vọt lên tháp.

Các Chàng trai Vui tính chưa đến được bờ phải thì mấy vụ nổ đã làm toi mất năm mươi nhân mạng, cùng lúc phá sập luôn cầu Cung điện và cầu Vườn. Con đường nối với bờ phải bị cắt đứt, các Chàng trai Vui tính chưa đến được cầu lúc xảy ra vụ nổ nhảy ào xuống sông bơi.

Thoáng chốc bãi đáp đã trở nên hoang vắng và nếu không kể đến những tiếng nổ vẫn còn vang lên đều đều thì sự im lặng như tờ đã đột nhiên thay thế cho cảnh rối loạn và ồn ào. Những người bị bao vây ngạc nhiên, không biết phải làm gì. Bỗng một góc của cung điện sập xuống, Marcel Camaret đang làm nốt công việc phá hủy của mình. Phải chạy đi thôi.

Họ chạy ra bãi đáp và vì muốn tìm hiểu nguyên nhân hốt hoảng của các Chàng trai Vui tính nên họ lao ra chỗ lỗ thủng. Họ chưa đến nơi thì bên ngoài tiếng kèn đồng lạnh lạnh đã vang lên. Họ lưỡng lự dừng lại vì không tin vào tiếng kèn giải phóng.

Thế rồi đại úy Marcenay – dĩ nhiên độc giả đã đoán ra anh qua tiếng súng đại bác và tiếng kèn đồng báo tin anh đến – nhìn thấy đám người bất hạnh, xanh xao, kiệt sức, run rẩy vì đói và suy nhược trên bãi đáp.

Khi trông thấy mấy người lính hiện ra nơi lỗ thủng, họ muốn chạy đến nhưng những con người đáng thương đó yếu sức và xúc động đến mức chỉ có thể chia hai tay về hướng các vị cứu tinh của mình và một vài người ngã xuống đất bất tỉnh.

Cảnh tượng tang thương hiện ra trước mắt đại úy Marcenay khi anh dẫn đầu đoàn quân của mình tiến vào bãi đáp. Bên kia sông là khoảng không đồ nát, bốc khói, bên trái và bên phải của đại úy là hai công trình to lớn đã bị phá hủy một phần, trước mặt anh là một quảng trường lớn, phủ đầy hàng trăm xác chết. Ở giữa quảng trường có một nhóm người còn sống. Đại úy Marcenay tiến về chỗ họ. Anh có diễm phúc gặp được người phụ nữ mà anh đi tìm, mà anh muốn cứu thoát trước tiên hay không?

Anh nhanh chóng được miễn nguyện. Trông thấy đại úy Marcenay, Jane Buxton đứng dậy chạy tới anh. Khó khăn lắm đại úy mới nhận ra rằng con người bất hạnh có khuôn mặt xanh xám, đôi má hóp và cặp mắt hốt hoảng này chính là cô gái dồi dào sinh lực mà anh đã từ giã gần ba tháng trước đây. Anh lao đến ôm nàng vào lòng đúng lúc nàng ngất đi.

Trong khi anh cố gắng săn sóc nàng thì vang lên hai tiếng nổ khủng khiếp, làm rung chuyển bãi đáp. Nhà máy và cung điện bị phá tan cùng một lúc. Giữa đồng đồ nát còn trơ lại hai cái tháp cao, chắc và nguyên vẹn. Trên đỉnh tháp cung điện, William Ferney, tám tên quân sư, chín tên đầy tớ và năm tên vệ binh Đen – cả thảy hai mươi tên – đang gặp người trên lan can kêu cứu.

Trên đỉnh tháp kia chỉ có một người. Người đó chạy quanh sân ba lần liền, vừa hét vào không gian những lời khó hiểu vừa vung vẩy cả hai tay. Người đó kêu rất to, dù ở xa vẫn nghe thấy rõ hai lần liên tiếp:

— Khổ thay!... Khổ thay cho Blackland!...

William Ferney cũng nghe thấy những lời nói ấy. Hắn chụp lấy khẩu súng và không cần ngắm bắn ngay sang tháp nhà máy ở cách hắn bốn trăm mét. Viên đạn bắn bừa bãi đã trúng đích: Marcel Camaret đưa hai tay ôm ngực và lao đảo đi vào trong tháp.

Và như gần ngay tức khắc vang lên tiếng nổ đôi, mạnh hơn tất cả những tiếng nổ đã xảy ra trước đó, cùng với tiếng ầm ầm ghê rợn của hai cái tháp đã tung ra từng mảnh, một cái thì chôn vùi William Ferney và đồng bọn của hắn, một cái thì chôn cất chính Marcel Camaret.

Sau tiếng ầm ầm đình tai văng óc là đến cảnh im lặng như tờ. Các khán giả kinh ngạc vẫn lặng nhìn một hồi lâu khi không còn gì để xem, vẫn lắng nghe hồi lâu khi không còn gì để nghe.

Mọi thứ đều đã kết thúc. Blackland đã bị phá sạch bởi người đã tạo dựng nên nó, thành phố chỉ còn là đồng gạch vụn. Công trình sáng tạo tuyệt vời nhưng rủi ro của Marcel Camaret không còn nữa.

PHẦN KẾT

Vậy là Marcel Camaret và William Ferney – hẳn cũng chính là Harry Killer – đã chết. Vậy là thành phố lạ Blackland, được xây dựng bí mật với cả thế giới, đã tiêu tan.

Thành phố chỉ còn là đồng đồ nát mà chẳng bao lâu nữa sẽ biến đi vì bị cát phủ lên. Mây đen sẽ không còn đem đến những cơn mưa tươi mát. Sông Đỏ sẽ cạn đi, đồng ruộng sẽ khô cằn và sa mạc sẽ xóa nhòa những dấu vết nhỏ nhất công việc của con người.

Sự nghiệp của Camaret đã tiêu tan theo ý nguyện của đấng tạo hóa và chẳng còn gì để lưu truyền tên tuổi của nhà phát minh thiên tài nhưng điên loạn cho đời sau.

Đại úy Marcenay đã làm hết khả năng để rút ngắn thời gian lưu lại nơi hoang vắng đó. Nhưng anh phải mất một tháng mới có thể lên đường trở về được vì cần phải chôn cất hàng trăm xác chết, đợi những người bị thương có đủ sức đi và để cho những người được anh cứu sống vào giờ chót bình phục.

Nhiều công nhân không còn được nhìn thấy tổ quốc nữa. Gần hai mươi người đàn ông, ba người đàn bà và hai đứa trẻ đã chết. Song các thành viên của đoàn Barsac gặp may. Trừ Amédée Florence bị thương nhẹ, còn thì tất cả mọi người kể cả Tongané và Malik đều bình yên vô sự.

Trong thời gian những người được cứu thoát an dưỡng và những người bị thương chữa trị, đại úy Marcenay tập trung số dân Blackland đã chạy tứ tung lại. Bọn cướp sống sót đã bị bắt giữ. Những người da đen được trấn an, rồi được đưa đến Niger và bọn họ đã trở về với tổ ấm gia đình.

Sau khi đã thu nhặt lương thực trong đồng đồ nát của thành phố và ngoài ruộng, đoàn lên đường vào ngày 10 tháng Sáu. Vì phải cáng một số chiến thương nên cuộc hành trình bị chậm lại và mặc dù có khó khăn, nó đã kết thúc mà không gặp phải những biến cố nghiêm trọng nào. Sau sáu tuần rời khỏi Blackland, đoàn của đại úy Marcenay đã đến Tombouctou và sau hai tháng nữa các nhân vật của câu chuyện bị đất đỏ đã lên bờ ở châu Âu – một số thì lên ở Anh, một số thì lên ở Pháp.

Cũng cần kể thêm đôi lời cho độc giả biết về số phận tiếp theo của họ. Ông Poncin trở về bộ, bác sĩ Châtonnay lại điều trị cho bệnh nhân của mình. Dân biểu Barsac lại ở viện dân biểu.

Malik và Tongané đã kết hôn với nhau.

Saint-Bérain... Saint-Bérain vẫn thế. Anh câu cá, săn bắn, gọi những người tiếp chuyện rậm rầu của mình là “bà” và phụ nữ là “ông”. Công việc chủ yếu của anh như vậy đó. Song chuyện của Saint-Bérain cũng là chuyện của Jane Buxton và vì chuyện của Jane Buxton liên hệ chặt chẽ với chuyện của Lewis, anh nàng, và đại úy Marcenay nên chúng tôi sẽ kể luôn về số phận của cả bốn người.

Dĩ nhiên là sau khi về đến Tombouctou, đại úy Marcenay lại đề nghị đại tá Allègre cho anh nghỉ phép và lần này anh được chấp thuận chẳng khó khăn gì, anh đi cùng với Jane Buxton, Lewis và Saint-Bérain đến nước Anh.

Trong tháng lưu lại ở Blackland đồ nát, anh đã kể cho vị hôn thê của mình nghe tình cờ bức điện của Marcel Camaret qua làn sóng đã đến với anh như thế nào, anh đã đề nghị đại tá Allègre và bị ông từ chối thẳng thừng ra làm sao. May thay, ngày hôm sau thư trả lời của đại tá Saint-Auban đã đến. Đại tá tuyên bố rằng đó là lệnh giả và chỉ thị đi cứu gấp dân biểu Barsac. Đội biệt phái được tổ chức ngay. Sau khi đi xuôi theo Niger xuống đến Gao, đại úy Marcenay cắt ngang sa mạc và mặc dù gặp nhiều khó khăn to lớn, anh đã đến Blackland đúng lúc.

Vừa mới đặt chân lên nước Anh, Jane và Lewis Buxton, đại úy Marcenay và Saint-Bérain vội vàng về lâu đài Glenor, trước đó họ đã đánh điện về đây.

Gần một năm đã trôi qua kể từ ngày Jane từ già lâu đài. Nàng trở về mỹ mãn, khôi phục danh dự của gia đình mình. Nàng sẽ gặp lại cha như thế nào đây? Liệu cụ già tám mươi tư tuổi có chịu nổi sự xa vắng của con gái, có đứng vững trước nỗi nhục mới khi được tin về vụ cướp ở chi nhánh Ngân hàng trung ương và sự biến mất của người con trai thứ hai hay không? Tuy nhiên, những tờ báo mà trước đây đã gây ra biết bao điều độc ác thì nay bằng mọi cách đang cố gắng sửa chữa sai lầm. Nhờ những nỗ lực của Amédée Florence, sự vô tội của George và Lewis Buxton đã được tuyên bố cho toàn thế giới biết. Nhưng hân tước Glenor đã đọc báo hay chưa và hạnh phúc đến với ông có muộn màng lắm không?

Cuối cùng Jane đã đến và cúi xuống bên giường của ông lão bị bại liệt vĩnh viễn. Nhưng đôi mắt của ông vẫn ánh lên về mình mãi.

Jane Buxton đứng giữa Lewis, Saint-Bérain và đại úy Marcenay, kể cho cha nghe về cuộc hành trình

của mình. Nàng nêu tên các nhân chứng, đưa cho ông xem tờ biên bản được ký bên ngôi mộ ở Koubo, nàng thổ lộ cho cha hay điều mà báo chí vẫn im lặng – đó là lòng thù ghét của tên William Ferney dành cho dòng họ Buxton và những biện pháp mà hắn đã áp dụng để thỏa mãn nó một cách kinh khủng đến thế.

Mọi điều đã rõ ràng. Huân tước Glenor không thể nghi ngờ gì nữa. Nếu như một trong hai người con trai của ông phải hy sinh thì dù sao vinh dự của cả hai đã được cứu vãn.

Ông lão chăm chú lắng nghe, mắt nhìn chăm chăm vào con gái. Khi nàng nói xong, thì máu dồn lên mặt ông, đôi môi run run và toàn thân rung khễ. Ý chí của ông đang chống lại sức nặng của gông cùm trói buộc cái cơ thể suy mòn của ông.

Và ý chí mạnh hơn nên đã thắng! Lần đầu tiên sau bao nhiêu tháng, huân tước Glenor cử động được. Ông bắt đầu nói! Mặt của ông quay về phía Jane và trong khi cánh tay run run của ông lần tìm cánh tay của cô gái can đảm, hiếu thảo, thì đôi môi của ông mấp máy: “cha cảm ơn con!”.

Kể từ giây phút ấy ông như mất đi mọi ý nguyện đối với cuộc sống, ông thờ hất ra, nhắm mắt lại và ngừng thở. Huân tước Buxton đã chết.

Chuyện này đến đây chấm dứt.

Độc giả đã biết về số phận của tất cả các nhân vật. Còn tôi... Thôi được, tôi xin tiết lộ bí mật sớm hơn vậy! Về phần Amédée Florence, anh lại bắt đầu làm việc ở tờ *Expansion Française*, tại đây anh đã đăng truyện ngắn về những cuộc phiêu lưu của mình và đã được ông chủ bút trả giá rất cao. Để nhất cử lưỡng tiện, chàng phóng viên định dùng những chuyện phiêu lưu đó viết thành tiểu thuyết.

Bạn đọc sẽ nói: tiểu thuyết ư? Tiểu thuyết nào cơ chứ? Thì chính cái cuốn mà bạn vừa mới đọc xong đấy thôi.

Là một nhà tâm lý sâu sắc, Amédée Florence lập luận rằng nếu chỉ kể ra những sự kiện có thật thì độc giả sẽ phải ngáp hết cỡ, trong khi cũng chính những sự kiện ấy được trình bày dưới dạng tiểu thuyết thì sẽ lôi cuốn được độc giả.

Và đây, dù hay hoặc dở, dù hấp dẫn hoặc chán phèo, cuốn sách cũng đang ở trước mắt của bạn. Và kẻ đầy tớ ngoan ngoãn của bạn đã có thể ký tên của mình – Amédée Florence, phóng viên của tờ *Expansion Française*.

• Chú Thích •

[1] Rượu trắng

[2] Vỏ sò nhỏ, dùng làm tiền xu ở nhiều vùng châu Phi

[3] Viên trung úy

[4] Chúng tôi không thể xuống được. Ở đây có quá nhiều cây lớn.

[5] Phải dẫn tù binh ra bìa rừng.

[6] Hướng Kour Kossm.